

góc nhìn
sử Việt

Nguyễn Khắc Xương

Nữ tướng thời Trưng Vương

Trải qua hơn hai nghìn năm, lật lại trang sử cũ, thế hệ trẻ thêm một lần nữa được ôn lại tinh thần đoàn kết, chống giặc ngoại xâm quý báu của dân tộc.



Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

Lời nói đầu

THÁNH THIÊN NỮ TƯỚNG ANH HÙNG

LÊ CHÂN TƯỚNG QUÂN MIỀN BIỂN

BÁT NẠN ĐẠI TƯỚNG

NÀNG NỘI TƯỚNG VÙNG BẠCH HẠT

LÊ THỊ HOA NỮ TƯỚNG

HỒ ĐỀ PHÓ NGUYÊN SOÀI

XUÂN NƯƠNG TRƯỞNG QUẢN QUÂN CƠ

NÀNG QUỲNH, NÀNG QUÊ TIÊN PHONG PHÓ TƯỚNG

ĐÀM NGỌC NGA TIỀN ĐẠO TẢ TƯỚNG

THIỀU HOA TIÊN PHONG HỮU TƯỚNG

QUÁCH A TIÊN PHONG TẢ TƯỚNG

VĨNH HOA NỘI THỊ TƯỚNG QUÂN

LÊ NGỌC TRINH ĐẠI TƯỚNG

LÊ THỊ LAN TƯỚNG QUÂN

PHẬT NGUYỆT TẢ TƯỚNG THỦY QUÂN

PHƯƠNG DUNG NỮ TƯỚNG

TRẦN NANG TRƯỞNG LĨNH TRUNG QUÂN

NÀNG QUỐC TRUNG DŨNG ĐẠI TƯỚNG QUÂN

ĐẠM NƯƠNG, HỒNG NƯƠNG THANH NƯƠNG TẢ ĐẠO TƯỚNG QUÂN

QUÝ LAN NỘI THỊ TƯỚNG QUÂN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI GIỚI THIỆU

Các bạn độc giả thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào; việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa chẳng phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và ý thức của từng nhân tố trong từng chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học, không phải là thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Trái lại mỗi sự kiện lịch sử được liên kết chặt chẽ với nhau bằng một sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian.

Dân tộc Việt Nam ta trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, gần 100 năm Thực dân, Đế quốc đô hộ, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, hướng tới tương lai rộng mở mà không ngừng tranh đấu vì độc lập tự do của nước nhà.

Một dân tộc muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn cả là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, nền giáo dục dân tộc có sức mạnh ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên trẻ, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia. Đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo đối với một số triệu đại và nhân vật gây tranh cãi trong lịch sử để đúc rút kinh nghiệm, từ đó hình thành nên một con đường cho thế hệ sau hướng về tương lai cống hiến cho quốc gia, cho dân tộc.

Vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... là những tổ chức đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước. Kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy rằng, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ.

Để chung tay tái hiện những mảnh ghép lịch sử, chúng tôi triển khai dự án xuất bản với tên gọi Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... tạo thành tủ sách Di sản - góp một phần vào việc bù lấp "lỗ hổng lịch sử" đó. Chương trình xuất bản này được thực hiện theo lộ trình ba bước:

- Giai đoạn 1 (1,5-2 năm): Tái bản các sách kiến thức phổ thông về lịch sử, tác phẩm văn học lịch sử có nội dung dễ đọc, dễ hiểu phù hợp với đại bộ phận tầng lớp bạn đọc, với độ dày khoảng 300 trang - Tên gọi Tủ sách Góc nhìn sử Việt.

- Giai đoạn 2: Tái bản những bộ sách đồ sộ, có giá trị nghiên cứu cao, đặc biệt là nguồn tài liệu tham khảo nghiên cứu cho chuyên gia, sinh viên và bạn đọc muốn tìm hiểu sâu hơn về lịch sử văn hóa dân tộc.

- Giai đoạn 3: Triển khai tái bản, dịch và xuất bản mới thư tịch cổ Hán-Nôm.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu!

Tháng 9 năm 2014
CÔNG TY CP SÁCH ALPHA

Lời nói đầu

Một sự kiện lịch sử thật kỳ lạ trong lịch sử Việt Nam và lịch sử các dân tộc trên thế giới: Ngay từ đầu Công nguyên, cả một dân tộc đã vùng dậy theo lời kêu gọi của hai người phụ nữ trẻ tuổi và đã tôn nhiều phụ nữ lên nắm quyền lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang toàn dân để giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Sự kiện đặc biệt trên chỉ xảy ra có một lần trong lịch sử thế giới.

Các nhà nghiên cứu khoa học xã hội sẽ hào hứng và cố gắng tìm hiểu về thời đại thần kỳ đó, thời đại đã xuất hiện những nhà lãnh đạo quân sự, chính trị lỗi lạc là phụ nữ, và về một thể hệ phụ nữ anh hùng.

Nhân dân ta luôn luôn quý mến và biết ơn các bậc anh hùng, ghi nhớ và truyền kể mãi mãi đời này qua đời khác về sự cống hiến vĩ đại đó. Nhân dân ta luôn luôn học tập, noi gương và phát huy truyền thống anh hùng.

Trung nữ vương, vị lãnh tụ kiệt xuất đã được sử sách đời đời ghi chép công ơn. Các tướng lĩnh tài ba tuy chưa được ghi chép trong chính sử, song sự tích kỳ tài của các anh hùng liệt nữ đó đã được tạc trên bia đá, ghi vào thần phả và được nhân dân các vùng truyền tụng mãi mãi.

Nhờ có công cuộc nghiên cứu về Hai Bà Trưng của ngành văn hóa tại Vĩnh Phúc, công đức của các vị nữ tướng quân anh dũng đó đã được sưu tập lại. Dựa vào những tư liệu lịch sử và truyền thuyết dân gian, tác giả đã xây dựng thành những câu chuyện dã sử về từng vị nữ tướng. Từ thời Hai Bà Trưng tới nay đã quá xa xưa, việc nghiên cứu mới chỉ là bước đầu nên chưa có thật đầy đủ tài liệu về quá trình chiến đấu và cả về chức vụ của các vị nữ anh hùng: Lê Chân, Thánh Thiên, Lê Thị Hoa...

Để góp phần phát huy truyền thống anh hùng của phụ nữ Việt Nam, chúng tôi xuất bản cuốn sách giới thiệu hai mươi vị nữ tướng thời Trưng vương. Rất mong các nhà nghiên cứu và các bạn đọc sẽ góp ý để chúng tôi sửa chữa, bổ sung cho những truyện trong sách này, cũng như những vấn đề về truyền thống phụ nữ Việt Nam sẽ tiếp tục được xuất bản.

Nhà xuất bản phụ nữ

THÁNH THIÊN

NỮ TƯỚNG ANH HÙNG

Trong thanh vắng của đêm trăng sông vắng lên tiếng vó ngựa đập mau trên mặt đường. Eo óc gà gáy rộn lên rồi tắt, nhưng tiếng vó ngựa không tắt mà lại càng rõ, càng vội, càng lúc càng gấp.

Trên ngựa, một tên lính đô hộ cúi rạp mình, mặt sát vào bờm ngựa, tay cầm thanh đao to bản và ngắn, sống dày, có đường gờ nổi lên, là kiểu đao thông dụng của quân lính đô hộ trong các huyện miền Hải Đông quận Giao Chỉ.

Chợt có tiếng mõ nổi lên cắt ngang tiếng vó ngựa. Mặt đường ngập trăng, lơ nhố những người cầm giáo và gậy. Có tiếng quát: “Ai đó? Xuống ngựa!”.

Con ngựa chồm lên, hất tung hai vó trước lên trời rồi đập mạnh xuống mặt đất, dừng lại, mũi thở phì phì. Tên lính đô hộ dưới thẳng người trên mình ngựa, cất cao giọng nói tiếng Việt rất sôi: “Cho ta đi, có hỏa bài của Sái huyện úy đây!”

Nghe nói tới hỏa bài của huyện úy, đám người cầm giáo vây kín lấy tên lính đô hộ và tiếng ào ào nổi lên. Tên lính hỏi giọng hách dịch: “Đây là đâu, các anh là tuần dũng làng nào?”. Một người nói buông thõng: “Làng Kèo!”. Tên lính Hán tỏ vẻ vui mừng: “Kèo rồi à? Được, được!”, bèn hất chiếc nón rộng vành xuống đất và nói: “Đây, anh em cả đây, được, hãy cho xin bắt nước đã!”. Mọi người đưa tên lính vào điếm. Ánh đuốc hắt lên.

Một lát sau, tiếng vó ngựa lại rộn vang trong đêm cuối thu trời se lạnh. Ba con ngựa như ba mũi tên lao đi, và một người trong bọn cất tiếng: “Không phải tới Sêu nữa! Tới ngã ba Cây đa, chúng ta rẽ tay phải!”.

Nàng chủ ngồi im lặng, cặp mắt đen láy nghiêm nghị nhìn thẳng vào mắt người lính đô hộ, hay đúng hơn người lính Việt ở huyện mặc bộ binh phục Hán. Nàng chủ lại mỉm cười hiền hậu khi thấy người này không chịu nổi ánh mắt của mình vội cúi đầu xuống. Trầm ngâm một lúc, nàng quay lại nhẹ giọng nói với một nữ vệ quân đứng mé sau: “Em Nắp à, mời Nguyễn đầu mục tới!”.

Người lính huyện không khỏi ngạc nhiên khi thấy Nàng chủ vẫn thản nhiên như không trước một tin quan trọng và khẩn cấp như thế. Trước ánh sáng của những đĩa đèn dầu dọc, khuôn mặt Nàng chủ như vàng mặt trăng hiện ra trong một đêm trời quang đãng, với đôi mày đen nhánh, đôi mắt trầm tư và cặp môi mỏng màu hoa đào.

Người lính có tuổi cúi đầu không dám nhìn lâu khuôn mặt đẹp đẽ ấy, khuôn mặt vừa hiền từ vừa nghiêm trang của người con gái mới mười chín tuổi mà dân trong toàn huyện đều chỉ tôn xưng là Nàng chủ, chẳng ai dám gọi tới tên húy của nàng là Thánh Thiên.

Người con gái ấy mồ côi cả cha lẫn mẹ. Từ năm mười sáu tuổi, Nàng đã cầm đầu dân chúng một vùng, bắt trời diêm quan từ huyện về đòi khám muối các nhà, và chống lại lệnh nộp vải quả, trâu và người làm công phẩm gửi đi Tràng An. Vụ mùa năm ngoái, Sái Ngạc Hoa mang quân tiểu phạt Thánh Thiên, hai lần đánh đều rút giáo quay về.

Nguyễn đầu mục hỏi người lính huyện: “Bác Nhạc à, quan quân từ phủ đô úy về do tên nào cầm đầu?”

“Mã Giang Long, tên này vẫn tự xưng là Hồ Mắt Đỏ, vì hấn tính tình hung dữ mà hay rươi, mắt lúc nào cũng đỏ vằn lên. Trong số tám trăm quân hấn mang về, có đội thân quân chuyên dùng khiên da trâu và đao ngắn là lợi hại hơn cả”. Nàng chủ cất tiếng: “Mã Giang Long, ta vẫn có nghe nói tới hấn. Nhưng hữu dũng vô mưu, hấn cũng không đáng sợ lắm!”. Người lính huyện gật đầu: “Đúng, Mã Giang Long tự cao, hống hách và cậy khỏe, nhưng hấn có một tên mưu sĩ

mặt choắt như mặt dơi, rất thâm hiểm. Tôi chắc lần này chúng dùng kỳ binh đấy, ta chớ coi thường”.

Bác Nhạc đứng dậy: “Tôi phải về. Xin Nàng chủ cẩn thận giữ gìn. Lần đánh này không phải như hai lần trước đâu. Mã Giang Long sẽ cất quân ngay đêm mai và mở trận đánh trước lúc trời sáng”.

Mã Giang Long chỉ huy tám trăm quân từ phủ đô úy về, hợp với năm trăm quân của Sái Ngạc Hoa, chia quân làm ba đạo tiến đánh Thánh Thiên.

Đạo thứ nhất do Sái Ngạc Hoa cầm đầu tiến thẳng đến làng Sêu, là căn cứ của Thánh Thiên.

Đạo thứ hai do Mã Giang Long chỉ huy năm trăm thân binh mở một mũi nhọn bất ngờ thọc vào mặt sau căn cứ.

Đạo thứ ba do phó tướng Chu Bảo Ngọc cầm đầu sẽ đánh vào phía Đông căn cứ, làng Trạm.

Sau khi Sái Ngạc Hoa mở cuộc tập kích bất ngờ thì Mã Giang Long cho bắn tên buộc mỗi lửa vào làng Sêu, rồi đưa thân binh tiến vào dùng đoản đao đánh giáp lá cà quét giết nghĩa quân và dân chúng trong cơn hoảng hốt.

Mã Giang Long hạ lệnh bắt sống Thánh Thiên.

Giặc định đánh bất ngờ nhưng quân ta lại biết trước.

Phán đoán địch đánh đêm tất phải dùng nghi binh, Thánh Thiên bèn rút quân chủ lực về đóng ở Trạm và giao Nguyễn đầu mục cầm đầu một đội nghĩa quân phục ở cánh đồng phía Tây làng chờ khi lửa cháy ở Sêu thì bọc vào đánh Mã Giang Long.

Việc cầm cự trong làng giao nữ đầu mục Ngọc Thuyền.

Lại nói Mã Giang Long thấy tên lửa bắn vào làng Sêu đã gây những đám cháy lớn vội thúc quân tiến mau: trống trận nổi vang trợ oai cho quân Mã xông xáo vào làng. Trong làng, tiếng tù và của nghĩa quân cũng cất lên inh ỏi. Mã Giang Long tiến sâu vào làng chỉ thấy tre đổ ngổn ngang, ngô sâu hun hút, tên từ các ngách bắn ra mười phút trúng chín. Quân Mã chùn lại, đoản đao không gặp địch thủ. Mã đang lúng túng thì thấy Sái Ngạc Hoa hoảng hốt chạy tới nơi: “Chu Bảo Ngọc đã bị Thánh Thiên chém rụng đầu rồi. Quân ta đang bị vây khốn. Tướng quân hãy rút mau, nếu chần chừ sẽ bị nguy hại đấy!”. Sái vừa dứt lời thì Mã đã thấy quân Nam từ ngoài vào, từ trong các ngõ xông ra, quây kín quân Mã. Đội thân binh liều chết mở đường máu đưa Mã Giang Long ra khỏi trận.

Trận đánh này, Thánh Thiên tuy không bắt được Mã Giang Long nhưng đánh bại quân của phủ đô úy. Oai danh Thánh Thiên trăm phần lừng lẫy, dân chúng các nơi đều phấn khởi, hào kiệt xứ Hải Đông tìm đến ứng nghĩa dưới cờ của Thánh Thiên.

Quân Hán tiến đánh quân Nam nhiều trận, chặn các ngã đường, cướp phá thóc lúa, cấm chợ ngăn sông. Thánh Thiên một hôm họp với các đầu mục, nói rằng: “Ta xem vùng này là bình địa, bốn mặt thu địch, nếu đánh lâu tất có cái nguy bị diệt vong. Ý ta muốn tìm nơi hiểm địa lập căn cứ mới, các đầu mục nghĩ thế nào?”. Bàn tán một hồi, mọi người nhất trí đi tìm địa bàn hoạt động mới, tạm rời quê hương. Bấy giờ có Lý đầu mục xin đưa Thánh Thiên về thăm đất ở huyện Bắc Đái (tỉnh Hà Bắc) là vùng Lý đầu mục có nhiều họ hàng và người quen biết.

Mùa thu, Thánh Thiên cùng Lý đầu mục và một số nghĩa quân thân tín đóng vai khách thương quang gánh lên đường, từ biển tìm lên rừng. Chẳng bao lâu, các hào kiệt đã tới vùng đất mới, chỉ thấy rừng tiếp rừng, đồi núi hoang vu, ngàn lau san sát, làng xóm thưa thớt rải rác từng chòm, nhà thì vách nứa, cột lim, lại có những xóm trâu buộc cột nhà, lợn thả dưới sàn. Khi đi đường thỉnh thoảng họ lại nghe có tiếng mõ lốc cốc. Lý đầu mục nói đó là mõ trâu. Không còn thấy nữa những cánh đồng bát ngát, những bến sông tấp nập, những thôn làng trù phú với

lũy tre bao quanh. Cảnh đẹp vẻ hoang sơ, mỗi bước chân đi quang cảnh lại một khác, không bằng phẳng đơn điệu như ở đồng bằng. Thánh Thiên lần đầu tới vùng đồi núi không khỏi ngỡ ngàng, nhưng nàng không chỉ ham mê cảnh lạ mà vẫn suy nghĩ tìm một nơi lập căn cứ có thể công thủ lâu dài.

Một buổi chiều, Lý đầu mục đưa Thánh Thiên cùng các bạn chiến đấu vượt qua mấy quả đồi lau lán bước theo một lối hẹp ven gò. Những bông lau màu tím bạc đọng ánh nắng chiều óng ánh lòa xòa che khuất lối chen với cỏ gianh, cây dại. Mọi người phải lấy tay gạt, dao phát mới đi được. Bước lên một quả đồi hoang trọi chỉ nhìn thấy những tảng đá lớn nhỏ nằm ngổn ngang, mọi người có thể thu được cảnh vật khắp vùng vào trong tầm mắt. Lý đầu mục chỉ những ngôi nhà nhỏ ẩn hiện sau lớp cây rừng xa xa nói với Thánh Thiên: “Đó là Trại Cỏ, người anh em tôi ở đó. Cách Trại Cỏ một thoi đường là Trại Hái và gần đó là Trại Cây Lai. Ba trại này ở theo thế chân kiềng trong lòng rừng núi, gần dòng sông Nhật Đức. Trước kia, nơi đây chỉ có lợn rừng và cọp, sau rồi những người đói khổ, những kẻ tội đồ và các khách giang hồ lục lâm mới tìm đến lập trại. Địa thế vùng này vừa hiểm vừa kín, lại là đầu mối nhiều ngã đường xuôi ngược, dân ở đây thì ngang tàng, thích nói thẳng và ưa sức mạnh”. Thánh Thiên đưa mắt ngắm xem địa thế, lại nghe Lý đầu mục chỉ dẫn, vừa ý gật đầu. Mọi người cùng nhau rảo bước về phía Trại Cỏ.

Tới bên một khe nước lượn quanh co, Thánh Thiên thấy hai người con gái trạc tuổi mình đang bắt cá khe. Những con cá nhỏ vảy đen lượn đặc dưới chân những tảng đá rêu xanh. Một cô cầm cây gậy chọc vào các khe đá dồn cá xuống một cái vũng mà các cô đã lấy đá xếp chặn lại. Cô gái kia nhỏ tuổi hơn, cầm một thứ đồ đan bằng tre xúc lấy cá đổ vào một đồng lá xếp trên bờ. Khi thấy những người lạ đi tới, hai cô ngừng tay chăm chú nhìn. Các cô đặc biệt ngắm nghía Thánh Thiên rồi vụt chạy về phía xóm. Chốc lát nghe có tiếng mõ gõ đồ hồi. Lý đầu mục mỉm cười: “Họ sắp tiếp đón chúng ta đó”.

Thu qua đông tới, khu Ba Trại đã trở thành căn cứ của nghĩa quân Thánh Thiên. Mọi người đốt rừng làm nương, mùa xuân tra hạt, mùa hạ gặt lúa. Nhiều tràn ruộng rộc (1) đã được cuốc và cấy lúa hai vụ. Thánh Thiên cho đi mua trâu về thả hàng đàn, lại đón người về mở xưởng rèn nông cụ và khí giới. Tới khi gặt lúa thu thì quê hương mới của Thánh Thiên đã đông vui. Thánh Thiên tiếp tục mở rộng căn cứ, tích trữ lương thực, một dải núi dài Yên Dũng, huyện Bắc Đái đã trở nên thành lũy kiên cố của những người dân Việt bắt khuất mài gươm rèn giáo chờ buổi diệt thù.

Thánh Thiên có năm đầu mục, trong đó có một nữ đầu mục là Nguyễn Ngọc Thuyền, người cùng họ, hơn Thánh Thiên hai tuổi và bốn vị đầu mục Nguyễn, Lý, Trần, Lê đều đứng tuổi, đã có vợ con. Tối hôm đó các đầu mục được mời đến để tiếp khách ở đại trại. Xôi thơm phụng phức, thịt lợn rừng chấm muối, rượu nếp men lá, đèn đuốc sáng trưng, mọi người chuyên trò thân mật. Khách tự xưng họ tên là Đào Quang Thái, đầu mục của Trần Công. Sau khi nghĩa quân Yên Tử bị đánh thất tán, Đào Quang Thái bị giặc bắt giữ, tra tấn nhục hình rồi đưa vào đoàn phu đi khai mỏ An Bình. Đào Quang Thái xúi giục mọi người đánh giết quan quân áp giải rồi bỏ trốn. Được nghe phong thanh Trần Công đang len lỏi ở vùng rừng núi Yên Dũng, Đào Quang Thái bèn tìm tới vùng này. Khách nói: “Tôi đã được nghe Trần chủ tướng nói về cháu gái là Thánh Thiên. Tôi không ngờ tới đây lại được gặp nữ hào kiệt”. Mọi người vui vẻ nâng chén rồi bàn cách tìm gặp Trần Công.

Một tháng sau, hai cậu cháu Thánh Thiên gặp nhau trong một xóm nhỏ ở Ký Hợp. Cậu nói: “Ta không sợ thất bại, nhưng giặc kia đã đóng kín toàn cõi Giao Châu, đề đầu cưỡi cổ dân ta ngót hai trăm năm. “Trúng trời với đá, khó lắm!”. Thánh Thiên nói: “Ngày nay đâu có phải chỉ có cậu cháu ta dám mưu việc lớn! Chấn chấn nhân dân bất bình, lời hờn căm nói ra miệng. Giặc càng vợ vét càng hà hiếp, nhân dân càng căm phẫn. Bốn bề đang như nồi nước bắt đầu sôi. Không đứng dậy lúc này còn chờ lúc nào nữa!”. Thánh Thiên và Đào Quang Thái ở lại với Trần Công ba ngày bàn tính mọi việc.

Sau đó, Thánh Thiên lại đến đất Ký Hợp bốn tháng cùng cậu xây dựng căn cứ tụ nghĩa, đưa Lý đầu mục đến giúp cậu. Đào Quang Thái cũng về với chủ tướng Thánh Thiên bàn với cậu mộ dân lưu tán vỡ đất làm ruộng lấy lương và tổ chức nghĩa binh. Sau đó Thánh Thiên lại nói với cậu: “Muốn lật đổ nền đô hộ ngoại tộc, phải biết nhẫn nại, dưỡng uy xúc nhuệ chờ thời cơ thuận lợi. Nếu giặc Hán mạnh kéo đến ta chớ khinh địch, tạm lánh đi là hơn. Căn cứ của cậu cháu ta xa nhau, đường sá đi lại khó khăn, xin cậu cẩn thận giữ gìn, khi tán khi tụ, lúc này chưa nên bàn chuyện ra quân vội”. Ông cậu nhất nhất nghe lời. Hai cậu cháu và các vị đầu mục chuyện trò tới khi gà gáy sáng mới thôi.

Giặc Hán hoảng hốt trước các cuộc nổi dậy của nhân dân càng thẳng tay đàn áp. Chúng càng đàn áp nhân dân càng bất bình. Phu khai mỏ, phu chuyển cống phẩm, phu xây dựng thành lũy, dinh thự cho giặc ngày càng bỏ trốn nhiều. Đã xảy ra những vụ táo bạo, phu trói đánh cả quan lính đô hộ rồi bỏ đi cả đoàn.

Thánh Thiên nhận định lúc này phát cờ khởi nghĩa sẽ thắng lợi. Thánh Thiên hội quân với Trần Công ở Ký Hợp. Ngày rằm tháng ba, nghĩa quân tế cờ khởi nghĩa. Trần Công được tôn là Nam Thành Vương và Thánh Thiên được suy tôn là Thiên Nữ. Các vị đầu mục cả nam lẫn nữ đều phong là tướng quân.

Ngày mười sáu, nghĩa quân tiến đánh trại lương của giặc ở chân núi Lạng Thái, giết một viên phó tướng và nhiều lính đô hộ, thu hai chục ngựa chiến và hai ngàn斛 thóc.

Ngày mười bảy, nghĩa quân phục ở đường hẻm Đào Thâu, đánh giết quan quân áp giải, cứu thoát nhiều người bị địch bắt lao dịch, cướp được nhiều trâu mộng và gỗ quý.

Ngày mười chín, nghĩa quân xuôi sông Nhật Đức đánh đồn Tháp Khẩu, là đồn chứa lâm thổ sản của giặc, giành lại nhiều bè gỗ lim, táu và chò hoa cùng các kho móc, mây, nâu, khúc khắc, mật ong, lông trĩ và bảy bộ da cạp.

Nam Thành Vương và Thiên Nữ đánh trận nào thắng trận ấy. Nhân dân các nơi mong mỗi nghĩa quân, tìm theo nghĩa quân, dắt trâu gánh gạo đến dâng nộp nghĩa quân.

Trước những cuộc nổi dậy liên tiếp của nhân dân Âu Lạc, thêm nữa việc bắt tráng đinh, thợ khéo, nô tì và thu nộp cống phẩm của Giao Chỉ để đưa về Tràng đô, đều bị chậm trễ và thiếu hụt, vua Hán nổi giận triệu Thái thú Giao Chỉ về trị tội và cử tên Tô Định sang thay thế.

Tô Định là một tên đại gian đại ác, lòng tham vô đáy. Hắn cho rằng tình hình Giao Chỉ sở dĩ rối loạn chính vì tên Thái thú cũ “mềm” quá, còn chưa hiểu nổi như hắn rằng cái giống “Nam man” (!) côi Lĩnh ngoại này phải trị thẳng tay, phải đàn áp bằng sắt và máu, phải vơ vét cho thật kiệt quệ. Hắn sang Giao Chỉ không có gì đổi mới trong chính sách mà càng đàn áp khốc liệt hơn và bóc lột tàn nhẫn hơn. Hắn bắt hàng vạn phu để xây thêm thành lũy, lập cung lầu tráng lệ; hắn mộ bọn cướp núi, tướng rừng ở hai quận Điền, Quế sang Giao Chỉ bổ sung cho quân lính đô hộ; hắn vét vàng bạc châu báu của các lạc tướng và huyện lệnh người Việt. Phủ thái thú có nhiều đồ quý chất như núi, tiền của như nước. Nô tì của Tô Định có hàng trăm.

Thánh Thiên nhận định rằng Tô Định thế nào cũng cất quân đánh dẹp quân khởi nghĩa, bèn bàn với Nam Thành Vương củng cố lực lượng ở Ký Hợp, còn mình thì về Kinh Môn chiêu mộ nghĩa binh, lập thêm căn cứ và mở rộng hoạt động bên sông Hồng. Thánh Thiên dặn đi dặn lại Nam Thành Vương không được khinh địch và phải đề phòng Tô Định đánh bất ngờ.

Nhưng Thánh Thiên vừa đi khỏi Ký Hợp được ba ngày thì Tô Định thân đem đại quân đến đánh Nam Thành Vương. Gà chưa gáy sáng, quân Tô Định đã ồ ạt tràn vào Ký Hợp. Quân Nam chống lại quyết liệt. Nam Thành Vương bị vây khốn, tử trận ngay trên mình ngựa, tay không rời kiếm. Đào tướng quân tả xung hữu đột, khắp mình thương tích, cướp được xác Nam Thành Vương đặt lên ngựa, đi chân đất múa thanh kích, không cho giặc xâm phạm thi hài chủ tướng. Đào đang trong nguy khốn thì nữ tướng Ngọc Thuyền phóng ngựa tới cùng Quang Thái xông

xáo như hai con hổ dữ giữa đàn dê, cuối cùng đưa được thi hài Nam Thành Vương vào một khu rừng hẻo lánh. Chôn cất cho Nam Thành Vương xong, Đào Quang Thái nghiêng rằng giậm chân mà rằng: “Ta không bảo vệ được chúa công, quân tan chúa mất, còn sống làm gì nữa!”, bèn rút kiếm ngán định đâm vào họng mình. Ngọc Thuyền vội đưa tay gạt kiếm mà nói: “Chết thì dễ, nhưng nếu hiền huynh chết, giặc lại càng mừng, hỏi chết như thế có ích lợi gì hay chỉ mang cái tiếng hèn nhát? Chỉ bằng ta thu thập tàn quân về Kinh Môn tạ lỗi với nữ chủ soái, xin lập công chuộc tội, lấy máu giặc mà trả thù cho Nam Thành Vương chẳng hơn ư!”. Đào Quang Thái nghĩ ra, bèn tạ tội với Ngọc Thuyền, rồi hai người tìm đón các nghĩa quân tản lạc, kéo về ba trại gặp Lý đầu mục.

Khu Ba Trại có tên chữ là Ngọc Lâm, nhưng nhân dân ở đấy vẫn quen gọi là Ba Trại. Ba Trại thoát đầu nằm gọn trong lòng một vùng đồi hoang rậm, ít người biết tới, còn tên Ngọc Lâm là chỉ chung cả vùng này. Ở rừng Ngọc tuy chưa ai tìm thấy ngọc nhưng của rừng thì quý giá vô vàn. Đây thật là nơi anh hùng dụng võ vì địa thế hiểm trở, đường lối quanh co, nhiều trăn lầy trên khô dưới thụt. Lau và cỏ dại mọc đầy. Sông Nhật Đức cuộn cuộn đổ về xuôi lượn sát khu Ba Trại.

Lý tướng quân trấn giữ căn cứ quan trọng này là người mưu trí, quen thuộc thung thổ, được nhân dân địa phương vô cùng quý trọng. Khi tiếp Đào tướng quân và Ngọc Thuyền nữ tướng, Lý tướng quân an ủi hai người, lại khen họ là có công bảo vệ được thi hài chủ soái.

Sau đó, Lý tướng quân giục Đào Quang Thái đi nghỉ vì Đào tướng quân thương tích khắp mình, cơn sốt nổi lên nóng bừng bừng cả người, lại bảo Ngọc Thuyền về ngay Kinh Môn báo tin dữ cho Thiên Nữ được hay.

Thánh Thiên nhận được tin Ký Hợp thất thủ vội đi suốt ngày đêm về Ngọc Lâm. Các tướng ra đón, mọi người bàn ngay việc bố phòng căn cứ. Tô Định đánh xong Ký Hợp, bắt dân chúng chém giết, không từ đàn bà, trẻ nhỏ. Dân chạy trốn tìm về Ngọc Lâm. Các tướng đều căm giận, ai nấy hăm hở xin với Thiên Nữ cho tiến đánh Tô Định. Thánh Thiên đoán chắc Tô Định sẽ thừa thắng đánh Ngọc Lâm luôn, bèn họp các tướng bàn kế bố phòng đợi giặc.

Quả nhiên, Thánh Thiên vừa họp xong với các tướng được hai ngày thì Tô Định mang quân đến Ngọc Lâm cờ giông trống đánh, khí thế nghênh ngang tự đắc. Quân ta đã chuẩn bị sẵn sàng đón đánh Tô Định. Ai nấy đều thề trả thù cho Nam Thành Vương và dân chúng Ký Hợp bị giặc tàn sát. Tô Định đắc chí, khinh địch, đóng quân lại nghỉ, đưa thư cho Thánh Thiên dụ đầu hàng và dọa nếu trái lời thì: “Ngọc đá đều tan, bắt Thiên Nữ dong về hầu hạ!”. Các tướng được thư đều nổi giận bừng bừng đòi mang quân đánh ngay với Tô Định một trận sống mái.

Thánh Thiên bảo với các tướng: “Giặc coi thường ta, thế là ta sẽ thắng đấy. Lúc này mà xốc nổi là hỏng việc. Nay ta đưa thư ôn tồn xin khất một hai ngày nhưng tối nay sẽ đánh ngay vào đại trại bắt sống Tô Định, các tướng nghĩ thế nào?”. Mọi người đều kính phục Thiên Nữ suy nghĩ sâu xa. Thiên Nữ bèn cho người mang trâu rượu đến cửa quân Tô Định xin hạn trong hai ngày sẽ trả lời. Tô Định càng giương giương đắc chí, cho quân mổ trâu sắp rượu, cùng các bộ hạ say sưa chè chén chờ lúc Thiên Nữ đến hàng. Chẳng ngờ tiệc rượu vừa tàn, quân tướng mê mết, cờ trống trể tràng, chột tù và rúc vang, trống khua như sấm, quân Nam bốn mặt ập tới, gươm chém giáo đâm không khác thiên thần tự trời rơi xuống, ma vương tự đất chui lên, tung hoành chém giết, bao nhiêu căm giận bấy giờ trút hết vào đầu giáo, lưỡi đao.

Quân của Tô Định vốn là quân thiện chiến của Trường Sa, Quế Dương, đi với Tô Định trận này lại có Mã Giang Long và đội thân binh của hắn, nhưng vì bị đánh bất ngờ trong khi không phòng bị, tướng say, quân mệt nên Tô Định không sao giữ được cho quân khỏi đại bại.

Mã Giang Long hò hét đội thân binh liều chết chặn đường cho Tô Định rút chạy. Chợt Mã thấy một tướng dùng ngựa sát ngay bên mình, y tròn mắt nhìn thì ra đó là một người con gái mặc võ phục màu đen, ngực mang yếm, ngoài bọc hộ tâm kính bằng đồng chạm hình đầu hổ. Nữ tướng mày cong mắt xếch, lấm liệt uy phong, tay vung đôi kiếm. Mã đưa đao chặn kiếm, quát hỏi: “Mày có phải là con hổ dữ Thánh Thiên đó không?”. Nữ tướng dựng ngược mày ngài, nói: “Ta là Ngọc Thuyền đây. Nữ chủ soái ta đâu có để gươm bắn máu hạ mày. Trông đây!”. Chỉ

thấy gương lòe ánh chớp, bảo đao của Mã Giang Long rơi ngay xuống đất. Mã vội rút kiếm bên sườn nhưng kiếm chưa ra khỏi vỏ, đầu Mã Giang Long đã rụng bên chân ngựa.

Bấy giờ các tướng của Thánh Thiên phần chấn thần oai chém giết quân giặc thể như chẻ tre, như ngã rạ đồn địch về bên sông Nhật Đức.

Cuộc hỗn chiến bên sông diễn ra vào lúc trời tờ mờ sáng. Máu giặc loang đỏ mặt sông.

Trận này, Tô Định thoát chết. Về được phủ thái thú, y ốm nằm liệt giường suốt ba tháng.

Sau trận đại phá quân Tô Định ở Ngọc Lâm, Thánh Thiên lại về Ký Hợp, xây mộ dựng bia cho cậu là Nam Thành Vương Trần Lộ. Thánh Thiên dựng đồn đắp lũy, lại mộ thêm quân, trữ lương thực, xây dựng căn cứ Ký Hợp thành một căn cứ quan trọng. Tiếng tăm Thánh Thiên lừng lẫy cả quận Giao Chỉ. Khắp hai huyện Long Biên, Bắc Đái bọn quan quân đô hộ nghe nhắc tới Thánh Thiên là tái mặt, rụng cổ, nhón nha nhón nhác.

Từ Ký Hợp, Thánh Thiên đem quân đánh phá các đồn trại của địch. Tô Định, sau trận Ngọc Lâm, chỉ có mình ở phủ thái thú. Suốt từ đó cho tới khi y bị Hai Bà Trưng đánh bại ở Luy Lâu phải chạy về Nam Hải, y không bao giờ cầm quân ra trận nữa. Y giao mọi việc tiểu phạt các đạo quân khởi nghĩa cho phủ đô úy và các huyện lệnh, huyện úy. Y chỉ phát lệnh và ngày càng vơ vét cho đầy túi tham, càng đắm mình trong các cuộc truy hoan càng làm đổ máu nhân dân vô tội.

Quan quân đô hộ cũng không còn tên nào dám lần đến Ngọc Lâm và Ký Hợp⁽²⁾.

LÊ CHÂN

TƯỚNG QUÂN MIỀN BIỂN

Người con gái ấy tóc đen như mun, lông mày đen nhánh và có nước da hồng như hoa phù dung. Người con gái ấy dáng đậm và chắc. Tên nàng là Lê Chân.

Nước biển xanh màu rêu. Nhưng Lê Chân nghĩ rằng biển đã hòa nước mình với máu của con người. Máu những người Âu Lạc đã đổ ra tan trong sóng biển. Đứng giữa những tảng đá lớn như bầy voi quây quần, Lê Chân nhìn không chớp mắt người con trai vừa bị sóng biển đánh dạt vào.

Người ấy chống tay, cố gượng dậy. Lê Chân đỡ lên, cho ngồi tựa vào tảng đá, rồi nàng bước lên một mỏm đá cao, khum bàn tay kề miệng và cất tiếng hú.

Hú tới tiếng thứ ba thì có tiếng hú xa đáp lại.

Những người mới đến đều đeo vòng tai bằng đá, cả trai và gái. Họ cởi trần, cầm lao nhọn. Họ đưa người mà biển cả mang đến cho họ đặt vào một hốc đá rộng, lấy cỏ khô đốt lửa lên, và yên lặng chờ. Từ lúc đến theo tiếng hú của Lê Chân, họ cứ lặng lẽ làm, không ai nói một tiếng.

Người của biển là một anh con trai lực lưỡng, trán có một vết sẹo nằm chéo từ chân tóc bên phải tới đầu lông mày trái. Tay người ấy có dây buộc, loại dây chèo dùng buộc thuyền lớn. Một bên chân hơi teo. Khi người ấy bắt hơi lửa ấm, mở mắt ra nhìn xung quanh, cặp mắt đen thẫm ngơ ngác, đượm vẻ lo sợ.

Mọi người vút thêm cành khô vào đồng lửa, lửa bốc cao, lửa nhảy nhót và mọi người đều thấy vui. Chàng là một trong số những người bị bắt đi mò ngọc trai, đi đánh cá mực và tìm san hô cho chúng. Họ đang làm ở đảo Ngọc, và tám người lừa khi biển động và gió mùa từ phương Đông Bắc thổi về đã rủ nhau trốn trong đêm qua.

Lê Chân bảo mọi người xung quanh:

- Hãy đưa người của biển về làng của chúng ta. Anh ấy sẽ ở lại và là người của làng!

Làng mới chưa có tên. Từ ngày làng đặt chiếc cột đầu tiên trên nền cát cho tới hôm nhận được người của biển đưa vào vừa tròn ba tháng. Tối hôm đó, làng họp nhận người mới và đặt tên làng. Họ đặt tên làng là An Biên, vì An Biên là tên làng cũ của họ và cũng là của chủ làng bấy giờ: Lê Chân.

Làng mới ven biển chỉ là sáu túp lều nhỏ, cột lều, mái lều là những thân cây, cành cây còn nguyên vỏ hoặc đẽo sơ sài. Làng nằm dựa rừng, núp vào rừng và đá lớn, và cát trắng làng, gió mặn thổi suốt ngày đêm qua làng, sóng biển ì ầm không bao giờ dứt tiếng hát với làng, nói chuyện với làng, ru làng ngủ và đánh thức làng dậy, gọi làng ra với biển.

Biết bao nhiêu công việc của một làng mới, và việc quan trọng nhất là làm ra lương ăn. Nơi đây chỉ có cát và sóng biển, có đá và cây rừng. Núi đá phủ cây từng mảng chạy ra biển như muốn chặn đứng biển lại. Biển tung sóng mạnh quật vào đá, thách thức.

Người con trai được Lê Chân cứu tên là Vạn. Vạn thuộc các mùa cá biển, các loại cá biển như Lê Chân thuộc các gỗ rừng, cây rừng ở quê cũ Đông Triều núi cao, rừng già. Lê Chân giao cho Vạn hướng dẫn mọi người đóng thuyền đóng mảng, ra lộng ra khơi, may buồm và dệt lưới. Lê Chân nói với mọi người: "Biển cả sẽ nuôi chúng ta như mẹ hiền nuôi các con mình".

Mười tám người dân làng toàn người trẻ tuổi nói với Lê Chân:

- Làng ta ít người quá! Ít người thì không làm gì nổi. Làng ta không có người già. Không có người già là không người dạy dỗ nên khôn.

Lê Chân nói:

- Các người nói đúng. Chúng ta hãy về quê cũ rủ về đây họ hàng và những người khổ cực. Chúng ta hãy tìm đón những người của biển đưa đến và tiếp đón tất cả những người trốn tránh, lang thang.

Ngày tháng qua, những túp lều mới mọc lên. Ban đêm có tiếng chó sủa, sớm mai có tiếng gà gáy. Buổi chiều, trẻ con ríu rít đi đón lưới. Quanh làng trồng khoai, trên núi trồng lúa. Tết năm ấy, Lê Chân nói với mọi người: “Chúng ta ăn ba cái tết ở đây rồi. Làng ta đã ba tuổi. Năm đầu, tết không có bánh nếp và thịt lợn. Bây giờ chúng ta có cả”. Mọi người đều vui và một cụ già nhất làng nói: “Nàng chủ đã dựng nên làng này từ năm nàng mười chín tuổi. Nàng là người vất vả nhất trong chúng ta, người lo nghĩ nhất làng, người con gái tài giỏi của rừng và biển. Sớm mai làng hãy ra khơi đánh mẻ cá đầu năm mừng tuổi chủ làng và lấy may cho cả làng”.

... Mười chín chiếc buồm in hình đen thẫm trên nền trời xanh. Chân trời đông hửng dần màu đỏ lửa và da cam. Mặt biển chuyển từ đen sang xanh lam như màu da trời. Trời biển một màu xanh thẫm. Đoàn thuyền cưỡi sóng ra khơi.

Cụ già nhất làng đã nói đúng. Lê Chân là người vất vả và lo nghĩ nhất làng, nhưng Lê Chân còn là người kiên nghị nhất. Khi 18 người trai gái theo nàng tới đây, họ chỉ thấy cát trắng và sóng biển. Cát và sóng biển thờ ơ với họ, và hình như còn đe dọa họ. Sống ở nơi đây? Bằng cách nào?

Một vụ đói đã qua và thiếu đói kéo dài. Không có lúa, không có thịt và muối. Cát và núi đá không cho họ gạo. Biển cả bao nhiêu cá và cửa chìm nhưng nó đòi trả bằng máu con người.

Những lúc khó khăn, Lê Chân ngồi bên bờ sóng và nghĩ. Nàng thấy những con dã tràng xe cát ngày đêm không mỏi. Những con vật tí ti, da màu cát ấy không sợ sóng biển hung dữ cứ xóa đi, xóa mãi những công trình của chúng. Những con vật tí ti ấy không chịu thua biển cả. Và hóa ra chính là biển cả đã nhọc công mất sức vì không thắng nổi chúng, những con dã tràng bé tí tẹo.

Biển động, nuốt bớt số dân ít ỏi của làng mới. Mùa lúa nương đầu tiên không thu hoạch nhiều được vì lúa không có thức gì ăn. Bão biển kéo đổ những túp lều mảnh dẻ và xóa đi màu xanh của khoai và bí mới trồng.

Những người ở làng mới nhớ quê cũ, làng xưa, nhớ mùi rơm thàng chín, mùi cỏ thàng giêng, nhớ làn khói trên những mái tranh và những cánh cò trắng liệng nắng lóa sáng.

Thế nhưng họ vẫn theo Lê Chân. Người con gái chủ làng nói với họ về những con dã tràng bé tí tẹo và nói lên những món nợ máu phải tính toán với quân đô hộ ngoại tộc. Họ theo Lê Chân và sẽ theo nàng tới cùng trời cuối đất bởi vì họ không thể sống chung một bầu trời với kẻ thù.

Và những người cũ ở làng mới kể với những người mới đến về người con gái là chủ làng.

... Nàng đẹp và khỏe. Mùa xuân, con trai các nơi tìm đến hát với nàng và nàng thì chẳng hát với trai nào. Nàng chỉ hát một mình và hát với các bạn gái của nàng. Khi sáu người con trai không nhắc nổi đòn khiêng một cây thủy tùng, nàng ghé mình vào và cây gỗ nhẹ đi trên vai những người con trai lực lưỡng. Có ai cây nhanh hơn nàng? Và có ai gói bánh chưng ngày tết khéo hơn nàng? Bánh tết nàng gói tròn như ống mai ống vầu, đường sống lá chạy thẳng tắp chia đôi chiếc bánh. Nàng ngủ khi con cọp bắt đầu lần rừng và nàng thức dậy trước khi con gà chuồng gọi mặt trời dậy.

Hãy nhìn nàng đi săn. Chiếc áo màu lá rừng bó sát người và chiếc váy ngắn gọn sóng trên đầu gối, tay nàng cầm lao và lưng đeo lao. Khi tiếng tù và rúc lên, nàng dẫn đầu đoàn người săn, bước chân thoăn thoắt. Theo hiệu lệnh của nàng, những chiếc lưới mở ra, và con thú hồng hộc chạy, con lợn rừng nhanh sắc như mác xông thẳng vào nàng. Nàng chạy xuống mé chân rừng và ngoắt mình lại phóng một mũi lao. Lưới khép lại. Đấy, nàng là người đã dử con thú vào lưới và phóng mũi lao đầu tiên đánh ngã thú. Mọi người nháy và hát quanh con vật bị thương. Con lợn rừng có đôi nhanh sắc như hai lưới kiếm nằm chềnh ềnh như một quả gò.

Các tên quan đô hộ trong địa hạt đều biết tiếng nàng và lui tới nhà nàng. Nhưng chúng biết

rằng cộp dễ bắt hơn nàng. Và chúng “tâu” với Tô Đình về Lê Chân, người con gái đẹp nhất Đông Triều, tóc đen như mun, mày đen như cánh nhạn và nước da hồng như hoa phù dung.

Khi viên thừa sai phủ thái thú đến đưa lễ vật và nói với ông Lê Thái Bảo xin nàng về “hầu hạ” quan thái thú, ông đã khéo léo lựa lời từ chối. Ba tháng sau Lê Thái Bảo bị bắt và bị giết. Lê Chân trốn được. Nàng tới mộ mẹ khóc lóc khẩn xin mẹ phù hộ cho trả được thù nhà và cùng những người thân tín ra đi...

... Đoàn thuyền ra khơi đầu năm đã trở về. Biển trao lễ vật cho đoàn thuyền đem về đưa nàng, người con gái kiên cường, người chủ làng anh hùng đang mài giáo cho sắc.

Nhà ở đây mái chằm gần sát đất, cửa ra vào ở đầu chái nhà. Cả làng chung một giếng. Lưới giếng quanh làng và ban ngày làng quạnh vắng, chỉ chiều mới đem lại tiếng ồn ào, tiếng người và ngọn lửa ấm cúng. Nhưng làng mỗi ngày một đông vui hơn và bây giờ là năm thôn năm giếng nước ngọt. Nhà chủ làng ở thôn Giữa, bốn thôn Đông, Nam, Đoài, Bắc vây xung quanh. Thôn Bắc có lò rèn, thôn Nam vá lưới. Nhà chủ làng có treo đôi mồi trên vách và trống da trâu bên cửa. Làng có một ngôi đình nhỏ mái tranh thờ chung cả Sơn thần và Ông cá voi. Tháng giêng làng mở hội có đấu vật, trai gái kéo dè (kéo co), tung quả còn qua vòng tre. Giết trâu tế thần, chủ làng tung búa cho trai làng cướp đánh đầu trâu, mổ trâu lấy da làm nồi nấu thịt.

Chủ làng lo mọi việc. Lo mở rộng làng, lo cho làng thêm người, thêm của. Cái lo nhất lúc này là lo đối phó với kẻ thống trị dị tộc.

Trên chiếc bản đồ ở huyện trị An Đông, giặc ghi “An Biên trại” và chúng tìm đến trại An Biên.

Có phải từ nay trai làng lại phải lui tới ở năm ở tháng trên các hòn đảo xa vắng để mò ngọc trai, săn cá biển và tìm san hô, sò huyết nộp cho kẻ thù?

Có phải từ nay trai làng phải leo lên những vách đá cheo leo heo hút chìa ra biển để bắt những ổ yến về cho giặc tiệc yến phè phỡn với nhau trên xương máu của dân mình?

Có phải từ nay lại phải nộp lúa nộp mình cho giặc? Và những ai sẽ phải rời bỏ An Biên đi theo đoàn cống phẩm vượt nơi “phân mao cỏ rễ” về tới Tràng An?

Bọn chúng sẽ lại mò tới An Biên, nhâng nháo, hạch sách, nạt nộ, tìm cách vét của hiếp người!

Con trăng mùa xuân treo cao trên bầu trời yên tĩnh gọi nước triều lên. Triều dâng ào ào cuộn sóng xô bờ. Đêm rộng vang tiếng biển. Tiếng biển cả đầy ngập không gian...

Lòng Lê Chân lúc này còn xao động hơn biển lớn. Lê Chân vừa là người chủ làng lại vừa là người thủ lĩnh. Khi nàng mới lần đầu đặt chân tới đây, nàng chỉ gặp biển lớn và cát trắng. Ngày nay An Biên đã có lúa có khoai, có trâu có lợn, có bãi xú, có thuyền đi khơi, có mảng đi lộng.

Nhưng nàng đến nơi đây không phải là để trốn kẻ thù mà là để đánh chúng.

Đánh bằng cách nào?

Đã năm năm nay, từ khi lễ mờ mẹ và khẩn vong cha ra đi, nàng vẫn nghĩ tới điều đó. Trả thù cho mình và cho nhân dân bằng cách nào?

Câu hỏi nóng bỏng đó lúc này như ngọn lửa cháy đỏ trong đầu óc những người có trách nhiệm ở An Biên.

Sau khi bàn đi tính lại, mọi người đồng lòng cử cụ Hạp, cụ già bảy mươi tuổi có đôi lông mày trắng như bông và có nước da đỏ như đất nung làm chủ làng thay Lê Chân để giao dịch với các quan chức của giặc. Lê Chân là con gái, gặp bọn kẻ cướp hiếp sức tham lợi hàng ngày rõ ràng là không tiện.

Cụ già Hạp chỉ là người đứng ra giao dịch với giặc, còn mọi việc quyết định vẫn do Lê Chân.

Và một đội nghĩa dũng quân ra đời do Lê Chân đứng đầu với một chức mà dân tự đặt ra để phong cho Lê Chân: Đô Lĩnh! Cái chức ấy không thấy có trong hệ thống các võ chức hiện hành. Trong công việc hàng ngày, mọi người vẫn gọi Lê Chân là chủ làng hay chủ tướng.

Nghĩa dũng quân của An Biên ra đời chỉ có ba mươi một người trong đó có tám cô gái khỏe mạnh được chọn làm nữ vệ quân. Em gái họ Lê Chân là Lê Ngà, con ông chú cũng ở trong số này. Còn những nghĩa quân nam đều là những người được chọn tuyển lựa kỹ càng, vừa gan dạ, vừa khỏe mạnh.

Bây giờ Lê Chân phải lo cho nghĩa quân tập dượt, lại lo gạo cho làng ăn lâu dài. Nghĩa quân vẫn đi biển, vẫn cắt sù nhưng tối tối lại cùng nhau tập vật, tập đao, tập múa khiên, tập đánh gậy.

Họ tập rất hăng, rất say và họ dạy lẫn nhau, ai biết thế nào dạy thế ấy.

Lê Chân lo nhất là khoản gạo. Đánh giặc lâu dài phải có gạo. Làng biển không có gạo, vẫn lấy cá đổi gạo. Lại còn phải tìm một chỗ nào cho nghĩa quân ẩn nấu, bởi không thể đem cái làng biển An Biên nhỏ bé và trống trải này ra để chọi nhau với giặc.

Còn dân làng? Dân chỉ thấy sung sướng khi đội nghĩa quân của mình ra đời. Đêm nào dân cũng đến xem “quân mình” tập, dân hỏi lòng hỏi dạ nhìn “quân mình” khỏe biết bao, nhanh nhẹn biết bao và mọi người trăm trăm khen anh này lẫn khiên khéo, anh kia có đường gậy mới kín làm sao! Lê Chân sợ việc lộ, bèn ra lệnh cho dân không được xem “quân mình” luyện tập nữa và nói rõ cho mọi người biết phải kín đáo như thế nào, phải cẩn thận như thế nào mới có thể chống chọi được với kẻ thù hung ác và xảo quyết.

Làng biển lúc này vừa phải chống đỡ với những yêu sách những nhiễu của giặc, vừa lo tìm cách đánh giặc và phòng giặc đánh.

Chính Lê Chân, người chủ làng gái hai mươi hai tuổi phải gánh những mối lo nặng nề đó.

Và cả làng cùng lo với Lê Chân.

Gió biển gầm suốt đêm. Gió mặn cuồng loạn chạy bốc cát cuộn mù trời và cát đập rào rào vào những túp lều mái úp sát đất. Gió thổi ù ù như có hàng ngàn chiếc cối xay đang cùng quay tít. Gió thổi thốc thốc quét, gió lồng lên, gió hồng hộc chạy, rít lên, xoáy tít rồi quật mạnh.

Biển nữa, biển cũng giận dữ bốc sóng, sóng vỗ tung trời.

Không gian chuyển động, trời đất rung lên.

Và rồi bình minh đến trên những xe mây hồng phớt, da cam và đỏ lửa. Nào ai nhớ đích xác tiếng gầm dữ tợn của gió mặn và biển cả tắt tự lúc nào? Có lẽ tất cả cảnh tàn phá và nỗi hoảng sợ đêm qua chỉ là một giấc mơ? Trời rất trong, biển rất xanh, và đàn hải âu lại tung những chiếc cánh trắng đùa với sóng biển.

Nhưng đâu có phải là cơn ác mộng! Kìa làng biển đổ sập, úp sập, chìm ngụp trong gió bão, làng biển nằm kia, tơi tả...

Bình minh đã ngạc nhiên biết bao khi ánh sáng trong trẻo hiền hậu của mình gặp những mái nhà bị quăng xa, bị xé ra, những con người ướt át, lấm láp, bơ phờ, mắt trĩu lo âu, mắt tối sầm giận dữ.

Lê Chân tóc chảy xõa trên lưng, tóc ướt bết vào lưng, Lê Chân người chủ làng kiên cường ấy lúc này đứng giữa đổ vỡ, lòng không khỏi bàng hoàng.

Nàng vắt tóc, vuốt cho tóc hết nước và búi tóc lên đỉnh đầu. Nàng đi đi lại lại cắt đặt công việc và cùng mọi người thu dọn. Vài con trâu chết đã được mổ thịt và thui ngay để làm lương khô. Một miếng lương khô như thế đối với họ lúc này quý vô cùng.

Họ lại dựng làng. Và những con dã tràng màu cát bé tí ti cũng lại lẳng xăng vê cát làm những căn nhà tí teo của chúng.

Con người không chịu thua thiên nhiên. Họ không chịu như những con dã tràng cứ để cho thiên nhiên phá mãi những công trình của mình. Họ học tập tính kiên nhẫn lạ lùng của dã tràng và khác hẳn với dã tràng là họ quyết làm cho những công trình của họ có thể chống được với tàn phá của thiên nhiên.

Làng mới lại cười với nắng biển, gió biển, làng mới lại ấm tiếng người, hơi người. Làng trồng cây ngăn gió, trồng rất nhiều cây. Làng làm nhà chạy dọc với chiều ngang bờ biển để bớt sức gió phá. Mỗi nhà có một cái hố nhỏ, và các vò, ché đựng lúa, đỗ được đặt xuống đó.

Đội nghĩa quân lại ra đi, đi để đón giặc bằng những mũi giáo của cắm thù.

Nghĩa quân tìm giặc mà đánh. Sức còn mỏng, nghĩa quân không thể đánh thành lũy và đồn trại kẻ thù. Nghĩa quân đón những con đường giặc đi, đón những đoàn chuyển lương chuyển thuế, những đoàn cống phẩm, những đoàn giải tù, giải phu mà đánh.

Giặc tiến qua một khu rừng trúc. Đi đầu là một toán lính đô hộ cầm giáo dài, mang cung tên. Xe vận tải đi theo sau chở toàn lúa mới, chúng chuyển về huyện thành. Một tên hộ tướng cưỡi trên mình ngựa tay cầm đại đao đi quãng giữa và rồi lại xe, lại lính.

Chúng tiến sâu vào rừng trúc, mệt mỏi, vội vã. Chúng thúc giục và quát roi vào mình những người phu đẩy xe. Tên tướng cưỡi ngựa mắt gườm gườm nhìn quanh.

Chúng không sợ hãi gì. Rừng này không có thú dữ và vùng này vẫn là vùng an toàn. Dân đói kéo nhau đi ăn cướp thì không dám dạt dột xông vào đoàn quân lương của huyện, vả lại những toán cướp đường như thế ở vùng này cũng chưa có bao giờ.

Nhưng bỗng tiếng hét, tiếng hò reo cất lên vang dậy, tù và rúc inh ỏi và những người mai phục từ mặt đất bốc lên, lao tới vùng giáo mác, lia đao xông thẳng vào đoàn lính áp lương. Chỉ chốc lát, tên tướng đô hộ đã nằm lăn trên mặt đất. Bọn lính còn sống sót chạy thục mạng.

Ba chục xe lúa mới về với nghĩa quân cùng hơn trăm người phu áp tải.

Đó là trận đầu, chiến công đầu của làng biển, chiến công đã làm nức lòng những con người nung nấu căm thù bao lâu nín nhịn. Chiến công ấy có lẽ chỉ là chiến công nhỏ nhưng nó đã mở đầu một cuộc vùng dậy của những người bị áp bức, cuộc vùng dậy đầy sức mạnh căm thù của những người dân Âu Lạc miền duyên hải quật cường.

Từ làng này sang làng khác, từ những làng ven biển vào tới những động và trại trong núi, người ta kể với nhau những chuyện thần kỳ về Lê Chân, người con gái anh hùng và về đoàn quân dũng mãnh của người con gái đó. Trận này tiếp trận khác, đoàn quân Lê Chân ngày càng dày dặn trong chiến đấu, ngày càng lớn mạnh và giống như biển cả không bao giờ lặng sóng, đoàn nghĩa quân không bao giờ nghỉ bước chân chiến đấu của mình.

Giặc khiếp hãi Lê Chân. Chúng đặt cho Lê Chân một cái tên: "Con cá kình biển Đông". Cá kình tung sóng quấy mình, nên đô hộ của giặc miền duyên hải rung rinh chao đảo và như ngụp chìm dưới những làn sóng mạnh.

Dưới ngọn cờ Lê Chân, nhân dân miền biển vùng dậy.

Bây giờ thì không phải chỉ là một đội quân nhỏ bé ba mươi một người mà là gấp mười lần như thế và rồi lại gấp trăm lần như thế.

Lê Chân bây giờ không còn nữa những nét non nớt trên gương mặt trẻ trung. Da nàng đã đen sạm vì gió biển, nắng biển. Gương mặt nàng gầy đi và nghiêm nghị trầm tư qua bao cuộc chiến đấu gian khổ.

Nghĩa quân đi nơi này nơi khác, đi đến những làng ven biển và những trại trong rừng. Đã nhiều lần, nghĩa quân bị giặc vây lưng ráo riết, phải đào củ dền củ rạng để ăn. Làng An Biên bị giặc vây quét, lưng sục, bắt bớ, phá phách. Nhưng biển cả có bao giờ lặng sóng?

Nhiều chúa động và chủ làng tìm đến xin quy phục Lê Chân. Vạn và Nga trở nên những phó tướng được sĩ tốt yêu kính. Lê Chân đã tổ chức được quân doanh chia làm năm đạo: tiền, hậu, tả, hữu và trung quân. Thực ra thì chưa bao giờ cả năm đạo cùng được họp mặt, mà chỉ có các vị đốc lĩnh các quân là được gặp nhau.

Mùa xuân năm ấy, Lê Chân chỉ huy các quân vây đánh thành châu Bản Lập, chém giết và bắt hơn một nghìn quân tướng đô hộ. Nghĩa quân chiếm giữ thành trì.

Những người con của làng biển An Biên, những người lính chiến đầu tiên của nghĩa quân vùng biển Đông xúc động chảy nước mắt khi thấy nữ soái của mình đứng trên tướng đài, tươi cười nhìn cả năm quân chính tề trong ngày đại lễ.

Những người con của làng biển An Biên thấy nữ chủ tướng cười, với những giọt nước mắt long lanh trên gò má. Họ biết rằng cũng như họ, nữ chủ tướng Lê Chân vụt nghĩ đến cái làng nhỏ bé với sáu cái lều con ven biển, nghĩ đến đội nghĩa quân đầu tiên ba mươi một người thiếu áo mặc, thiếu lương ăn, nghĩ đến những ngày đào củ trong rừng, những đêm biển gầm phá tan những chiếc mảng của những con người tìm sống trên biển cả.

Và họ còn biết rằng cũng như họ, lúc này nữ chủ tướng nghĩ đến những người lính chiến đã ngã xuống, máu thịt gửi đất chiến trường chẳng bao giờ còn trở về được để dự lễ mừng công.

Những người đã đổ máu đào vì đất nước ấy sẽ cùng theo Lê Chân bước vào những trận đánh mới cho tới khi nước Âu Lạc lại trở về với người Âu Lạc⁽³⁾.

BÁT NẠN ĐẠI TƯỚNG

Trang Phượng Lâu là nơi gò rậm đầm sâu, nằm bên bờ sông Lô thuộc cố đô Văn Lang cũ. Thời Tô Định nhà Đông Hán làm thái thú quận Giao Chỉ, Phượng Lâu trang thuộc châu Bạch Hạc.

Phượng Lâu có nhiều đầm hồ, khe suối quanh co trong một vùng cỏ cây rậm rạp, đồi nọ tiếp gò kia, nhà dựng trên đồi, đá xếp thành bậc. Nhà nào cũng có dăm bảy ống nước dựng đầu nhà. Dân trồng lúa tẻ lúa nếp ở các trền ruộng lầy, và bắt cua kiếm cá, bẫy thú, đào củ mà sinh sống. Con trai con gái lớn lên, mùa xuân rủ nhau hát đối từng đôi, ưng ý nhau thì con gái đưa con trai về nhà mình mời trà cau và hát ở nhà.

Vũ Công Chất là hào trưởng ở Phượng Lâu, được giao quyền trông coi mười hai trang trong hạt, đầu nhà treo chiếc trống lớn mặt da trâu, tang gỗ mít, mỗi khi có việc, gõ trống một hồi là dân làng đến cùng làm. Nhà có người hầu trai, người hầu gái, có chó để săn và giữ nhà, có ngựa để cưỡi.

Hào trưởng họ Vũ lấy Hoàng Thị Mầu, người cùng trang lại cùng tuổi, thương yêu nhau đầm thắm, hợp ý đẹp lòng, ăn ở với nhau rất hòa thuận.

Vũ Công biết nghề thuốc, thường đi xa nhà hàng tháng tìm kiếm lá thơm, rễ quý ở các vùng, dạo gót khắp ba mươi sáu châu hái thuốc và chữa bệnh.

Mọi việc nhà cửa cũng như việc các trang vẫn giao phó cho vợ lo liệu. Vũ Công thường đến làm thuốc ở Mãn Châu. Một hôm đi hái thuốc, Vũ Công gặp một tòa cổ miếu tường đổ mái xiêu, nôi hương lạnh ngắt, rêu phủ xanh thềm. Vũ Công đang tần ngần với cảnh, chợt thấy có một lão ông quắc thước gánh bó củi đi tới, mới vái chào lão ông và hỏi chuyện về tòa cổ miếu. Lão ông đặt gánh củi cùng ngồi nói chuyện, nhờ thế họ Vũ được biết đây chính là miếu thờ Sơn Tinh công chúa húy Ngọc Hoa, là vợ Sơn thánh Tản Viên. Miếu này xưa kia vẫn được tiếng là linh thiêng, nhưng trải qua nhiều phen biến loạn, dân cư phiêu bạt nên miếu cũ cũng hoang tàn. Vũ Công than thở hồi lâu rồi nhờ ông lão đưa đến gặp người trang trưởng và các cụ trong dân, ngỏ ý muốn được cùng làng trùng tu lại ngôi miếu. Mọi người nghe nói đều mừng. Bấy giờ Vũ Công bỏ tiền, cùng với người trưởng trang xây dựng lại tòa miếu, lại tạc một pho tượng Sơn Tinh công chúa để thờ.

Gió thu thổi vàng cả cây lá, rồi đông tới với những làn gió lạnh đờn về. Vũ Công từ biệt Mãn Châu trở lại bản hương, dân làng vui mừng đến thăm hỏi, cũng có người đến để nhờ chữa bệnh. Bà Hoàng Thị Mầu cũng mừng vì thấy chồng vẫn khỏe mạnh, lại tìm kiếm được nhiều thuốc quý để cứu chữa cho người bệnh tật ốm đau.

Một đêm, Vũ Công nói chuyện với vợ về việc sửa miếu tô tượng thờ Sơn Tinh công chúa ở Mãn Châu, vợ vui lòng nói rằng: “Công chúa tên húy là Ngọc Hoa, là con gái đức Hùng Duệ Vương, lại là vợ của Tản Viên Sơn thánh là thần núi Ba Vì, tài cao phép lạ, có công lớn giúp nước yên dân. Nay ta trùng tu miếu Vũ Công chúa cũng là để bày tỏ tấm lòng kính nhớ tổ tiên vậy”. Vũ Công gật đầu cho là phải, vì tấm lòng Vũ Công vẫn luôn nhớ tới các Vua Hùng và căm giận giặc Hán cướp nước.

Hai vợ chồng đang nhỏ to trò chuyện, chợt nghe có tiếng gọi ở cổng rằng: “Xin mời Vũ Công ra bến sông mà đón bè gỗ”. Ông bà nghe gọi còn đang ngỡ ngàng thì lại nghe có tiếng nói sang sảng đưa đến: “Vợ chồng Vũ Công chớ có hồ nghi, ta là bộ hạ Sơn Tinh công chúa được lệnh đem đến cho người một bè gỗ quý và một người con gái tài sắc hơn đời, người mau ra mà tiếp nhận!”. Vũ Công bèn bảo gia nhân đốt đèn đuốc, cùng nhau ra bến sông, quả nhiên có bè gỗ nằm trên bờ, mỗi cây gỗ đều lớn tày ô. Khi hai vợ chồng trở về đang ngồi nói chuyện, chưa hết lạ lùng, lại có tiếng người con gái thỏ thẻ rằng: “Mẹ ơi, mở cửa cho con vào với!”. Vừa lúc ấy, vụt có bóng một người con gái mặc áo màu hoa sen bước vào nhà, nhào vào lòng bà Hoàng

Thị Mầu rồi biến mất.

Sau đó, bà Hoàng Thị Mầu mang thai, đủ chín tháng mười ngày sinh được một gái trắng trẻo, xinh xắn. Không những hai vợ chồng Vũ Công mừng rỡ mà dân các trang bản xung quanh vùng cũng đều đến chia mừng. Vũ Công đặt tên con là Thục.

Thục nương càng lớn càng tươi đẹp, da như vỏ trứng, má hồng môi thắm, mắt sắc mày cong, dáng người mềm mại như cây liễu mùa xuân. Tới năm mười sáu tuổi, Thục nương nhan sắc như bông phù dung buổi sớm, sách đọc chỉ một lượt là thuộc, kiếm múa như gió thổi hoa bay, mỗi khi ra ngoài ai nấy đều tôn sùng là “nữ tiên hạ thế”.

Thục nương thường ưa thích ngồi thuyền dạo chơi trên sông Lô, có khi mở lưới quăng chài cùng các bạn gái, có khi vừa chèo vừa hát, tiếng hát ngân nga trên mặt sông. Một dải sông dài trong xanh, những cánh buồm phồng gió xuôi dòng như đàn bướm trắng khổng lồ đùa nắng. Đôi ba bè gỗ từ thượng nguồn về trôi lờ lờ chậm chạp, một chiếc cò trắng duỗi thẳng chân lượn theo rồi lại vỗ cánh bay về phía lũy tre làng. Trên doi cát bạc, mấy chú bồ nông đứng im lẳng nghiêm trang dường như nghĩ ngợi điều gì. Đôi bờ xanh ngắt vang tiếng gà gáy chó sủa, thướt tha những làn khói thổi cơm chiều bay lên rồi loãng dần và tan vào màu xanh của bầu trời mát dịu. Vào mùa cá, trai gái vừa buông lưới vừa hát đối với nhau. Mùa thu trăng tỏ, trai gái ngồi dưới bờ tre cùng hát. Thục nương rất ưa thích hát đối và mỗi khi nàng cất giọng, mọi người đều ngơ ngẩn lắng nghe. Nàng nhanh trí nên trong cuộc hát đối, các chàng trai vẫn phải chịu thua không tìm được lời hát lại.

Thục nương cũng thích đua trái trên sông. Tay chèo mạnh, mái chèo đập nước, Thục nương lại hò một câu hò ngắn và các bạn nàng lại cất tiếng “huê” vang để giữ nhịp tay chèo:

Thuyền ta - “huê”!

Rẽ sóng - “huê”!

Cò trắng - “huê”!

Bay vòng - “huê”!

Dòng sông - “huê”!

Xanh ngắt - “huê”!

Ta bắt - “huê”!

Con trôi - “huê”!

Ta lôi - “huê”!

Con chếp - “huê”!

Tiếng hò mỗi lúc một gấp, những chiếc thuyền gỗ dài mình, nhọn mũi vùn vut trôi. Các bạn trai chẳng chịu thua con gái, cố sức cho trái vượt, không kịp nghĩ câu hò, chỉ hò gấp một điệu: “ơi khoan – huê!”, “hò khoan – huê!”, “ơi hời – huê!”, “là khoan – huê!” ... Mỗi tiếng hò là người lại ngả về sau, mỗi nhịp “huê” là người lại cúi rạp về phía trước, mái chèo đẩy sóng, bọt nước bay tung.

Một ngày, Thục nương cùng các bạn gái đập trám trên một gò cao, các cô nhặt những quả trám đen bỏ vào những chiếc giỏ tre nhỏ. Vũ Công đi thăm người bệnh về nhân thể tạt qua rủ con cùng trở lại nhà. Chợt mọi người cùng nhìn thấy ở con đường nhỏ bên kia đầm nước có một người con gái trạc tuổi Thục nương, gương mặt tròn trắn bầu bĩnh, mặc áo lụa xanh, yếm tơ vàng, cưỡi con ngựa đen nhánh, bồm bay như mây tủa. Những người đi theo nàng đều cầm giáo vác lưới, khiêng một con nai lớn, đàn chó hung hăng nháy nhót theo chân. Người con gái ấy nét mặt nghiêm trang mà tươi tắn, thoạt nhìn thấy nàng, Thục nương đã đem lòng yêu mến, bèn hỏi cha: “Nàng đó là ai?”. Vũ Công nói: “Đó là Nàng Nội, con gái yêu của quan chủ trưởng châu ta đây”. Thục nương nói: “Người con gái ấy quả là xinh đẹp, nhưng không biết có tài cán gì không?”. Vũ Công nghiêm mặt mà rằng: “Con nói những lời kiêu ngạo, không xứng đáng với

nền nếp nhà ta. Vả lại Nàng Nội là gái anh hùng, tài đức ấy con sao sánh kịp. Nàng là con gái quan trường châu ta đây. Ngài là người uy vũ hơn đời, ân đức trùm khắp, thương dân như con, lại dòng dõi lạc tướng. Nếu nàng đến nhà ta, cha sẽ phải mở rộng cửa giữa tiếp đón, còn con thì chỉ được tằm trầu, mời nước mà thôi". Thục nương biết mình lỡ lời, mặt đỏ bừng, không dám nói nữa.

Vũ Công thương yêu con gái rất mực, nhưng ông không nuông chiều thả lỏng mà luôn nhắc nhở con phải khiêm tốn, thành thực, giữ gìn phẩm giá, kính người già, đở người yếu. Thục nương được sự dạy dỗ của cha mẹ nên được mọi người quý trọng vì nét cũng như yêu mến vì tài.

Một hôm, có ba chiếc thuyền cập bến Phương Lâu, người dưới thuyền lên bờ, con trai đều chít khăn đầu rìu màu đỏ, thắt lưng đỏ, con gái đều mặc áo màu yếm lụa, các cụ già chống gậy, ve vẩy chiếc quạt cọ. Đoàn người hỏi thăm đường về trang trại Vũ Công. Có hai người đội hai mâm trầu cau đi trước, hai người khiêng rượu theo sau. Vũ Công đón tiếp vui vẻ, lòng có ý mừng, vì đó là Phạm Danh Hương đã cùng gia đình đem coi trầu đến cầu hôn Thục nương. Phạm Danh Hương là con vị hào mục cai quản mười ba trang ở Nam Chân, bên kia sông, chính quê ở Liệt Trang, Vũ Công đã qua đó làm thuốc nên có quen vị hào mục và biết Phạm Danh Hương. Phạm lang năm ấy tuổi ngoài hai mươi, hình dung tuấn tú, văn võ tinh thông, nghe tiếng Thục nương là khách anh tài, hiền hòa đức độ nên đến đặt trầu cau đàm hỏi. Khách ở lại ba ngày, chủ khách tâm đồng ý hợp. Thục nương tằm trầu cánh phượng ra tiếp, thấy Phạm lang mày xanh mắt sáng, nói năng từ tốn, cử chỉ khiêm cung nên cũng vui lòng ngỏ lời kết ước. Hát đúm ba đêm, con gái cất lời hát trước, ném chiếc khăn tay bọc trầu cau và một đồng tiền cho con trai. Con trai bắt lấy quả đúm hát đối lại và ném trả quả đúm cho người con gái. Theo lệ, trai gái đính hôn phải hát với nhau, người con trai giữ lấy quả đúm, mở ra ăn miếng trầu và trao lại cho người con gái miếng trầu khác. Nếu người con gái cũng ăn trầu là coi như việc hôn nhân đã đính. Từ ngày ấy, Thục nương bắt đầu dệt vải, may chăn thêu áo, chờ mùa thu sang năm qua sông về làm vợ Phạm lang. Có hào mục họ Trần cũng lại cầu hôn với Thục nương. Hào mục họ Trần năm ấy đã bốn mươi, nhà giàu nổi tiếng ở châu Bạch Hạc, trong nhà có ngà voi, sừng tê, lông công, lông trĩ treo kín vách, quế thơm chất đầy hòm, trầu thả hàng đàn, thóc chất đầy hàng vựa. Trần cậy mình có của nên đến hỏi Thục nương, mặc dù biết Thục nương đã hứa hôn rồi. Vũ Công lựa lời từ chối, họ Trần mang lòng oán giận, lấy việc bị từ hôn làm điều sỉ nhục, ngày đêm nghĩ cách trả hờn. Họ Trần bèn kết thân với bọn quan Hán, rồi xin được gặp Tô Định, hết lời ca tụng sắc đẹp Thục nương. Tô Định nghe lời họ Trần, tâm thần mê mẩn, muốn được giáp mặt Thục nương để xem hư thực thế nào. Một hôm, Tô Định cùng một bọn quan quần giả làm khách buôn, ghé thuyền vào bến Phương Lâu, xin yết kiến Vũ Công. Vũ Công tiếp đón tử tế. Thục nương mời trầu nước rồi lui gót. Tô Định mới được gặp Thục nương trong chốc lát mà đã hồn xiêu phách lạc, bèn nói với bọn quan theo hầu rằng: "Người con gái này nếu không phải là Hằng Nga nơi cung Quảng thì cũng là tiên nữ chốn Bồng Lai, ta quyết phải đón nàng về phủ. Cùng nàng vui thú như Ngô vương với Tây Thi mới thỏa tấm lòng!". Ở Phương Lâu hai ngày, Tô Định cáo từ ra về, lập tức ra lệnh triệu Vũ Công tới phủ thái thú. Vũ Công nhận lệnh không rõ có việc gì mà phủ thái thú lại gọi đến mình, nhưng cũng phải thu xếp theo viên sứ lên đường ngay. Tới nơi, Tô Định mở tiệc đón mừng, tôn Vũ Công ngồi ghế trên. Vũ Công nhận ra Tô Định chính là khách buôn người Hán vừa ghé nhà mình, lòng càng lo ngại, từ chối không dám ngồi trên. Tô Định lại cho Vũ Công được ngồi ngang mình rồi trong tiệc rượu ngỏ ý xin Thục nương để lập làm phu nhân. Vũ Công giật mình đặt chén mà rằng: "Tiên nữ xấu xí đã nhận lời kết hôn với con vị hào mục ở Nam Chân rồi". Tô Định đưa lời ép buộc, Vũ Công một mực chối từ. Tô Định nổi trận lôi đình, truyền đánh chết Vũ Công, lại cho lệnh triệu ngay cha con hào mục Nam Chân về hầu. Khi Phạm Danh Hương và cha vừa tới nơi, Tô Định thét quân dưới trướng lấy gậy đánh chết cả hai cha con, lại phát lệnh cử một đạo quân về Phương Lâu trang bắt lấy Thục nương đưa về thành phủ.

Viên nha tướng phủ thái thú đem hai trăm binh mã về tới Phương Lâu vây kín các ngõ, rồi nói với bà Hoàng Thị Mâu và Thục nương rằng: "Quan thái thú cho bản chức đón Thục nương về phủ lập làm phu nhân. Hiện Vũ Công vẫn lưu lại ở phủ chờ Thục nương để cho cử hành hôn lễ". Cùng hôm ấy, có một người nhà đi theo hầu Vũ Công từ phủ thái thú trốn được về bèn đem

hết mọi chuyện tàn ác của Tô Định ra nói, vừa nói vừa khóc. Mẹ con Thục nương nghe tin ngắt đi mấy lần, vật mình nức nở. Có người hầu gái thân tín thưa rằng: “Giặc đóng quanh nhà, chờ sáng mai đưa Nàng về phủ. Lúc này không phải là lúc than khóc, xin Nàng mau tính kế thoát thân”. Thục nương nghe ra, bèn nuốt đau ngậm hờn, truyền cho người nhà lên đưa mẹ ra khỏi trang tìm nơi ẩn náu, còn mình thì nai nịt gọn gàng, kiếm cầm tay, cho mời viên nha tướng vào nói chuyện. Viên tướng Hán đang cơn say rượu chệnh choạng bước vào, liền bị Thục nương phóng kiếm, đổ vật xuống đất. Thục nương múa kiếm cùng gia nhân phá vòng vây. Giặc hò nhau đuổi, tình thế rất gấp. Thục nương truyền cho gia nhân rẽ sang ngã khác rồi một mình lên theo đường tắt ra sông, may gặp chiếc thuyền nhỏ bên bờ, liền chèo thuyền thả xuôi dòng nước. Lúc ấy mặt trời đã lặn. Thuyền trôi vùn vụt trong đêm, tới khoảng canh tư thì dạt vào bến. Thục nương bước lên, thấy vài chiếc lều quán chợ lại rào bước vào phía trong gặp một tòa miếu cổ, cửa miếu hé mở, liền vào ẩn trong miếu.

Gà vừa gáy sáng, chợ đã có người đến họp. Vài người đi chợ sớm rẽ vào tòa miếu, thấy có vết máu, kinh lạ nhìn lên thượng cung, thấy một cô gái ngồi phục ở đấy. Cô gái thấy có người, đập kiếm mà rằng: “Giặc Tô tới đây, nhất định phải chết!”. Những người đi chợ sợ hãi kêu to lên, mọi người đổ tới vây kín lấy miếu, bàn tán xôn xao. Có một cụ già tiến lên nói với cô gái: “Chúng tôi là dân làng đây, đều là dân làm ăn lương thiện, làm gì có giặc Tô nào ở đây. Còn nàng từ đâu đến?”. Thục nương bèn từ thượng cung bước xuống. Mọi người nhìn xem thấy là một người con gái xinh đẹp, tuổi trạc đôi mươi, hai tay cầm hai thanh kiếm, áo quần còn rây vết máu, ai nấy đều lạ lùng, cất tiếng hỏi thăm. Thục nương nghe hỏi, nước mắt trào ra, nói rằng: “Tôi là người ở trang Phượng Lâu, châu Bạch Hạc. Giặc Tô tham sắc, muốn bắt tôi về hầu hạ nó, nhưng tôi là gái đã hứa hôn, khi nào lại chịu làm điều sỉ nhục ấy. Tô Định bèn giết cha và chồng tôi. Tôi chém tướng phá quân, một mình về được tới đây, không ngờ lại được các cụ dân trang chào hỏi. Nếu như giặc Tô theo đến, tôi quyết cùng chúng một trận sống mái”.

Dân chúng nghe nói, đều căm giận giặc Tô tàn bạo. Mọi người đón nàng về, thay nhau chăm sóc. Được vài tháng, nàng nói với dân trang: “Làm con không rửa được thù cha, làm vợ không trả được thù chồng, làm dân không báo được thù nước, sao có thể sống mà không hổ thẹn! Tôi xin cải trang tu ở chùa làng, rồi sẽ định liệu”. Ông hương trưởng nghe lời nàng nói cũng vui lòng hăng hái bàn với ông từ chùa cho nàng gọt tóc niệm Phật nương mình nơi cửa thiền. Từ đó, Thục nương là một vị sư nữ đạo cao đức trọng, tuần rằm mừng một lễ bái đèn nhang, nơi nào có người mời đi cúng lễ dù gần hay xa nàng đều vui vẻ nhận lời, dựa vào các dịp đó mà tìm gặp những người có chí.

Thục nương thường đến thăm hỏi các cụ già, được các cụ tin cậy, quý mến. Một hôm, Thục nương mời ông hương trưởng và vài cụ phụ lão tới chùa dự lễ dâng hoa cho Phật vào buổi tối, rồi giữ mọi người lại, đóng chặt cửa Tam Quan, cùng nhau bàn tính những chuyện lộ ra có thể mất đầu: dựng cờ nghĩa đuổi giặc nước. Có một cụ già nói: “Đuổi giặc Hán ra khỏi bờ cõi, dân ta lại làm chủ nước ta, ai mà chả muốn. Làng này toàn người tốt cả. Việc nhà chùa muốn bàn chắc được dân nghe đấy!”. Ông hương trưởng thông thả nói: “Đàn là dân nghe, nhưng làng ta đây người thừa ruộng mỏng, cả làng chỉ vài chục nóc nhà, đói thiếu quanh năm, làm thế nào đánh đuổi được giặc?”. Thục nương nói: “Điều đó tôi đã nghĩ tới rồi. Có mấy việc ta phải lo trước. Phải làm sao cho có người có của đã rồi mới nói chuyện tụ nghĩa được”. Mọi người cùng bàn tán với nhau, tới canh ba mới chia tay.

Sau hôm ấy, làng đón các phường châu về buôn bán, lại đón các ông lò rèn về đánh dao đánh rựa bán đi các nơi. Nhờ có lò rèn và chợ trâu, người qua lại Tiên La ngày thêm đông, Tiên La mới chiêu tập dân lang bạt các nơi về, chia đất cho, gọi là “cho một mũi cày” lấy đất bãi bồi bên sông mà chia. Những dải đất sỏi vẫn bỏ hoang nay xanh ngắt chuối mía, khoai ngô. Từ đó, Tiên La mỗi ngày một thịnh vượng, xóm làng sầm uất, trên bến dưới thuyền, đời sống nhân dân cũng nhiều phần khấm khá hơn trước, cũng là nhờ công sức của Thục nương cả. Dân làng bảo nhau: “Trời cho dân ta được Thục nương về đây. Không có Thục nương làm gì có được quang cảnh này”. Dân một lòng một dạ tin theo Thục nương.

Thục nương lại bàn việc khởi nghĩa với ông hương trưởng và các cụ. Người già vui lòng chống gậy đi các nơi nói với gái trai các trang, các sách, nói với người đánh cá quanh năm bằng

bềnh sông nước, nói với người cày ruộng đầu năm chí tối xối mồ hôi trên luống đất, nói với những người không nhà không cửa, lẩn lóc quán chợ, đầu đình, nói rằng: “Ở Tiên La có nữ thần quan được trời cho xuống cứu dân ta đấy. Khổ cực quá rồi! Bà con ta hãy đến Tiên La theo nữ thần quan mà cứu lấy thân, cứu lấy nước!”. Các cụ lại nói với các hào trưởng rằng: “Dân đây không thuộc quyền các ông. Của cải, ruộng nương nhà các ông không thuộc quyền các ông. Quan Hán khinh rẻ hiếp đáp các ông. Sao không theo nữ thần quan ở Tiên La mà đứng dậy?”. Tiên La trang chẳng bao lâu đã là một trung tâm tụ nghĩa mà ngôi chùa cổ ở bên sông gần bến, gần chợ đã trở thành sở chỉ huy của nghĩa quân vậy. Bấy giờ các làng bên sông đều tích trữ quân lương, tụ họp trai tráng, mua ngựa sắm thuyền, rèn gươm chứa giáo, chỉ chờ dịp nổi lên giết giặc. Mùa thu, nghĩa quân họp lại dưới cờ Thục nương đã được trên một ngàn, thanh thế lẫy lừng. Thục nương dựng cờ khởi nghĩa, tự xưng là Bát Nạn đại tướng quân.

Bọn thống trị Hán giật mình kinh sợ, đem quan quân tới Tiên La đánh dẹp nghĩa quân. Bát Nạn đại tướng quân đánh với giặc, lúc ẩn lúc hiện, giặc vây nơi này thì nơi khác nổi lên, giặc không những không dẹp được Tiên La mà còn bị nghĩa quân đánh thua nhiều trận. Dân chúng khắp nơi theo về với Thục nương ngày càng đông.

Lại nói Tô Định cai trị cõi Nam Giao, tham tàn có một, bao ngược không hai, dân chúng đâu đâu cũng một lòng oán hận. Hào kiệt bốn phương chống kiếm đứng dậy kể có hàng trăm, gái trai các nơi nghiêng răng mài giáo kể có hàng ngàn, thiên hạ như nổi nước đang sôi sùng sục.

Cháu ngoại các Vua Hùng là nàng Trưng Trắc ở Mê Linh cùng với em là Trưng Nhị dựng cờ đại nghĩa, truyền hịch khắp trong nước, giục giã mọi người mau mau nổi dậy đánh đuổi giặc Hán tham tàn, giành lại non sông, lật đổ ách đô hộ tàn bạo của dị tộc, cùng mưu một cuộc sống an vui, một cảnh đời thái bình, thịnh trị.

Trưng nữ chủ nghe tin Thục nương khởi nghĩa ở Tiên La nhiều lần đánh quân Hán phải chạy dài, liền cho sứ đem hịch đến vờ. Thục nương tiếp sứ đọc hịch, lòng còn băn khoăn nghĩ ngợi, lưu sứ lại để còn suy tính trước sau. Bấy giờ Thục nương cho mời các nam nữ đầu mục, một số các cụ phụ lão và hương trưởng các trang lại, cùng bàn xem có nên đem quân theo về với Trưng nữ chủ. Có người nói rằng: “Sức ta đã mạnh, giặc Hán có hung bao mấy lần đến đánh ta đều phải tan chạy. Sao ta lại phải cấp giáo phụ vào với người? Và lại Bát Nạn đại tướng quân cũng là bậc anh hùng ở đời, lo gì không hoàn thành được nghiệp lớn”. Mọi người bàn cãi xôn xao. Thục nương ý cũng chưa quyết bề nào. Lúc ấy có một cụ già râu tóc bạc phơ, mình gầy vóc hạc, mắt sáng như chớp, đứng dậy từ tốn mà rằng: “Lão nay chỉ một Tết nữa là trời cho một trăm tuổi thọ, chưa bao giờ thấy anh hùng độc trụ mà thành. Và lại nhà Hán cai trị nước ta gần hai trăm năm, dũ tợn ngang ngược, quân đóng kín đất Giao Chỉ, ta lấy sức một người đuổi sao nổi giặc, chống sao lại được triều đình của Hán đế? Ấy cũng vì hiểu cái lẽ ấy nên Trưng nữ chủ mới nêu sáng danh nghĩa dòng dõi Hoàng vương mà tập hợp anh hùng, kêu gọi dân chúng cả nước thất dãi đồng tâm, nhất tề nổi dậy. Lão xem cứ một việc ấy đủ biết Trưng nữ chủ trí lự sâu xa, hào kiệt trong thiên hạ không ai sánh nổi. Nay nếu ai chỉ biết phân nấy, mạnh ai người ấy đánh, thử hỏi giặc kia mà bẻ dũa từng chiếc thì liệu dân chúng Giao Chỉ bao giờ mới ngóc đầu dậy được?”. Mọi người nghe cụ già nói đều nín lặng bồi hồi. Thục nương cũng như người ngủ mê chợt tỉnh, vái lão trượng mà rằng: “Lời nói của lão trượng như vén mây mù cho chúng tôi được thấy trời quang. Nếu không có lão trượng, tiện nữ này làm lỡ việc lớn mất!”. Thục nương bèn tiếp sứ giả long trọng, rồi truyền lệnh mổ trâu giết lợn khao quân, chọn hai mươi ba cô gái khỏe mạnh, dũng cảm ở Tiên La làm quân túc vệ, lại cho nữ binh đều mặc nam trang. Phiên chế đội ngũ chỉnh tề xong xuôi, Thục nương cưỡi ngựa kéo quân đến bãi yết Trưng nữ chủ. Trưng nữ chủ đẹp lòng khen ngợi, phong Thục nương làm Đại tướng quân trưởng lĩnh tiền đạo. Thục nương lại xin được gặp Nàng Nội. Lúc này, Nàng Nội giữ ấn tín binh phù và cờ lệnh của Trưng nữ chủ, cũng dự bàn việc quân cơ. Khi gặp Thục nương, Nàng Nội tiếp đón thân thiết, thăm hỏi ân cần rồi bảo với Thục nương rằng: “Ta với nàng đều mang thù sâu với Tô Định, nay may được gặp Trưng nữ chủ phất cờ đại nghĩa, bốn bề theo về, chính là một dịp may cho chúng ta đấy. Nàng cầm đầu đạo tiền quân, phải gắng sức lên!”. Thục nương cung kính vâng lời, khi lui ra nói với các tướng cùng quê rằng: “Cha ta xưa nói đúng: ta không thể bằng người ấy được”.

Sau lễ tế cờ ở Hát Môn, đạo tiền quân của Thục nương cũng cờ đào mở gió, giáo gươm sáng quắc lên đường. Nghĩa quân tới đâu, dân chúng đều nô nức dắt díu nhau đón chận hai bên đường, vui mừng gánh gạo dắt trâu để làm lương cho quân cứu nước.

Đẹp xong Tô Định, Trưng Trắc lên ngôi vua, phong Thục nương làm Bát Nạn đại tướng quân Trinh Thục công chúa. Sau lễ khánh hạ, Thục nương giữa triều quỳ gối tâu với Trưng vương rằng: “Hạ thần vì giặc Tô Định giết cha, giết chồng mà dấy binh khởi nghĩa, nay nhờ được uy đức của bệ hạ đã trả được thù nhà, đền được nợ nước, xin dập đầu trước bệ bái tạ quân vương. Nay nước được thanh bình, xin bệ hạ cho kẻ hạ thần được trở về quê quán tế cha tế chồng và thăm mẹ già cùng quê hương bản quán”. Vua Trưng khen Thục nương là người hiếu nghĩa, chuẩn tấu cho về thăm mẹ, lại ban cho xe loan, quân hầu, thị nữ cùng vàng ngọc lụa là. Sau khi vua Trưng bãi triều, Thục nương lui gót về cung sở thu xếp hành trang rồi cùng quân gia về ngay trang Phượng Lâu. Tới quê hương, Thục nương cho đón mẹ về, lại mời các phụ lão đến chuyện trò thân mật rồi mở hội ba ngày. Nhân dân các trang đều đến chúc mừng, bày các trò vui đánh vật, bơi chải, hát đúm, tung cầu. Vài hôm sau, Thục nương sang thăm Liệp Trang. Thục nương cho thiết lập cung sở ở Phượng Lâu rồi xuôi thuyền về Tiên La. Nhân dân Tiên La vui mừng mở hội đón rước. Thục nương ở lại Tiên La nửa tháng, bàn với các cụ mở mang thêm rộng chợ, trồng thêm dâu tằm, lại bàn việc tu sửa chùa chiền, đền miếu. Xong xuôi mọi việc, Thục nương về triều bái yết Trưng vương. Trưng vương yêu mến Thục nương, tuy là nghĩa vua tôi mà thực ra thì đối với Thục nương như tình ruột thịt.

Mã Viện vâng lệnh Hán để cầm quân sang đánh chiếm Giao Chỉ. Trưng vương cử các tướng đón đánh quân Hán ở các ngã. Thục nương lại cầm quân đuổi giặc, nhiều trận thắng lớn. Quân Hán thua, rút về biên giới. Thục nương được vua Trưng xét công, gia phong cho làm Điện trưởng nội thị phu nhân, được ra vào nơi cung điện, lại cho phép được về nghỉ một tháng ở quê nhà. Một hôm nhân dịp làng ăn mừng cơm mới, Thục nương mời các phụ lão vào cung sở dự tiệc xôi mới. Đang lúc vui vẻ, có người khách nói rằng: “Nghe tin Mã Viện được viện binh lại chia đường tiến vào nước ta, hiện quân ta đã đón giặc ở biên giới”. Thục nương nghe nói, ngay hôm ấy nai nịt, cưỡi ngựa lên đường vào triều tâu với Trưng vương xin được ra đánh Mã Viện.

Thục nương mỗi khi ra trận, đầu đội mũ trụ cài lông trĩ, mình mặc áo giáp bạc mặt hổ, cưỡi con ngựa ô truy đeo 18 chiếc nhạc lớn bằng đồng, đầu ngựa kết bông đỏ, oai phong lẫm liệt, dung mạo tươi thắm, tướng Hán trông thấy giật mình nói rằng: “Không ngờ Nam man lại có tướng ngang tàng như thế”. Thục nương múa kiếm phóng ngựa xông vào đánh với tướng Hán, trống trận vang trời, chỉ một hồi chém tướng Hán đầu bay khỏi xác.

Thục nương mỗi khi giáp trận đều cải nam trang, giáp trụ uy nghi không để cho giặc biết được hình tích của mình. Tới trận không nói một lời, xông thẳng vào tướng giặc nhanh như chớp, khí thế như núi đổ, như sao băng, vì thế thường lập được công lớn.

Có lần Thục nương theo phò Trưng vương ra trận cự với đại quân của đại tướng Hán là Tổ Hoài Đức. Trận ấy diễn ra quyết liệt, hai bên đều ra sức đánh, quân Hán đã núng thế, chợt chúng biết quân Trưng vương là nữ binh liền hô nhau xông vào mà vật. Nữ binh lúng túng mất thế tiến công vừa đánh vừa lui.

Thục nương múa song kiếm giao chiến với Tổ Hoài Đức. Đánh được hồi lâu, Tổ Hoài Đức đưa mâu hất rơi mũ trụ của Thục nương, tóc Thục nương liền sổ tung như mây tủa. Tổ Hoài Đức lúc ấy thấy tướng Nam môi thắm má hồng, ánh mắt long lanh, tóc xanh như lá liễu, thật muôn phần óng ả yêu kiều, chợt hiểu là nữ tướng, ngậy ngật mà nhìn, đường mâu lơ lửng bị Thục nương đưa một nhát kiếm vào sườn. Tổ Hoài Đức kinh hoàng giật ngựa chạy lùi, còn Thục nương cũng vội đem quân tìm Trưng vương để phò giá.

Sau trận ấy, Tổ Hoài Đức ngờ ngẩn tâm hồn ngày đêm mơ tưởng sắc đẹp Thục nương, bèn truyền lệnh khắp nơi, ai bắt được Thục nương thưởng trăm nén vàng và sẽ được tâu xin ban tước Thiên Hộ hầu.

Thục nương lui về Tiên La. Lúc này vua Trung đã tử tiết. Mã Viện dặt lại quân huyện, đánh dẹp các nơi quân ta còn đóng giữ và đem đại quân tiến sâu vào đất Cửu Chân đuổi đánh các tướng của vua Trung còn chống cự. Thục nương nung nấu căm hờn mưu tính dựng lại nghiệp lớn, giữ vùng Tiên La hàng chục dặm trải tám tuần trăng rằm giặc vẫn không quét nổi. Một đêm vào ngày mười tám tháng ba, Thục nương đang đi tuần trên sông, chợt thấy Tiên La lửa bốc ngút trời, vội cho thuyền vào bờ, vừa đặt chân lên bến, một tướng giặc rảo bước đi tới vùng đao chém. Thục nương chém ngay tướng giặc đứt làm hai đoạn, phá vây chạy đi, quân Hán reo hò vang bốn phía, trong ánh lửa thấy Tổ Hoài Đức cưỡi ngựa xốc tới. Thục nương chạy đến gốc một cây tùng lớn tuốt kiếm tuẩn tiết.

Nơi Thục nương mất, mỗi đùn lên thành mộ, còn cây đại tùng ba ngày sau khô héo mà chết. Nhân dân lập miếu thờ Thục nương ngay dưới bóng cây đại tùng.

Vào đời Hậu Lê, vua Lê Thánh Tôn mang quân đánh Chiêm Thành, thuyền rồng ghé bến Tiên La, đóng quân lại nghỉ. Vua cho xem xét tìm miếu thờ Bát Nạn công chúa rồi gọi các cụ già cả trong làng ra hỏi chuyện. Các cụ đem sự tích Thục nương tâu bày với nhà vua. Vua Lê đem quân đánh Chiêm Thành được đại thắng, khi trở về triều bèn bao phong Thục nương làm “Vạn cổ phúc thần”, để cùng với đất nước hưởng phúc lâu dài, đời đời ghi nhớ công lao người nữ anh hùng suốt đời vì nước⁽⁴⁾.

NÀNG NỘI

TƯỚNG VÙNG BẠCH HẠC

Mùa đông, tháng một, trời rét buốt. Gió bắc hun hút thổi. Ngã ba Bạch Hạc chìm trong màn mưa. Ngọn cờ đen ở trước đồn quân Hán rã xuống như bộ lông quạ dúng nước. Bọn lính đồn cờ ro đi lại.

Gió bắc lạnh ngăn ngắt như luồng vào xương tủy và mưa như kim châm buốt thân thể trần truồng dầm nước của những người dân Giao Chỉ trên sông. Tóc bết trên gáy, trên lưng, họ đứng trước mũi những chiếc thuyền nhỏ, dang chân quay mình nửa vòng, vung tay, quăng lưới. Có những người trẻ tuổi, dáng khỏe mạnh, cầm lao nhảy xuống làn nước lạnh. Cá anh vũ vẩy xám màu thiếc, tròn lẳn như cá trắm, quẫy lộn trong lưới, cong mình trên những mũi lao nhỏ và dài. Xong mỗi mẻ lưới, thuyền cá bơi về bến, những tên lính Hán đứng nhận cá luôn miệng quát tháo, quát roi vun vút vào những người dân chài khốn khổ.

Gần đấy, một đám đông người đứng tùm tùm lại với nhau. Viên quan Hán đang giơ chân, giơ tay nói gì đó với họ. Đó là những chủ thuyền và những người thả mạng bị đồn Hán giữ lại để kiểm soát, thu thuế, là để ăn cướp trắng mồ hôi nước mắt của họ. Chắc hẳn có một người đã bất bình và cãi lại, vì thấy tên quan Hán lồng lộn như con gấu bị nhốt, rồi mấy tên lính Hán túm lấy một người trong đám đông, roi gậy vụt tui bụi.

Tất cả cảnh tượng trên sông, trên bến trước đồn quân Hán ấy đã được thu vào tầm mắt của hai người cưỡi ngựa trụ trên gò Mỏ Phượng: một người đứng tuổi vạm vỡ, râu quai nón, mặc dù trời rét vẫn mở phanh ngực áo, và một cô gái nhỏ khoảng mười hai mười ba tuổi, gương mặt tròn trĩnh đỏ hồng không biết vì rét hay vì tức giận.

Cô gái nhỏ đặt tên, giương cung, nhưng người đứng tuổi vội nắm tay cô gái ngăn lại: “Chớ, chớ! Nàng Nội à, lính Hán đánh đập người Giao Chỉ ta như thế là thường. Còn nhiều cảnh thảm khốc hơn kia. Thôi, ta đi thôi!”.

Cô gái nhỏ tuổi giật mạnh cương con ngựa ô bồm dầy tỏa bay như mây như khói, nói với người đứng tuổi: “Ông Thái à, em muốn đi tìm một con trĩ hay một chú vẹt sặc sỡ nào đem về chơi, đi nhé!”. Hai con ngựa bồm nước kiệu nhỏ, đi vào vùng rừng bên sông Lô. Người đứng tuổi nói: “Vẹt thì có, tôi biết một khoảnh rừng có khá nhiều đấy, nhưng trĩ có mà lại hóa không. Trĩ, giặc Hán bắt phải nộp hết cho chúng. Trĩ và công của rừng Bạch Hạc này là của giặc Hán”. Cô gái nhỏ quát mạnh roi vào mông ngựa, không phải vì muốn giục ngựa phi nhanh hơn mà vì tức bực: “Nghe ông nói, cái gì cũng là của giặc Hán!”. Người đứng tuổi im lặng một lúc rồi dẫn giọng: “Ấy thế đấy, cái gì cũng là của giặc Hán. Đất Bạch Hạc này tuy tướng công nhà là chủ tướng cũng là đất của vua Hán. Đất Giao Chỉ tổ tiên ta để lại cũng là của vua Hán. Không còn cái gì là của ta hết!”.

Người con gái nhỏ không nói gì nữa, mặt đỏ bừng bừng như người say trà. Đường hẹp, đá mấp mô, dây rừng cuộn như khúc rắn. Hai người xuống ngựa, buộc ngựa vào một cây kháo tàn rồi bắt đầu lặn rừng.

Châu Bạch Hạc thời thuộc Hán chính là cố đô của nước Văn Lang xưa được mở rộng sang cả bên kia sông Lô. Chủ trương châu là Đặng Thi Huy, một lạc tướng có danh vọng và quyền thế, em ruột Đặng Thi Sách huyện lệnh Chu Diên và anh ruột của lạc tướng Đặng Thi Bằng. Tuổi đã cao mới được một mụn con gái nên hai vợ chồng Đặng tướng công nâng niu quý mến Nàng Nội không sao kể xiết. Ở trong nhà, Nàng Nội được một nhũ mẫu cùng họ trông nom. Ra ngoài, Nàng Nội bao giờ cũng đi với một thủ hạ thân tín của Đặng tướng công họ Hàm tên Thái, một dũng sĩ mà các đô vật nổi tiếng trong châu đều tôn phục. Hàm Thái gan dạ và bình tĩnh nên rất

được Đặng tướng công tin cậy.

Lên tám tuổi Nàng Nội học viết, lên mười tuổi Nàng Nội học cưỡi ngựa, mười hai tuổi bắn cung đã thạo, bắt đầu tập múa kiếm và được theo Hàm Thái ra ngoài, đôi khi được theo Đặng tướng công mở những cuộc săn lưới. Nàng Nội thông minh và có sức khỏe, bàn tay nhỏ nhắn ấy cầm cương con ngựa ô cũng khéo như cầm cây bút lông nhỏ để đưa những hàng chữ mềm mại và sắc như lá lan.

Đặng Thi Huy tự hào về con gái cũng như tự hào về “Bạch Hạc của ta” như ông thường nói. Và nếu ông yêu con gái với một lòng yêu đắm thắm thì ông cũng tha thiết gắn bó với rừng núi, đất đai, sông ngòi Bạch Hạc. Quả hồng không nhạt và cá anh vũ châu Hạc là báu vật gầm trời không đâu có. Bên kia ngã ba sông là vựa lúa của châu, vùng ruộng đồng màu mỡ. Núi và rừng là kho của trời cho: bạt ngàn gỗ quý, rồi nào củ nâu, mây, móc, giang, nứa, cây cọ xòe lá, mỗi tán lá như một vàng mặt trời xanh biếc... Vườn nhà ai cũng hàng chục cây cau cao vút và những giàn trầu lá cuộn lớp lớp sóng dày... Chim: có trĩ, có công; thú: có voi, có hổ, cá của ba sông nhiều như lá rừng, mật ong vàng trong, thơm mùi hoa rừng, mỗi vụ lấy hàng nghìn hũ... Đó, những của quý châu Bạch Hạc.

Nơi đây, ba dòng sông lớn Lô, Thao, Đà như ba con rồng uốn khúc về châu, chụm đầu vào nhau phun nước thắm phù sa tưới tắm đất đai cố đô của các vua Hùng dựng nước. Đứng ở ngã ba sông mà nhìn, sau lưng là nơi mặt trời xế bóng, núi rừng chạy dài mãi tới biên giới xa xôi, trước mắt nơi vùng đông sớm sớm lên đường từ bể cả, mênh mông một dải đồng bằng. Non sông hùng vĩ, đất nước đẹp giàu nay đã thuộc về nhà Hán. Sông núi đất đai này không còn là của người Giao Chỉ nữa rồi!

Xưa kia, thuở Vua Hùng dựng nước, nơi Ngã ba sông bên gò Mỏ Phụng có một cây chiên đàn cao muôn trượng, lá rợp một vùng, mây bay trên ngọn, chim hạc làm tổ hàng nghìn con, tiếng kêu như tiếng đàn tiếng sáo. Bến Hạc Trắng là cửa ngõ của châu thành, nơi bốn phương đổ về hội họp, người đông của nhiều, vượng khí muôn đời không dứt.

Đối với Đặng Thi Huy, Bạch Hạc không chỉ là một châu giàu có vào bậc nhất nhì của Giao Chỉ mà còn là một mảnh đất thiêng liêng. Tất cả các lạc hầu lạc tướng đều không quên những đền đài, cung điện cũ rải từ Ngã ba Bạch Hạc về Thấu Lĩnh, những đền đài cung điện ấy tuy đã bị kẻ thù phá đi nhưng vẫn còn để lại nhiều dấu tích. Đó là dấu tích thần thánh của cố đô cũ, dấu tích của dòng họ Hùng, của các Vua Hùng mở nước Văn Lang và triều đại nhà Hùng.

Năm Nàng Nội mười ba tuổi cũng là năm Đặng Thi Huy họp cùng Thi Sách và một số lạc hầu lạc tướng mưu lật đổ Tô Định và nền đô hộ của nhà Hán. Đặng Thi Huy đem mọi công việc bàn với chính thất phu nhân Trương Thị Hàn, mẹ Nàng Nội, mà ông vẫn kính trọng vì học rộng biết nhiều và trí lự sâu xa. Đặng công được vợ giúp sức, ngầm tập họp các lang, các trưởng trang, trùm động có nghĩa khí trong châu. Nàng Nội biết công việc của cha làm. Trong những ngày ra ngoài tập ngựa, đi săn, Nàng Nội mắt được thấy những cảnh sôi lòng cháy ruột, những nỗi khổ cực của dân chúng, lại được nghe nhũ mẫu, Hàm Thái và các cô hầu gái kể những câu chuyện về sự tàn ác của bọn quân lính Hán. Ngọn lửa căm hờn nhen nhóm trong lòng cô gái nhỏ.

Có lần Nàng Nội giương cung bắn rụng một quả hồng treo trên cành cao và nói với mẹ: “Con sẽ bắn rụng đầu Tô Định như bắn quả hồng này”. Mẹ bảo con: “Nếu con cứ như vậy, chính Tô Định sẽ bắn rụng đầu con đấy!”. Bà cũng khuyên nhắc chồng phải cẩn thận kín đáo, vì biết ông vốn tính nóng nảy và xốc nổi.

Mưu đồ của Thi Sách và nhóm khởi nghĩa bị bại lộ. Tô Định lừa Thi Sách về phủ thái thú và giết ngay trước tiệp. Những người dự mưu đều bị giết, bị bắt bớ, tra tấn, truy nã. Có lệnh triệu Đặng Thi Huy về Luy Lâu. Đặng công khi nhận được lệnh, chưa biết việc lớn đã lộ, vội sắm sửa lên đường. Khi ông vừa lên ngựa, chợt có đàn quạ bay đến lượn trên đầu ba vòng rồi rải cánh bay về phương Nam, tiếng kêu thảm thiết. Phu nhân cho là điềm gở, níu đầu ngựa mà giữ lại. Đặng công an ủi phu nhân và cử Hàm Thái theo mình cùng lên đường. Được ba ngày, Hàm Thái chợt về báo tin dữ lập tức thu xếp đưa phu nhân cùng Nàng Nội trốn ngay đêm hôm đó.

Mờ sớm hôm sau, viên thừa sai của phủ thái thú và viên huyện úy Mê Linh đem lính về vây kín châu sở, thi hành lệnh của Tô Định tịch thu toàn bộ sản nghiệp Đặng Thi Huy, bắt các gia nô và nữ tì sung công, các gia tướng và lại viên của Đặng công đều bị bắt. Lại có lệnh truy nã các người họ Đặng. Đàn ông trong châu bất cứ già trẻ lớn bé nếu mang họ Đặng đều bị giết. Tô Định không cho lệnh truy nã Đặng phu nhân và Nàng Nội vì nhà Hán trọng nam khinh nữ, coi đàn bà con gái như không. Một viên quan Hán được cử về làm chủ châu. Châu Bạch Hạc náo động. Dân chúng bị giặc Hán thừa dịp sách nhiễu, khảo của vợ vét. Người họ Đặng đi trốn đều phải thay tên đổi họ. Năm ấy, Nàng Nội đã mười tám tuổi.

Bên hữu ngạn sông Lô có mười sáu động nhà sàn thuộc châu Bạch Hạc ở sâu trong vùng núi, mẹ con Nàng Nội nương náu ở đó. Mặc dù giặc không có lệnh truy nã, nhưng nếu chúng bắt được hai mẹ con, chắc chắn cả hai đều sẽ bị đưa nộp Tô Định làm tỳ thiếp. Ăn mình nơi rừng xa núi thẳm, Đặng phu nhân không nguôi nghĩ ngợi, uất ức mà sinh bệnh nặng, nằm liệt giường. Nàng Nội và nhũ mẫu cùng Hàm Thái ngày đêm trông nom, thuốc thang phụng dưỡng, nhưng bệnh của phu nhân là tâm bệnh, thuốc nào chữa nổi. Một năm sau phu nhân qua đời.

Chôn cất phu nhân xong, Nàng Nội nói với nhũ mẫu và Hàm Thái: “Cha mẹ ta đều chết vì giặc Hán. Thù cha mẹ không trả nổi còn sống làm gì. Ta phải đi tìm Tô Định!”. Hàm Thái nói: “Một mình nàng giết sao được Tô Định. Vả lại gánh lấy việc nghĩa cứu vớt dân Giao Chỉ ra khỏi vòng nước lửa, giành lại cơ nghiệp giang san của tổ tiên, làm cho ven chí lớn của cha mẹ, đó mới là cách xử sự của người con có hiếu”. Nhũ mẫu cũng khuyên giải Nàng Nội hồi lâu rồi ba người cùng nhau bàn việc. Sau đó, Hàm Thái chào Nàng Nội và nhũ mẫu, lên đường. Nàng Nội chia tay Hàm Thái, nói: “Tai mắt kẻ thù của chúng ta ở khắp nơi, tráng sĩ hãy giữ mình cẩn thận”.

Một đêm, Nàng Nội trên sàn ngồi thêu khăn cùng vài người con gái bản, nhìn ra ngoài, trăng suông rải khắp núi rừng, sương khói mờ mờ, lại nghe từ xa vọng về tiếng hươu giác và tiếng suối đổ về, lòng thêm ngổn ngang trăm mối. Chợt nhũ mẫu và Hàm Thái bước lên sàn. Nàng Nội mừng rỡ tèm trầu rót nước, cùng nói chuyện. Hàm Thái mời Nàng Nội cùng theo mình, những người con gái bản cũng đứng dậy, cùng đi. Trăng non như vành lược bạc gài trên mây, ngôi sao Vượt sáng long lanh đứng chệch ở phía dưới, chòm sao Gấu Lớn nằm ngang trên ngọn núi. Qua một khe nước thấy có ánh lửa, Nàng Nội bước tới. Có hơn mười người ngồi quanh đồng lửa đều đứng dậy vòng tay chào, con gái thì chấp tay. Nàng Nội nhìn quanh một lượt, nhận ra là một vài người trong họ, các gia tướng và nữ tỳ của nhà, lòng cảm động, ôm lấy nhũ mẫu bật khóc, mọi người đều cất lời an ủi.

Hàm Thái nói: “Nữ chủ chúng ta tuy còn ít tuổi nhưng là người có học nhiều, có khí phách dũng lược, có thể thay kế tướng công mà dắt dẫn chúng ta. Nay tướng công và phu nhân đều bị giặc hãm hại, việc nghĩa giữa đường bỏ dở. Họ hàng chúng ta cũng bị giặc tàn hại, thân chúng ta bị giặc đầy đọa. Ta phải cứu lấy gia đình, làng xóm, họ hàng máu mủ ta. Chúng ta quyết đi với nữ chủ chống lại giặc Hán”. Mọi người đều đồng tình. Hàm Thái hai tay trao kiếm cho Nàng Nội, nói rằng: “Đây là kiếm báu của tướng công. Khi tướng công bị giặc hãm hại, người của ta lấy được kiếm, truyền cho hạ nô, bấy lâu nay hạ nô vẫn cất giấu kín đáo. Xin nữ chủ nhận kiếm. Nàng Nội người nóng bừng bừng, đôi mắt long lanh, đỡ lấy kiếm tuốt ra khỏi vỏ. Trước ánh lửa, kiếm lòe sáng. Nàng Nội đưa mắt nhìn Hàm Thái, thấy Hàm Thái gương mặt như đúc bằng đồng, cặp mắt cháy rực chăm chú nhìn mình. Nhũ mẫu và mọi người cũng đều nghiêm trang nhìn Nàng Nội. Nàng Nội bồi hồi không biết phải nói gì trong lúc này, bèn giơ kiếm ngang mặt mà rằng: “Kiếm này quyết tẩm máu kẻ thù!”. Mọi người rập theo, đồng thanh: “Quyết tẩm máu kẻ thù!”.

Lửa bập bùng nhảy múa. Rừng nổi gió ào ào. Trong xa vắng mênh mông, tiếng nước đổ đầu đó ầm ầm như trống trận.

Sông nước Bạch Hạc cuộn sóng. Đất Bạch Hạc cựa mình. Dân Bạch Hạc vùng dậy. Người già bảo người trẻ, con trai con gái nói với nhau: “Cực khổ lắm rồi. Chúng ta hãy đi theo Nàng Nội đánh đuổi giặc Hán!”. Người đi xâu [\(5\)](#) rủ nhau trốn từng đoàn, bỏ đây những việc đắp lũy dựng

dinh trại cho viên chủ trưởng Hán, bỏ đấy việc đắp đường cho giặc chuyên chở cống phẩm, bỏ đấy việc xây dựng đại đồn cho giặc. Mùa thu, những quả hồng hạc ngọt nắng không chịu nép mình yên phận trong những chiếc sọt đan giấy đề chữ “cống” to tướng. Mùa đông cá anh vũ quẫy mình dưới nước và người dân chài nói với giặc: “Bắt mãi cá nó bỏ đi hết rồi!”.

Gươm giáo chạm nhau xoang xoảng trước các trại quân Hán. Khiên đập vào khiên, tóe lửa. Tù và rúc, mõ và trống nổi lên, lửa đuốc bay dài trong gió. Đêm Bạch Hạc cháy đỏ, bùng bùng sát khí.

Gươm giáo chạm nhau xoang xoảng trước các trại quân Hán... Cho tới một đêm, đại đồn Hán ở Gò Mai ngùn ngụt lửa. Trong ánh lửa, hiện ra trước những cặp mắt kinh hoàng của giặc một người con gái uy nghi lồng lẫ như một vị nữ thần bay đến trên một chiếc ngựa ô có bộ bờm tỏa rộng vằn vủ như mây bão. Người con gái có gương mặt tròn hồng tươi như hoa sen, đôi mắt long lanh, ngực mang yếm thắm ngoài bọc hộ tâm kính bằng đồng, tay vung một lưới kiếm sáng quắc như tia chớp. Đó, “nữ thần Bạch Hạc” theo như lính Hán đóng ở châu thường gọi. Đó, nỗi khủng khiếp của giặc, tai họa trời giáng xuống đầu bọn giặc ở châu Bạch Hạc.

Tin nữ tướng họ Đặng mà dân chúng và chính quân lính Hán ở Bạch Hạc đều gọi tôn là “nữ thần” đã làm rung động cả châu và dám đánh phá đại đồn, chém chết viên châu úy trấn đồn, tin đó đưa về tới phủ thái thú làm Tô Định dưng dưng nổi giận. Y đưa giấy khiển trách trưởng châu và cử ngay viên đề đốc Hoàng Sùng Chính võ quan phủ thái thú về Bạch Hạc đánh dẹp. Hoàng Sùng Chính là một mãnh tướng trước đã từng theo Hán Quang Vũ đi bình quân Ngỗi Ngao. Hoàng có sức khỏe múa được thanh đại đao nặng bốn mươi cân như mây bay gió cuốn, mình cao tám thước sáu tấc, mắt ốc nhồi, mặt ngựa. Tô Định thường nói: “Hoàng đề đốc là thần tướng của ta”. Nay y phải cử Hoàng đi bình châu Bạch Hạc, đủ biết y cũng không coi thường người con gái họ Đặng.

Hoàng Sùng Chính được lệnh, nói rằng: “Bọn giặc có tướng đàn bà ấy có gì đáng cho quan thái thú phải lo ngại! Hoàng này về tới châu, chúng nghe tiếng ắt phải tự trói mình đến cửa quân chịu tội”, bèn điều ngay quân đi. Về châu mười ngày, cả châu yên tĩnh. Đề đốc Hoàng lại càng muôn phần tự đắc, cho rằng “giặc cỏ” sợ uy mình đã lần trốn hết, mới nói với trưởng châu để cho quân rút. Trưởng châu tiễn Hoàng ở bến sông, rót rượu mừng. Chợt vừa lúc đó, tên bản tới như mưa, tiếng hò reo vang dậy, các tráng sĩ phóng ngựa ập tới. Một nàng con gái mặt tròn trĩnh cười con ngựa đen vút tới như gió, một nhát gương chém cụt ngay đao của Hoàng, nhát thứ hai chém xả Hoàng làm hai mảnh đổ gục xuống chân ngựa. Quân Hoàng tan vỡ. Viên trưởng châu cởi áo bỏ mũ chạy theo dọc sông, trốn thoát được về với Tô Định.

Từ khi Nàng Nội chém Hoàng Sùng Chính, tự giữ ngôi chủ trưởng châu Bạch Hạc, uy danh rung động cả các châu huyện đất Giao Chỉ, hào kiệt các nơi cũng nhân đó theo gương mà nổi dậy. Tô Định lúng túng bị động đối phó, còn các đồn trại Hán thì run sợ, cố thủ, từ quan tới lính mỗi khi phải điều đi đánh dẹp đều nhón nhác như gà còn thấy bóng điều hâu.

Trung Trắc nổi lên dựng cờ đại nghĩa, cả nước đều theo về. Huyện Mê Linh hào kiệt tuốt gươm xua giặc sạch quang. Trưng Nhị về Bạch Hạc cùng với Nàng Nội xây dựng đồn trại, luyện tập nghĩa quân. Mồng sáu tháng giêng năm Canh Tý, Trưng chúa đem quân về tế tổ tiên ở núi Thấu Lĩnh, mồng bảy điểm quân ở bãi Trường Sa, mồng tám, lấy Nàng Nội làm Nội các văn thư trưởng quan, đặc trách việc tiếp nhận báo cáo thư từ, thảo soạn giấy tờ, được dự bàn việc quân cơ, công việc ở châu giao lại cho Hàm Thái.

Trưng nữ chúa hội quân ở Hát Môn phát động nhân dân cả nước khởi nghĩa đuổi giặc Hán, lật đổ ách thống trị gần hai trăm năm của ngoại tộc. Bình xong giặc, lên ngôi vua, Trưng vương phong cho các tướng, Nàng Nội được phong Nhập nội Bạch Hạc Thủy công chúa.

Mã Viện sang đánh chiếm nước ta. vua Trưng cử Nàng Nội cự giặc ở ngã ba Bạch Hạc(6).

LÊ THỊ HOA

NỮ TƯỞNG

Ngọn đèn dầu dọc thao thức suốt đêm thâu trong căn buồng nhỏ lặng như tờ. Gà gáy giờ Tý, Lê Thị Hoa rót thêm dầu vào đọi đèn. Nàng vén màn nhìn các con ngủ trên giường. Bốn chú trai tròn mặt nằm ngủ mê mê, gác cả chân lên bụng lên cổ nhau.

Khép màn lại, nàng Hoa dăm dăm nhìn ngọn lửa đèn.

Lửa đèn vượt thẳng, im phắc như một búp sen nhỏ ti.

Chiếc màn buồng cũng im phăng phắc, và chính nàng Hoa cũng đứng im bên màn không động đậy trông như một pho tượng.

Tất cả đều yên tĩnh.

Nhưng lòng nàng Hoa lúc này đang nổi gió nổi bão. Mai Tiến chồng nàng ra đi, hay nói đúng hơn, bị áp giải đi đã được gần một tháng trời rồi! Liệu chàng có thoát được về chăng? Chúng sẽ tra tấn chàng! Chàng sẽ ra sao? Chắc chắn chàng sẽ nghiêng rãng đón chịu các nhục hình và khằng khái đứng vững trước kẻ thù.

Mười tám tuổi, Lê Thị Hoa về nhà chồng. Mười năm qua nàng đã sống trong tình vợ chồng đầm ấm của một gia đình nền nếp, êm đẹp. Mai Tiến, chồng nàng, chỉ hơn nàng một tuổi, là một chủ trang trại giàu có. Chàng đã khôi ngô tuấn tú lại học rộng biết nhiều và biết cả nghề thuốc nữa. Chàng giao thiệp rộng, có phong cách hào hiệp của kẻ trọng nghĩa khinh tài. Nhà chàng là nơi các khách thương và cả bọn quan chức Việt, Hán thường lui tới. Trong số những mạt khách của nhà chàng cũng có cả những hào kiệt lục lâm và những người bất đắc chí, nhà tan, vợ mất vì kẻ thù.

Khi đưa con út của nàng vừa hai tuổi thì Tô Định, thái thú quận Giao Chỉ, có lệnh triệu Mai Tiến đến, giao cho một chức quan nhỏ ở châu Gia Lâm. Chàng Mai Tiến ba lần từ chối đều không được, phải nhận lời.

Mai Tiến bị bắt. Phải chăng vì trong khi thi hành chính lệnh chàng đã làm trái ý phủ thái thú để đỡ bớt nỗi phiền hà khổ cực cho nhân dân? Hay chỉ vì vợ chàng đẹp, nhà chàng giàu mà bọn quan đô hộ thì tên nào cũng hiếu sắc, tham tài? Hay là kẻ thù đã đánh hơi biết được những phần uất đã bao lâu dồn nén trong lòng người trang chủ trẻ tuổi đang sắp bùng lên?

Nàng Hoa dăm dăm nhìn ngọn lửa đèn và cố gắng suy tính để lần ra đầu mối cái tai họa đã đè úp lên gia đình nàng. Có lẽ ba nguyên nhân đều đúng cả, và chính vì tất cả những điều đó mà chồng nàng đã bị bắt.

Kẻ thù muốn hãm hại chồng nàng để chiếm lấy nàng và để nhổ đi một cái gai trước mắt. Tuy chưa hành động, chồng nàng vẫn ủ ấp mưu đồ chống lại ách đô hộ ngoại tộc. Mưu đồ lớn đó chàng chỉ mới bàn cùng với vài người cốt huyết trong họ Mai và với vợ chàng. Đôi vợ chồng sung sướng nhận thấy ở nhau người cùng chí hướng và họ còn đang tính toán nước cờ đánh.

Giặc chưa thể biết những ý đồ lớn lao của chồng nàng nhưng điều chàng đã làm trong công việc của mình rõ ràng không vừa ý phủ thái thú. Thêm vào đó là nhan sắc của vợ chàng, nàng Lê Thị Hoa tươi tắn, đoan trang, đầy đặn và trắng trẻo làm chúng thêm muốn.

... Bỗng Lê Thị Hoa nghiêng mình, nghe ngóng tiếng chó sủa vang rồi lại thấy tiếng chúng rít lên và im bặt. Như vậy là có người quen vào sân chứ không phải là khách lạ.

Chợt có tiếng gõ cửa buồng mình.

Có tiếng nói hồi hộp nghẹn ngào:

- Mở cửa mau, bà ơi!

Cánh cửa mở ngay. Cô hầu gái và người lão bộc bước vội vào, nói nhanh với nàng Hoa:

- Ta đi thôi, có tin về rồi bà ạ, phải đi ngay!

Ba người lặng nhìn nhau, cả ba nước mắt trào ướt má.

Người lão bộc nói:

- Bà hãy nhớ ngày giỗ ông con từ nay là ngày... Được cái chúng ta cũng đã sửa soạn cả rồi, chỉ còn chờ tin hư thực. Bà đánh thức các công tử dậy. Cứ về quê ngoại nhà ta đã!

Khi nàng Hoa bước ra cổng, tay bồng tay dắt bốn con nhỏ, nàng thấy có mấy người chờ sẵn đó rồi. Một người có tuổi, mặc khách của gia đình, bước tới:

- Thưa bà tôi từ hình pháp ty đem tin về. Mời bà ra bến, ta đi dò tiện hơn.

Trời khuya bàng bạc sương trắng, bao phủ dòng sông man mát, không biết đâu là bờ bến. Một tiếng chim đêm cất lên khắc khoải, con đò nhỏ đã chìm khuất trong sương, những người đứng lại bên bờ vẫn còn như nghe thấy những tiếng nước nổ nghẹn ngào cố nén...

Nữ tướng ra trận, đầu chít khăn tang trắng buông dải thông sau lưng. Ngày giỗ hết tang chồng cũng là ngày Lê Thị Hoa tế cờ khởi nghĩa, khăn tang lúc này đối với nàng là dấu hiệu của phục thù.

Từ ngày chồng mất, Lê Thị Hoa nóng lòng chờ lúc vung kiếm cho tắm máu thù. Mọi suy nghĩ, mọi việc làm của nàng đều hướng về một đích: trả thù! Thanh kiếm chồng nàng để lại phải được uống máu thù thỏa thích mới hả lòng nàng.

Chồng nàng trước khi rơi đầu dưới lưỡi dao kẻ thống trị ngoại tộc đã nhắn lại rằng: "Hãy nuôi các con trai chúng ta khôn lớn và dạy chúng hoàn thành chí hướng của ta!".

Lời nói ấy được các khách nghĩa sĩ của nhà nàng đem về cho nàng. Nàng nói với các nghĩa sĩ: "Không phải đợi đến lúc con tôi khôn lớn, chính tôi sẽ tiếp tục chí hướng của Mai lang!". Các nghĩa sĩ vui mừng nói: "Chúng tôi nguyện theo nàng và tôn nàng làm chủ".

Quê Lê Thị Hoa ở Thượng Linh trang, Cao Linh sách, một làng lớn thuộc vùng đồng bằng trù phú, khoai nhiều, thóc sẵn, có chợ, đông dân. Nàng Hoa về quê mình mộ người, mở rộng trang ấp, thuê thuyền thoi buôn bán xuôi ngược, cùng các nghĩa sĩ cày sâu cuốc bẫm, một nắng hai sương, giúp đỡ người cùng khổ, tìm đón người hào kiệt, coi của cải như bùn đất, trọng nghĩa khí như non cao. Chẳng bao lâu Thượng Linh đã trở nên một trang trại giàu có và nữ trang chủ họ Lê đã nổi tiếng khắp trong châu huyện, người xa kẻ gần đều luyến mộ.

Điều nàng Hoa mong muốn là các con nàng chóng lớn, nên người. Vợ chồng nàng sinh được bốn con trai. Vào năm chồng nàng mất, con cả Mai Đạt mới lên chín tuổi, Mai Thỏ thứ hai lên bảy, còn hai chú sau thì Mai An năm tuổi và Mai Tứ mới lên hai, còn chưa cai sữa. Bao giờ cho các con lớn được bằng sào bằng gậy mà trả thù cho bố, các con của mẹ!

Lòng người mẹ thất lại khi nhìn các con nhỏ dại sớm mồ côi bố. Người mẹ lo trăm việc để chuẩn bị cuộc khởi nghĩa, nhưng người mẹ cũng lo chăm sóc cho các con khỏe mạnh, dạy dỗ các con như cha chúng xưa kia, rèn luyện chúng thành những con người có khí phách, biết rằng sống khom lưng cúi đầu trước giặc nước là nhục, biết căm giận trước cảnh nước mất nhà tan, nhân dân lầm than quằn quại dưới gót giày quân đô hộ.

Các chiến hữu của Mai Tiến cùng nàng Hoa gấp rút xây dựng lực lượng khởi nghĩa.

Mỗi làng là một trại quân. Quanh làng là hào sâu với lũy tre dày vây kín. Hào kiệt các nơi tìm về. Không khí khởi nghĩa sôi sục. Dân trời đánh một số tên hào trưởng làm tay sai cho giặc. Dân không nộp thuế, nộp lương, giao người cho giặc.

Tế chồng và tế cờ buổi sáng thì chiều Lê Thị Hoa cùng nghĩa quân đánh trận đầu. Chính giặc tự dẫn xác đến.

Lê Thị Hoa cười con ngựa chiến lông trắng đốm xám, đầu chít khăn trắng, tay cầm thanh kiếm của chồng nàng để lại. Các nghĩa sĩ vây quanh nàng.

Gặp giặc, nghĩa quân hăm hở ào ào xông lên, miệng hét, giáo đâm, quyết sống chết với giặc. Tướng giặc chưa kịp dàn trận mà cũng chưa kịp mở mồm nạt nô thì đã bị nghĩa quân vây kín. Cũng chẳng biết là ai đã đâm tên tướng giặc mũi giáo đầu nữa. Hình như là có người kéo nó xuống ngựa và rồi hàng chục mũi giáo cùng xĩa xuống.

Về sau này, người đặt tên cho cánh đồng nơi quân Lê Thị Hoa đã giao chiến với giặc trận đầu là đồng Mã giặc.

Hàng ngàn người nổi lên theo Nàng Hoa. Nghĩa quân Nàng Hoa đã làm kẻ thù khiếp sợ và lúng túng. Vùng đồng bằng Thiên Bản giàu có đã trở thành đất lửa đối với giặc. Người mẹ bốn con, người thiếu phụ xinh đẹp ba mươi một tuổi Lê Thị Hoa cầm đầu hàng ngàn nghĩa quân đã đánh bại kẻ thù nhiều trận, và bà mẹ ấy vẫn ngày đêm mong sao cho các con chóng khôn lớn để cùng mẹ rửa thù, đền nợ nước.

Nhưng một năm sau, nghĩa quân dần lâm vào thế bị động, thế thủ. Các làng luôn bị giặc vây đánh càn quét. Vụ mùa năm đó, lúa đồng còn xanh, mới uốn móc câu ngả vàng, nhân dân gọi là lúa bánh tẻ, giặc đã kéo về vây Thượng Linh trang và cho quân gặt lúa, cho ngựa xéo lúa. Nghĩa quân và dân các làng xung quanh cùng với Thượng Linh trang nổi tù và, trống, mõ, vác giáo mác, mang quang gánh, liềm hái ra giành lúa với giặc. Máu dân các làng, máu giặc tưới ướt đồng. Giặc theo dân chạy lúa tràn được vào làng. Thượng Linh trang kịch chiến với giặc trong từng ngõ xóm. Giặc tung thêm quân cứu viện về. Nghĩa quân và dân làng cố chống giữ. Giặc đốt phá và bắt đi hàng chục người, cả tráng đinh, đàn bà và người già cả.

Giặc rút, để lại làng tan hoang đẫm máu và một cánh đồng lúa tươi rời.

Từ sau “trận lúa” như dân vẫn thường gọi, quân khởi nghĩa đã bước vào một tình thế khó khăn. Lúa mất, màu cũng chẳng còn. Giặc luôn vây đánh. Giặc cấm bến cấm chợ. Tháng mười năm ấy, bệnh sỏi lan tràn khắp vùng. Làng nào, nhà nào cũng có người ốm. Tháng mười mà cả làng phải ăn cháo lúa non, vì phải dè xẻn cho tới vụ chiêm.

Lê Thị Hoa bồn chồn lo lắng. Các con nàng đều bị sỏi hành hạ. Nàng trông nom các con, lo việc quản việc làng, mắt trĩu sâu vì những đêm thức suốt và trên vầng trán thanh khiết mịn màng đã mờ in những vết nhăn của lo âu. Nàng Hoa họp các đầu lĩnh cùng bàn.

Người nói đi người bàn lại. Điều làm Nàng Hoa vui lòng là các đầu lĩnh đều giữ vững lòng hăng hái và khí phách kiên cường. Nhưng cứu gỡ được cái tình thế tuyệt vọng này bằng cách nào thì chưa ai có mưu lược gì hay cả.

Một nữ đầu lĩnh là em họ của Mai Tiến nói: “Cứ ý tôi thì đồng bằng trống trải không phải là đất cự giặc lâu dài. Chúng ta phải tìm đất khác mới được”.

Lê Thị Hoa gật đầu, trầm tư suy nghĩ.

Một tháng sau, dịch đồn nghĩa quân khởi Thiên Bản và quét vùng đồng bằng. Nghĩa quân lúc này chỉ còn chưa được một trăm người, rút về động Hoa Lu. Lê Thị Hoa cử nàng Mai Lan và một số đầu lĩnh ở lại đó lập căn cứ chờ đợi thời cơ, còn nàng mang bốn con nhỏ cùng các nghĩa sĩ đi sâu vào quận Cửu Chân núi rừng xanh ngắt.

Động này chưa có tên chữ mà cũng chẳng thấy có tên nôm ghi trên bản đồ của quận. Một động nhỏ dăm bảy nóc nhà sàn lợp xúp nằm ven bìa rừng già với những người dân miền rừng xanh xao, sống với nước khe, củ rừng và thịt thú.

Đây là rừng hoang nguyên thủy. Lim tày ôm, lá nhỏ và dày một màu xanh tốt đứng chen nhau như lau. Những cây ngát, cây vang gỗ vàng, như những người khổng lồ chen bước nhau muốn

vượt lên ngọn núi. Rừng giẻ xòe tán hoa vàng, mỗi mùa thu gọi đến hàng bầy vẹt sặc sỡ và những chú sóc lông xám và sáo bay. Cây lao xao ngạo nghễ vươn thân hình cao vút, da mốc trắng. Rồi nào bắp nước, rùa, tre, thừng mực, lem, chò, xoan đào, sài, sến, tấu và cơ man nào là cây gỗ quý và các loài cây chưa có ai đặt tên và cũng chưa ai biết đến bao giờ. Con báo lông vàng pha hoa đen lim dim mắt trên cành cao. Con trăn đất lười biếng như một thân cây mục im lìm ngủ suốt ngày bên những tảng đá lớn xanh rêu. Đàn trâu rừng hàm rú lông dài, chạy ầm ầm đến bên khe đầm mình làm đục ngầu dòng khe trong vắt. Khỉ từng đàn kiếm ăn từ rừng này qua rừng khác, kêu chí chọe, nghịch ngợm.

Những người của đồng bằng Thiên Bản đứng trước núi rừng hoang dại cảm thấy thiên nhiên lớn lao biết bao còn họ thì nhỏ yếu. Họ như bị rừng nuốt chửng. Rừng đe dọa và thách thức. Nhưng người mẹ bốn con trong bọn họ nói: “Chúng ta ở lại đây và rừng sẽ che chở chúng ta!”. Từ đó, rừng chịu thua ý chí của người mẹ, phục tùng và che chở cho người mẹ.

Những người của đồng bằng đến đây đúng vào lúc lá khô vàng trải đầy mặt đất và hoa giẻ thơm rừng. Khi rừng rời rợi xanh lộc non và lá rừng mượt xanh mỡ màng thì một trại mới được dựng lên, nhà sàn mái lá. Người mẹ đặt tên trại mới theo họ của bốn đứa trẻ. Trại mới có tên là trại Mai.

Người mẹ nói: “Làm sao mà ăn mãi củ rừng và thịt rừng? Chúng ta hãy rủ dân động cũ cùng chúng ta làm nương và trồng lúa”. Mọi người vui vẻ làm theo lời người mẹ. Đất rừng trinh nguyên, đất đen tươi xốp dày mùn lá trở mầm lúa mới xanh mơn mớn.

Con người cũng như lúa, gặp đất tốt và được chăm bón thì lên nhanh và khỏe. Ngày lui tháng tới, các con của Nàng Hoa đều đã lớn khôn.

Năm mà Mai Đạt lên hai mươi hai tuổi thì dân châu Nga Sơn đều đã quy phục người mẹ bốn con. Các chiến hữu của Nàng Hoa từ Thiên Bản và Hoa Lư tìm đến với nàng. Họ chờ đợi hội giết giặc đã bảy năm rồi và họ vui mừng nhận hịch của Trưng nữ chủ từ Mê Linh kêu gọi họ đứng dậy diệt thù.

Tuân hịch Hai Bà Trưng, Nàng Hoa mang quân từ rừng núi Nga Sơn tiến ra đuổi giặc. Cả quận Cửu Chân rung động theo bước đoàn quân⁽⁷⁾.

HỒ ĐỀ

PHÓ NGUYỄN SOÁI

Hồ Công An ở trang Đông Cao là dòng lạc hầu, Tô Định gọi ra cho làm một chức quan ở quận, ông từ chối không nhận. Hồ Công An làm bạn với Bạch Thị Phương, con quan lạc tướng Bạch Thái Hoa.

Hai vợ chồng Hồ tướng công sinh được một gái một trai. Nàng Hồ Đề là con gái đầu lòng, vóc người cao lớn, có sức khỏe hơn người, mặt tròn như vành trăng rằm, mắt sắc, lông mày đen nhánh. Em trai Hồ Đề là Hồ Hác có tài bơi lội như cá, có thể quẫy mình dưới nước hàng buổi không mệt. Bạch Thị Phương là con nhà tướng, võ nghệ tinh thông; bà chú ý dạy các con mọi đường cung kiếm, lại đón về dạy con các môn đao kích. Bà vẫn thường răn bảo các con: “Tô Định giết quan huyện lệnh Chu Diên Đặng Thi Sách là người trung nghĩa, sát hại nhiều con em dòng lạc hầu, lạc tướng. Dân ta bị giặc róc xương hút tủy, oán giận đầy lòng. Ngày bại vong của chúng chẳng chóng thì chầy rồi cũng tới nơi. Lúc này chính là lúc các con cần đến võ lược. Việc học tập, các con phải chuyên cần, không được trễ nải”. Hai chị em đều ghi lời mẹ dạy, sớm hôm luyện tập, mong có dịp báo đền nợ nước.

Một hôm có đoàn buôn ngựa đi qua trang, một con ngựa đen cao lớn, đuôi quét đất, bờm dày như đám mây đen, chột lông lên, không ai bắt nổi. Con ngựa chạy tới cổng trang trại họ Hồ, tung vó đá đất, gia nhân nhà Hồ công bắt giữ hộ những người lái ngựa mà bắt không được. Nàng Hồ Đề thấy tiếng huyền náo, chạy ra. Con ngựa đen đang chồm lên, quần nát cả vườn hoa gần cổng trang. Một người gia nhân bị con ngựa đá hậu nằm lăn trên mặt đất, nhưng con ngựa quần dữ quá, không ai vào cứu được người gia nhân ấy đưa ra.

Nàng Hồ Đề bèn xắn cao tay áo rảo bước đến bên con ngựa, vươn tay ấn đầu ngựa xuống. Con ngựa lông lộn lắc đầu, bờm bay cuồn cuộn, hất tung vó sau vẫn không thoát nổi bàn tay của Hồ Đề. Hồ Đề nhẹ nhàng nhảy lên mình ngựa, giật nhẹ dây cương. Ngựa tung vó trước, chột ngẩng cao đầu hí một tiếng dài, vụt lao đi như bay. Một lúc sau Hồ Đề dong ngựa quay lại, nét mặt vẫn tươi tỉnh như thường. Mọi người vui mừng reo vang. Người trùm phường buôn ngựa nhìn ngắm Hồ Đề thấy tướng mạo khác thường, hỏi biết Hồ Đề là con nhà tướng, liền kính trọng dâng con ngựa đen ấy cho Hồ Đề. Hồ Đề không nhận. Người đó nói: “Nữ anh hùng phải được con chiến mã hay mới có thể vùng vẫy được trong thiên hạ. Để con ngựa này về tay quân đô hộ ngoại tộc kia chẳng hóa lại làm lợi cho chúng hay sao?”. Hồ Đề nghe hợp ý, vui vẻ nhận ngựa, đem ba mươi tấm lụa trao lại cho người lái buôn. Người lái buôn ngựa không nhận, nói rằng: “Sau này nàng gặp dịp đặc ý chớ quên ta”.

Được vài hôm sau, có công sai của Tô Định đến triệu Hồ Công An về quận sở, nói là để bàn việc. Hồ Công An nghi ngại, ngờ rằng câu chuyện con gái trị ngựa bất kham đến tai Tô Định nên Tô Định e sợ mà muốn tìm cách triệt ta chăng? Hồ tướng công mới từ ta với sứ là đang yếu mệt không đi được. Tên sai sứ hống hách đập bàn xô ghế dọa nạt, lại đòi ăn lễ. Vừa lúc đó Hồ Đề nương đi tập ngựa về. Đứng ở cửa nghe một lúc, mặt giận đỏ bừng, lông mày dựng ngược, đôi mắt lóng lánh, nàng xô cửa bước vào, túm ngay lấy ngực tên quan của phủ thái thú, nàng chỉ mới tát cho nó hai chiếc, tên giặc kia đã hộc máu mồm nằm giãy trên mặt đất. Bọn lính đi theo cũng bị Hồ Hác mới mười lăm tuổi đánh cho chạy tán loạn. Ông bà Hồ Công An vội mắng hai con, xin lỗi bọn quan quân Tô Định, dọn cơm rượu cho chúng và đưa đồ lễ về cho Tô Định.

Sau khi tên sứ của Tô Định hậm hực ra về, ông bà Hồ Công An nghiêm khắc răn mắng hai con. Ông lo nghĩ về việc Tô Định đang để ý hại mình lại nhớ mối thù Thi Sách và các chiến hữu của mình bị giết, uất ức thành bệnh nặng, vài tháng sau ông mất. Làm tang cho chồng xong, Bạch Thị Phương biết Tô Định không thể nào để mẹ con mình sống yên ổn mới gửi lại trang trại, cùng hai con và một số gia nhân thân tín tìm chốn ẩn náu.

Động Lão Mai nằm giữa một thung lũng lớn mùa xuân trắng hoa mai, mùa hè vàng quả chín. Những quả mai vàng thơm mát rụng đầy đất, đầy khe chẳng ai buồn nhặt. Hơn ba chục nóc nhà sàn rải rác dọc một con suối lớn, suốt ngày đón gió vì thung này nằm dọc hướng Đông Nam. Động Lão Mai là một động lớn trong số bảy mươi hai động của núi rừng Thiên Sứ, ở đây nhà nào cũng có trâu đàn, nghé bày, có gà đầy sân, lợn dăm bảy con thả rông quanh nhà. Dân phát nương tra ngô và lúa. Vùng này có nhiều thú rừng nên trâu không được thả xa, cho đeo mõ và thả gần động. Nhà nào cũng có nỏ có giáo, mùa đông lấy da thú làm chiếu nằm. Dân động thật thà, hiếu khách nhưng tính tình hung tợn, ưa sự đánh nhau với các động khác, thường chỉ vì một con thú săn mà đến đổ máu. Con gái cũng phóng lao bắn nỏ như trai.

Chúa động Lão Mai là một nữ tù trưởng họ Hoàng, tuổi đã ngoài sáu mươi, người ốm yếu, theo tục lệ chồng mất được cầm quyền thay chồng vì không có con. Nữ chúa động tin cậy thương yêu ba mẹ con Bạch Thị Phương. Bà nhận Hồ Đề và Hồ Hác làm con nuôi, giúp cho ba mẹ con và các gia nhân một chiếc nhà sàn năm gian, lại cấp cho trâu, lợn làm vốn liếng.

Một hôm, bà Bạch Thị Phương đem việc lớn bàn với các con: “Chúng ta ở đây là nơi hẻo lánh, giặc Hán không với tới, lại được dân tin yêu, đó cũng là điều đáng mừng. Nhưng chúng ta đâu phải tìm chốn yên thân, mà phải tính đến mưu đồ đại sự. Vậy các con có kế sách gì hay nói cho mẹ nghe”. Hồ Hác hăng hái thưa: “Dân động đều thạo tên nỏ lại ưa sự đánh nhau. Ta cứ nói rõ đại nghĩa cho họ rồi kéo quân lên đánh phá châu ly, bắt trời ngay thẳng châu úy lại, thế là các động đều quy phục theo ta. Việc lớn lo gì chẳng thành?”. Bà Bạch và Hồ Đề đều cười. Hồ Đề suy nghĩ một lúc rồi thưa với mẹ: “Em con nói cũng có phần đúng. Thế nào mà chả có lúc trời châu úy, phá châu ly. Nhưng đó là việc về sau. Con nghĩ lúc này phải kết giao hào kiệt, xây dựng nghĩa quân, không biết ý mẹ thế nào?”. Bà mẹ nói: “Ý con rất hay. Vùng Thiên Sứ này đất rộng mà hiểm, dân thuần hậu chất phác, phóng khoáng không chịu mọi sự ràng buộc cho nên giặc Hán cũng không gò thắt được. Đó là những điều thuận lợi cho ta. Mẹ thấy dân các động đều thiếu muối ăn, phải đốt nửa mà ăn tro để lấy chất mặn, lại thiếu cả chỉ khâu và dao, cuốc. Vậy chúng ta phải mở con đường vượt qua Tam Đảo trở về bên quê đem những thức đó về bên này rồi dựa vào đó mà đi lại các động, con nghĩ thế nào?”. Các con đều vui mừng, khen mẹ tài giỏi, mưu trí. Ba mẹ con cùng cười. Bấy giờ Hồ Hác nhận cùng gia nhân trở về bên quê đem hàng sang Thiên Sứ. Còn Hồ Đề cùng hai gia nhân gái sẽ đem hàng đi đến các động đổi lấy gạo, lấy gà để thăm dò tình hình và kết giao với các chúa động.

Hồ Đề dong con ngựa ô thồ muối và các thứ hàng đi đến các động, vừa đổi vừa biếu, thăm biết tình hình các động. Nàng được biết trong số bảy mươi hai động chúa, quá nửa là có điều bất bình với giặc Hán. Chỉ có một số nhỏ làm tay chân cho giặc, còn lại một số thì giặc bảo sao làm vậy, cốt được việc cho yên thân. Hồ Đề có một vẻ đẹp đoan trang, nàng lại tôn trọng phong tục các động, biết dân các động vốn ưa người vũ dũng nên cũng không giấu tài nghệ của mình, có khi nàng theo họ săn hổ rượt nai, có khi cùng họ ném lao bắn nỏ. Dần dần nàng được các chúa động mến phục và dân các động tin yêu. Từ đó, nàng chọn người để kết giao, bàn việc lập căn cứ và không tuân theo những lệnh bắt phu nộp cống của giặc Hán.

Cũng nhờ đi lại quen biết các chúa động, Hồ Đề đã ngăn được nhiều cuộc xung đột đẫm máu vẫn thường xảy ra giữa dân các động thuộc các tộc khác nhau. Hồ Đề lại tổ chức ở Lão Mai một đội nam binh và một đội nữ binh, dạy dân cày vỡ các tràn ruộng rộc để lấy thêm lương thực. Trước kia, dân các động phải đi hàng ngày trời về châu ly mua dao cuốc. Những dụng cụ bằng sắt mà hư hỏng là đều vứt bỏ không dùng nữa. Nay, Hồ Đề lập một tổ lò rèn ở Lão Mai với hai bể rèn. Các động xung quanh đến Lão Mai rèn dao cuốc, sửa chữa các dụng cụ hư hỏng, rồi lại rèn mũi mác, đầu lao. Trước kia, lò rèn chỉ có ba gian bên suối, sau lại nối thêm hai gian nữa, thêm một bể rèn giao cho một người cháu của bà chúa động. Người này cũng tinh khôn và chịu khó, được Hồ Đề và Hồ Hác hướng dẫn tận tình. Hồ Đề, Hồ Hác ân cần tiếp đón mọi người, lấy năm gian lò rèn bên suối Mai làm nơi gặp mặt với những người có chí khí, cùng mưu những việc khuấy nước chọc trời.

Công việc đang thuận chiều như ngọn lửa mới nhen mà được gió thì bà Bạch Thị Phương bị bệnh mất. Hai chị em Hồ Đề vật vã khóc lóc. Dân động Lão Mai ai cũng thương tiếc bà mẹ hiền từ. Nhiều chúa động và những người quen biết xa gần đến viếng tang. Năm ấy Hồ Đề vừa tròn

hai mươi tuổi.

Một đêm, bà chúa động Lão Mai cho vờ Hồ Đề mà nói: “Nhân dân ta vẫn đồn rằng ai bắt được con voi trắng chéo ngà của núi rừng Thiên Sứ thì sẽ được làm vua Thiên Sứ, con có nghe nói chuyện ấy không?”. Hồ Đề gật đầu thưa: “Đó là lời ngoa truyền mà thôi, người ta còn nói đó là “voi thần” nữa kia. Nhưng đã ba năm nay con ở đất này, đi đã nhiều động, chưa thấy chúa động nào nói đã từng được nhìn thấy voi trắng chéo ngà bao giờ”. Bà chúa động hạ thấp giọng: “Có, chính chồng ta được nhìn thấy nó rồi, và những người theo chồng ta được nhìn voi trắng hãy còn. Con voi đó không có đàn, không rõ nó ẩn náu ở đâu. Thỉnh thoảng cũng có người gặp nó nhưng chưa ai săn được. Vả lại dân Thiên Sứ vẫn tin rằng đó là bộ hạ của thần núi, cũng không ai dám động đến nó!”. Hồ Đề lại hỏi: “Đã nói là voi của Sơn thần sao còn nói ai bắt được nó sẽ làm vua Thiên Sứ?”. Bà chúa động mỉm cười: “Phải, không ai dám săn nó, nhưng nếu nó theo ai thì sao? Nếu như Sơn thần cho nó theo một chúa động nào, chúa động đó sẽ được cả Thiên Sứ thần phục, tôn làm đại vương”. Bà im lặng một lúc, nhìn sâu vào mắt Hồ Đề: “Ta già rồi, cả động này không có ai sánh với con được. Dân các động cần có một người cầm đầu của mình chứ không phải là tên châu úy người Hán tộc hung ác và tham bạo. Họ Dương chồng ta vốn không biết luân củi, vẫn bị bọn chúng hiếp đáp. Chồng ta chết, chỉ tiếc không có con trai để rửa nhục cho dòng họ. Con ạ, dân các động phải có một người làm chủ. Còn con voi trắng chéo ngà...”, bà ghé mặt sát vào mặt Hồ Đề: “Voi trắng chéo ngà thì đã về trên đất đai của động ta rồi!”.

Ngược con suối Mai chảy dọc theo thung lũng, đi lên khoảng chừng sáu dặm có một thác nước từ đỉnh một ngọn núi cao có tên là núi Sô đổ ra, ngày đêm tiếng nước reo vang như trống trận, dân gọi là Thác Bạc. Từ bờ khe lên tới thác phải mất một buổi leo một dốc đá gần dựng đứng, người leo dốc luôn phải ngửa mặt lên, vì thế có tên là dốc Cài Hàm. Mé trên Thác Bạc có một cái hang lớn nhưng ở dưới nhìn lên không sao thấy được. Nước nguồn từ hang này đổ ra tuôn thành dòng thác. Hang không có tên. Xung quanh hang là rừng già xanh ngắt bốn mùa mây phủ, không từng có dấu chân người. Con voi trắng khổng lồ có đôi ngà bắt chéo vẫn tìm đến cái hang đầu nguồn này để tránh cái oi bức của mùa hè.

Các chúa động đều tin rằng người nào thu phục được con voi trắng chéo ngà là người ấy được Sơn thần chọn làm chúa các động và vì thế người nào bắt được con voi ấy sẽ được các động một lòng tôn xưng làm Thiên Sứ đại vương và dốc lòng thần phục.

Hồ Đề cùng một số những trai tráng và nữ binh gan dạ, khỏe mạnh trong động đi xét dấu của “voi thần” và tìm hiểu giờ giấc nghỉ ngơi của nó, những đường nó hay đi lại, những chốn nó thường đến tìm ăn... Sau bốn ngày dò xét, Hồ Đề quyết định mở cuộc vây bắt “voi thần”. Năm chắc phần thắng lợi và có dụng ý sâu xa, nàng thưa với bà chúa động cho người đi mời các chúa động xa gần đến dự hội đón “voi thần”. Tin ấy đưa đi, các chúa động đều giặt mình kinh ngạc và sắm sửa vôi vàng đến động Lão Mai.

Động Lão Mai suốt ngày đông khách. Khách đến, mang theo nhiều thức quý để mừng chủ nhân: vòng đeo tay bằng bạc trắng ngần, hạt đeo cổ bằng ngọc trong suốt, sừng tê lông lánh, ngà voi trắng phau, hổ phách vàng trong như giọt mật ong. Mùa này, ở Lão Mai quả mai nở vàng rừng, rừng mai dâng quả mời khách. Tiếng khèn, tiếng trống vang rộn từ sáng sớm tới gần nửa đêm. Mọi người đều chờ đợi một điều kì diệu: ngắm “voi thần” và người thu phục được con voi khổng lồ đó.

Suốt ngày hôm ấy, Hồ Đề, Hồ Hác cùng những người theo săn vẫn bám sát voi. Tới nửa đêm, đoàn người thắt vòng vây quanh hang Thác Bạc...

Khi mặt trời đỏ rực vừa hiện lên ở đằng đông trên những dải mây màu da cam và màu vàng lửa, một hồi trống đồng vọng đến rồi có tiếng tù và rúc lên như xoáy vào lòng người. Mọi người ùa ra đứng ở hai bên khe, trên con đường chạy dọc bản, trên các sân sà, hồi hộp nhìn về phía thượng nguồn. Từ phía đó, một đoàn người đang đi đến... Các dũng sĩ nam và nữ cầm giáo dài, mang nỏ lớn vây quanh một con voi trắng khổng lồ trông đồ sộ như một quả núi đang đi

chuyển và họ vừa đi vừa múa giáo theo nhịp trống đồng. Hồ Đề ngồi trên lưng voi, tươi cười hớn hở, tay cầm lao dài tay cầm búa bạc, áo xanh yếm đỏ, rực rỡ như mặt trời. Mọi người hò reo mừng rỡ, chúc tụng Hồ Đề, đều tôn xưng Hồ Đề là thần nữ. Từ ngày đó, uy danh Hồ Đề lừng lẫy khắp các động.

Mùa đông năm ấy, nữ chúa động Lão Mai mất, dân cùng một lòng tôn Hồ Đề làm chúa. Mùa xuân năm sau, các chúa động họp nhau ở Lão Mai, cùng tôn xưng Hồ Đề là Thiên Sứ đại vương.

Thiên Sứ đại vương mới hai mươi một tuổi đã phải lo lắng mọi công việc của bảy mươi hai động, lo đối phó với giặc Hán, lo lương thực và khí giới, nhất là đại vương lo hòa hợp các động cùng nhau một dạ một lòng.

Tới mùa xuân năm sau, châu úy đem quân “tiểu phạt” động Lão Mai. Hồ Đề phục quân ba động đón địch ở đường hẻm Trâu Luồn, đánh cho địch một trận thất điên bát đảo. Châu úy đem tàn quân về châu lý, cấp báo về phủ thái thú. Phủ thái thú điều quân đến. Mùa thu khô ráo, lại đánh Lão Mai cũng bị quân Hồ Đề đánh cho đại bại. Viên châu úy bị bắn từ trên ngựa ngã nhào xuống đất. Quân ta ủa ra bắt lấy, chặt đầu làm lễ tế cờ. Từ đó bảy mươi hai động đều theo về với đại vương. Phủ thái thú cử châu úy khác về thay trị nhậm đất Thiên Sứ, và giục giã phải cử binh dẹp cho bằng được “Giặc Lão Mai”. Nhưng rừng núi mênh mông, giặc tới đâu nghĩa quân đều biết, giặc có bao nhiêu quân số nghĩa quân đều hay, nghĩa quân đón dọc đường, núp trong rừng mà bắn ra rồi múa đao áp sát đánh giáp lá cà, không trận nào không thắng.

Danh tiếng Hồ Đề là “vua Thiên Sứ” bay khắp các châu quận, ngày càng có nhiều hào kiệt các châu tìm đến xin theo Hồ Đề.

Khi được tin Hai Bà Trưng tụ nghĩa ở Mê Linh, Hồ Đề họp các chúa động, nói: “Ta ở một vùng rừng núi này chỉ có giữ mà không có đánh, lập giang san riêng ra khỏi vòng ràng buộc của giặc nhưng không quét được giặc, như vậy vẫn là không thoát khỏi lưới giặc. Nay có Trưng nữ chủ khởi nghĩa ở Mê Linh, anh hùng bốn phương đều hướng về nữ chủ. Nữ chủ là cháu ngoại các Vua Hùng, là vợ góa của Đặng công Thi Sách, quan huyện lệnh Chu Diên. Nay Trưng nữ chủ đã truyền hịch cứu nước đi khắp các nơi, ta phải theo về với nữ chủ mới thu phục được giang sơn, cắt được ách áp bức của giặc Hán”. Mọi người đều cho là phải, chọn ngày tốt làm lễ tế cờ ra quân. Các động đều hăng hái theo Hồ Đề, đeo nỏ cắp giáo đợi giết giặc. Hồ Đề cầm cờ xanh, cưỡi voi trắng cùng hai ngàn nghĩa binh các tộc miền núi về Mê Linh hội quân với Trưng nữ chủ.

Trưng nữ chủ gặp Hồ Đề, thấy Hồ Đề khí phách anh hùng, tuổi còn trẻ mà thu phục được các động miền núi rừng Thiên Sứ, giang sơn một cõi, nữ chủ hết lời khen ngợi, đem việc lớn bàn với Hồ Đề đều được vừa ý. Nữ chủ thương Hồ Đề là con của lạc hầu Hồ tướng công, người đã dự mưu cùng chồng mình chống Tô Định nên coi Hồ Đề như ruột thịt. Hồ Đề kính phục dâng voi trắng lên nữ chủ. Nàng đem quân miền núi theo Hai Bà về Hát Môn tế cờ.

Hồ Đề được Trưng nữ chủ phong chức phó nguyên soái đứng đầu hàng nữ tướng, ngang chức với Bà Trưng em. Hồ Đề ba lần từ tạ không dám nhận, Trưng nữ chủ nhất quyết giao ấn, Hồ Đề phải vâng lời.

Trưng nữ chủ tự lĩnh ấn Đại nguyên soái, thân chỉ huy quân các đạo tiến đánh Tô Định rất gấp. Hồ Đề hạ lệnh cho quân lấy gạo nếp giã bánh dày làm lương khô. Quân các bản, các động theo Phó nguyên soái Hồ Đề tới gần một vạn người.

Hồ Hác là em Hồ Đề được giao chức Điều bát tướng quân chuyển vận binh lương ở miền bể. Người tráng sĩ đã tặng Hồ Đề con ngựa đen tìm đến theo Hồ Đề được phong phó tướng dưới quyền của Hồ Hác.

Khi nước đã yên, Bà Trưng lên ngôi vua, Hồ Đề được phong công chúa trước gọi là Đề Nương công chúa sau cải là Đào Nương công chúa.

Mã Viện vâng lệnh Hán đình cầm quân xâm phạm nước Nam. Vua Trưng hạ lệnh các đồn ải phải nghiêm phong cấm mật, lại lệnh cho chặn đánh giặc ở các ngã. Phó nguyên soái Hồ Đề ra

quân, đánh trận nào giặc thua trận ấy, có lần đại chiến với Mã Viện đuổi Mã Viện chạy dài ở Cao Bằng. Mã Viện còn đang cơn hốt hoảng, Hồ Đề gấp tiến quân không cho giặc nghỉ, bao vây Mã Viện.

... Sau khi Trưng vương đã tử tiết, Hồ Đề vẫn còn cầm quân chống giặc. Có lần tìm về nơi Trưng vương mất để viếng mộ phần, Hồ Đề không phòng bị gặp Mã Viện đánh bất ngờ. Hồ Đề không chống cự lại được với quân Mã Viện lớp lớp vây kín, mới cố đánh mở đường chạy tới bờ sông Nguyệt Đức bến Tân Thử. Trước mặt sóng nước mênh mông, sau lưng giặc đuổi sắp tới, Hồ Đề hét to một tiếng, nước rẽ ra đón cả người lẫn ngựa.

Hồ Hác binh đơn thế yếu, nghe tin chị đã tử tiết cũng tử tiết theo, lấy nước làm nơi gửi thân⁽⁸⁾.

XUÂN NƯƠNG

TRƯỞNG QUẢN QUÂN CƠ

Châu Đại Man là một châu lớn, đất có núi đồi sông bãi, dân có vùng thấp vùng cao. Vùng cao ở nhà sàn, cơm nấu trong ống tre, phóng tên săn thú, đốt rừng làm rẫy. Vùng bãi và đồng, cấy lúa nước, chăn tằm trồng dâu, quặng chài thả lưới. Chủ trưởng châu tên là Sát, dòng họ Hùng, lấy Đinh Thị Hiên Hoa là người đẹp ở rừng núi, con nhà lang có quyền thế trong châu. Hiên Hoa được Hùng Sát yêu quý, lập làm chính thất, bảy lần có mang đều sinh con trai, người nào cũng khỏe mạnh đẹp đẽ.

Năm ấy, nhân buổi trăng hè sáng tỏ, bà Hiên Hoa bảo các nữ hầu hát múa làm vui. Đinh Thị Hiên Hoa mặc áo mỏng, gõ phách hát theo các nữ tì rồi cùng uống rượu ăn bánh, vui chơi ở lầu cao phía Đông. Tới canh ba, hương hoa thơm ngát, gió mát hây hây thổi về, ánh trăng lấp lánh lá cành. Hiên Hoa tựa mình vào bao lơn thiu thiu ngủ. Chợt một người con gái xinh xắn khoảng mười ba tuổi, mặc áo đỏ cài thoa vàng, cưỡi mây hồng, mây tía hạ xuống trước lầu. Hiên Hoa mừng rỡ ôm ngay lấy người con gái, dồn dập mà rằng: “Em ở đâu lại đây, ở đâu lại đây? Tốt thay! Đẹp thay”. Người con gái mỉm cười nói: “Con được trời cho xuống làm con phu nhân đấy!” nói đoạn, ngoắt mình chạy đi. Hiên Hoa vội đuổi theo chẳng ngờ bị vấp ngã, giật mình tỉnh giấc mới biết chỉ là mộng, tự nghĩ mình vì quá ao ước nên mộng thấy. Hay có thể ta cũng sẽ được một người con gái xinh đẹp như trong mộng thật chẳng? Đang cơn bồi hồi nghĩ ngợi thì chủ trưởng đến lầu. Hiên Hoa đem câu chuyện mộng vừa qua kể lại với chồng. Ông chỉ cười, hai vợ chồng cùng tựa lầu ngắm trăng đón gió, truyền cho các thị nữ được lui về nghỉ.

Mồng hai tháng giêng năm Giáp Thìn, bà Hoa sinh được một gái, nhân để vào mùa xuân, mới đặt tên con là Xuân, lại đặt hiệu là Hoa. Sinh con được một trăm ngày, Hiên Hoa mất. Vị chủ trưởng tìm người bế ẵm và cho Xuân bú sữa, nhưng Xuân không chịu bú một người nào, cha và các anh phải ép nước mía thay sữa bón cho Xuân. Tới khi đầy tuổi tôi, Xuân lại không chịu ăn cơm chỉ thích củ mài và nước mía.

Họ Hùng giữ ngôi chủ trưởng châu Đại Man cha truyền con nối, có ân có uy, truyền tới Hùng Sát là đời chủ trưởng thứ mười, trong nhà có mười chiếc trống đồng của mười đời chủ trưởng. Hùng Sát tính nghiêm mà nhân, thường lo nghĩ việc nước, nung nấu mối thù giặc Hán cướp cơ nghiệp họ Hùng, căm giận Tô Định càng ngày càng hống hách, tham tàn. Một hôm Hùng công cưỡi ngựa dạo chơi với người con trai trưởng là Hùng Thắng, nhân lúc vắng vẻ, bảo con rằng: “Ta có bảy con trai đều có khí phách anh hùng, con là trưởng con sẽ nối nghiệp cha mà cầm quân ở châu. Con có muốn cúi đầu khếp áo mãi mà thờ Tô Định chẳng?”.

Người con trưởng vòng tay xin cha chỉ bảo. Hùng công thông thả nói: “Tổ tiên xưa dựng nước biết bao khó nhọc, nay để di chúng giày xéo giang san gấm vóc, thực đáng đau lòng. Ta già rồi, mỗi khi nghĩ tới lúc gặp gỡ tổ tiên không khỏi hổ thẹn. Đặng công Thi Sách là huyện lệnh Chu Diên đất rộng dân đông, uy quyền lắm liệt, chính là hào kiệt ở đời này. Người ấy có chí lớn xoay chuyển thời thế đấy, con hãy nhớ lấy”.

Được ít lâu sau, vào ngày mười hai tháng mười, Hùng Công mất, con trưởng lên nối quyền, giao các em lĩnh chức thổ quan cùng trông nom đất đai của tổ phụ. Năm ấy Xuân Nương mới mười ba tuổi.

Vị chủ trưởng mới thương dân lo việc, được các em kính phục vâng lời, dân chúng thuận theo. Hùng Thắng chăm sóc thương yêu Xuân nương, quý em như vàng. Xuân nương càng lớn càng xinh, đàn hay vẽ đẹp, thông minh tuyệt vời, đọc sách chỉ một lượt là thuộc. Hùng Thắng thấy em nghiêm nghị đoan trang, ít cười ít nói, nghĩ rằng em buồn vì nối sớm mồ côi cả cha mẹ nên lại càng thương. Nhân nghĩ tới việc lớn, Hùng Thắng đem các môn võ nghệ cùng những cách bày binh bố trận truyền dạy cho Xuân nương, lại thường nói với các em rằng: “Múa giáo giương cung, luyện tập sĩ tốt, đó là việc của người hào kiệt buổi này”. Tới năm mười sáu tuổi, Xuân nương tươi đẹp như đóa hoa hồng, đường cung mũi kiếm đều tinh thực thì Hùng Thắng

bị Tô Định sát hại.

Nguyên là Hùng Thắng đã bí mật liên kết với Thi Sách huyện lệnh Chu Diên cùng mưu chống Tô Định. Thi Sách tiếp Hùng Thắng ở tư dinh cắn ngón tay rỏ máu vào chén rượu chia đôi cùng uống, thề không đội trời cùng giặc Hán. Mọi việc làm của Thi Sách bị Tô Định dò biết. Định thăm sát các người dự mưu với Thi Sách. Hùng Thắng bị Tô Định bắt, mắng chửi Tô Định cho tới lúc chết.

Bốn em trai của Hùng Thắng bị giặc bắt giết, chỉ có hai trốn thoát được cùng với Xuân nương. Ba anh em cùng bàn mưu kế, quyết không chịu thua Tô Định, phải trả món nợ máu cho anh em được ngậm cười nơi chín suối. Xuân nương khẳng khái nói: “Hai anh hãy tìm chốn ẩn mình chớ để giặc bắt được, hãy vào hang động như con cọp chờ lúc mùa vuốt, hãy như con giao long ẩn mình nơi đầm hồ chờ lúc bay lên thét gió gào mưa. Nợ nước thù nhà, em xin cùng các anh gánh vác. Em là phận gái, giặc không để ý, lại ít ra ngoài không mấy người biết, có thể đi lại trong châu kết giao với các hào kiệt được!”.

Xuân nương bèn cắt tóc, khoác áo nâu sòng, cải tên đổi họ, một chiếc tay nải bên vai, nay làng này mai làng khác, chú ý tìm những người có gan có chí để kết bạn cùng mưu việc báo quốc.

Có ngày Xuân nương cùng vài sư nữ trẻ tuổi đều là khách anh hùng đi tới trang Tuế Phong thấy một cảnh chùa hoang vắng ở bên sông trên gò cao, đứng sau chùa có thể nhìn thấy khúc sông quanh co uốn lượn, xung quanh chùa cây cối rậm rạp u tịch. Xuân nương nói với dân làng cho được ngu lại chùa này để thắp hương niệm Phật. Cảnh chùa dần trở nên sầm uất, thiện nam tín nữ các nơi đến nghe giảng kinh, xin cúng giàng, làm chay tuần rằm mồng một, những người có gan, có chí cũng nhân đó tìm đến gặp Xuân nương. Xuân nương dựa vào cửa thiền để kết giao hào kiệt.

Xuân nương xinh đẹp mà nghiêm trang, hay làm phúc cứu giúp người nghèo, mưu mang kẻ khó, đức cao như núi, rộng như biển không ai là không kính trọng. Xuân nương tuổi mới hai mươi mà ai khi gặp nàng, cũng chắp tay niệm nam mô, tôn xưng nàng là “mẹ”. Xem như vậy, ta cũng thấy được lòng dân quy thuận theo Xuân nương như thế nào.

Người các nơi mang thù với giặc theo Xuân nương lúc này đã tới trên một trăm, sớm tối ra vào cửa thiền giả cúng bái tụng kinh niệm Phật để được Xuân nương chỉ bảo. Làng ở bãi gọi là trang, là sách, làng ở núi gọi là động, là mừng lần lượt nhóm lên những nhóm nghĩa quân. Họ thường chờ lúc trời tối đêm khuya, thường tìm chốn hang sâu đồng vắng cùng nhau bàn bạc, cùng nhau luyện tập.

Trưng Nhị nương là em ruột Trưng nữ chủ huyện Mê Linh, cùng với Trưng nữ chủ đứng lên tập hợp dân chúng Giao Châu chống Tô Định, giành lại nước. Trưng Nhị nương thân đến gặp Xuân nương, đưa hịch cứu nước cho xem, nói rằng: “Giao Châu đang rung chuyển, nhân dân khổ cực đã vùng dậy, ngày tận số của bọn thống trị dị tộc sắp tới! Chúng ta không nên giấu mình kín tiếng nữa! Nàng hãy nêu cao danh nghĩa của cha anh, dựng cờ lớn, gióng trống chiêu binh, chờ lệnh cất quân đuổi giặc”. Lúc này, Nàng Nội châu Bạch Hạc vừa chém đầu Hoàng Sùng Chính lên cầm quyền trưởng châu. Tô Định bàng hoàng hoảng hốt như sét đánh bên tai. Nhân dân khắp nơi đều vui mừng hăng hái. Xuân nương biết thời cơ có thể đứng lên được, vâng lời Trưng Nhị nương, rồi tìm hai anh bàn việc khởi nghĩa.

Ngày mồng mười tháng giêng, Xuân nương họp trên một nghìn nghĩa binh ở Hương Nha, tế cờ điểm quân. Nữ chủ sụy ngồi trên sạp cao, đầu bịt khăn vuông, mình mặc áo bào thêu chỉ vàng, chỉ bạc, chỉ tía, chỉ hồng, là áo quý của các lang mừng dâng, sau lưng có sáu nữ binh cầm gươm đứng hầu, uy nghi lộng lẫy như vàng mặt trời mọc. Nữ tướng tuyên đọc lời hịch của Trưng chúa kể tội giặc Hán tham tàn bạo ngược, kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên đuổi giặc, đọc xong hịch liền phiên chế đội ngũ, cử các đầu lĩnh. Các mừng vùng cao có bảy trăm ba mươi người về ứng nghĩa, Xuân nương chia làm mười bộ, mỗi bộ ba mươi sáu người và một quản bộ. Các quản bộ gọi là thần quan, giao giữ các công việc như sau: thần quan coi việc côm

nước, thần quan coi việc sát sinh mổ trâu giết lợn, thần quan coi việc rượu, thần quan coi việc nhạc và múa, thần quan coi việc đội quân cung thủ, bốn thần quan coi việc các đội tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân và một thần quan coi việc trung quân.

Quân chia sáu đội; trung quân là nữ binh, tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân đều là nam binh. Quân cung thủ có một trăm hai mươi tay nỏ. Có một phó tướng đốc lĩnh cả bốn đội quân nam. Chức ấy Xuân nương giao cho anh thứ bảy của mình là Hùng Long, lại cử anh thứ sáu là Hùng Hoàn coi giữ việc quân lương và trông nom các trang, các động.

Dân chúng các nơi nô nức về dự hội. Người ở vùng cao mang mật ong, thịt hươu thịt nai, tên tẩm thuốc độc về, người ở bãi sông mang gạo, cá và muối đến. Các lang mừng, trùm động, trưởng trang, người cưỡi ngựa, kẻ đi chân, mang trầu cau, khiêng trống chiêng gặp nhau đều vui mừng hơn hở.

Các thần quan ai lo việc nấy. Người coi rượu lấy ống bương múc rượu, tiện vầu, tiện nửa làm chén uống. Người coi cơm nước cho lấy tre đan thành phen, lót lá chuối, lá ngô đồng mà bày thịt, gạo tẻ nấu bằng nồi đồng, gạo nếp nấu trong ống tre. Quân đánh trống lớn trống con, thổi khèn thổi sáo, gõ mõ gõ phách, cùng nhau múa hát diễn các trò vui. Dân Tiền Áo hai tay cầm mo cau múa nháy, gọi là múa Mo, dân động Cao nhún chân vẩy tay theo tiếng nhạc đồng gọi là múa Gâu. Con gái kéo co bằng dây song, con trai đấu vật. Nơi cung sở của Xuân nương, trai gái vùng núi tới tung còn và hát đối đáp với nhau từng đôi một. Hội kéo dài tới nửa đêm, đuốc nhựa trám và bạch lạc cháy rừng rực tới gần sáng.

Xuân nương thiết lập dinh sở. Thượng cung là nơi nàng cùng với nữ binh nghỉ, hạ cung là nơi ở của thập bộ thần quan. Xung quanh dinh lập đồn trại cho tả, hữu, tiền, hậu bốn quân đóng giữ. Thượng cung làm trên một quả đồi cao hình con rùa, mé trước là ao bán nguyệt, mé sau có giếng đá nước trong leo lẻo mát lạnh, là nước mạch từ núi dẫn về. Xuân nương đóng ở đó, đưa lệnh chiêu quân đi các nơi, được hơn một nghìn người về ứng mộ. Ngày mồng ba tháng năm, Xuân nương làm lễ trước phần mộ cha anh rồi đưa quân lên đường. Trung quân có năm trăm nữ binh nai nịt gọn gàng, tay khiên tay gươm. Quân cung thủ ba trăm, tên dài nỏ cứng. Tiền quân mang giáo, có búa có dao, hậu quân có ngựa, có thuyền, tả quân mang đao vác mộc là quân các mừng, hữu quân cầm mác đeo gươm là quân các sách. Ba nghìn nghĩa quân của Xuân nương hùng dũng háng hái tiến về Hát Môn hội với anh hùng hào kiệt các nơi dưới cờ Trưng chúa. Trưng chúa và các tướng soái, các thủ lĩnh nghĩa quân đều khâm phục Xuân nương, binh oai hùng, tướng nghiêm trang, đội ngũ tề chỉnh. Trưng chúa phong cho Xuân nương là Thị nội tham tán quân cơ, giúp Trưng chúa bày mưu định kế, lo liệu các việc. Trưng chúa họp 6 vạn quân ở Hát Môn, tiếng chiêng, tiếng trống vang trời, gươm giáo sáng choang, cờ xí chói mắt, nam binh nữ tốt lắm liệt, oai phong. Tế cờ xong, quân chuyển lên đường, chia các đạo tiến đánh giặc Hán, thế mạnh như bão đổ nước dâng, cờ chỉ tới đâu giặc tan tới đó.

Đẹp xong giặc nước, vua Trưng phong Xuân nương làm Đông cung công chúa Nhập nội Trưởng quản quân cơ nội các. Sau lễ phong, Xuân nương được về nghỉ thăm phần mộ gia tiên và các nơi châu ấp.

Ngày mồng năm tháng giêng, Đông cung công chúa về làng Nam Cường nghỉ lại một ngày, ngày mồng sáu đến làng Tự Cường, mồng tám đến trang Tiền Áo, mồng chín về tới Hương Nha. Tới làng nào nhân dân cũng đều vui mừng quyến luyến. Ngày mồng mười tháng giêng Xuân nương tắm gội sớm rồi ra dự hội với dân chúng ở bến Lão Châu. Hội làng mừng Xuân nương có đánh vật, chọi gà, hát xướng, con trai mặc giả gái hái dâu bán tơ, con gái mặc giả trai mang cày vác bừa, hát với nhau rồi té nước vào nhau. Ngày hội ấy người các làng kéo về dự đông nườm nượp. Từ đó bến Lão Châu còn được gọi là bến Đông. Xuân nương cho quân mổ trâu giết lợn, làm bánh dày cùng vui với các cụ phụ lão và dân chúng, nhân đó nói với các cụ rằng: "Dân ta đây trung hậu, phong tục thuần phác, thật đáng khen". Nàng bàn với các cụ việc trồng dâu, trồng chuối ở bên sông. Nghỉ lại vài ngày, Xuân nương về Hương Nộn. Ngày rằm làm lễ cúng Phật ở chùa, hôm sau thăm viếng phần mộ cha anh, rồi về triều bái mệnh.

Trong triều có tướng quân Đặng Thi Bằng lĩnh chức Trưởng quản thủy quân các đạo. Là em

ruột Thi Sách, ông sớm góa vợ, không có con. Tướng quân Đặng Thi Bằng được biết Xuân nương là nữ trung hào kiệt, có nghĩa khí thao lược, nhan sắc mặn mà, nên đem lòng yêu mến, mới tâu nhờ vua Trưng nói giúp. Xuân nương nghe vua Trưng làm mối cho Đặng tướng quân, nài vui lòng tuân lệnh. Từ đấy, trai trượng phu gái anh hùng sánh đôi như rồng sánh phượng, như quế sánh hồi, tình nghĩa mặn nồng đầm thắm.

Trong cuộc Hán xâm chiếm lại Giao Châu, Mã Viện cho một đạo tiến theo sông Thao do tướng Lưu Long đốc lĩnh, lần lượt phá vỡ các đồn trại trên tuyến của ta ở bên sông. Tình thế quân ta lúc đó trăm phần nguy cấp. Trưng vương truyền lệnh cho Xuân nương cùng với Thi Bằng về lập phòng tuyến cự địch ngay ở nơi thực ấp của Xuân nương. Đây là phòng tuyến cuối cùng bảo vệ cho đạo quân Nàng Nội đóng ở Bạch Hạc. Hai vợ chồng Xuân nương ra sức chống đỡ, mặt thủy có Thi Bằng, mặt bộ có Xuân nương. Hai bên giao chiến bảy ngày liền giặc vẫn chưa phá vỡ được phòng tuyến của quân ta. Ngày mười ba tháng hai, giặc vây được Thi Bằng ở bến sông. Quân giặc ùn ùn kéo đến khép kín bốn mặt. Thi Bằng múa đao tả xung hữu đột hồi lâu, nhỡ tay đánh rơi đao liền bị tướng giặc thúc ngựa sát tới đâm một giáo giữa bụng. Tướng quân Thi Bằng kêu to một tiếng, ngã ngay trước trận tiền.

Xuân nương được tin chồng bị vây, vội lên ngựa, hai tay hai kiếm cùng thập bộ thần quan thẳng tới trận tiền. Nàng ra ra vào vào bốn năm lượt, chém rụng đầu mười viên tướng giặc mà vẫn không phá nổi vòng vây. Giặc đông như kiến, lớp này giã ra lớp khác xông vào. Có tin tướng quân Thi Bằng đã bị giết hại, quân ta bối rối, nao núng bị giặc đánh tan tác. Xuân nương cùng vài nữ tốt lúc đó đều mặc nam trang đứng giữa vòng vây cự giặc. Đánh từ sáng tới trưa, mặt trời đã đứng bóng, Xuân nương thấy bụng đau như thắt, chân tay bủn rủn, biết là động thai, cố sức chống đỡ, che chở cho cái thai năm tháng nằm trong bụng. Các nữ tốt đều bị tử thương. Xuân nương, vừa đau vừa mệt, ngựa sùi bọt mép, người đổ mồ hôi, áo giáp bị một mũi giáo đâm rách... Giặc Hán biết là tướng đàn bà reo ầm lên, cởi ngay áo, người để trần, xông vào bắt. Xuân nương thấy quân giặc hò hét nháy nhót như lũ quỷ điên dại, vừa giận vừa then, má đỏ bừng, lỡ tay rơi cả hai kiếm, vội thúc ngựa chạy. Tướng giặc đuổi theo. Xuân nương giật được một lưỡi dao của giặc kìm ngựa quay ngoắt mình lại, đầu tướng Hán rơi như một quả chín nẫu rụng khỏi cành. Quất ngựa chạy được một quãng vẫn chưa thoát được vòng vây, Xuân nương lại bị giặc phóng một mũi kích vào sườn, máu đổ ra như suối. Lúc ấy các thần quan chạy tới cố sức xông pha cứu nguy cho chủ tướng mới đưa được Xuân nương ra khỏi vòng vây. Quân giặc bị đánh lui.

Xuân nương xuống ngựa nằm gục ở bến Nam Cường đau không dậy được, nước mắt ướt đầm cả mặt, khóc chềnh, thương hồn máu đỏ nằm trong bụng. Các gia thần và nhân dân vực Xuân nương dậy, dịt thuốc vào các vết thương, dâng cơm nước. Xuân nương nghỉ ngơi được một lúc, giặc lại ò ạt kéo đến vây khắp trước sau.

Xuân nương lên ngựa cùng các tướng vừa đánh vừa rút về cung sở ở Hương Nha. Xuân nương đi tới đâu máu rỏ ra tới đó, máu theo dấu chân ngựa rải khắp dọc đường. Tới Hương Nha, các tướng cố sức đánh lui quân giặc, nghiêm phòng cẩn mật, người không cởi áo giáp, ngựa không tháo yên. Xuân nương nghỉ được một đêm. Hôm sau, giặc lại kéo đến nhưng các tướng giữ vững thành lũy, giặc không phá nổi.

Hôm ấy, ngày mười lăm tháng hai, buổi chiều, Xuân nương cho làm một cỗ chay cáo tế trời đất, cúng cha anh và cúng chồng rồi lui về nghỉ. Buổi tối, Xuân nương gọi các gia thần, nữ tốt vào cung dặn dò mọi việc. Tới đêm, trời nổi sớm chớp, mưa trút xuống như thác, Xuân nương lấy ngựa một mình ra đi, nhằm phía làng Hương Nộn lần bước. Mưa rơi như roi quất, chớp giạt, sấm rền, Xuân nương bụng đau âm ỉ, các vết thương ngấm nước nhức nhối, tránh các nơi giặc đóng, vừa đi vừa nghỉ. Nàng ngồi trên một hòn đá lớn ở Tiên Áo một lúc, khi đứng dậy hòn đá ướt đầm máu. Xuân nương lại gắng gượng lên ngựa, vượt gió mưa về tới Hương Nộn. Tới đây, Xuân nương thả ngựa, lần tới cửa chùa, ngồi nghỉ một lúc rồi lần khắp trước sau chùa, bồi hồi tưởng nhớ. Lần tới bờ sông, Xuân nương tự nói: "Ta không muốn tử tiết ở nơi cung sở để xác lột được vào tay giặc và làm tan rã chí ba quân. Nay sức ta đã hết, xin một chết để báo ơn vua

đền nợ nước. Hồn ta muôn đời không tan, nguyệt sẽ phù hộ cho dân cho nước”. Nói đoạn nàng gieo mình xuống dòng sông Thao cuộn cuộn trôi...[\(9\)](#)

NÀNG QUỲNH, NÀNG QUẾ

TIÊN PHONG PHÓ TƯỞNG

Làng Trờ bên sông Thao là một làng nhỏ dân ít, có hai vợ chồng Nguyễn Diệu và Đào Thị Lộng là dân chài, hiền lành như đất, sớm chiều thả lưới buông câu, sống lần hồi với một túp lều lúp xúp và mảnh vườn nhỏ bé. Đã nghèo lại hiếm muộn về đường con cái, hai vợ chồng thường phàn nàn về nỗi ông trời sao ở bất công, với người lương thiện chỉ biết chí thú làm ăn mà bất tộ hiểm cả con lẫn của.

Tối hôm ấy, người vợ nằm mộng thấy vị thần núi hiện đến, trông như một chàng học trò xinh đẹp, mặc áo dài xanh, tay cầm hai cành hoa, cười mà nói rằng: “Có hai bông hoa đẹp nơi đỉnh núi ta vẫn để dành cho các người, sao lại không hái về? Thương vợ chồng người tu nhân tích đức, ta cho hai cành hoa của ta để các người hưởng phúc lâu dài”. Nói đoạn, vị thần đặt một bông quỳnh và một bông quế lên một chiếc mâm vàng chói lọi, trao cho hai người.

Người vợ chợt tỉnh giấc, vừa mừng vừa sợ, đợi tới sáng mới đem chuyện mộng nói lại với chồng. Sau bà Lộng sinh được hai người con gái, vợ chồng đặt tên cho là Quỳnh và Quế. Quỳnh và Quế cùng cất tiếng khóc chào đời một lúc, nên làng không biết coi ai là chị, gọi ai là em. Tối khi hai con vừa đầy tuổi, vợ chồng dọn đến ở xóm nhỏ dưới chân núi.

Xóm nhỏ này nằm bên dòng sông Bứa giữa vùng rừng núi bao la thăm thẳm, thuở đó không rõ tên gì, sau này được gọi là làng Quang Húc. Quỳnh và Quế lên ba bụ bẫm xinh đẹp, cả làng yêu quý. Khi hai em lên mười tuổi, những người đi rừng bắt đầu dạy các em ném lao. Các em đòi bắn nỏ. Mọi người đều cười, nói rằng các em chưa đủ sức giương nỏ, hãy cố mà ném cho cây lao trúng thân chuối cách ba bước chân là được. Người trùm phường sẵn vui vẻ đưa các em dây cung của mình. Quỳnh và Quế lần lượt nhắc dây cung của người trùm phường sẵn, lắp tên, bắn thử. Cây cung cong như vành nguyệt mỏng ba, chiếc tên vút bay như ánh chớp! Từ đó Quỳnh và Quế được tập lao tập cung, tập tìm vết thú rừng, tìm nơi chúng uống nước. Mùa xuân, xóm núi trắng rơi hoa mận, hoa ban, mùa hè quả dâu da rụng đỏ rừng đỏ suối, tới mùa thu lá rừng trải vàng mặt đất, làng gặt lúa nếp lúa tẻ, cất rượu và làm lễ ăn cơm mới. Cu già nhất làng nói: “Quỳnh và Quế đã lớn tuổi rồi, bắt được dấu con nai, tìm được chỗ ẩn con dũi, thế mà chưa biết ăn ở cho có thứ bậc. Phải phân biệt chị em mới được. Nay ta hãy dồn con hươu cho hai đứa nó bắn, đứa nào bắn trúng đầu hươu sẽ là chị”. Làng khen phải, hò reo dồn vây một con hươu vàng cho hai em gái bắn. Mũi tên của Quỳnh buộc dải lụa trắng, mũi tên của Quế buộc dải lụa đỏ. Con hươu vàng bị dồn chạy lao qua chỗ các em gái nấp. Hai mũi tên bay như cánh én! Con hươu bị trúng tên chạy tới khe suối, cúi đầu uống nước. Dân làng đuổi tới vây bắt cùng vui vẻ reo lên. Mũi tên buộc lụa trắng cắm giữa hai sừng hươu còn mũi tên dải đỏ cắm vào cổ hươu ngập nửa thân tên. Từ đó, Quế phải gọi Quỳnh là chị.

Khi Quỳnh và Quế tới tuổi mười lăm như trăng tới ngày rằm, vẻ đẹp rực rỡ hiện ra làm chói mắt người trẻ người già. Cu già nhất làng lại nói: “Hai đứa nó đúng là hoa của thần núi ban cho dân ta!”. Quỳnh và Quế xinh tươi như hai bông hoa của rừng núi châu Đại Man, bắn nỏ giỏi vượt hết trai tráng trong vùng, tiếng đồn về vẻ đẹp và tài bắn nỏ của hai cô gái bay khắp châu. Hai ông bà Nguyễn Diệu và Đào Thị Lộng tuổi đã già chỉ mong cho con gái yêu sớm được gặp người vừa đôi phải lứa.

Thuở ấy giặc Hán đô hộ nước ta, chính sách bóc lột của giặc làm dân ta cơ cực trăm chiều. Giặc bắt dân châu Đại Man nộp mật ong, lông trĩ, nộp đuôi sóc và nhung hươu, nộp tắc kè và sừng dê. Giặc lại bắt nộp rượu và gạo nếp, rồi lại bắt nộp quế và trầm. Giặc còn đánh thuế rất nặng vào các lâm sản phẩm. Dân không nộp đủ, không có nộp đều bị giặc cùm kẹp đánh đập. Mỗi khi quan quân của chúng đi các làng, các động thu thuế và cống phẩm, dân chúng phải trốn tránh, lẩn lút góc rừng, ven núi rất khổ sở.

Một ngày có tin về làng là giặc Hán sẽ bắt hai nàng Quỳnh và Quế. Cả làng căm phẫn, lo sợ. Ông bà Nguyễn Diệu lại càng lo nghĩ trăm phần, mất ăn mất ngủ. Quỳnh và Quế vẫn cười nói

như không. Cụ già nhất làng nói: “Các con hãy lẩn vào rừng sâu hang kín, tránh chúng nó như tránh con cọp dữ”. Quỳnh và Quế đều nói: “Chị em chúng con không tránh cọp bao giờ, thấy cọp là bắn, sao lại chịu trốn tránh mấy tên lính Hán? Nếu quan quân giặc Hán tới đây, hai chị em sẽ bắn chúng nó như bắn con chồn, con nai thôi!”.

Quả nhiên giặc về vây làng. Làng nổi trống, nổi mõ. Trai làng nghiêng răng gương nỏ lấp tên độc tẩm nhựa cây sui. Giặc nhón nháo hò nhau tháo chạy. Xác giặc phơi ở cửa rừng, mặt đỏ tím như quả bồ quân, quạ bay lượn kêu toáng lên rồi lảng tránh cả.

Con gái của vị chủ trưởng châu Đại Man là Nàng Xuân dựng cờ tụ nghĩa, hào kiệt trong châu mang nỏ theo về được tới vài trăm người. Các làng, các động châu Đại Man rên giáo vót tên đều rủ nhau theo về với Xuân nương.

Quỳnh và Quế muốn được gặp nàng Xuân. Nàng Xuân cũng cho người tìm gặp Quỳnh và Quế, nói rằng: “Xuân nương mưu việc lớn mong được gặp hai nàng để kết bạn!”. Quỳnh và Quế đều nói: “Quan chủ trưởng châu là dòng lạc hầu. Anh nàng Xuân mưu giết Tô Định, việc không thành, bị giặc sát hại. Nàng Xuân vì nợ nước thù nhà đứng lên cùng dân trong châu chống nhau với giặc. Hai đứa chúng tôi phải tìm đến xin làm nữ tốt dưới cờ của nàng Xuân, đâu dám nói tới chuyện kết bạn cùng nàng!”. Nói rồi cả hai cùng về gặp Xuân nương. Xuân nương mừng vui nói với hai người: “Hai nàng thật là những bông hoa của thần núi, đã xinh đẹp lại kiên cường. Ta không dám coi hai nàng là kẻ dưới nên muốn được kết bạn với hai nàng để cùng đuổi giặc Hán đây thôi!”. Quỳnh và Quế cũng vui mừng vì biết Xuân nương là bậc hào kiệt có tài đức, có chí lớn, nhìn xa, nghĩ sâu, xứng đáng ở ngôi chủ trưởng đưa dắt mọi người, mới xin theo Xuân nương. Xuân nương an ủi bảo ban, dặn rằng về kết bạn với các tráng sĩ, cùng nhau hãy lên núi Bứa lập trại chống giặc. Nàng Xuân lại nói: “Muốn vào nhà phải qua cổng. Vùng núi rừng châu Đại Man ta lấy sông Bứa làm hào, núi Bứa làm cổng, hai em chớ coi thường. Các động đều ở nhà sàn, ăn cơm ống, đó chính là quê của mẹ ta. Các em giữ vững nơi cổng ngõ, chờ lệnh ta nhé!”. Từ đó núi Bứa trở thành nơi hai nàng Quỳnh và Quế thiết lập căn cứ chống giặc Hán.

Xuân nương đưa hai nàng Quỳnh và Quế cùng theo về gặp Hai Bà Trưng ở Mê Linh. Hai Bà giao cho Quỳnh và Quế năm trăm quân, lại cho về đóng giữ núi Bứa.

Khi Trưng vương tế cờ ở Hát Môn, đem đại quân tiến đánh Luy Lâu lại có lệnh gọi Quỳnh và Quế về phong làm Tiên phong phó tướng, thuộc dưới quyền Thiều Hoa, đi trước đến Luy Lâu vây hãm.

Đẹp xong Tô Định, hai Bà luận công phong thưởng các tướng sĩ, hai nàng Quỳnh và Quế đều được phong công chúa.[\(10\)](#)

ĐÀM NGỌC NGA

TIỀN ĐẠO TẢ TƯỚNG

Sông Đà giống như một con giao long trườn mình tìm về bể Đông lượn thân hình khổng lồ màu xám giữa một vùng núi rừng xanh thẳm. Đây là một con giao long mang uy lực thần bí, đem lại cuộc sống và niềm vui cũng như những lo âu khủng khiếp đến với con người. Những người dân Giao Chỉ ở rải rác suốt dọc sông với những chòm xóm bản mường nhỏ bé. Ngọn núi Ba Chỏm Cao bên sông mà ngày nay ta gọi là núi Ba Vì hay núi Tản sừng sững đứng trấn một cõi trời tây, rực rỡ ánh mây lửa đỏ rực chiều chiều và mỗi khi trời nổi cơn thịnh nộ thì mây đen lại vần vù vây quanh đỉnh núi, lóe lên những tia chớp chói lòa giật liên hồi, và lửa từ tay trời phóng ra giận dữ rền lên làm cho con người những nghe tiếng mà khiếp sợ. Núi Ba Chỏm Cao uy nghiêm ngời ngăm con giao long xám quấy lộn dưới chân, con quái vật đã bị Tản Viên sơn thánh ngự trên ngọn núi áp đảo và trừng trị.

Và kia, mây đen vây kín trời đã mười ngày rồi. Núi Ba Chỏm Cao lăm lăm chờ đợi. Rừng đặc và đầm lầy bốc hơi ngùn ngụt. Con cọp xám suốt đêm gầm thét những tiếng khắc khoải làm run sợ trăm loài thú. Con tê giác da đồng rau rầu nhai lá dứa dại và rễ cây, nuốt chính máu mình cho đỡ cơn khát trước cái oi bức ngột ngạt theo về với những đám mây đen nặng nề.

Chớp lóe trên ngọn núi Ba Chỏm Cao.

Những người già lo sợ: “Thủy Tinh sắp đấu với Sơn Tinh. Giao Long sông Đà sắp quấy mình rồi! Cơn nước hung dữ sắp cuốn đi tất cả!”.

Dân sông Đà đã thấy trước làn nước mênh mông cuộn cuộn và tiếng gầm réo dữ tợn, đoàn quân của thủy thần ào ạt xông lên phá hoại tất cả trong cơn giận dữ.

Đó, câu chuyện về Nàng Trăng đã được bắt đầu như thế đó. Câu chuyện về Nàng Trăng được bắt đầu với cảnh tượng hùng vĩ núi Tản, sông Đà.

Cụ già có vóc dáng cao lớn như cây tùng, cây bách, có mái tóc trắng như mây non mùa xuân và đôi mắt long lanh như lửa chớp. Cụ già bộ dạng vững như núi, không ai biết đã bao nhiêu lần tuổi thọ, có lẽ đã trăm tuổi, ngàn tuổi, có lẽ cụ đã sống lâu như núi, như sông. Cụ già sông Đà đã kể chuyện về Nàng Trăng, người nữ tướng anh hùng của vua Trung, bắt đầu bằng cảnh tượng hùng tráng và thể thảm của cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, vì rằng Nàng Trăng chính là người con gái của sông Đà.

Cụ già kể chuyện Nàng Trăng cho các con trai, con gái nghe, cho người già và cho các em nhỏ thơ ngây; và cho đến khi cụ kể xong câu chuyện, cho tới khi cụ biến đi lúc nào mất y như trong các truyền cổ tích, vẫn không một ai biết được tên cụ là gì. Mọi người nghe say sưa chuyện đến quên cả hỏi tên người kể chuyện và cũng không kịp nói một lời cảm ơn người kể nữa kia. Cụ già vượt chòm râu bạc phơ phơ và kể tiếp...

... Nước réo ầm ầm. Trên, nước trút xuống; dưới, nước dâng lên. Nước ngập bốn bề, tràn đi như hàng vạn con ngựa khổng lồ cùng phi nước đại. Trên dòng nước điên cuồng, cây rừng nguyên khai đại thụ, cổ thụ bật rễ trôi băng băng. Gỗ quý núi rừng là của báu của Sơn Tinh trôi tuột về bể cả. Trăm loài thú là bộ hạ của Sơn Tinh cùng phơi xác trên dòng lớp lớp vùn vụt trôi về bể. Nước reo như tiếng cười đắc thắng dữ tợn của Thủy vương.

Các chòm xóm bên sông bị hút đi mất tích.

Và Nàng Trăng đưa mọi người vào rừng sâu, lên các vùng rừng cao hoang vu, ở đó có những cây lớn hai người ôm với những cái hốc ba bốn người ngồi vừa, rễ cây chằng chịt như rắn quấn quai bám riết lấy đất. Ở đó có những hang động khoét vào lòng đá, tiếng gầm gào của sấm sét

đến chết lịm ở đây không gây một tiếng vọng nào vì vòm cây dày đặc. Nước chỉ đuối theo họ được ngày thứ nhất, nhưng ngày thứ hai thì họ đã có thể yên tâm mà nhìn xuống dòng nước sôi sùng sục, vật vã dưới chân họ và rồi cây và đá che khuất mất dòng nước phục thù của Đà giang Thủy vương.

Họ phải xua đuối các thú rừng để tranh chiếm các hang hốc. Cuộc vật lộn giữa người và thú xảy ra quyết liệt vì đều muốn sống, đều cướp lấy sự sống. Chính lúc này đã hiện ra trước mắt họ cuộc đọ sức lạ lùng giữa một con cọp lớn và một con trăn mốc xám chắc hẳn là vua loài trăn vì cái hình dáng khổng lồ và kỳ dị của nó với những lớp vẩy như phủ rêu và đường vân đen nhợt nổi trên sống lưng dài. Trong khi mọi người núp sau những bụi rậm và thân cây, ngẩn ngơ ngắm cảnh tượng kỳ dị ấy thì Nàng Trăng đã phóng liền hai mũi lao nhọn hoắt và con cọp xám phải chết trong những vòng cuộn của con trăn vì có sự can thiệp của người.

Con trăn mốc cuộn mình lại, nghỉ ngơi, nghe ngóng. Lúc ấy mọi người đều lúng túng không biết phải xử trí thế nào hoặc là bỏ đi sao cho không gây sự chú ý của con trăn hung ác? Nhanh như chớp, Nàng Trăng vung dao nhảy vào hang, con trăn chỉ kịp ngóc đầu dậy, lưỡi dao đã bập ngay vào cổ nó. Máu trăn đỏ sẫm vọt ra, tanh đến lợm giọng. Con quái vật quấy mình, đất như chao đảo, gió rít lên bứt lá rụng rào rào và lưỡi dao thứ hai lại nhằm đúng cổ nó mà bay tới. Đã tỉnh cơn hoảng sợ lạ lùng, cha Nàng Trăng phóng liền tiếp ba mũi tên liền vào cái đầu nhóp nhúa của Mãng Xà vương.

Khi Nàng Trăng xách đầu con trăn tinh giơ cao lên, và dưới chân nàng là xác con cọp xám và con trăn mốc nằm trong máu như hai đồng đất lớn, tất cả từng ấy con người đều cất những tiếng hú dài để tỏ lòng phấn khởi và sự cảm phục đối với người con gái mười sáu tuổi. Họ nhảy nhót và cất tiếng hát quanh người con gái và xác hai con quái vật, nhảy múa và hát trong cái hang lớn, giữa tiếng mưa sầm sập đổ xuống vòm đá và vòm lá.

Chính trong khi đi tìm sự sống ở vùng rừng núi Hạ Đà này, Nàng Trăng đã có dịp cho mọi người được biết sức mạnh và trí khôn của nàng. Lửa đốt lên trong hang lớn. Mỡ trăn cháy xèo xèo. Bộ nội tâm và hai quả cật con hổ được đặt vào một cái mâm đan bằng dây rừng lột lá để dâng lên Tản Viên sơn thánh, vị thần bảo hộ của dân cư các động sông Đà. Dân động họp lại suy tôn Nàng Trăng làm chúa động thay cho cha nàng. Vị pháp sư làm lễ hỏi ý Tản Viên sơn thánh và để được biết chắc chắn ý ngài, pháp sư tung hai mảnh nửa nhỏ, ba lần đều một mảnh sấp, một mảnh ngửa. Đức thánh Tản đã chấp thuận rồi; mọi người reo lên, hú dài và vỗ tay nhảy quanh ngọn lửa, quanh Đạm Thụ và con gái là Đạm Ngọc Nga, thường được gọi là Nàng Trăng. Chiếc da hổ xám óng ánh bóng mượt, mảnh di vật đẹp rực rỡ của chúa các loài thú ấy từ nay sẽ là ghế ngồi và giường nằm của Nàng Trăng, nữ quan lang động Đà Hoa. Đó là động lớn nhất, kiêu hùng nhất trong ba mươi sáu động của châu Đà Giang Hạ còn có tên là châu Thanh Hoa.

Châu Thanh Hoa ít thóc gạo nhưng vẫn là châu giàu có bên sông Đà. Đầm lầy, rừng cao, rừng thấp và sông Đà, đó chính là kho của vô tận với trăn, rắn, gấu, khỉ, hươu, nai, tê giác, linh dương... Tất cả đều là tiền của: mật gấu, cao khỉ, sừng hươu, sừng tê, mật và da trăn... cá sông, cá đầm, gỗ quý: lao sao, kiền kiền, vàng tâm, đinh, táu, sến, lim, chò, dổi, cây thuốc... Rừng núi sông Đà giàu không sao kể xiết!

Giặc Hán chiếm giữ kho của ấy, chiếm giữ gỗ quý, thú và chim rừng. Các thú săn được, dân chỉ được phanh thịt chia nhau, còn da, mật, sừng và xương nhất thiết phải nộp lên quan không được ẩn giấu. Lông chim cũng phải nộp. Ngoài việc thu vật phẩm còn thu thuế đánh vào chim thú săn được, vào tre hóp, giang, vầu, vào gỗ, vào cả... thuế cung nỏ, thuế mũi lao, thuế vó, thuế lưới, thuế trâu kéo... Đó là chưa kể tiền lễ lạt với những món bòn nha lại, lính tráng cướp sống trước mắt. Nghề lặn rừng săn bắt và ngã cây đốn gỗ là nghề vất vả, nguy hiểm với khí núi ngàn ngút bốc mùa hè, với nước lũ mùa thu, mưa dầm lạnh ngắt mùa đông và những cuộc vật lộn với thú dữ, với vất vả và muỗi độc.

Đạm Thụ một hôm nói với con gái: “Cha biết lá cây nào dịt vào khỏi vết thương vượt con hổ cày thối da nát thịt, rễ cây nào trị được cơn sốt rét làm con người run bần bật như cây sậy trước cơn dông. Cha chữa được các vết đau và bệnh tật của mỗi người nhưng không chữa được

nổi khổ của dân các động sông Đà. Giặc càng ngày càng quá quắt. Sau lụt dân đói khổ quá rồi mà vẫn cứ phải lặn lội vất vả nuôi béo lũ giặc nước. Làm thế nào bây giờ?”.

Đàm Ngọc Nga hạ được con cọp xám và con trăn tinh nhưng cũng không biết phải làm cách nào để đánh được giặc Hán. Đã có nhiều người tốt ở các động tìm gặp Nàng Trăng và hỏi: “Làm thế nào bây giờ?”. Nàng Trăng chỉ biết trả lời họ: “Hãy chờ!”.

Bấy giờ, quan lang động Thạch Lạc họ Mạnh bị viên quan Hán giữ việc thu cống phẩm đóng ở chợ Ngăn bắt giam giữ để đòi của chuộc. Quan lang Thạch Lạc không chịu khuất phục. Giặc giết. Con trai quan lang tên là Mạnh Đạo cùng vài bộ hạ thân tín trốn ở chợ trong ba ngày. Viên quan Hán vào chợ liền bị tên cấm trướng cổ ngựa ngựa chết ngay. Mạnh Đạo bị bắt giải lên châu úy sở.

Tin dữ trên đây lan đi rất nhanh như lửa đỏ đốt lòng các lang, như gió lốc làm rung chuyển các động. Nàng Trăng nói với cha và vị pháp sư động Đà Hoa: “Ta đây là động giàu có! Sau Thạch Lạc sẽ đến ta thôi! Phải cứu Mạnh Đạo và tìm cách đứng dậy để giữ mình!”. Vị pháp sư nói: “Con nói đúng. Nay người con gái thông minh và dũng cảm, con hãy nói cho chúng ta biết mọi ý nghĩ của con, và chúng ta sẽ đứng lên chống nhau với giặc”. Nàng Trăng nói: “Lúc này các lang đều đang hồi hộp và phần uất, thời cơ tốt đã đến. Phải cứu được Mạnh Đạo và liên kết được với các động rồi họp nhau lại mà cử người cầm đầu. Có được các lang cùng một lòng mới làm được việc lớn”. Vị pháp sư vui mừng mà rằng: “Con nói hay biết chừng nào! Các lang phải cùng một bụng như ta thì mới nói chuyện đui giặc được. Có cứu được Mạnh Đạo thì các lang mới nghe ta. Việc này tất phải có một người đứng chủ. Ta kịp hành động ngay kéo giặc giết Mạnh Đạo mất”.

Động Đà Hoa ngày càng đông người sẵn sàng qua lại. Vùng rừng mênh mông châu Thanh Hoa mỗi ngày một thu hút người các động về. Mọi người bảo nhau rằng ở đó có nhiều gỗ quý, có từng khoảng bao la nửa giang, mai, vầu, lại tiện bến tiện đường. Giặc Hán chỉ thấy số gỗ, nửa, măng và sa nhân mỗi ngày nhận được một nhiều hơn từ vùng này. Chúng đâu có ngờ rằng những nô lệ của chúng, bọn “Nam man” như chúng thường gọi một cách khinh thị ở châu Thanh Hoa này đã nghe tiếng gọi của nữ chúa động Đà Hoa mà tìm đến nàng.

Mùa xuân, con trai con gái các vùng đến hát với nhau ở Đà Hoa động. Các lang đi lại chúc Tết nhau và đến thăm nữ quan lang động Đà Hoa. Nàng Trăng mời những người cầm đầu các động ở lại và đưa họ đi thăm khu tụ nghĩa. Họ ngạc nhiên thấy có hang chứa đầy giáo mác và dao, có hang nuôi ngựa, có bãi nuôi trâu, có hang thả lợn, có hang chứa gạo, có bãi tập quân, có trường bắn nỏ... Hàng trăm con người, trai có, gái có sống trong vùng hang động kín đáo đó. Vùng hang động ấy đã trở thành như một thế giới riêng, thoát khỏi mọi quyền của kẻ thống trị dị tộc. Chính khi thăm vùng hang động ấy, họ được biết sức mạnh của chính họ và tài trí tuyệt vời của nữ chúa động Đà Hoa, bấy giờ đã thực sự là nữ chúa cả ba mươi sáu động Đà giang hạ.

Được tin Trưng nữ chủ dựng cờ đại nghĩa, Đàm Ngọc Nga cùng hai trăm tráng sĩ vùng sông Đà đến hội ở cửa sông Hát. Bà Trưng phong cho Đàm Ngọc Nga làm Tiền đạo tả tướng quân, phong Mạnh Đạo làm phó tướng, lại đặt hiệu cho Ngọc Nga là Nguyệt Điện, giao cho đem hai nghìn quân lên vùng đầu sông Cháy lập đồn trại phòng giữ. Nguyệt Điện và Mạnh Đạo vâng lệnh kéo quân đi, chẳng bao lâu đã tới vùng núi rừng hoang vu bộ Tây Lan.

Nơi đây sớm chiều quạnh vắng, chỉ nghe tiếng hươu giác hổ gầm. Bản làng thưa thớt, mỗi bản độ mười mười lăm túp nhà. Bao la lau và cây dại. Nước sông rất đục, nước suối xanh lè. Dân trong vùng không người nào có sắc da tươi đỏ.

Quân của Nguyệt Điện tới nơi, phải phát lau, ngả cây, lập trại để ở, kín nước suối về ăn, được vài ngày đều bị ốm chỉ thêm ngủ, có lúc rét run có lúc nóng bưng. Nhiều người quê ở vùng xuôi đã kêu ca chán nản chỉ những đòi về. Nguyệt Điện và Mạnh Đạo ân cần khuyên nhủ mọi người, đem việc đui giặc ra nói với các tướng sĩ ba quân. Nguyệt Điện bàn cách đào giếng để lấy nước ăn, mọi người hăng hái cùng đào tất cả được chín mươi chín cái giếng. Nguyệt Điện cho

mở hội ba ngày, mời các bản đều đến, ai có trò vui gì cứ bày ra. Bấy giờ khèn sáo ríu rít, trống mõ tinh tang, trai gái dướn đu bay tít, quả còn ném vút qua vành trăng nửa treo trên cành cao, lấy dây song giăng ra để đôi bên kéo co, cắm giáo làm đích thi ném đá, rượu đựng bằng ống, xôi bày trên lá, đốt lửa thui trâu rồi cùng lấy dao xẻo thịt mà ăn... Sĩ tốt vui cười hớn hở, cảm thấy khỏe mạnh phấn khởi, dân đến cùng vui, từ đây đi lại với đoàn quân Nguyệt Điện tình nghĩa ngày càng thêm nồng thắm.

Trong ba ngày mở hội, có trò đấu vật là vui hơn cả. Mạnh Đạo giữ được giải, không ai hạ nổi chàng. Tới lúc sắp làm lễ tế Tản Viên sơn thánh, có một người đóng khổ chàm, thấp mà vạm vỡ, tóc xòa trên gáy, da mốc như da trăn, đến xin đấu với Mạnh Đạo. Mạnh Đạo nhận lời, tức thì vờn nhau, rồi bốn cánh tay cùng bắt lấy nhau, hết khóa tay lại tới xoắn nách, bắt chân, hết “vồ giả” tới “chạy bò”, cuối cùng người ấy vẫn bị Mạnh Đạo hạ cho “chạm lưng trắng bụng”. Người ấy lại xin đấu keo nữa, đấu tất cả ba keo thì thắng Mạnh Đạo được một keo. Nguyệt Điện không cho đấu nữa, khen ngợi cả hai, rồi cho người kia làm đốc lĩnh trông quân. Từ đó quân đều gọi người kia là ông Hai và gọi Mạnh Đạo là ông Cả. Nguyệt Điện nghĩ đấu vật có thể làm cho quân thêm hăng hái, thêm sức khỏe chống được bệnh sốt buồn ngủ nên thường treo giải cho quân đấu. Ông Cả, ông Hai chỉ bảo mọi người các miếng vật xưa nay vẫn giữ làm ngón bí truyền.

Nguyệt Điện cho quân đào đá, ngả gỗ và tre để xây dựng đồn quân trấn thủ vùng sông Cháy theo lệnh của Trưng nữ chủ. Tất cả chia làm năm đồn, đồn giữa là trung dinh do Nguyệt Điện đóng giữ. Bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc có bốn đồn, đồn nào cũng có vọng gác. Ở Yên Kỳ cũng đặt một khu đồn như vậy, giao Mạnh Đạo trấn thủ. Nguyệt Điện nói với quân rằng: “Đánh giặc ở xa thì có cung có tên, đánh giặc ở gần thì có dao có mộc, đó là những môn ta còn tập luyện hàng ngày. Lại đặt đội quân thám báo cưỡi ngựa đi tuần ra xa, nếu có hình tích khả nghi thì thổi tù và làm hiệu. Cất đặt mọi việc xong đâu đấy, Nguyệt Điện cử Mạnh Đạo về trình với Trưng nữ chủ, vừa lúc nghe Trưng nữ chủ đã phá xong thành Luy Lâu, bèn đặt tiệc lớn để mừng. Vốn Nguyệt Điện ốm nặng đã lâu, gắng gượng mà làm, việc gì cũng để mắt, để tay tới, biếng ăn biếng ngủ, da xanh mình gầy. Sau bữa tiệc mừng đại phá Luy Lâu, Nguyệt Điện càng yếu, không dậy được nữa. Một chiều bỗng gió nổi mạnh, trời đất tối sầm, cát bay đá chạy, Nguyệt Điện cho vời các đốc lĩnh nam nữ lại bên giường, nói rằng: “Chúng ta đều là những người không muốn sống nhục nhã, khổ cực dưới gót giày kẻ thống trị ngoại tộc nên cùng nhau theo Trưng nữ chủ mà đuổi giặc. Các người phải luôn ghi nhớ lời Trưng nữ chủ đã dạy”, lại trao thanh kiếm đồng là của báu truyền gia tượng trưng uy quyền các lang ở Thanh Hoa cho Mạnh Đạo, dặn rằng: “Chàng nhận thanh kiếm lệnh này mà theo Trưng chủ soái một lòng đuổi giặc cứu dân. Kiếm ở bên chàng ra vào nơi trận mạc cũng như tôi còn được sống bên chàng mà cùng với ba quân rửa thù cho nước vậy”, nói rồi mất.

Câu chuyện Nguyệt Điện kể đã xong mà người nghe còn ngẩn ngơ muốn nghe nữa, ngẩn ngơ vì cái chết đột ngột của người con gái anh hùng.

Các em bé nín lấy áo ông già kể chuyện, nằn nèo: “Có phải Nguyệt Điện không chết không hở ông? Đúng thế đấy, Nguyệt Điện còn sống cơ, ông ạ!” (11).

THIỆU HOA

TIÊN PHONG HỮU TƯỚNG

Đông Lăng Xương bên sông Đà có hai vợ chồng Hoàng Phụ và Đào Thị Côn nhà nghèo, kiếm củi và cày thuê cấy mướn độ thân. Hai vợ chồng làm bạn với nhau đã lâu mà chưa được mụn con nào, thường phàn nàn vì cái cảnh vừa nghèo cực lại vừa hiếm muộn.

Có ngày, cả hai vợ chồng qua sông sang núi Tản kiếm củi. Trời đã đứng bóng, hai người xếp củi nghỉ dưới một gốc tùng. Đang cơn mệt nhọc lại có gió thổi hiu hiu, hai vợ chồng đều thiu thiu ngủ. Người vợ chợt thấy có một người con gái xinh đẹp từ trong núi bước ra đến bên nghiêng đầu chào hỏi. Người vợ ngắm nghía cô gái, cảm thấy yêu mến vô cùng, nắm chặt tay không nỡ buông. Bà cất tiếng dịu dàng hỏi: “Nàng ở đâu đến?”. Người con gái khẽ rút tay ra, nói: “Con là con gái của sơn thánh Tản Viên, tên là Thiều Hoa. Ông bà có muốn nhận con là con nuôi không?”. Bà âu yếm trả lời: “Ta đâu dám thế, nhưng nếu ta được con, ta sẽ coi con như con đẻ”. Người con gái cười nói: “Cha mẹ để con gánh đỡ gánh củi cùng về nhà”. Cô gái dứt lời bèn xốc gánh củi lên vai bước đi thoăn thoắt chỉ một chốc không thấy đâu nữa. Bà Đào Thị Côn chợt tỉnh giấc, biết là mộng, đem chuyện nói với chồng. Ông cười khà khà mà rằng: “Chẳng qua bà mong quá mà sinh ra mộng寐. Nhưng vợ chồng ta ăn hiền ở lành, thế nào mà chẳng được như nguyện”.

Sau đó, bà Côn sinh được một người con gái tươi đẹp, trông giống như người trong mộng nên đặt tên là Thiều Hoa. Lớn lên Thiều Hoa biết thương cha mẹ tuổi già vẫn còn cực nhọc nên rất chịu thương chịu khó, hay lam hay làm. Thiều Hoa lại có sức khỏe hơn người và rất sáng ý. Từ khi có Thiều Hoa, hai ông bà Hoàng Phụ cũng đỡ vất vả.

Năm lên mười tuổi, Thiều Hoa đã theo người làng vớt củi lũ sông Đà. Mỗi mùa nước lũ, sông Đà dâng nước mênh mông. Gõ rừng ngàn ngạt từ thượng du đổ theo dòng nước về xuôi có những cây gỗ lớn tày ôm, nhiều loại gỗ quý như chò vảy, đinh, lim, dồn đũa chen chúc nhau trên dòng nước đục ngầu. Nước réo vang suốt đêm ngày. Ban đêm, nước réo nghe càng rõ, tiếng nước ồn ã, mênh mông. Mùa lũ sông Đà là mùa vớt gỗ ngàn, ngày vớt gỗ vui như ngày hội. Làng bản đôi bờ đổ thuyền, đổ người ra sông vớt gỗ lớn, cây to, còn cây nhỏ, cành rêu thật chẳng ai buồn nhặt. Hàng trăm chiếc thuyền bơi lượn trên sông. Sống bên sông Đà, Thiều Hoa chèo thuyền mùa lũ thông thạo và khéo léo. Em lái thuyền lách tránh các cây gỗ lớn trôi phẳng phẳng lao thẳng vào thuyền, tránh những cây gỗ còn nguyên rễ ghềnh gành như muốn níu lấy chiếc thuyền con mà vật chìm xuống nước, lựa thuyền cho cha mẹ em vớt những cây gỗ trôi sát bên thuyền.

Thiều Hoa không chịu thua kém ai trong mọi việc lao động làm ăn. Thấy dân chài sông Đà lặn nước bắt cá em cũng học lặn và rồi cũng lặn giỏi như cá. Trong hội làng đầu năm, thấy người ta chạy thi cướp cờ lấy giải, em cũng tập chạy và quả nhiên kỳ hội làng năm sau cô gái mười hai tuổi cũng giật được một ngọn cờ xanh. Em nói với mẹ: “Sang năm, con sẽ giật cờ đỏ kia mẹ ạ!”. Mẹ nói: “Mày là gái mà tính nết cứ như con trai. Con gái học chạy làm gì. Phận mình chỉ chăn trâu, vớt bè cho tốt là được”. Em nghe mẹ nói, cười khúc khích.

Có lần, ông chú đến nói với bà mẹ Thiều Hoa: “Con gái chị ghê gớm thật!”. Bà mẹ lo sợ hỏi chuyện gì. Ông chú nói lại sự việc vừa xảy ra hồi nãy. Thuyền tuần giang cập bến, kiểm soát gỗ. Chẳng biết thế nào mà mấy thằng lính Hán túm ngay lấy một anh chàng chống máng, đánh túi bụi. Ai cũng thương nhưng không ai dám vào gỡ hộ. Anh chống máng giằng ra, chạy được. Hai thằng lính Hán chạy đuổi theo, chợt mấy hòn đá từ đâu ném tới, đưa sừng mặt, đưa lệch vai. Chúng đành để cho anh chống máng chạy thoát. Mọi người đều biết người ném đá là Thiều Hoa, cô gái mười ba tuổi. Ông chú nói: “Tôi cũng chịu nó thật. Ai chả cảm tức cái lũ quân Hán tuần giang, thật là lũ cướp ngày. Nhưng con cháu cũng liều quá!”.

Năm Thiều Hoa mười bốn tuổi, cha mẹ em lần lượt qua đời. Thiều Hoa ở chăn trâu, kiếm củi cho nhà chú. Một lần, nàng thi ném đá với bạn chăn trâu, mãi quá, bỏ trâu đói, bị chú mắng.

Cháu biết lỗi không dám nói lại, nhưng bà thím có tiếng khắc nghiệt, nói ra nói vào mãi. Thiều Hoa bỏ đi ngay đêm đó, không ở Lăng Xương nữa.

Nay ở chạ này mai ở làng khác, cấy thuê làm mướn được một năm, rồi Thiều Hoa về ở chẵn trâu cho một nhà hào trưởng xã Song Quan bên sông Thao. Xã này ở bên sông, các xóm bãi trồng dâu đánh cá, các xóm gò hái củi và đi săn. Dân cấy ruộng chiêm, thóc ít, làng nghèo. Nhà hào trưởng ở xóm bãi.

Thiều Hoa chẵn trâu, thả trâu cho ăn cỏ bên sông, thường ngồi vá quần áo rách trên một quả gò nhỏ dưới bóng một cây đa lớn, rễ đa từng chùm rủ xuống. Thiều Hoa vá xong áo, túm lấy rễ đa đánh đu. Lại bày ra trò cùng bạn chẵn trâu chia hai phe lấy gậy tre đánh một củ chuối, phe nào đưa được củ chuối vào một cái hố bên mình là phe ấy thắng.

Có lần, nhà hào trưởng có một ông khách ở trong gò ra chơi biếu một ít thịt lợn rừng, nói chuyện săn bắn, nhân cho ông hào trưởng xem cái lấy nỏ bằng ngà voi rất quý do một người bạn mừng châu Thanh Xuyên làm quà cho. Thiều Hoa mang thức ăn lên hầu cơm rượu, nhắc luôn chiếc lấy nỏ ngắm xem rồi đưa trả tận tay khách. Khách thấy con hầu bạo dạn, hơi lạ, nhân hỏi đùa: “Mày có biết bắn nỏ không. Nếu biết, ta cho mày chiếc lấy ấy!”. Thiều Hoa thưa: “Cháu không biết bắn nỏ, nhưng cháu ném lao được”. Cả ông hào trưởng và khách đều ngạc nhiên. Đang lúc rượu say ngà ngà, hai ông bước ngay ra sân, đưa chiếc lao của hào trưởng cho Thiều Hoa ném thử. Thiều Hoa đứng cách xa cây chuối một trăm bước chân, nghiêm mình vung tay, mũi lao cắm phập ngay vào chiếc hoa chuối. Mọi người đều kinh ngạc.

Khách mời ông hào trưởng vào gò chơi, mở cuộc săn ở rừng Hạ Khê. Hào trưởng cho Thiều Hoa theo. Khi săn, Thiều Hoa bước thoăn thoắt, vung lao ném theo một con cáo lông vàng. Cáo chạy vút đi, Thiều Hoa xua chó rượt đuổi theo, chỉ chốc lát đưa cáo về nộp hào trưởng. Cũng từ ngày ấy, hào trưởng không dám coi thường Thiều Hoa như trước. Các phường săn mỗi lần mở cuộc săn lớn lại nói với hào trưởng cho Thiều Hoa theo sau. Cô gái mười sáu tuổi bấy giờ nổi tiếng là một tay săn giỏi.

Bọn quân Hán ở vùng này rất nhiều dân và hống hách. Thiều Hoa nhiều lần được thấy những cảnh bọn quân lính Hán cướp của đánh người, phá phách ngang ngược. Các nhà giàu thường bị chúng quấy nhiễu, đòi ăn uống, đòi tiền gạo. Thấy con gái có nhan sắc, chúng xúm lại chòng ghẹo, hành hạ, Thiều Hoa tức sôi cả ruột gan.

Có ngày Thiều Hoa đứng trên gò cao nhìn xuống bãi sông thấy mấy tên lính đô hộ năm râu một cụ già lồi đi xềnh xệch. Thiều Hoa quắc mắt mím môi, nhặt lấy chiếc gậy đánh cầu chạy thẳng xuống bãi, chợt nghe có tiếng gọi nghiêm nghị: “Thiều Hoa kia, chớ chạy nữa!”. Thiều Hoa giật mình ngoảnh lại thấy sư thầy chùa làng vẫy tay gọi mình, mới dừng chân và chạy tới ôm lấy bà sư mà khóc lên nức nở, nước mắt ướt đầm cả áo nhà chùa. Hai người đến ngồi dưới gốc đa trên gò cao. Sư thầy nói: “Con tuy cũng là người có tài, có chí nhưng tiếc rằng con xốc nổi lắm. Những việc con làm chẳng có ích gì cho dân Nam ta cả!”. Thiều Hoa cúi đầu xin sư thầy chỉ bảo cho. Sư thầy nói: “Đẹp bót tính nóng nảy hiếu thắng, biết nhìn xa nghĩ sâu, không chỉ lo gỡ cho một người khỏi bị đánh mà nghĩ chuyện gỡ cho cả nước khỏi bị đàn áp. Đó mới là tính chất người hào kiệt trong thời buổi này”. Thiều Hoa chợt tỉnh ngộ, thưa với sư thầy: “Thật quả một lời sư thầy dạy đã đưa con ra khỏi chỗ tối tăm. Từ nay con xin ghi nhớ lời thầy, suy nghĩ chín chắn, tính việc lâu dài, dốc lòng nuôi chí cứu sinh dân ra khỏi cảnh lầm than, khỏi chốn tù ngục. Xin thầy cho con theo thầy để được sự dạy dỗ”. Sư thầy cười và nhẹ nhàng nói: “Ta là người tu hành, tuy tâm niệm cõi Nát Bàn vẫn không quên nghĩa vụ cứu vớt sinh linh đang cơn trầm luân nơi bể khổ. Nếu con có chí lớn hãy theo ta về chùa”. Bà sư đến nói với hào trưởng xin cho Thiều Hoa về ở với mình, hào trưởng vui vẻ nhận lời. Từ đó, Thiều Hoa về hầu hạ sư thầy, quét chùa, thắp hương và làm các việc vặt. Sư thầy dạy Thiều Hoa học chữ, lại bảo Thiều Hoa tìm rủ những người bạn tin cậy đến chùa, tối tối cùng nhau luyện tập các môn võ nghệ. Cũng từ ngày đó, vườn chùa đã trở nên nơi rèn luyện của những người có nghĩa khí, có lòng yêu nước thương dân.

Từ ngày Thiều Hoa về với sư thầy, tính nết đã có phần chín chắn hơn. Nàng chăm chỉ luyện

tập mong trở nên người hữu dụng cho đất nước, đem chuyện giặc Hán tàn bạo và nỗi cực khổ của nhân dân nói cho các bạn trẻ cùng nghe. Thiều Hoa chọn những người biết cảm phần và có lòng hăng hái, cùng nhau mưu việc lớn.

Một hôm, sư thầy gọi Thiều Hoa đến bảo, cho biết ở Mê Linh có Hai Bà Trưng là con dòng lạc tướng, cháu gái các vua Hùng đã ban hịch đuổi giặc. Thiều Hoa vui mừng xin với sư thầy cho đến Mê Linh. Sư thầy đã giã bánh dày và đóng oản để Thiều Hoa và các bạn làm lương ăn đường. Năm ấy, Thiều Hoa vừa mười tám tuổi.

Đến Mê Linh, Thiều Hoa và các bạn vào yết kiến Hai Bà Trưng, Thiều Hoa kể mọi nỗi khổ cực của nhân dân sông Đà và sông Thao cũng như những nỗi uất hận của mình. Hai Bà nghe Thiều Hoa nói, biết là người có chí, nhà nghèo thân khổ, mồ côi cả cha mẹ, cho nên nung nấu lòng căm thù giặc. Hai Bà Trưng khen ngợi Thiều Hoa và giao cho về địa phương mộ quân, dặn rằng phải tụ người khổ cực rồi tìm nơi kín đáo cùng nhau luyện tập, chờ lệnh khởi nghĩa.

Thiều Hoa vui sướng trở về Song Quan, đi các làng trong vùng, tìm các bạn mới, rồi cùng nhau tổ chức thành đội ngũ, luyện tập các môn đánh gậy, đánh đao. Mỗi người đều tự kiếm lấy vũ khí cho mình. Thiều Hoa thường cho quân đeo gỗ xoan làm quả cầu, lấy gậy tre đeo vát gốc mà đánh quả cầu, gọi là đánh phết. Đó là trò chơi của Thiều Hoa cùng các bạn nghèo khổ chăn trâu ba năm về trước. Khu rừng Hạ Khê hoang vắng giáp châu Thanh Xuyên, cách Song Quan chỉ có ba dặm đường là nơi Thiều Hoa cùng các bạn ẩn mình tụ nghĩa.

Lệnh khởi nghĩa ban ra, Thiều Hoa dẫn đầu năm trăm trai gái sông Thao về Mê Linh. Hai bà giao cho Thiều Hoa chức Tiên phong hữu tướng, cầm quân bản bộ tiến đánh Luy Lâu, dặn rằng phải cẩn mật mưu trí, không được khinh địch.

Trong trận vây hãm thành Luy Lâu, Thiều Hoa lập được nhiều công lớn.

Đuổi xong giặc, Bà Trưng lên ngôi vua, phong Thiều Hoa là Đông Cung công chúa.[\(12\)](#)

QUÁCH A

TIÊN PHONG TẢ TƯỚNG

Bên sông, ngã ba Bạch Hạc, một xóm nghèo với những túp lều nhỏ nằm nép bên bìa rừng, sau lưng là cây, trước mặt là sông. Những người dân xóm nhỏ buông lưới quăng chài kiếm cá, được cá nhỏ họ đổi lấy gạo ăn, cá to còn phải nộp quan đô hộ.

Xóm đấy có nhà họ Quách, hai ông bà đã cao tuổi mới sinh được một gái nên quý như viên ngọc trên tay, đặt tên là nàng A. Quách A xinh như bông hoa lan ở rừng, mềm như vòng cung. Quách A tính nết dịu dàng, hay nâng đỡ người già, thăm hỏi người yếu. Lên mười tuổi nàng lặn nước như rái cá. Mười ba tuổi, Quách A chèo thuyền ném lao bắt cá, dân chài ngã ba Bạch Hạc không ai hơn được. Cả xóm đều yêu quý Quách A.

Thuở ấy nhà Đông Hán cai trị nước ta, nhân dân Âu Lạc trăm chiều cực khổ. Bọn quan lại, lính tráng nhà Đông Hán ngang ngược hoành hành, thu về trong tay chúng biết bao của cải của dân ta, hiếp đàn bà con gái, đánh đập người trẻ người già, cả nước đều oán giận.

Dân xóm nhỏ ở bìa rừng bên sông cũng khổ về bọn quan lại Đông Hán. Chúng bắt nộp cá, nộp củi, đi sâu, đi phu. Con gái có nhan sắc phải buông tóc xõa, bôi lá bôi than lên mặt để giấu sắc đẹp. Cả xóm sống cực nhục. Cả xóm căm thù bọn giặc cướp nước.

Quách A không chịu buông tóc che mặt, bôi lá giấu mặt. Ngày ngày Quách A giăng lưới thả chài, bắt được cá to giấu đi dành cho cha mẹ. Bọn lính Hán tuần; trông sông bên nạt nộ. Chúng nói: “Một hai năm nữa, chúng ta sẽ bắt con bé này nộp quan lấy thưởng”.

Quách A muốn giết hết bọn giặc Hán cho dân được hồ hởi làm ăn, cho con trai không phải trốn tránh, con gái không phải giấu mặt. Hỏi các người già cách đuổi giặc, các người già lắc đầu, hỏi các bạn trẻ, các bạn trẻ không biết trả lời thế nào. Và ngày ngày Quách A vẫn quăng chài lưới cùng cha mẹ nhưng bụng Quách A không ở cái lưới, con thuyền. Quách A nghĩ cách đuổi giặc nước.

Khi Quách A mười sáu tuổi, cha mẹ đều chết. Lo việc tang lễ cha mẹ xong, Quách A bèn gọt hết tóc. Cả xóm tiếc mái tóc xanh dài, phủ kín lưng của Quách A, mắng Quách A là nhút nhát. Quách A nói: “Con không giấu sắc đẹp đâu. Con chào các già, chào dân làng, con đi tu đây!”. Cả xóm nhỏ đều tiếc nhớ và khuyên can, Quách A không nghe, bỏ nhà, bỏ xóm, bỏ lưới, bỏ thuyền mặc áo nâu, chít khăn nâu ra đi.

Đi hết vài tuần trăng, qua nhiều rừng nhiều bến, nhiều xóm nhiều làng, Quách A lại tìm về vùng ngã ba Bạch Hạc. Tới một nơi rừng rậm gần sông, cảnh vật hoang vắng, thấy những người dân ở đây cũng đánh cá, kiếm củi, cũng nghèo khổ như bà con quê nhà, với những túp lều trống trải mọc ở bìa rừng, Quách A bèn nghỉ lại. Nàng hỏi dân làng nơi đây có chùa hay miếu nào không. Dân làng đưa Quách A đến một tòa miếu cổ ở sâu trong rừng, không rõ được dựng lên từ bao giờ. Dân làng nói: “Nơi đây lâu lắm không có ai ở, mà cũng chẳng ai đi lại, thật là vắng vẻ, vả lại hươu nai vẫn đến, hổ dữ thường về, ni cô ở đây sao được?”. Quách A không đi nữa, nói với dân xin ngả cây dọn lối, ở lại tòa cổ miếu thắp hương niệm Phật. Dân vừa lạ vừa mừng. Người già và con gái thường đến thăm ni cô.

Ni cô dặn dân làng đừng cho khách qua lại biết miếu có đèn nhang. Dân đã khổ vì cống nạp phu phen cho giặc, lại khổ vì rừng có cọp dữ, sông có thường luồng, mới đem các nỗi khổ đó nói với ni cô. Ni cô Quách A ở lại đó tu hành, lấy đạo hiệu là Khâu Ni. Khâu Ni tìm thuốc chữa cho người ốm, niệm Phật cầu cho người mất, dân tin và yêu Khâu Ni. Khâu Ni tập hợp con trai, con gái dạy cách phóng lao, cách đánh giáo, lại dạy múa kiếm bắn cung, trước nói là để chống thú dữ, sau mới nói chuyện là đuổi giặc. Trai gái tin theo Khâu Ni được vài chục người. Từ Nhật Chiêu trang nơi Quách A tu hành tới quê để Quách A đi chưa hết nửa ngày đường, Quách A giữ

mình thật kín không về thăm. Một lần cho người tìm về quê mình, nói chuyện giặc nước hiệp đáp, người làng nghe nói đều nghiêng rặng chảy nước mắt. Người ấy rủ vài người con trai, con gái đi theo, tới tòa miếu cổ. Gặp Quách A, mấy người đều mừng rỡ. Từ đấy các trang, các bản vùng Bạch Hạc đều có người mài kiếm cho sắc, đánh đao thật bén chờ thời cơ.

Một đêm, gió rừng thét rợn người, tòa miếu cổ đóng cửa im ỉm. Trong miếu, ni cô Khâu Ni đang cùng với vài người con gái đàm ẩm truyện trò. Chợt có tiếng hổ gầm vang. Mọi người đều nói là động rừng. Tiếng hổ mỗi lúc một gần. Gió táp tiếng gầm nghe càng rõ sau tòa miếu cổ. Tiếng hổ gầm nghe như đau đớn mà không dứt, lại nghe như tiếng hổ đang quần nát cả cây cỏ sau miếu. Mọi người đều lạ. Khâu Ni đốt đuốc, mở cửa miếu, mấy người con gái cũng theo ra, tay cầm giáo.

Trước ánh đuốc hiện ra một con hổ cái cực lớn, miệng đỏ lòm nhả rớt rãi, thân hình nặng nề quần quai trên mặt đất. Thấy người, hổ không chạy cũng không vồ, vẫn nằm vật vã. Khâu Ni chợt hiểu bèn nói với hổ: “Người chớ sợ, ta sẽ để cho người yên ổn. Theo đức hiếu sinh của nhà Phật ta đã cứu người, từ nay người không được bén mảng tới vùng này”. Con hổ gầm lên ba tiếng lớn vang động núi rừng, rồi tha con đi.

Từ đó uy danh và đạo đức của Khâu Ni lừng lẫy khắp nơi, các tráng sĩ nức lòng tìm đến, xin được cấp giáo đi theo. Ni cô không giấu mãi tông tích được, bèn dựng cờ tụ nghĩa, cho làm sáu chiếc trái lớn, mỗi chiếc sáu mươi tay chèo để tập luyện thủy quân, lại mở võ trường thi vật, thi chạy, đánh cầu, tập kiếm, chờ dịp nổi dậy.

Trưng Trắc và Trưng Nhị truyền hịch từ Mê Linh đi khắp sáu mươi lăm thành trong nước, kêu gọi các hào kiệt và nhân dân ứng nghĩa cứu nước. Khâu Ni nhận được hịch, phấn khởi vô cùng, sai quân làm một cái trống lớn thân bằng gỗ mít, mặt bịt da trâu, lòng trống người chui vào đi lại không phải cúi đầu. Mỗi lần lực sĩ gõ trống, tiếng như sấm động. Khâu Ni họp các sĩ tốt ở bến sông, lập đàn tế trời, nổi trống báo lệnh khởi nghĩa. Dân các trang, các động dấy trâu, gánh gạo về khao quân.

Các lực sĩ dấy vật, cướp cầu, còn các nữ quân thì bắn cung, đọ kiếm. Bên sông hiện ra một quang cảnh nhộn nhịp khác thường, hùng tráng không kể xiết.

Khâu Ni lệnh cho nổi ba hồi trống, tiếng trống rền vang truyền tới các làng bên sông Thao, sông Đà, tới các bản, các động, trống vang tới đâu giáo dựng tới đó. Giặc nghe tiếng trống ngỡ ngác bàng hoàng. Khâu Ni lại truyền sắp thuyền trận, giồng buồm lớn, cùng các chiến sĩ về Mê Linh yết kiến Trưng vương. Thuyền sắp hàng một, xuôi dòng mà đi. Trên thuyền thứ nhất để trống lệnh đặt tên là trống Thiên Lô có tám lực sĩ hộ vệ. Trên chiếc thứ hai là các nam binh cắt tóc ngắn, bịt khăn xéo. Chiếc thứ ba là thuyền “Soái” dựng ngọn cờ lớn màu vàng viền đỏ, bay tung hai dải xanh và đen, Khâu Ni mặc áo vàng và đỏ uy nghi ngồi giữa các nữ binh thân tín. Các thuyền sau đều gươm giáo sáng choang. Sáu chiếc thuyền lớn với tám trăm nghĩa quân cùng Khâu Ni về họp mặt với các tráng sĩ cả nước ở Mê Linh. Năm ấy Khâu Ni vừa mười tám tuổi.

Trưng Trắc thấy Khâu Ni đến, cả mừng, dắt tay Khâu Ni cùng duyệt đoàn quân Bạch Hạc, vui mừng khen ngợi, mới phong Khâu Ni làm Tiên phong tả tướng quân, giao cho thống lĩnh quân bản bộ đi đường thủy qua Hát Môn, đến Luy Lâu trước mở đầu trận đánh phá quận trị của Giao Chỉ, sào huyệt của thái thú Tô Định.

Sau khi dự tế cờ ở Hát Môn, Thiệu Hoa nương ở trang Song Quan bên sông Thao lĩnh ấn Tiên phong hữu tướng dẫn quân bộ thẳng tới Luy Lâu còn Khâu Ni giồng buồm cho thuyền xuôi dòng theo Thiệu Hoa. Cả hai nữ tướng đều lập được công lớn, đánh tan quân Tô Định mấy trận, vây hãm thành trì không cho giặc chạy thoát. Hai Bà Trưng đem đại quân tới, hết lời khen ngợi các tướng Tiên phong. Nghĩa quân mở trận tấn công, chẳng bao lâu thành Luy Lâu tan vỡ, Tô Định phải bỏ giáp, cắt râu, quẳng cả ấn tín chạy thoát thân.

Đánh đuổi xong giặc ngoài thống trị, Bà Trưng Trắc lên ngôi vua, xưng là Trưng vương, phong Trưng Nhị là Bình Khôi công chúa. Tất cả các tướng đã theo vua đuổi giặc cứu nước đều

được luận công ban tước. Quách A được phong là Khâu Ni công chúa, được phong đất Nhật Chiêu làm thực ấp. Khâu Ni về Nhật Chiêu, lập đồn lũy, dựng dinh trại, treo trống ở miếu, từ đó miếu có tên là Huyền cổ tự (miếu treo trống).

Khâu Ni mở mang thực ấp, trồng trầu, trồng dâu, đắp bờ cấy lúa, được hai năm thì mất(13).

VĨNH HOA

NỘI THỊ TƯỞNG QUÂN

Ở đạo Hồng Châu (thuộc tỉnh Hải Hưng bây giờ) trang Mao Điền có người con gái họ Phùng tên Vĩnh Hoa. Từ nhỏ được học tập võ nghệ lại ham đọc sách, ngâm thơ, người người biết tiếng. Vĩnh Hoa tính tình hòa nhã, đoan trang. Tuy là gái, Vĩnh Hoa chỉ ham thích ruổi ngựa bắn cung, thường nói: “Lưỡi kiếm trong tay phải có ngày quét sạch giặc Hán ra khỏi bờ cõi, chí lớn của ta là như thế!”.

Năm Vĩnh Hoa mười tám tuổi, cha mẹ đều lần lượt qua đời. Vĩnh Hoa trao cả gia sản cho ông cậu, một ngựa một kiếm ra đi.

Ngày đi đêm nghỉ, đến đạo Sơn Tây, phủ Tam Đại, huyện Yên Lạc, Vĩnh Hoa thấy trang Tiên Nha địa thế rất đẹp như con rùa lớn nổi lên bên dòng sông Nguyệt Đức, phong cảnh thật là hữu tình, có bến có chợ, làng xóm cũng đông vui. Vĩnh Hoa cho rằng nơi đây có thể lập được chí mình, mới nghỉ lại ở đó, bỏ tiền ra làm nhà mua ruộng, tìm người cày cấy để có dịp chiêu mộ sĩ tốt. Lại nghĩ nơi đây thuyền buôn các nơi qua lại, chợ búa sầm uất, có thể liên kết được với các hào kiệt bốn phương, mới mở ngôi hàng nước tự mình bán hàng để kiếm những người cùng chí hướng.

Phụ lão trang Tiên Nha biết Vĩnh Hoa không phải người tầm thường, rủ các trai đinh đến gặp Vĩnh Hoa, đều xin quy phục, tôn Vĩnh Hoa làm trưởng trang. Vĩnh Hoa vui lòng nhận lời vì nghĩ đó là điều hay, có thể xây dựng nền móng để tụ nghĩa. Từ đó Vĩnh Hoa chiêu dân lưu tán các nơi, đón những kẻ vì bị ức hiếp mà phải rời quê hương bản quán, mở rộng trang ấp, ngầm rèn đúc khí giới, chứa cất lương thực để đợi thời cơ. Các hào kiệt về ngày càng đông, cùng cày ruộng, cùng mùa gặt. Thanh thế Vĩnh Hoa ngày càng lừng lẫy, Vĩnh Hoa chọn mười cô gái giỏi võ nghệ có mưu trí làm vệ sĩ, ngày đêm gần gũi bên mình. Lúc ấy nam nữ đã có tới ngàn người. Vĩnh Hoa mới cử các đầu mục, chia thành đội ngũ cày ruộng lấy lương ăn, tự rèn lấy gươm sắc, giáo dài, tự chế lấy nỏ bèn, tên cứng. Các phụ lão đều nói: “Chúng ta may ra còn được thấy cảnh tượng thái bình. Chắc cái ngày ấy cũng gần tới rồi!”.

Phủ quan Hán thấy thanh thế trang Tiên Nha như lửa đã bốc, mới giật mình kinh sợ, phái quân đánh dẹp. Vĩnh Hoa biết lúc này không thể chần chừ được nữa, vả lại các phụ lão, các đầu mục đều xin đánh giặc Hán, khí thế như dầu sôi lửa bốc. Vĩnh Hoa bèn cho giết lợn, mổ trâu, cáo tế tổ tiên, khao thưởng quân sĩ, thổi sáo, đánh trống, múa hát làm vui, rồi đào hào đắp lũy cự địch với quân Hán.

Phủ quan đánh không nổi trang Tiên Nha, cấp báo tin dữ về cho Tô Định. Tô Định lúc này cũng đang lo lắng, hốt hoảng vì tin tức các nơi đồn dập báo về, quận Giao Chỉ đang như nồi nước bắc trên bếp sôi lên sùng sục. Tô Định truyền lệnh cho các châu, các huyện phải cố thủ thành trì, phòng giữ cho nghiêm cẩn đề phòng nghĩa quân tiến đánh.

Một hôm, Vĩnh Hoa đang coi quân tập bắn nỏ chợt có nữ tốt vào báo có người lạ đến xin ra mắt để bàn việc lớn. Vĩnh Hoa truyền lệnh mời vào rồi chỉnh tề y phục thân tiếp khách. Khách là một người đứng tuổi, mặt vuông miệng rộng, mắt sáng, đi đứng khoan thai, mặc áo vải quần nâu, có vài người cùng đi theo, không mang khí giới gì. Vĩnh Hoa biết khách không phải người thường, cung kính mời trà nước. Sau một tuần nước, Vĩnh Hoa hỏi khách họ tên gì, từ đâu tới, có điều gì dạy bảo. Khách thông thả nói: “Khoan hỏi họ tên. Tôi nghe nói Vĩnh Hoa nương là anh hùng ở đời này, muốn đến cho được biết người, nay mới biết tiếng đồn quả không sai”. Vĩnh Hoa nhún nhường lại xin khách bảo cho điều hay lẽ phải. Khách nói: “Nàng có thể chống lại được đại quân của Tô Định chăng? Nàng có thể đóng giữ một trang này mà làm lay động cả Giao Châu chăng? Nếu Tô Định đem quân các nơi về cùng đánh, nàng có thể giữ được cái trang Tiên Nha nhỏ bé này chăng?”. Vĩnh Hoa ngẫm nghĩ giật mình, xin khách mách bảo cho kế lâu dài. Khách nói: “Giặc Đông Hán tham tàn, Tô Định lại là một tên thái thú ham của khát máu, cho nên bốn phương anh hùng đều đã nổi dậy. Nàng không nghe nói Lê Chân ở miền biển, Bát

Nạn ở Tiên La đã từng đánh quân Tô Định thất điên bát đảo hay sao? Ở biên giới có Bạch Nương, Vân Nương, vùng núi rừng Thiên Sơn có nàng Hồ Đê tự xưng đại vương, châu Đại Man có Xuân Hoa đã tự nghĩa. Ở đồng bằng sông Bồ Đề có Triệu Tam Trinh, nơi ba con sông lớn giao nhau có Quách A nương... Nói ra còn nhiều không xiết. Chính vì thế mà Tô Định mới không động được đến cái trang nhỏ này. Vả lại Tô Định tham bạo nhưng lại nhút nhát, nay nó cho lệnh cổ thủ thành trì các châu huyện, đó là dịp may cho nghĩa quân các nơi. Nhưng nếu cứ mỗi người một cội thì đuổi sao được giặc? Nếu có người mách Tô Định kế bẻ đũa từng chiếc thì nhân dân nước Nam Việt ta bao giờ mới thoát được cảnh chìm đắm lầm than? Tôi chính là Nguyễn Tiến Cơ, là người thân cận của Hai Bà họ Trưng ở Mê Linh, được lệnh Hai Bà cho đến để bàn kế cùng nàng, cùng nhau hợp sức đuổi giặc". Nói đoạn, hai tay cung kính đưa hịch của Bà Trưng cho Vĩnh Hoa. Vĩnh Hoa đón lấy đọc. Đọc xong nét mặt tươi cười, nói rằng: "Hai Bà là con quan lạc tướng, dòng dõi các Vua Hùng, là chúa trong đám anh hùng (vị anh hùng chúa), có trí lự sâu xa, chúng tôi không đáng cấp giáo theo hầu!". Lại ngoảnh bảo các người thân tín đang đứng quanh rằng: "Nay cả nước phải hợp sức lại dưới cờ của Hai Bà cùng đánh rắn dập đầu mới mong lấy lại được giang sơn, giành lại được cơ nghiệp tổ tiên để lại, cứu dân khỏi vòng nước lửa", bèn giữ Nguyễn Tiến Cơ ở lại vài ngày nhờ giúp đỡ việc chỉnh đốn quân ngũ. Nguyễn Tiến Cơ từ chối, lại nói rằng: "Chỉ nội ngày mai, sớm tối thế nào Quách A nương cũng kéo quân qua đây về Mê Linh hợp mặt với hào kiệt các nơi dưới cờ đại nghĩa của Hai Bà. Nàng cũng nên nhanh chóng đem quân đến, không nên chậm trễ".

Quả nhiên sáng hôm sau, mặt trời vừa tới ngọn cây sào nứa, giữa dòng sông có một đoàn thuyền đang rẽ sóng, sáu chiếc thuyền lớn giông buồm đi một hàng thẳng tắp, xung quanh có hàng chục chiếc thuyền nhỏ cùng xuôi. Trên Thuyền đi đầu có một chiếc trống cực lớn, các lực sĩ đứng quanh, đầu chỉ chấm tang trống. Chiếc thuyền đi giữa có dựng một ngọn cờ đại sắc vàng viền đỏ, giáo dựng ở mạn thuyền ánh mặt trời chiếu vào sáng quắc, hàng chục mái chèo cùng khua sóng, bọt nước tung tóe như hoa. Vĩnh Hoa cùng các đầu mục ngắm mãi không chán. Vĩnh Hoa than rằng: "Hàng ngũ chỉnh tề, quân uy hùng tráng! Ta thật còn thua kém. Những người như thế này mà cùng đứng dậy, giặc Hán tất phải ôm đầu cuốn cờ chạy khỏi đất nước Nam ta". Bèn truyền lệnh mổ trâu, giã bánh khảo quân, giao mọi công việc trong trang lại cho các phụ lão, sáng hôm sau đem hơn một nghìn sĩ tốt về Mê Linh yết kiến Hai Bà.

Hai Bà Trưng thấy Vĩnh Hoa diện mạo khác thường, lại tài kiêm văn võ nên cũng mười phần yêu mến, phong cho làm nội thị tướng quân, được theo Hai Bà ở đạo trung quân dự bàn mọi công việc. Quân của Vĩnh Hoa cũng được phiên chế lại.

Hai Bà đem quân về nghỉ ở Bạch Hạc một ngày, cưỡi ngựa ngắm xem địa thế, biết đây là nơi hiểm yếu, là cửa ngõ thành Bạch Hạc, nghỉ nhớ tới tổ tiên, lại nghĩ tới vận nước, trong dạ bồi hồi. Bà Trưng chị quay lại bảo Bà Trưng em: "Nay mai em phải về đây xây dựng nơi này thành nơi cứ hiểm phòng giữ lâu dài cùng là gìn giữ lấy phần mộ ông cha". Hôm sau, Hai Bà về núi Hùng làm lễ cáo tế tổ tiên xin phù hộ cho dẹp yên giặc Hán, lấy lại được nghiệp cũ. Sau đó, Hai Bà kéo quân về Hát Môn.

Từ đó lệnh khởi nghĩa truyền đi cả nước, khắp các châu, các huyện, các làng, các động gươm giáo dựng lên. Các thành trì của giặc Hán lần lượt rơi vào tay nghĩa quân. Thủ phủ Luy Lâu của Tô Định tan vỡ trước sức tấn công mãnh liệt của đại quân Hai Bà. Chưa đầy một năm, Hai Bà đã thu hồi được sáu mươi lăm thành trì cõi Lĩnh Nam, lên ngôi vua, đóng đô ở đất Mê Linh, không chịu thần phục nhà Hán.

Trưng nữ vương mở tiệc khánh hạ, khao thưởng ba quân, phong cho các tướng có công, Vĩnh Hoa được phong công chúa, cho phép lấy trang Tiên Nha làm thực ấp, cho xây dựng đồn trại bên sông.

Ba năm sau, Mã Viện thừa lệnh vua Hán cầm quân sang chiếm lại nước ta. Nhiều trận đánh lớn diễn ra ở các miền sông Đuống, sông Mã, sông Hồng. Vĩnh Hoa ngày đêm nghiêm ngặt tuần phòng. Một hôm Vĩnh Hoa tiếp được lệnh Vua Bà cho gọi về triều theo đạo quân của Vua Bà đi đánh giặc. Mã Viện hai lần thua lớn, xin Vua Hán cử gấp viện binh sang, rồi mở trận đánh quyết liệt. Hai bên giáp trận, đánh nhau rất lớn ở Lãng Bạc. Hai Bà núng thế rút về Mê Linh. Mã Viện

là một tên tướng quý quyệt, thường dùng mưu kế xảo trá, quân ta cự không lại, tan vỡ dần.

Hai Bà Trưng thế cùng lực tận, tuân tiết ở sông Hát.

Vĩnh Hoa rút về trang Tiên Nha cố sức cầm cự, nhưng biết là không giữ nổi nữa, mới cùng quân lính lên ngựa xông vào trại giặc chém giết một trận rồi tử tiết theo Hai Bà ở sông Nguyệt Đức. Hôm đó là ngày mười bốn tháng chín⁽¹⁴⁾.

LÊ NGỌC TRINH

ĐẠI TƯỚNG

Hai chị em Ngọc Thanh và Ngọc Trinh là con gái của ông bà Lê Hoàn, người ở xã Lũng Ngòi. Ông bốc thuốc, bà làm ruộng. Ông Lê Hoàn là người có đạo đức, lấy nhân làm nền, lấy nghĩa làm gốc, giúp đỡ chạy chữa cho những người nghèo thiếu không cần hỏi tiền nong, coi mạng người là quý mà không ham lợi. Vì ông đã hay thuốc lại nhân đức nên mọi người đều kính trọng, không ai gọi tên cái mà chỉ gọi là ông lang Lũng Ngòi.

Hai ông bà một hôm ngồi nghỉ chân bên đầm sen ở Đàm Luân, một thôn của Lũng Ngòi. Lúc đó trời đã quá chiều, cánh đồng bát ngát không có bóng người, đầm rộng gió đưa hương sen thoang thoảng. Những bông sen thắm xòe cánh phôi đĩa nhị vàng khê lay động trên gương nước biếc. Mấy chú chim sâu nhỏ tí, đỏ sẫm, nhảy nhót xập xòe bắt nhện trên những bông sen. Những cây liễu bên đầm nghiêng mình soi gương, bóng chiều tha thiết vàng cảnh. Lê Hoàn và vợ say mê với cảnh không rời chân. Ông buột miệng than thở: “Giang san Âu Lạc ta thật là gấm vóc của trời, tiếc rằng bao lâu nay bị giặc ngoài giày xéo, đau khổ biết chừng nào”. Bà vẫn biết ông có tâm sự nên chỉ nói: “Ông ạ, tối mãi cũng có lúc sáng, mưa mãi cũng có lúc nắng. Biết đâu đến đời con chúng ta lại chẳng được thấy những sự đổi thay to lớn!”. Bà nói xong lại chợt buồn vì nghĩ đến chuyện con cái. Vợ chồng làm bạn với nhau kể cũng đã lâu, thế mà... Bỗng trời nổi gió, một đôi chim phượng từ đâu bay tới lượn cánh trên đầm, sắc lông như ngọc rực rỡ tỏa sáng. Đôi phượng múa lượn mấy vòng rồi rải cánh bay đi, chốc lát đã không thấy đâu nữa. Ông vui mừng nói: “Ai ngờ hôm nay lại được nhìn thấy chim phượng. Đây là loài chim quý, mấy ai đã được thấy. Hẳn chúng ta có điềm vui mừng đây!”. Bà cười, nói khẽ với ông: “Điềm vui gì cũng chẳng bằng có một đứa con ông ạ”. Sau hôm ấy, bà có thai, sinh đôi được hai con gái, đặt tên cho cô chị là Ngọc Thanh, cô em là Ngọc Trinh, tục thường gọi là Á Chàng và Á Chạ.

Á Chàng và Á Chạ đều xinh tươi như đôi bông sen thắm nhưng từ nhỏ hai chị em đã thấy nhiều phần khác nhau về tính nết, mà vẻ đẹp của hai người cũng không giống nhau.

Lê Ngọc Thanh là chị, dung nhan đảm thắm, tính nết hiền lành, chăm chỉ việc đồng ruộng, vá may, thật là một cô gái nết na thùy mị.

Cô em Lê Ngọc Trinh trái lại dung mạo sắc sảo, đôi mắt lóng lánh, môi như hoa lựu đỏ tươi, không bao giờ yên chân yên tay, cười nói hóm hĩnh, ưa chạy nhảy, thích đánh gậy, ném đá.

Khi chẵn trâu, Á Chạ thường bày trò đánh quân, chia các trẻ chẵn trâu làm hai phe gậy đá đánh nhau, có khi sút đầu mẻ tai, nhiều người thường phàn nàn với ông bà Lê Hoàn về tính nết nghịch ngợm của Á Chạ.

Năm Lê Ngọc Thanh mười chín tuổi, một viên quan đô hộ cho người đến dạm hỏi. Ông bà Lê Hoàn không thuận. Viên quan đô hộ ức hiếp, bắt Lê Ngọc Thanh về làm tiểu thiếp. Vài tháng sau, Lê Ngọc Thanh đau buồn quá qua đời.

Hai ông bà Lê Hoàn căm giận kẻ ngoại tộc thống trị, xót thương con gái, uất ức sinh bệnh, lần lượt qua đời. Khi sắp mất, ông cầm tay Á Chạ, ứa nước mắt nói: “Con có khí phách của người anh hùng, không như hạng nhi nữ thường tình. Vì nước mất nên nhà mang nhục, con hãy ghi nhớ lấy!”, lại ngoảnh nhìn ông em vợ, chỉ vào con gái, lại chỉ vào bụng mình, kêu to lên một tiếng rồi mất.

Lê Ngọc Trinh ghi nhớ lời cha, nung nấu thù nhà nợ nước, mới bàn việc với ông cậu, cùng mưu việc báo quốc.

Có lần, Lê Ngọc Trinh hỏi ông cậu: “Kết bạn với người tuấn kiệt, tìm gặp những kẻ anh tài, việc đó là quan trọng nhất lúc này, có phải thế không cậu?”. Ông cậu đáp: “Phải!”. Trinh hỏi tiếp: “Khi có vây cánh rồi thì phải xây dựng lực lượng, ngày đêm luyện tập, có phải thế không

câu?”. Ông cậu đáp: “Phải!”. Nàng lại hỏi: “Có nghĩa binh rồi, lúc ấy sẽ dựng cờ đại nghĩa, chống phủ chống thuế, giặc đến thì đánh, có phải thế không cậu?”. Cậu đáp: “Phải!”, và nói: “Này cháu, cháu hỏi ta ba câu, ta đều cho là phải. Sự việc phải như thế. Đó chính là những bước đi của chúng ta đấy. Nhưng cậu muốn nhắc cháu một điều: bước vội thì dễ vấp, cháo nóng muốn ăn ngay sẽ bị bỏng. Và lại quân cần có lương, có lương mới đánh được lâu dài. Cho nên cần tích thóc, trữ ngô phòng khi đói kém hay bị giặc vây hãm. Có lương chưa đủ, lại nên chia quân thành đội ngũ, hiệu lệnh nghiêm minh, kỷ cương chặt chẽ, có thể mới tránh khỏi là quân ô hợp. Vậy chúng ta không nên ham luyện tập mà lơ là việc cày cấy, lại nên cử các đầu lĩnh, đội ngũ rõ ràng, cháu nghĩ thế nào?”. Lê Ngọc Trinh vui mừng mà rằng: “Lời cậu dạy bảo làm cháu sáng ý ra nhiều. Lúc này sức chúng ta còn mỏng, ta nên giữ kín hình tích, khỏi bị giặc kia dẹp non”.

Lê Ngọc Trinh được ông cậu giúp mưu bày kế, xây dựng dân binh, ngày đêm luyện tập, bề ngoài viện cớ là để giữ làng. Nàng lại cùng ông cậu đi các nơi xa gần trong hạt tìm kiếm những người cùng chí hướng. Được một năm, các trang hữu ngạn ngã ba Hạc đều theo Lê Ngọc Trinh. Nhiều người có chí ở các nơi cũng tìm Ngọc Trinh để mưu đồ đại sự. Ai nấy đều nung nấu căm thù, chỉ chờ nổi dậy, tình hình lúc đó như nồi nước bắc trên lửa đang sôi sùng sục. Lê Ngọc Trinh và các đầu lĩnh đã bàn tới việc dựng cờ khởi nghĩa.

Một ngày cuối thu, trời đã chớm lạnh, Lê Ngọc Trinh đi viếng phần mộ cha mẹ và chị, nghĩ cảm động trong lòng, thầm khẩn rằng: “Cha mẹ hãy về giúp sức cho con sớm diệt kẻ thù, cho thỏa chí nguyện của cha mẹ và rửa hờn cho chị”. Khẩn xong, nước mắt ướt đầm đôi gò má. Chợt Lê Ngọc Trinh nghe có tiếng chân bước mé sau, nàng ngoảnh lại, thấy ông cậu rảo bước tới, theo sau có hai người lạ mặt. Ngọc Trinh vội gạt nước mắt. Một người lạ sờ sảng nói: “Thù nhà nợ nước, khóc có ích gì. Nước mắt đuổi sao được giặc?”.

Ngọc Trinh nhìn ngắm người vừa nói, thấy người ấy đã đứng tuổi, mặc áo vải thô rách vai, người thấp và đậm, trán dô, miệng rộng, mắt sáng lóng lánh. Cùng đi với người đó là một người còn trẻ, gương mặt gầy và xanh, vai đeo một bọc nhỏ, lưng thắt dây thừng có gài con dao ngắn. Ngọc Trinh cúi đầu chào hai người rồi nói: “Tráng sĩ nói rất phải. Chẳng qua là lòng con nhớ cha mẹ nên mới có những giọt nước mắt thường tình. Các tráng sĩ tới đây, vội vã ra nơi tha ma mộ địa này gặp tôi, chắc có điều gì khẩn cấp?”. Người có tuổi thấy mình cố tình nói sỗ mà Ngọc Trinh không hề giận, cử chỉ lại khiêm nhường, nên lấy làm khâm phục, nói rằng: “Người ta vẫn nói Ngọc Trinh quý người, nhún nhường, lễ độ, quả cũng không sai. Chúng tôi ghé thuyền cập bến đúng là có việc cần gặp nàng”. Bấy giờ ông cậu mời mọi người về nhà, cùng bàn việc.

Họ là những người chở đò dọc sông Hồng, đều là người có tài chí. Họ biết có một đoàn thuyền lương của giặc sẽ đi từ sông Đáy ra sông Hồng, một tên tướng là Lưu Ứng Khâm áp tải, nên đến bàn với Ngọc Trinh việc cướp lương. Ông cậu nói: “Bác Nguyễn Hiến đây muốn lấy đoàn thuyền lương ấy để ra mắt chúng ta đấy!”. Mọi người đều cười. Nguyễn Hiến và Nguyễn Thái Nhạc cho biết nếu Ngọc Trinh vui lòng nhận “món quà ra mắt” ấy, hai người sẽ tụ họp các bạn chài đón đánh đoàn thuyền và Ngọc Trinh sẽ cho quân phối hợp. Hai ông cho biết đoàn thuyền lương sẽ nghỉ ở bến làng Cao, chỉ cách Đàm Luân năm dặm và cách đại đồn quân Hán ở ngã ba Hạc ba dặm.

Ngọc Trinh nói: “Ta đánh bất ngờ, chắc là được. Nhưng đánh xong thì giặc sẽ đánh phá từ làng Cao tới Đàm Luân, các xã bên sông sẽ bị lung sục, bắt bớ. Vậy phải tính thế nào?”. Nguyễn Hiến hăng hái nói: “Dân chài bị giặc ức hiếp quá quất, chỉ muốn vùng dậy. Còn nói giặc đánh vào Đàm Luân và bắt bớ các xã ven sông ư? Thì chúng chẳng vẫn bắt, vẫn đánh và giết dân ta đó sao? Nào phu, nào thuế, nào cống phẩm, nào nô tì... dân bị vắt kiệt cùng, còn sợ gì nữa! Ta sẽ thừa thắng dựng cờ khởi nghĩa, rào làng đắp lũy, ra mặt chống giặc. Tình thế sôi sục lắm rồi. Đấng tướng công chủ trương châu Bạch Hạc bị giặc sát hại vì đồng mưu với Thi Sách lật đổ nền đô hộ. Phủ thái thú đưa quân Hán về cai trị châu Bạch Hạc khi khắp nơi hào kiệt đều dướn mình đứng dậy. Người bị bắt cũng nhiều, người bị giết cũng có, nhưng nào có ai nhụt chí!”. Ông cậu nói: “Từ chuyện cướp lương ra chuyện khởi nghĩa, đó là việc lớn không dễ coi thường, chúng ta phải bàn cho kỹ mới được”. Mọi người bàn bạc hồi lâu, quyết định thừa dịp này khởi nghĩa trong vùng, cướp lương giặc để gây thanh thế, bắt tướng giặc lấy máu tế cờ. Lập tức Ngọc

Trình cho mời mười tám trang chủ kết nghĩa đến cùng họp bàn cắt đặt công việc.

Hai ngày sau, đoàn thuyền lương của giặc đến đỗ ở bến làng Cao. Vào hồi canh ba, khi giặc đang say giấc ngủ, nghĩa quân nổi lửa, trên bộ, dưới nước người mang dao, người cầm gậy, ào ào xông tới vây kín đoàn thuyền. Nguyễn Hiến hai tay hai đao nhảy lên thuyền tướng đánh bắt Lưu Ứng Khâm. Tướng giặc trong lúc bất ngờ trở tay không kịp bị Nguyễn Hiến bắt sống trói lại. Ngọc Trinh cho dân binh lên thuyền chuyển lương, còn các bạn chài giáp chiến với lính Hán. Những người dân chèo đoàn thuyền lương lúc này cũng vui mừng hợp sức với nghĩa quân đánh giết giặc Hán, chuyển vận lương lên bờ. Ông cậu chặn đường từ Bạch Hạc về để phòng đồn Hán cố quân cứu viện nhưng đến khi lương đã chuyển xong, thuyền giặc đã bị đánh chìm hết mà vẫn không thấy bóng quân Hán cứu viện, ông cậu cũng rút quân về.

Ngay sáng hôm sau, Ngọc Trinh tế cờ khởi nghĩa, chém đầu Lưu Ứng Khâm lấy máu bôi cờ và bôi mặt trống. Mọi người tôn Lê Ngọc Trinh làm nữ chủ soái, tôn ông cậu là Phó soái trưởng quân cơ, đặt soái sở ở Đàm Luân, tự lập một giang san riêng, không tuân theo chính lệnh của phủ thái thú.

Quân ta tế cờ hôm trước thì hôm sau giặc đến đánh, nhưng nhờ đã đoán trước tình thế, phục binh đánh một trận, giặc thua phải rút chạy. Sau trận thắng ấy, nhân dân càng thêm tin tưởng và hăng hái.

Một hôm, ông cậu hỏi Lê Ngọc Trinh: “Nếu giặc thù đến vây bốn mặt, ta làm sao mà chống lại được?”. Lê Ngọc Trinh hỏi kế, ông cậu nói: “Giặc tất đến đánh ta để dẹp cái lo của chúng. Nếu ta tập trung cả quân tướng vào một nơi, lương thảo dồn một chỗ, có thể bị vây tuyệt đường bên ngoài, bị hãm vào thế cô lập. Nay ta nên tổ chức các trang trại xung quanh cùng đào hào đắp lũy. Đàm Luân như nhị sen, còn các làng xung quanh là cánh sen, một trang bị vây thì các trang khác cùng tiến đánh, như thế mới là kế lâu dài”. Ngọc Trinh khen phải, đi bàn với các trang chủ, các trang chủ đều nghe lời. Quả nhiên, quan quân đô hộ mấy lần đến Đàm Luân đều bị trong đánh ra ngoài đánh vào, phải lui quân.

Hồi đó, tráng sĩ khắp quận Giao Chỉ đều mài giáo rèn gươm, trợn mắt nghiêng răng, chỉ trông đợi có dịp quét sạch giặc Hán ra khỏi bờ cõi. Hào kiệt theo về với hai vị nữ anh hùng họ Trưng ở Mê Linh như nước chảy về chỗ trũng. Lê Ngọc Trinh đem nghĩa binh về với Hai Bà, trình bày mọi công việc của mình. Hai bà đẹp lòng, khen ngợi, giao ấn Tả tướng quân. Ngọc Trinh nương lĩnh quân theo Hai Bà về Hát Môn dự lễ cáo tế trời rồi tiến quân đánh Tô Định. Lê Ngọc Trinh gắng gỏi bày mưu định kế, dũng cảm hăng hái thống lĩnh tả quân lập nhiều công lạ. Sau trận đại thắng Tô Định, Ngọc Trinh nương được Trưng nữ chủ thăng phong là Đại tướng quân.

Đại tướng Lê Ngọc Trinh rong ruổi ở Tây Vu, lấy cờ thêu chim phượng làm cờ hiệu, vó ngựa tới đâu, giặc tan tới đấy. Một vùng lưu vực các sông Lô, Gầm, Cháy, chẳng bao lâu đều sạch bóng giặc, hàng chục thành lũy quy về với nghĩa quân. Trưng nữ chủ khen Lê Ngọc Trinh là “Quần thoa hào kiệt, dũng lược tuyệt trần”, ban cho nàng một chiếc trống đồng làm lệnh.

Đẹp xong giặc nước, Bà Trưng chị lên ngôi vua, xưng là Trưng vương, phong Lê Ngọc Trinh tước công chúa. Lê Ngọc Trinh nghĩ nhớ câu chuyện cha mẹ nhân chơi mát ở Đàm Sen, thấy chim phượng hiện mà sinh ra mình, mới xin được đặt hiệu là Ngọc Phượng. vua Trưng ưng chuẩn, lại cho về xây dựng cung sở ở Đàm Luân.

Hán Quang Vũ lo sợ, cử thêm quân sang cho Mã Viện. Có lần Mã Viện hạ lệnh cho phó soái Lưu Long thân đem quân tiến đánh đồn trại Đàm Luân, nói rằng: “Người phải gắng sức vì thành Đàm Luân là cái lá chắn bên sông vùng đồng bằng phía Tây và Nam Mê Linh, che chở các đồn trại, thành lũy trung tâm của Trưng tặc. Phá được thành Luân, người tiến quân thật nhanh về Mê Linh, hợp với ta từ Lãng Bạc dồn về, ắt Trưng tặc phải nguy khốn!”. Lưu Long vâng lệnh điểm quân mã rầm rộ tiến đánh Đàm Luân.

Giặc mở trận bất ngờ, đánh rất gấp, vây chặt Đàm Luân. Quân của Ngọc Phượng công chúa Lê Ngọc Trinh cố sức phá vây. Hai quân giáp chiến từ lúc gà chưa gáy sáng cho tới khi tiếng gáy đã báo Ngọ mà vẫn chưa nghỉ. Trận đánh lớn diễn ra ở Gò Mây. Trống nổi vang trời, giáo đâm giáo

phat. Ngọc Trinh quyết phá trận giặc, tả xung hữu đột. Đang lúc trận đánh diễn ra quyết liệt, nữ soái lĩnh đánh rơi gương, liền cởi ngay dải yếm bọc đá mà đánh. Nữ tướng càng đánh càng hăng hái, chiến mã hí vang, dựng bờm tung vó. Giặc khiếp hãi oai thần phải dạt cả ra không tên nào dám lại gần. Tiếng trống đồng nổi lên oai hùng thúc giục, cờ phượng giương cao, quân Nam cùng hô một tiếng dậy đất tiến theo nữ tướng, nức lòng xông vào. Lưu Long giáp dầm mồ hôi, mặt như chàm đỏ, vội hô quân tháo chạy, vượt sông rút về bên sông Đáy.

Đại tướng quân Lê Ngọc Trinh cầm cự với quân Mã Viện ròng rã một năm trời, giặc không sao đánh được vào nội địa.

Mã Viện bị Hán Quang Vũ quở trách, thúc giục, liền họp với các tướng, bàn cách phá cửa ải Đàm Luân. Mã Viện cho rằng dùng đại quân không thể thắng Lê Ngọc Trinh được, mới tìm cách dùng kỳ binh, cho quân rút hết, trong ba tháng không quấy nhiễu Đàm Luân một trận nào...

Một hôm Lê Ngọc Trinh đang tắm ở đầm sen, chợt có cấp báo quân giặc đã ập đến. Ngọc Trinh chỉ kịp mặc áo mỏng, lên ngựa ra giao chiến. Giặc dùng nỏ cứng bắn như mưa, Ngọc Trinh múa kiếm đón đỡ, mong chờ quân tới cứu, nhưng Mã Viện đích thân cầm quân vây kín các ngã, lại đánh làm nhiều mũi nhỏ, cắt xén quân Nam làm nhiều mảnh. Quân Nam bị chặn đánh khắp nơi không ứng cứu nhau được. Mã Viện xông thẳng vào nơi Lê Ngọc Trinh bị vây hãm, thấy nàng quả là tiên nữ giáng trần, hai tay múa kiếm, khí phách anh hùng. Mã Viện bất giác cũng sinh lòng kính phục liền thét quân phải tìm cách bắt sống. Ngọc Trinh biết đại sự đã hỏng, nói rằng: “Cha mẹ ta thấy chim phượng hiện ở đầm sen mà sinh ra ta, nay ta lại gửi thân ở Đầm Sen này”, nói đoạn liền nhảy xuống đầm sen tử tiết.

Lê Ngọc Trinh hai mươi tuổi dựng cờ tự nghĩa làm chủ một phương; hai mươi mốt tuổi theo Trưng vương cứu nước lĩnh ấn Tả tướng quân, phá tan các thành trì của giặc ở một dải đất trung du mệnh mông, quét sạch giặc thù; hai mươi hai tuổi được phong công chúa, dựng thành đắp lũy lo kế chống giặc lâu dài, một trận đánh ở Gò Mây làm giặc Hán kinh hồn vỡ mật, chống nhau với Mã Viện là danh tướng của nhà Hán trên một năm trời. Đại tướng quân Lê Ngọc Trinh thật xứng với lời ban khen của Trưng vương: “Quần thoa hào kiệt, dũng lược tuyệt trần”, nêu cao tấm gương anh hùng cho muôn đời sau vậy⁽¹⁵⁾.

LÊ THỊ LAN

TƯỚNG QUÂN

Ngon cò đại treo cao trên một cây mai (tre mai) lớn chôn trước cột đình, phồng gió căng ra như một cánh buồm, lòng cò đỏ thắm có chữ “Nghĩa” nổi bật, đen nhánh. Hàng chục lá cò nhỏ nhiều màu sắc cũng đang hớn hở vẫy mình trước gió.

Khu đình làng Mía sớm nay nhộn nhịp người. Trên nhang án đèn nến sáng choang, khói hương nghi ngút. Những cánh cửa nhỏ chạm rồng phượng, hoa lá ở thượng cung mở rộng. Ông từ, miệng bịt khăn điều, leo lên một cái thang tre nhỏ xếp đặt hương hoa ngũ quả bày trên thượng cung rồi lại xuống thang túc trực cạnh nhang án.

Tiếng loa cất vang nhắc lại rành rọt: “Nữ chủ tướng truyền lệnh cử hành đại lễ khởi nghĩa diệt thù!”

Trống chiêng nổi lên ba hồi chín tiếng. Hàng ngàn con người bỗng im phăng phắc.

Nữ chủ tướng nghiêm trang bước lên đàn, một nền đất cao hình chữ nhật có cắm một chiếc cờ vuông. Hàng ngàn con mắt long lanh nhìn về chủ tướng. Không một tiếng nói, một tiếng động, chỉ còn nghe thấy những hơi thở mạnh và tiếng phàn phật những ngọn cò bay trước gió.

Môi chủ tướng hơi rung và mắt nàng nhòa ướt.

- Ta và giặc Hán không thể cùng đội trời chung! Chúng ta phải khởi nghĩa để đánh đuổi giặc Hán! Tôi, Lê Thị Lan, nữ chủ tướng nghĩa quân, tôi cử em tôi là Lê Anh Tuấn làm phó tướng. Chúng ta sẽ phiên chế đội ngũ ngay bây giờ và ta sẽ kéo quân về Hát Môn hội với Trung nữ chủ. Mọi người hãy nghe mệnh lệnh của tôi và của em tôi.

Lê Thị Lan và Lê Anh Tuấn là hai chị em ruột sinh đôi, quê ở làng Mía, xứ Đường Lâm, trấn Sơn Tây.

Ở làng Mía có vợ chồng ông Lê Tuân và bà Đặng Thị Sách, ông bốc thuốc, bà làm ruộng, ăn ở hiền lành, cuộc sống đầy đủ, chỉ hiềm vì nổi mụn con. Nghe người nơi xa đến xin thuốc mạch bảo, hai ông bà cất công qua bến lặn rừng ngày đi đêm nghỉ tìm đến trang Văn Lang xứ Thao Giang để cầu tự.

Trang Văn Lang nằm bên sông Thao, dựa lưng vào núi, dân cư đông đúc, có bến có chợ, là nơi các xứ qua lại để trao đổi hàng hóa, nào thóc lúa, lợn gà, móc mây, củ nâu, gỗ,... Đây có một trạm kiểm soát của giặc Hán, với một viên đầu mục, một viên quan thuế, hai viên lại và mười hai tên lính để kiểm soát đường sông và quản lý bến chợ... Vợ chồng Lê Tuân tìm vào các xóm chân núi ven rừng, nhờ người địa phương chỉ giúp, mới thấy một tòa miếu nhỏ tường gạch, mái lá nằm ẩn dưới bóng cây đa cổ thụ. Cứ theo dân đây kể thì miếu này thờ một bà chúa là người đã lập ra trang Văn Lang này, chỉ biết bà họ Hoàng, còn tên húy không ai nhắc đến. Ông bà Lê Tuân đem lễ vật đến cúng và nghỉ lại ngay tại miếu. Đêm thứ ba bà mơ thấy một em gái xinh xắn tươi cười chạy đến đưa cho bà một cành lộc non. Em gái vụt biến đi, cành lộc non trong tay bà nở ra một đóa hoa lan trắng muốt và một trái đào đỏ tươi. Mùi hương sức nức làm bà tỉnh giấc.

Ở chơi trang Văn Lang vài ba ngày, hai vợ chồng lại trở về Đường Lâm.

Ngày tháng trôi qua, bà Đặng Thị Sách sinh đôi một gái, một trai, tiếng khóc vang như tiếng chuông. Hàng xóm láng giềng đến thăm hỏi, ai cũng mừng cho hai ông bà, và đều quả quyết là ông bà đã sinh được quý tử sẽ làm rạng danh cha mẹ. Làng đây có tục mỗi người đến thăm trẻ mới sinh đều gánh cho gia đình một gánh nước và biếu một nắm gạo. Nhà ông bà Lê Tuân tấp nập người xa gần đến chia vui. Nguyên hai ông bà đều là người phúc hậu, ông lại mát tay hay thuốc, cứu chữa được nhiều người, nên không những người làng mà người trong quận hạt đến thăm hỏi cũng đông.

Ông bà đặt tên cho hai con là Lan và Tuấn. Hai chị em đều đẹp đẽ, khỏe mạnh và thông minh. Cha mẹ cho con học chữ của một thầy đồ ở làng bên, lại chiều theo ý con, đón thầy về cho con học võ. Ngày thì múa côn, tập đánh thiết lĩnh(16), tối lại thắp đèn ôn luyện văn bài, hai chị em Lan, Tuấn học hành tấn tới, các thầy đều khen ngợi, ông bà Lê Tuân cũng mừng lòng.

Vào năm hai chị em mười bảy tuổi, trời làm đói kém, hạn hán tiêu khô, ruộng nẻ chân chim, lúa nghẹn mong nước. Nhiều nơi dân đói bỏ làng đi tìm ăn đầy đường đầy chợ. Xứ Đường Lâm cũng là một trong những vùng bị đói nghiêm trọng.

Mặc cho đói kém mất mùa, bọn quan lại người Hán cùng một số tay sai bản địa vẫn bóc lột nhân dân tàn tệ, lại nhân dịp này mua rẻ nhà cửa, ruộng vườn. Không những vậy, chúng còn bắt nhân dân vét thóc giống ra để nộp cho đủ tô, đủ thuế. Dân Đường Lâm cũng như dân đói các vùng, ai cũng cau mày nghiêng rặng, chỉ những muốn ăn tươi nuốt sống bọn bóc lột kia cho hả giận.

Ông bà Lê Tuân cũng phải bán bớt ruộng vườn để nộp thuế cho giặc. Tới khi giặc cùng bọn tay sai đến các nhà bắt nộp thóc giống, ông bà bất bình kháng cự. Thế là ông bị chúng quát mắng đánh đập, bát hương thờ tổ tiên là vật thiêng liêng của gia đình cũng bị chúng hất xuống đất rồi lấy gậy đập tan. Cuối cùng thóc giống vẫn mất, thân lại bị đòn, cửa nhà bị phá phách, ông nghĩ uất giận thổ máu liền mấy ngày rồi mất. Bà chôn cất cho ông xong cũng vì quá ưu phiền nên lại nổi gót ông ra đi. Lê Thị Lan và Lê Anh Tuấn nhân ngày giỗ cha mẹ mời các bậc già cả và đàn anh trong họ đến, bàn việc rửa hờn cho gia đình, gỡ nổi thống khổ cho nhân dân. Mọi người đều gật đầu nói rằng việc nên làm. Từ đó, Lan và Tuấn bắt đầu giao du hào kiệt, tụ họp bè đảng, tụ nghĩa ở xứ Đường Lâm.

Sau khi về Hát Môn hội quân dưới ngọn cờ tiết chế của Hai Bà Trưng, Lan và Tuấn được giao nhiệm vụ đem quân bản bộ quét sạch giặc ở hạt Thao Giang. Hai chị em vui mừng nhận mệnh, thủy bộ cùng tiến, quân đi tới đâu giặc tan tới đó, chẳng bao lâu đã tới trang Văn Lang. Giặc đóng ở đây chỉ có một đồn nhỏ đã tan chạy trước khi nghĩa quân kéo tới.

Lê nữ tướng quân họp với các tướng, ban lệnh bố phòng. Nữ tướng đóng trên núi Ao Giời, trong rừng cọ, phó tướng đóng ở thung lũng chân núi. Mé ngoài là một dãy đồi, có hai trại quân để giữ lối vào thung lũng.

Từ rừng tới bến, bốn quân doanh: Nam, Bắc, Đông, Đoài, ngày đêm tuần tiễu, có đồn kiểm soát thuyền bè xuôi ngược ở bến sông, cho dân họp chợ như cũ. Nữ tướng quân thấy thung lũng nằm giữa núi đồi nên cho phát quang cấy lúa, đặt tên là Đồng Thóc. Nàng điều quân giúp dân đánh gốc bóc trà ở một dải đồng hoang ngoài khu đồi, rồi đặt tên cho nơi đó là Đồng phì nhiêu. Xong đâu đấy nữ tướng quân mở hội lớn, giã gạo nếp làm bánh dày, mổ trâu lấy da căng làm nồi nấu thịt. Ngày mười hai tháng giêng, trời đẹp, nắng ngọt, Lê nữ tướng đại duyệt quân sĩ ở bến Cát Lớn.

Nữ tướng quân nhận được lệnh của Trưng nữ chủ triệu về bàn kế hoạch đại phá Luy Lâu. Được lệnh đánh giặc, ai nấy đều phấn khởi, quân sĩ đánh trống múa nháy, nhân dân đem gạo và rượu đến mừng. Việc giao cho một vị tùy tướng họ Nguyễn trấn giữ vùng thượng châu Thao Giang. Còn nữ tướng quân cùng phó tướng Lê Anh Tuấn đem đại quân về gặp Trưng nữ chủ nhận mệnh.

Trận đánh Luy Lâu kéo dài nửa tháng. Hôm đó, Trưng nữ chủ được tin đạo quân Đông Bắc của giặc về cứu viện Luy Lâu theo đường thủy bị Lê Chân nữ tướng đánh tan, còn đạo quân Tây Bắc do tên tướng nổi danh Lâm Thiệu Hưng cầm đầu theo đường bộ tiến về Luy Lâu cũng bị chặn đứng ở Bắc Yên Phong. Trưng nữ chủ bèn cho bản các tờ cáo yết nêu rõ hai việc đó vào trong thành kêu gọi nhân dân trong thành nổi dậy đánh giặc. Tô Định nhận được tin dữ, hai

đạo quân cứu viện bị tan, tâm thần hoảng hốt, các tướng Hán cũng đều sợ mất mật, bọn lính thì nháo nhác, hoang mang. Đêm đó, quân ta vây thành rất gấp, tiếng reo dậy đất, lửa sáng rực trời. Nữ tướng quân Lê Thị Lan và phó tướng Lê Anh Tuấn được lệnh đem quân bản bộ đánh mé sau thành, cả hai hăng hái dẫn quân đi. Lê nữ tướng hạ lệnh cho quân lấy rơm ướt bện vào ván làm mộc, lấy dây mây làm thang, đắp đất làm ụ, bỏ giáo cầm đao mà nhảy vào thành. Bấy giờ Lê nữ tướng tự tay đánh trống, Lê phó tướng hai tay hai đao dẫn đầu quân xông lên thành, quân sĩ đều gắng sức. Lần đánh thứ nhất, giặc từ cao ném đá đổ vôi xuống, quân ta không vào được thành. Lê phó tướng bị trúng tên. Lê nữ tướng một tay phất cờ hiệu, một tay vung kiếm báu, cất mình nhảy lên ụ cao. Chỉ một chốc ngọn cờ hiệu bay lên mặt thành, đổ rực trong ánh đuốc.

Những chiến sĩ Việt vào được thành Luy Lâu đầu tiên là những anh hùng cảm tử của đạo quân Lê nữ tướng⁽¹⁷⁾.

PHẬT NGUYỆT

TẢ TƯỚNG THỦY QUÂN

Chuyện trò hồi lâu, bà góa nói với cô con gái đang ngồi vót nan bên chõng tre: “Tôi đi dỡ mấy củ khoai về luộc ăn cho vui miệng!”. Người con gái vẫn đều tay đưa lưỡi dao, ngược mắt nhìn người đàn bà mái tóc đã điểm bạc và nói: “Thôi, mẹ! Bạn bịu làm gì. Nói chuyện một lát rồi ta đi ngủ thôi mẹ ạ”. Bà góa bước ra khỏi cửa, quay lại cười: “Đã khuya khoắt gì đâu. Vớt lại vườn khoai nhà cũng gần đây thôi mà! Chờ tôi một lúc!”.

Người con gái sắp những chiếc nan tre vót trắng bóng, óng mượt cho gọn lại, rồi hai tay chấp vào đầu gối, mơ màng nghĩ ngợi.

Bà góa đẩy cửa bước vào, tay cắp rễ khoai, nói với ra ngoài: “Các bác, cứ vào cả đây, nhà có ai đâu!”.

Người con gái ngạc nhiên khi nhìn thấy có ba người đàn ông lạ bước vào căn nhà lụp xụp. Cả ba đều cao lớn lực lưỡng, làm cho gian nhà như thấp hơn, bé hơn.

Quần áo họ rách rưới và gương mặt họ xanh xao. Tóc họ bờm xồm rủ trước trán. Một người chạc bốn mươi tuổi, đeo một cái dây nhỏ bên vai, còn hai người kia trẻ hơn có đeo dao ngắn bên sườn.

Người con gái không nói gì, chăm chú nhìn những người mới đến và tất cả im lặng một lúc. Bà mẹ nói với người con gái: “Nàng hãy sắp nước mời các bác đi, tôi ra vườn dỡ khoai thấy các bác nằm bên luống khoai, thế là tôi đưa các bác ấy về nhà”.

Người con gái rót mấy bát nước chè xanh bốc khói đưa mời. Những người mới đến đón bát, uống thông thả. Họ đã tươi tỉnh hơn và đưa mắt nhìn quanh nhà.

Bà góa lại nói: “Để tôi đi luộc khoai cùng ăn. Các bác cứ ngồi chơi nói chuyện với... à, nàng đây là...”.

Người con gái đỡ lời: “Mẹ luộc hộ con vậy, để con tiếp chuyện các bác ấy”.

Sau đây là những lời trao đổi giữa người con gái và ba người mới đến:

- Các bác ở đâu đến đây?
- Chúng tôi từ xa đến, mỗi người một nơi, và chúng tôi đã gặp nhau.
- Sao các bác lại nằm ở vườn khoai của bà mẹ?
- Chúng tôi không thuộc đường và... đói!

Một người nói cho rõ hơn:

- Đói, không đi được nữa, nằm tạm đây!

Im lặng một lúc.

Người đứng tuổi nói:

- Tôi bị chúng nó hành hạ khổ quá, làm gỗ ở rừng Quán trên thượng nguồn đây. Còn các anh này là dân chài, chúng nó bắt đóng bè mảng đưa gỗ về xuôi. Chúng tôi rủ nhau trốn.

- Các bác định về đâu?

- Nghe nói ở vùng này có nàng Phật Nguyệt. Nàng ấy chiêu mộ dân xiêu dạt các nơi về làm ăn. Chúng tôi muốn tìm theo Phật Nguyệt.

Người con gái chột cười. Ba người mới đến lúc này mới để ý ngắm kỹ cô gái.

Nàng tuổi độ đôi mươi, da ngăm đen, gương mặt trái xoan rất tươi, mắt nhỏ và dài. Khi nàng cười, má lúm đồng tiền. Nàng mặc váy ngắn, áo cộc tay nhuộm nâu non, yếm tơ mỏng mịn. Họ để ý thấy áo nàng không có miếng vá nào nhưng lại không đeo vòng tai, vòng tay hay chuỗi vòng cổ.

Bà góa từ trong bếp bước ra:

- Để vùi khoai một lúc ăn mới ngon. Chỉ ít nữa là được thôi. À, các bác nói muốn tìm nàng Phật Nguyệt à? Thì nàng chả là...

Người con gái cắt ngang lời bà góa:

- Mẹ ơi, mẹ dọn khoai cho các bác ấy ăn, còn con, con về đây mẹ ạ. Sáng mai mẹ đưa các bác ấy đến gặp nàng Phật Nguyệt, mẹ nhé!

Làng Yển bên sông Thao có ông Đinh Văn Bôn làm nghề bốc thuốc là người nhân hậu, hiền lành, được nhân dân yêu mến và quý trọng. Không những ông đã mát tay hay thuốc mà lại sẵn sàng giúp đỡ người nghèo khó, nhiều khi chỉ chữa hộ không cần trả công. Có những đêm trời rét như cắt da, ông vẫn ra đi theo lời mời để chữa trị các con bệnh cấp cứu hiểm nghèo. Nhà ông là một nhà khá giả trong vùng, có cửa ăn cửa để. Tuy vậy ông vẫn không được vui vẻ, thường vẫn phàn nàn “dao sắc không cửa được chuôi”, vì làm bạn với bà Phí Thị Vang đã mười năm mà vẫn hiếm muộn không được mụn con nào. Tới năm ba mươi tuổi, bà Phí Thị Vang mới có mang, sinh được một gái. Hai vợ chồng mừng rỡ đặt tên con là Phật Nguyệt. Nguyên chữ Đinh là họ ông và chữ Phí là họ bà đặt bên nhau là chữ Phật(18), ý ông muốn nói con gái là vàng mặt trắng của cả hai vợ chồng.

Cha mẹ Phật Nguyệt chiều con gái không biết chừng nào, thương con gái không biết ngần nào. Ông dạy Phật Nguyệt học chữ và giảng sách giảng thơ cho Phật Nguyệt. Bà thì dạy Phật Nguyệt làm ăn nấu nướng, kim chỉ vá may, hái dâu nuôi tằm. Phật Nguyệt mới mười ba tuổi mà đã lớn, đã đẹp như gái mười sáu nét na đằm đằm, quán xuyến mọi việc cửa nhà, xa gần đều khen ngợi.

Chẳng may Phật Nguyệt mười lăm tuổi thì cha mẹ lần lượt qua đời, Phật Nguyệt mồ côi cả cha lẫn mẹ, nhưng với tuổi mười lăm nàng đã sớm biết suy nghĩ và tự do lo liệu được mọi việc gia đình. Vả lại họ hàng, làng xóm đều sẵn sàng giúp đỡ nàng mà chẳng ai là có bụng lẩn át hay có ý coi thường nàng.

Cơ nghiệp của cha mẹ để lại có một nếp nhà gỗ năm gian, ba sào vườn và vài mẫu ruộng. Vườn trồng dâu để nuôi tằm. Tháng năm kén tằm vàng óng phơi trước sân trước ngõ mọi nhà. Cả làng Yển nuôi tằm kéo tơ bán cho lái các nơi về ăn hàng. Ruộng làng Yển là chân ruộng chiêm trũng, lại thường ngập nước sông nên cũng chẳng được bao nhiêu hạt lúa.

Phật Nguyệt có những suy nghĩ khác người. Và những suy nghĩ ấy nàng thường bày tỏ với một người đàn bà góa đã có tuổi mà cả làng đều quen gọi là “bà góa”, ở một túp lều nhỏ bên sông. Người đàn bà này có lẽ là một người khổ cực nhất trong những người khổ cực của làng Yển và của cả châu Thanh Hoa này nữa. Khi mới sinh ra, người đàn bà ấy đã không biết cha mẹ là ai, vì là con đẻ rơi bỏ góc vườn, người ta nhặt và nuôi làm phúc. Người đàn bà ấy suốt đời lam lũ vất vả, làm đầy tớ các nhà giàu, làm nô tì cho những nhà quan đô hộ. Bốn mươi tuổi mới lấy được chồng thì chồng lại bị giặc bắt đi phu chết dấp dúi nơi ma thiêng nước độc. Bà đẻ được mụn con gái lại bị dịch sỏi mang đi. Bà góa thường than thở: “Giặc cướp chồng, trời cướp con, tôi ăn hiền ở lành, ăn ngay nói thật mà sao khổ thế này hở trời!”.

Bà góa ở một mình một lều và mặc dù Phật Nguyệt vẫn mời bà về ở với mình, bà vẫn cứ khư khư ra vào túp lều lụp xụp.

Phật Nguyệt suy nghĩ và bất bình khi nhìn các cảnh trái ngược, những tên quan đô hộ và bọn tay sai thì vàng bạc đầy kho thóc, lúa đầy bịch, no nê phê phỡn, đầy tớ nô tì hàng chục hàng trăm, còn nhân dân thì hầu hết chui rúc trong những túp lều lụp xụp, ăn đói mặc rách.

Nàng càng căm phẫn khi những cô gái trẻ xinh tươi và làm lụng chăm chỉ bị bán vào các cửa

nhà quan, nhà giàu, phải kéo dài một cuộc đời đầy đọa máu hòa nước mắt: “Ruộng chiêm là chiêm bao”, cả vùng đất đồi gò bên sông Thao này khổ vì nạn nước, nước sông, nước đồng. Có làm mà chẳng có ăn. Nhưng mặc dân mất mùa đói kém, giặc vẫn thu cho đủ thuế đủ lương, vẫn bắt người đi phu đi tráng, dù cho nước ngập trắng đồng, dân sờ không thấy, lần không ra một hạt gạo.

Bà góa nói với nàng: “Dân mình lành quá, chịu khổ nó quen rồi. Vớ lại cũng là cái số cả!”

Tới năm vừa rồi, giặc vét thóc gạo, tơ lụa các làng, các chợ, làng Yển gần như mất trắng tay. Nhân dân khắp nơi đều xô xao phần uất.

Phật Nguyệt nói với bà góa: “Chúng ta có làm mà không được ăn, giặc kia ngang ngược quá chừng! Chúng coi dân ta như chó lợn! Không lẽ cứ đành sống mãi trong cảnh địa ngục trần gian này sao?”. Bà góa nói: “Dân thì muốn đuổi giặc đấy, nhưng phải có một người tài giỏi đứng lên mới được. Nàng thử xem như mẹ góa này, như dân chạ ta đây, làm gì được kia chứ!”. Phật Nguyệt muốn đem thân mình mà cứu dân báo quốc mới tìm đến ông chú, ngỏ bày tâm sự. Ông chú là một nhà nho không đỗ đạt, ở làng làm thầy đồ dạy học.

Ông chú nghe cháu nói, giật mình, không ngờ cháu lại có những ý nghĩ táo bạo như vậy. Cháu nói một lần cháu nói hai lần, nghe nói mãi chú cũng lạ lùng và kính phục cháu. Ông chú nói: “Đây là việc lớn, không phải chuyện đùa. Đã làm phải kín đáo, kiên trì. Nay cháu ơi, dòng nước sông Thao đỏ đặc phù sa chảy êm ả giữa đôi bờ đồng xanh, núi biếc. Sông Thao nuôi ta mà ta vẫn khổ. Phải chăng sông ấy là dòng máu hòa nước mắt của dân Nam chảy mãi không bao giờ dứt?”.

Cháu nói: “Sao chú lại nói những lời buồn chán như vậy! Cháu quyết đứng lên, chú phải giúp cháu. Sông Thao là mẹ hiền, châu Thanh Hoa người đông, của nhiều, chẳng lẽ không có người hào kiệt hưởng ứng chúng ta sao?”

Chú cháu bèn tìm họp người máu thịt được vài ba người, cùng bàn việc dời non lấp biển.

Ba người ở ruộng khoai về làng Yển ở được sáu tháng, vỡ đất làm trại, trồng sắn cày ruộng, ông chú đến gặp gỡ, cùng nói chuyện làm ăn và giúp đỡ ba người trong mọi việc, nhưng vẫn kín đáo không nói gì tới những việc chọc trời khuấy nước.

Một hôm ba người đến gặp Phật Nguyệt, nói rằng: “Người có lòng không dám ngổ cùng nhau, bao giờ mới nên được việc lớn? Nhà sắp đổ có gỗ tốt sao không dùng?”. Phật Nguyệt tươi cười nói: “Gỗ có ngâm lâu mới dùng được bền. Nay cũng đã tới lúc vớt lên dựng cột được rồi, tiếc rằng còn thiếu”. Ba người hăng hái nói: “Chúng tôi đều có thù sâu với giặc, nàng cần gì xin cứ sai khiến!”

Phật Nguyệt nói: “Còn chờ đợi gì nữa! Nay đã đến lúc cần đến các tráng sĩ đấy. Tìm người có tài có chí cùng nhau mưu việc, đó là một. Tích lương trữ thóc tính kế lâu dài, đó là hai. Tụ khởi nghĩa binh, rèn đao tập gậy, đó là ba. Học trò của chú tôi có một vài người, nhưng lực còn ít quá, mong các tráng sĩ xấn tay áo cho!”.

Ba tráng sĩ vui vẻ nhận lời, bèn tìm các bạn cùng chí và những người giỏi đánh đao múa gậy, đưa đến gặp Phật Nguyệt. Các học trò của chú cũng ra sức kết giao hào kiệt, tập luyện võ nghệ. Phật Nguyệt họp dân làm binh, chia thành đội ngũ. Mọi người tôn Phật Nguyệt làm chủ.

Lại nói về ba tráng sĩ ở ruộng khoai. Người cao tuổi nhất là Lê Bảo Hoàn mưu cơ trí lự, vốn chỉ là dân cày nghèo, vì trong một cuộc đấu vật ở hội làng lỡ tay quật mạnh con một tên cường hào ốm đến ba tháng, sau rồi nó bị què, nên phải bỏ làng đi tránh thù của nó. Hoàn bị giặc bắt đi phu lại tìm cách trốn, trốn đã nhiều lần, nhân lần này thấy tên quản phu người Hán đánh một người đàn bà trẻ bằng roi da đầu bịt đồng, mới xách bổng tên này lên ném xuống chân rùng. Giặc trói Hoàn lại đánh suốt ngày, nửa đêm Hoàn được Vũ Giao và Đào Lộ đến cởi trói đưa đi.

Vũ Giao và Đào Lộc đều là dân chài nòi, bơi lặn như cá, đã có lần hai người hai dao nhọn lặn sông đằm chết thường luồng, người ta gọi là dũng sĩ. Hai người và Lê Bảo Hoàn bàn nhau cùng đi tìm Phật Nguyệt để mong có thể thành được chí mình.

Có ngày nhân lúc bàn việc, Lê Bảo Hoàn nói với Phật Nguyệt: “Nàng là phận gái mà có chí lớn, nay sự nghiệp đã bắt đầu, chúng tôi rất mừng. Nhưng múa đao đánh gậy là việc nhỏ, còn như chém tướng phá thành, đến giặc không ngờ, đi giặc không biết, một người nghĩ cho trăm người, đánh thì được, giữ thì vững, đó mới là những việc người nghĩa chủ phải lo!”. Phật Nguyệt nghe tráng sĩ nói, thấy sáng ra nhiều, mới cùng ông chú và Lê Bảo Hoàn đi xem xét địa thế trong vùng, vẽ bản đồ từ sông vào tới đất giữa, từ ngược về xuôi, định trước thế tiến thế thoái, chỗ đánh chỗ phục. Phật Nguyệt lại lập một đội thủy binh giao cho Vũ Giao và Đào Lộc quản lĩnh, còn Lê Bảo Hoàn thì cùng ông chú lo mọi việc quân lương và huấn luyện sĩ tốt.

Khi lực lượng đã mạnh, Phật Nguyệt đi các trang nói với các trang chủ: “Mọi người hãy cùng đứng dậy! Các trang hãy dựng giáo lên! Giặc đánh một thì mười trang cứu, giặc kia dẫu khỏe cũng không bằng chúng ta cùng một bụng. Sức chúng ta đã mạnh rồi!”. Mọi người đều một lòng theo Phật Nguyệt. Từ đó không trang nào chịu đi sâu đi phu cho giặc, không trang nào chịu nộp thóc, nộp tơ cho giặc. Giặc về sách nhiễu thì dằng dai chống lại, đánh trống làm hiệu tiến, đánh mõ làm hiệu lui. Quả nhiên giặc không còn lòng sực hoành hành được như trước.

Một hôm nhân lúc thư thả, ba tráng sĩ nói với Phật Nguyệt: “Chúa anh hùng đã ra đời, Nàng đã biết chưa?”. Phật Nguyệt ngạc nhiên hỏi lại. Ba tráng sĩ nói: “Ở Mê Linh có cháu ngoại Vua Hùng là Trưng nữ chủ đang mưu cứu nước, hào kiệt bốn phương đều theo về, nàng còn chờ gì nữa!”, nói rồi đưa cho Phật Nguyệt tờ hịch cứu nước của Trưng nữ chủ. Phật Nguyệt xem xong mừng rỡ nói: “Những điều Trưng nữ chủ nói thật trúng ý ta, nay phải làm gì?”. Các tráng sĩ đều vụt đứng dậy nói: “Thời cơ đã đến, còn chờ gì nữa! Ta hãy đến gặp nữ chủ xin người dạy bảo cho”. Ngày hôm sau, Phật Nguyệt và vài chị em thân tín đi cùng Lê Bảo Hoàn về gặp Trưng nữ chủ.

Ngày Trưng nữ chủ làm lễ tế cờ ở Hát Môn, Phật Nguyệt dẫn đầu hai nghìn nghĩa quân nam nữ sông Thao về hội với các anh hùng cả nước.

Trong cuộc khởi nghĩa chống Tô Định, Phật Nguyệt được phong là Thao giang thượng, Tả tướng thủy quân. Nàng lập nhiều công lớn nên khi bình xong giặc được phong là công chúa.

Phật Nguyệt lấy làng Yển làm thực ấp, mở bến mở chợ, từ đó Yển trở nên một nơi sầm uất, đông vui.

Theo lệnh của vua Trưng, Phật Nguyệt cùng các tùy tướng đi tìm đất hiểm yếu để lập đồn trại, mới vào vùng đất giữa, trang Thanh Cù nghỉ lại đêm ở một tòa miếu nhỏ. Hôm sau, Phật Nguyệt chọn tuyển ở trang Thanh Cù mười lăm người làm bộ hạ, lại bàn với các cụ sửa lại cổ miếu, cử người trông nom đèn nhang. Phật Nguyệt đặt ở đấy một đồn quân gọi là đồn Gò Voi. Phật Nguyệt lại cho đào một con ngòi từ Yển vào Thanh Cù gọi là ngòi Cài để tiện việc đi lại.

Vài năm sau, Mã Viện là tướng giỏi của nhà Hán theo lệnh vua Hán cầm quân sang xâm chiếm lại nước Nam ta. Sông Thao là đường tiến quân chiến lược của Mã Viện tiến đánh Bạch Hạc, vì thế Mã Viện giao cho phó soái Lưu Long tiến theo đường này. Phật Nguyệt chống cự với Lưu Long ở mạn ngược sông Thao nhiều trận đẫm máu, giặc bị kìm chân không xuôi về Nam được. Ngày mùng mười tháng hai năm Quý Mão, Lưu Long dùng kế phục quân đang đêm bao vây phá vỡ đại đồn của Phật Nguyệt. Phật Nguyệt cả thua, tả xung hữu đột thoát được vòng vây, chạy theo bờ sông một thời đường, ngoảnh lại quân tướng không còn ai, sau lưng lửa bốc rực trời, giặc lại chặn đánh ở phía trước. Phật Nguyệt kêu to một tiếng, phóng ngựa xuống sông, nước réo lên ầm ầm, tự nhiên xoáy thành vực lớn⁽¹⁹⁾.

PHƯƠNG DUNG

NỮ TƯỚNG

Trang Vĩnh Tế huyện Lang Tài có Nguyễn Trát vũ dũng và ngang tàng nổi tiếng. Nhà Nguyễn Trát đã bốn đời là dân cày thuê, đất một thước, một tấc cũng không có. Tới Nguyễn Trát cũng chỉ có một chiếc khố và hai bàn tay trắng, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, tự kiếm lấy mà ăn.

Nguyễn Trát mày rậm mắt tròn, miệng rộng mắt vuông, mỗi bữa ăn hết một đấu gạo, ăn bằng ba người, cày bằng mười người, nên nhà giàu nào cũng muốn giữ Trát ở với mình. Trát không chịu ở đâu lâu, mỗi vụ một nơi, chỉ cần được ăn no, không bao giờ bận tâm tới chuyện vườn ruộng, vợ con này nọ.

Trát rất khỏe, vác chiếc cối đá lớn miệng rộng ba gang tay đi ba vòng quanh sân đình mà nét mặt vẫn không thay đổi. Tính nết Trát cũng khác thường, thấy việc gì trái mắt là tóc dựng lên không chịu bỏ qua, thân phận là tôi tớ nhưng chưa bao giờ chịu chấp tay cúi đầu với ai bao giờ.

Một hôm, Trát đang cày vỡ thấy dân làng xô xao, bèn bỏ cày mà về, gặp cường hào họ Đặng cậy thế giặc Hán bắt hiếp vợ người ta, đang thét bọn gia nhân lôi kéo một thiếu phụ xinh đẹp đầu tóc rũ rượi. Người làng chỉ kêu gào mà không ai dám cứu gỡ cho người đàn bà. Người chồng thì bị trói vào gốc cau, bị đánh đập đến nát da chảy máu. Nguyễn Trát lập tức trợn đôi mắt hổ, duỗi cánh tay vượn nắm lấy cổ cường hào họ Đặng nhấc lên rồi đập đầu nó xuống đất. Cường hào họ Đặng chết tươi ngay. Từ đó, Trát phải bỏ làng.

Nhân năm đói kém, Trát họp dân đói được vài mươi người nổi lên đánh cướp các nhà cường hào cho thỏa lòng căm tức. Trát thường chống cây sào tre mà đu mình vào cướp phá các trang trại, không kể gì hào rộng lũy dày. Bữa ăn, kẻ giàu thì ngồi xếp chân bằng tròn, người nghèo thì ngồi xồm, riêng Trát bao giờ cũng chân duỗi chân quỳ mà ăn, vì thế hơi động là trở tay đánh đổ ngay được. Có lần Trát bị đuổi tới một con ngòi rộng, Trát vỗ đùi nhảy qua nhẹ như chim liệng. Dân đói theo về với Trát mỗi ngày một đông. Huyện quan là người Hán nhiều lần vây đánh Trát nhưng cũng không dẹp nổi.

Huyện quan sợ để Trát hoành hành mãi thì mình cũng bị mất chức mới tìm cách chiêu dụ Trát.

Vùng vậy được hơn hai năm, Trát đã có thanh thế. Chí Trát không chỉ ở việc đánh cướp các nhà giàu, lại nghĩ cứ lang bạt mãi cũng không được, nhân dịp huyện quan chiêu dụ, Trát xin khẩn đất hoang mở trang trại bên sông.

Trát lấy một người con gái ở Cối Giang làm vợ, xây dựng cơ nghiệp, nghiêm nhiên trở thành một hào trưởng ở huyện Lang Tài. Vợ chồng Trát sinh được ba trai khôi ngô tuấn tú, Trát đặt tên là Nguyễn Tất, Nguyễn Hiên, Nguyễn Minh. Tuổi ngoài năm mươi, Trát lại sinh được một cô gái út đặt tên là Phương Dung. Vợ chồng Trát yêu quý nâng niu Phương Dung như hòn ngọc trên tay. Phương Dung càng lớn càng đẹp, hay lam hay làm, không ai là không mến.

Trát từ khi mở trang trại, càng nung nấu cái chí chuyển lay thời thế, mới chiêu mộ dân lưu tán, những người tù tội được về, những kẻ ngang tàng từng chọc trời quấy nước, những người giỏi nghề đấu gậy, nghề đánh khiên, những người bị cường hào áp bức mà phải bỏ làng, những người có nợ máu với giặc Hán. Nhà Trát kẻ ra người vào rậm rịch. Oai danh Trát mỗi ngày một lớn. Kẻ nào đi ra ngoài mà tự xưng là người nhà Nguyễn Công ở Vĩnh Tế thì ai cũng phải nể, kẻ có quyền thế cũng không dám hà hiếp. Mỗi khi Trát đi chơi, cưỡi con ngựa lông tía cao lớn, ba con trai mang đao cưỡi ngựa đi theo, đàn chó dữ lực lưỡng chạy giỡn bên chân, ai trông thấy cũng phải tránh. Bọn cường hào tuy căm ghét Trát nhưng vẫn phải e sợ, lại lấy việc Trát đến nhà chơi làm hãnh diện.

Tô Định nghe tiếng Nguyễn Trát rất lo ngại, bèn gọi cho Nguyễn Trát một chức quan nhỏ coi việc đốc phu trong thành thái thú. Trát từ chối, rồi nói với các con rằng: “Con cáo già muốn

xích chân ta đây!". Từ đó, Tô Định càng để ý tới Trát và sức cho huyện quan phải luôn luôn giám sát Trát, và năng đi lại thăm hỏi cho Nguyễn Trát yên tâm khỏi nghi việc kia khác, sau rồi sẽ tìm dịp diệt Trát cho dứt mối lo.

Nguyễn Trát xuất thân là người dân cày bị hà hiếp nên biết thương yêu những người cùng khổ và thường nhắc nhở các con không được quên gốc. Vì thế, các con Trát không chỉ thạo côn quyền, giỏi đao kiếm mà việc cày bừa, thổ mộc ba anh em Tất, Hiến, Minh cũng thành thạo không chịu kém ai. Phương Dung là người có hoa tay đan đồ tre rất khéo, quán xuyến việc nhà, vào các ngày mùa lại cùng các chị em người làm đi cấy gặt...

Năm ấy được mùa, cánh đồng tháng mười vàng rộm lúa mới, tấp nập người gặt hái. Phương Dung mặc váy ngắn đi gặt với chị em, chỉ khác chị em cùng gặt có chiếc yếm bằng lụa màu hoa đào. Lưỡi liềm nằng sáng như bạc, cong như mặt trăng mỏng sáu, mảnh như mặt trăng mỏng ba. Nàng đưa liềm như múa, lúa chắt đàng trước, lúa rước đàng sau, lúa múa lao xao dưới tay nàng rồi nằm xuống nghỉ bên chân nàng. Nàng làm không biết mệt, gặt không biết mỏi, nàng nói, nàng cười như con chim khuyên, con chim sẻ, nàng bé người mà tươi xinh và cả đồng lúa ngày mùa vui lên hơn nhiều vì có nàng gặt hái.

Nhưng kìa, một đoàn người nhốn nháo đi trên đường qua khoảnh ruộng Phương Dung và các bạn làng đang gặt. Tên thủ bị người Hán vênh vác trên mình ngựa lắc lảo nhìn ngang nhìn ngửa. Những tên lính Hán tay đao tay gậy lạng xặng nặng xỉ lồi kéo hơn chục người Việt, trai có, gái có. Họ cố chống lại bọn lính nhưng không nổi vì đều bị trói thành một xâu.

Phương Dung vụt chạy lên đường, đuổi theo tên lính Hán, giật chiếc roi từ tay nó và cầm lăm lăm trong tay mình.

Vụt, vụt, vụt, chiếc roi mềm bằng song đầu bịt đồng hình đầu rắn ba cạnh từ tay Phương Dung quật như mưa vào tên lính. Bọn lính tức giận múa đao xông lại vây lấy Phương Dung. Chị em ở khắp cánh đồng hàng chục người cầm liềm và đòn gánh chạy ùa tới. Tên thủ bị quát tháo cả bọn lính lẫn những người đi gặt đang xúm lại mỗi lúc một đông.

Mọi người vây kín lấy những tên giặc. Những người bị trói đã lẩn đi từ lúc nào cũng không ai để ý.

Phương Dung múa ngọn roi. Cả bọn lính gần hai chục tên không cự nổi với người con gái mười sáu tuổi, lùi lại và hò hét như bầy chó dại.

Tên thủ bị loay hoay trên mình ngựa, bực tức vì mọi người xúm quanh làm nó không có đất dụng võ. Nó cố lia đao gạt mọi người lui ra rồi chỉ đao vào mặt Phương Dung mà quát: "Con kia, mày không sợ tội chết cả ba họ à? Con gái nhà nào?". Có tiếng ai đó cất lên tiếng rắn rỏi: "Con gái út của Nguyễn Công ở Vĩnh Tế đấy!".

Thủ bị gườm mắt nhìn Phương Dung.

Phương Dung quắc mắt nhìn lại. Hắn cúi đầu rồi thét bọn lính rút về huyện sở.

Một trăm làng mạn ngược, một nghìn làng mé xuôi đều biết tiếng Nguyễn Công giàu mạnh. Bãi giữa sông ngô mọc san sát như lau, khoai mọc xanh rờn như cỏ, ruộng trong đồng cò bay mỗi cánh. Buổi chiều trâu tắm chen chặt bến, con trai con gái đi về chật đường. Nhà Nguyễn Công có một trăm nồi đồng, mười bộ chiêng đồng, trống cái, trống con hàng chục chiếc. Người tứ xứ đổi chác hàng hóa, thuyền lớn, thuyền nhỏ đậu ngoài bến nhiều như ngỗng, như ngan.

Trong vòng trăm dặm trở ngược, trăm dặm đi xuôi, không một hào trưởng nào hùng mạnh như Nguyễn Công. Năm cha con Nguyễn Công đều hùng dũng. Người người đều biết đó là năm con hổ dữ ở rừng đại ngàn tìm về đây, là năm con đại bàng bay lượn chán trên những đỉnh núi cao chạm trời bây giờ chọn vùng đất này để nghỉ. Những người mẹ đều ao ước để được con trai như ba anh em họ Nguyễn, sinh được con gái như nàng Phương Dung.

Ba anh em trai giống nhau như đúc một khuôn và đều cường tráng, tuấn tú. Phương Dung

như vàng mặt trời buổi sớm, như con trăng treo đêm rằm. Cổ nàng đeo vòng bạc, tay đeo vòng vàng. Cổ nàng trắng nõn như hoa huệ, cánh tay nàng nuột nà như ngó sen. Tóc nàng thả xuống dài chấm gót chân, mềm và óng như lụa như tơ. Tóc nàng búi lên cài trâm bạc, trâm đồng, tròn trặn như quả bưởi.

Nàng đẹp và khéo chân, khéo tay. Nàng đan nong đan nia, đan rổ đan rá, ngón tay búp măng đưa thoăn thoắt. Nàng xếp lá đan nón. Nón nàng đan ai đội cũng thấy nhẹ như đội mây, nắng phải trốn, mưa phải tránh.

Con gái mà không chịu thua kém con trai, nàng tập cung tập kiếm. Nàng thấu hiểu tấm lòng của cha nên nàng chăm chỉ rèn luyện. Nàng không khỏe như ba anh, vậy mà ba anh múa đao đều thua nàng múa kiếm, ba anh múa gậy đều thua nàng đánh roi. Ngọn roi bọc đồng múa vun vút như hoa bay trong gió lốc, như cát bốc trong cơn giông, múa về đằng đông cầu vòng mọc rồi lặn, múa về phía đông sấm rền chớp lóe. Ngọn roi chỉ lên trời sao xô nhau chạy, ngọn roi quét mặt đất cây đổ cành rơi.

Khắp các vùng ven sông đều biết tiếng năm cha con họ Nguyễn ở Vĩnh Tế, đều ca ngợi nàng Phương Dung xinh đẹp và anh hùng.

Bà mẹ một hôm bảo Phương Dung cùng theo mình về thăm quê ngoại để sửa lại phần mộ tổ tiên và viếng họ hàng. Quê ngoại của Phương Dung ở bên sông Cối, một làng nhỏ vừa làm ruộng vừa chài lưới. Khi ra đi, Phương Dung nói với anh trai là Nguyễn Minh rằng: “Em theo hầu mẹ về thăm quê quán ông bà ta, anh ở lại hãy trông nom cha cho cẩn thận vì tính nết cha nóng nảy không biết chịu nhịn, lại hay rượu. Anh hãy luôn luôn ở bên cạnh cha. Các anh lớn đi vắng cả, vậy anh hãy để mắt vào tất cả mọi việc và mắt anh không được rời cha lúc nào!”. Anh cười rằng: “Ôi, em gái sao lo nhiều như vậy. Em cứ về quê đôi mươi ngày hoặc cả mùa ba con trăng nữa và khi em trở lại đây thì đình làng ta đã dựng xong rồi đấy!”. Hai anh em vui vẻ chia tay nhau.

Ôi dòng sông quê hương đẹp thay! Dòng sông mát rượi đậm đặc phù sa như một dải lụa đào nàng tiên nào lỡ để rơi trên mặt đất. Phương Dung yêu dòng sông quê ngoại, vì nàng sinh ra ở đây và dòng sông tắm mát tuổi thơ nàng. Phương Dung yêu dòng nước xuôi nhiều, sóng nước rì rào với làn gió lao xao hương lúa, là những cánh buồm mở ra như cánh bướm khổng lồ chẳng biết từ đâu đến và sẽ đến đâu.

Lần này, về quê, nàng gặp lại Đào Kỳ, người bạn trai từ hồi nhỏ tuổi. Và nàng ngạc nhiên khi thấy Đào Kỳ đã là một chàng trai đẹp đẽ cũng như các anh nàng và cũng khỏe như thế. Nhìn ánh mắt và nét mặt Đào Kỳ, nàng hiểu rằng chính Đào Kỳ cũng ngạc nhiên khi thấy người bạn gái đã lớn bằng này.

Lâu ngày không gặp nhau, nhưng lần này họ nói với nhau ít và khi Đào Kỳ mời trầu Phương Dung thì tự nhiên nàng thấy mặt nóng bừng. Đào Kỳ giảo dị và chân thực tiếp Phương Dung tại túp lều nhỏ của mình bên sông Cối.

Đào Kỳ ở một mình trong túp lều lá tre rụng đầy mái và gió sông đầy gian. Lều chỉ có một chiếc chõng tre và vài tấm lưới gai với những chiếc lao cá và cần câu. Đào Kỳ không phải người quê đây. Cha mẹ chàng tránh loạn lạc rồi bỏ trang Nông Cống, huyện Lương Giang, phủ Thiên Thiên, quận Cửu Chân lần ra ngoài này. Hai ông bà già sống cực khổ vài năm thì qua đời. Đào Kỳ mồ côi cả cha lẫn mẹ, từ năm mười tuổi đã phải tay làm hàm nhai. Phương Dung nghĩ chắc chàng không được học chữ đã đành mà hẳn chàng cũng chẳng biết được một miếng vật, một đường đao. Phương Dung thương Đào Kỳ vì thấy chàng trợ trợ và nghèo khổ.

Phương Dung muốn Đào Kỳ về với cha và các anh mình. Đào Kỳ vội vã lắc đầu. Chàng sống như con chim trời, con cá nước, sống thế quen rồi.

Nửa tháng qua, Đào Kỳ, Phương Dung càng thương nhau và Đào Kỳ thấy buồn khi Phương Dung sắp theo mẹ về Vĩnh Tế.

... Tiếng sấm vang rền vang trên bầu trời chõng chất mây đen. Chiều cuối xuân oi bức, ngọt

ngạt rồi mưa trút xuống. Phương Dung lo ngại vì mẹ lại vừa bị mệt, còn nàng cũng cảm thấy trong dạ bồn chồn. Nàng không chớp mắt khi tiếng sét nổ tung trên đầu nhưng nàng thấy lo lắng, ngồi đứng không yên.

Bỗng cửa bị xô mạnh để mưa gió thốc cả vào nhà... Ông cậu và Đào Kỳ bước vội vào, liền theo sau là một người mái tóc hoa râm: ông Nguyễn, người hầu thân tín nhất của cha nàng!

Bảy ngày đã qua... mẹ Phương Dung chỉ nằm khóc, nước mắt ướt hết cả chiếu giường, và bà tắt thở trong nước mắt. Phương Dung không khóc nữa vì nàng đã khóc cùng mẹ nhiều rồi. Nàng lau nước mắt cùng họ hàng bên ngoại chôn cất mẹ.

Giờ đây, nàng cũng như Đào Kỳ. Cha và các anh nàng đều mất rồi. Cha mẹ, các anh nàng, cả cơ nghiệp nhà nàng, tất cả không còn gì nữa, vụn tan đi như áng mây. Bây giờ thì nàng cũng như Đào Kỳ, cũng mồ côi cả cha mẹ, cũng chẳng còn anh em, cũng một thân một mình như Đào Kỳ. Có khác chăng là nàng vẫn còn chỗ dựa là họ hàng bên ngoại.

Lòng nàng sôi sục căm thù. Nàng nhớ thương cha mẹ và các anh vũ dũng của nàng. Nàng cũng nhớ tới hàng trăm con người nghèo khổ đã theo cha nàng cùng nhau xây dựng nên một cơ nghiệp giàu có. Tất cả đều tan tác hết sau đêm Tô Định vây đánh với hàng trăm quân từ phủ thái thú kéo về, với tất cả bọn tay sai cường hào ác bá trong huyện Lang Tài.

Đêm lửa và máu. Đêm ấy những người anh hùng còn đang mê mệt trong giấc ngủ nồng hơi rượu của cả ba ngày tiệc mừng khởi công làm đình, sau ba ngày hội lớn có đủ mặt từ viên huyện quan người Hán cho tới các hào trưởng trong vùng. Những người anh hùng vô tư không hề đề phòng, và trong đêm thứ ba, đao của họ bị nhắc đi, khiên của họ bị giấu đi, hàng trăm tên giặc Hán cùng bọn cường hào ồ ạt, hùng hổ, hò hét khoa đao chém giết, hãm hiếp, đốt phá...

Ông Nguyễn nước mắt tràn đầy má nói với Phương Dung:

- Ôi, nàng Phương Dung! Dân làng và bao người cực khổ khác trông chờ nàng, vì nàng là người anh hùng duy nhất còn lại của nhà Nguyễn công. Hãy trả thù!

Đào Kỳ chống sào đẩy thuyền đưa Phương Dung và ông Nguyễn ra khỏi làng Cối nhỏ nghèo, trốn tránh sự truy lùng của Tô Định vì tên này biết rằng Phương Dung còn sống là còn nguy hiểm đối với bọn nó hơn cả Nguyễn Trát và các con trai của Nguyễn.

Trước khi con thuyền rời bến, ông cậu nói với Phương Dung và Đào Kỳ:

- Nếu các cháu thương nhau, các cháu hãy hứa hôn với nhau và có thể sống với nhau như vợ chồng. Phương Dung hãy nhận ông Nguyễn là cha, ba con ông cũng bị giặc Hán giết cùng với ba anh của cháu đó. Từ đây những người trốn tránh sống trong sự che chở của dân làng quê ông Nguyễn.

Một hôm Phương Dung nói với cha nuôi: - Cha hãy tìm những người biết múa đao, đánh gậy ở trại ta còn sống sót, tìm những người mang khăn tang trên đầu và mối thù giặc trong lòng, đi tìm những người ấy và nói với họ hãy tập hợp lại, theo về với Phương Dung!

Phương Dung lại nói với Đào Kỳ: Chàng khỏe và khôn ngoan, nhưng muốn trả thù nhà, chàng phải biết múa khiên như anh ba và múa gậy cũng giỏi như anh hai mới được.

Từ đây, Phương Dung dạy Đào Kỳ múa roi đánh kiếm, bày cho Đào Kỳ cách chống sào mà nhảy như cha mình, bày cho Đào Kỳ múa khiên và đao như các anh mình.

Sau đó hai người lại tập luyện với trai làng, gái làng. Chỉ có vài ba chục người, vì đây cũng chỉ là một làng nhỏ nhoi, hẻo lánh. Họ tập kín đáo với nhau, và cánh đồng chiêm mênh mông nước với lũy tre làng dày đặc đã che chở cho họ.

Những anh hùng của Trung nữ chủ không nén nổi xúc động khi gặp những người mới đến.

Những người này nghiêm trang nhìn về phía trước, chờ đợi Trưng nữ chủ xuất hiện.

Khi Trưng nữ chủ bước tới khoan thai và tươi cười, họ đều chấp tay cúi đầu làm lễ và chủ tướng của họ vội quỳ xuống, thế là họ đều quỳ cả xuống theo.

Hai trăm người mới đến ấy đều chít khăn tang trắng, quần áo bụi bặm. Chủ tướng của họ là một đôi trai gái xinh đẹp như hai quả đào nở đôi bên nhau.

Phương Dung, Đào Kỳ và ông Nguyễn đã cùng hai trăm tráng sĩ tìm đến với Trưng nữ chủ và họ mang khăn trắng để tỏ rằng họ đều có nợ máu và quyết sống mái với kẻ thù.

Trưng nữ chủ đưa tay đỡ ông Nguyễn và vợ chồng Phương Dung, Đào kỳ đứng dậy, miễn lễ cho các tráng sĩ của Phương Dung.

Khi được biết cả hai là một đội bạn mỗi cô, không còn anh em cha mẹ, Thiều Hoa và Vĩnh Hoa đều khóc, còn Bát Nạn và Á Nang thì nhớ ngay đến mối thù của mình. Lê Chân và Hồ Đê nương cũng không cầm được nước mắt. Xuân nương, nét mặt nghiêm trang, bước tới cầm tay Phương Dung nhẹ nhàng nói:

- Em chớ khóc. Chị đây cũng bị Tô Định giết cha và các anh, Nàng Nội ở Phong Châu cũng vậy và còn nhiều người khác nữa mà em sẽ biết. Thù với giặc đâu phải chỉ riêng em.

Nói đoạn, nàng nhìn đoàn tráng sĩ khăn trắng và vẫn nói giọng dịu dàng:

- Những người đến đứng dưới cờ của Trưng nữ soái đều là những người bị áp bức, nung nấu thù sâu với giặc nước. Cứu nước và giành lại tự do cho nhân dân, đó là ý chí của chúng ta khi theo về với Trưng nữ chủ, vợ góa của Đặng công Thi Sách.

Trống trận nổ như sấm như sét, trống trận ngày đêm rung trời động đất, gầm lên như tiếng núi đổ, rền vang đi khắp nơi. Thành Luy Lâu này tiếng trống vang đi xa mãi tới những rừng đại ngàn và làm nổi sóng bể cả, nơi mặt trời ẩn náu.

Tù và rúc lên trong hang sâu, như gầm bão cuốn đổ tất cả trên đường đi, inh ỏi đêm ngày.

Người đông như kiến, nhiều như ong, kiếm và giáo san sát như lau lách lánh loáng lên, khiên đồng sáng xoay tròn làm cát bụi bốc lên mù mịt. Mũi tên lỏe sáng bay vun vút dày đặc như đàn châu chấu và những con chiến mã chồm lên hí vang, bồm tung trước gió!

Một vạn chiến sĩ cùng với hàng trăm tướng anh hùng, trai có gái có, già có trẻ có, đánh tan tác quân thái thú Tô Định, Tô Định lui về cố thủ ở trong thành, sau hàng rào chông, sau bức tường thành cao vút chơm chớm giáo và nỏ.

Tên tù trên bắn xuống, tên tù dưới bắn lên. Đá từ mặt thành đổ xuống ầm ầm. Thành Luy Lâu quân còn đông, lương thực còn nhiều, vách cao hào sâu, Tô Định cố giữ chờ quân viện từ phương Bắc xuống và từ các trấn mạn bể tiến về.

Vậy đánh mười lăm ngày ròng rã mà đoàn quân Việt vẫn không phá nổi thành, không hạ nổi Luy Lâu!

Trưng nữ soái hạ lệnh chia các tướng giỏi đi đánh phá các huyện thành mạnh của giặc để làm tan nguồn quân viện, Lê Chân quét giặc ở các trấn miền Đông, Quỳnh Hoa, Quế Hoa cầm quân tuần tiễu. Một số tướng khác đi về các địa phương mộ thêm quân, lấy thêm lương để vây phá Luy Lâu cho bằng được.

Trống trận vẫn nổi ầm ầm. Tù và rúc đêm ngày. Các chiến sĩ Việt hăng hái xông lên, dùng thang tre, thang mây tìm lối vào thành.

Thành Luy Lâu cao bằng tầm cây tre, dày bằng tầm cây nứa, đá xếp như áo giáp. Hàng nghìn quân đứng trên thành đổ cát và đá, ném lửa, bắn tên, phóng lao xuống dưới.

Trưng nữ chủ hạ lệnh ngừng phá thành trong ba ngày và họp với các tướng bàn mưu kế.

... Bể lặng sông yên, đất cũ thu về một mối, non sông hết bóng giặc thù, Đào Kỳ được phong trấn thủ huyện Đông Ngàn, và Phương Dung phong tước công chúa, cùng chồng chăm lo mọi việc trong quận hạt. Huyện thành được xây dựng ngay nơi thành cũ Cổ Loa của An Dương Vương xưa, trên mảnh đất gọi là làng Ốc. Chính quyền đô hộ Hán chỉ đặt ở đây một đồn quân. Vợ chồng Đào Kỳ về sửa lại thành quách, lập dinh sở, mở đường làm cầu. Loa thành lại trở thành một nơi đô hội đông vui. Ngày qua tháng tới, ba năm liền được mùa, dân no, làng vui, những thôn xóm mới mọc lên, dân huyện Đông Ngàn đều ca ngợi vợ chồng quan trấn thủ là hiền từ và chăm sóc tới dân.

Bấy giờ giặc Hán là Mã Viện lại kéo sang uy hiếp vùng biên giới. Biết Mã Viện là một danh tướng của triều Hán, Trưng vương cho lệnh gọi hai vợ chồng Phương Dung, Đào Kỳ về triều, truyền rằng: “Biên giới phải có tướng tài lên chặn giặc. Nay ta giao các người đem quân bản bộ lên tới trấn Lạng Sơn lấy quân trấn cùng nhau ra sức chống giặc”. Hai vợ chồng Phương Dung, Đào Kỳ hăng hái lĩnh mệnh ra đi.

Hai tướng đánh với giặc bảy trận trong ba ngày, giặc phải bỏ đường Lạng Sơn mà chia làm nhiều đạo mới tiến được vào sâu trong nội địa. Giặc hợp quân ở vùng Bắc sông Đuống, chính là vùng trấn thủ của Đào Kỳ. Vợ chồng Đào Kỳ, Phương Dung nóng lòng được trở về đánh giặc ngay trên đất quê hương. Trưng vương không cho lệnh gọi về. Hai vợ chồng đành nắm quân chờ để chặn đánh giặc khi chúng bị quét phải rút chạy về biên giới.

Quả nhiên giặc vấp phải sức kháng chiến quyết liệt của quân dân Việt đã phải rút về phương Bắc. Hai tướng chặn đánh. Giặc cầm đầu, quảng giáp mà chạy. Trưng vương cho lệnh hai tướng vẫn đóng lại ở Lạng Sơn.

Lần thứ hai, giặc tràn sang. Trưng vương thua, lệnh cho Phương Dung, Đào Kỳ về mở mặt trận Bắc sông Đuống để gỡ thế nguy. Hai vợ chồng đem quân về cứu. Vừa lúc đó đang bị khốn ở vùng Lãng Bạc. Trưng vương rút về Cẩm Khê. Nhiều trận đánh lớn diễn ra ở vùng Bắc sông Đuống. Có lần, Phương Dung, Đào Kỳ cùng quân giặc đụng nhau. Giặc dàn trận khiêu chiến. Phương Dung, Đào Kỳ cưỡi ngựa sóng nhau đứng trên đồi cao nhìn thế trận giặc đóng quân kéo dài từ đồi nọ tới lũng kia, giáo dựng tua tủa, cờ xí rợp trời trông chẳng khác một con rắn hoa đang trườn mình, mà không biết chủ tướng giặc đóng ở chỗ nào. Hai người nhìn ngắm một hồi rồi mà bảo nhau cứ giữa trận mà đánh, bèn ruổi ngựa xuống đồi, quân bốc theo sau múa giáo khua đao. Chẳng ngờ quân ta vừa xô nhau vào giữa trận thì từ hai đầu trận giặc cuộn lại vây chặt hai tướng Việt vào giữa. Giặc dồn đến lớp lớp đan dày như đóa hoa cúc lớn, tiếng chiêng, trống, tiếng la hét vang trời. Quân của Đào Kỳ, Phương Dung bị chia ra từng mảnh, không còn sức mạnh nữa. Hai tướng biết mình làm lỡ, cố sức mở đường máu tìm lối ra, vợ một nơi, chồng một ngả đều đã bị thương nặng.

Đào Kỳ bị tướng giặc khua đao chém ngang sườn, máu phọt ra ướt hết cả áo giáp. Đào tướng quân cắt mảnh đai áo buộc vết thương rồi phóng ngựa ra khỏi trận. Lúc ấy quân tan tướng lạc, tướng quân một mình một ngựa phóng đi, chạy tới một gốc đa lớn, bèn gò ngựa lại. Dưới gốc đa có một bà lão đang quét lá. Đào tướng quân cất tiếng chào hỏi: “Bà cụ quét lá làm gì đó?”. Bà già đáp: “Lão quét lá về nấu nước”. Đào tướng quân lại hỏi: “Đây là nơi nào”. Bà cụ đáp: “Đào tướng quân, đây chỉ cách ba dặm là tới dinh cơ tướng quân ở trong thành nội kia, tướng quân quên rồi sao”. Đào tướng quân xuống ngựa, lúc ấy bà lão mới biết Đào Kỳ bị thương nặng, sợ hãi hỏi: “Tướng quân ơi, thế ra quân ta thua to rồi sao? Còn nữ chủ tướng đâu, thất lạc phương nào?”. Nói rồi bà nắm lấy tay Đào Kỳ, ứa nước mắt khóc.

Đào Kỳ ngửa mặt lên trời kêu to một tiếng. Lá rụng rào rào, gió ào ào thổi, một đàn quạ từ đâu tới liệng thành vòng, Đào Kỳ ngã xuống, mũi đao cắm phập xuống đất. Bà lão phục cạnh Đào Tướng quân mà khóc. Phương Dung phá được vòng vây cùng vài bộ tướng phóng ngựa tìm về Loa thành. Chợt thấy xa xa có bầy quạ lượn đen trời, tiếng quạ kêu dữ tợn, Phương Dung hồi hộp trong lòng, phóng ngựa chạy thẳng tới nơi. Thấy xác chồng nằm trên đất, đao cắm bên mình, nàng bèn nhào xuống ôm lấy chồng, ngất đi. Bà lão và các tướng gọi hồi lâu, nàng tỉnh

dậy, liền nâng lưỡi đao của chồng trên tay than rằng: “Quân ta tan tác hết rồi, chúa mất, chồng cũng mất, ta còn sống sao được nữa!”. Các tướng chưa kịp can thì Phương Dung đã gục xuống, máu đỏ đao báu. Mọi người đào đất đắp mộ cho đôi vợ chồng anh hùng ngay dưới gốc đa. Hai ngôi mộ của đôi vợ chồng Phương Dung, Đào Kỳ nằm sóng bên nhau, dưới bóng rợp mát của cây đa cổ thụ.

Hôm đó là ngày mười sáu tháng tám năm Quý Mão(20).

TRẦN NANG

TRƯỞNG LĨNH TRUNG QUÂN

Trang Toàn Liệt có nàng con gái xinh đẹp nổi tiếng, mọi người đều nói: “đẹp như Á Nang” để ca ngợi sắc đẹp của nàng. Tóc Á Nang dài và óng như tơ, đen như mun, buông thành bím sau lưng như tất cả các cô gái chưa chồng khác trong vùng. Da Á Nang hồng và mát như cánh hoa sen thắm, môi Nang tươi đỏ, mắt Nang láy đen. Á Nang đứng trong vườn dâu, ngón tay búp măng thoăn thoắt bút lá, giọng hát mềm mại cất lên hòa tiếng gió rì rào lúc bổng lúc trầm như cánh én mùa xuân lướt bay trên bầu trời lồng lộng. Người làm vườn cũng phải dùng tay cuốc, người đánh cá trên sông ngơ ngẩn buông chài, con trai chống cày để trong chốc lát lắng nghe giọng hát Á Nang.

Á Nang xinh đẹp chính là con gái ông Trần Hậu, một vị hương trưởng. Hai ông bà đều hiền lành phúc hậu, chăm chỉ cần cù. Nhà chỉ có ba người nhưng không quanh. Trai gái trong làng thường đến chơi với Á Nang. Các cụ già cũng đến ăn trầu uống nước cùng hai vợ chồng Trần Hậu nên lúc nào nhà cửa cũng đông, vui ấm cúng.

Năm Trần Nang mười sáu tuổi, có hào trưởng Đinh Công Dũng đến hỏi làm vợ. Đinh Công Dũng tuổi đã bốn mươi, mắt như mắt điều hâu, mặt dơi, mồm chuột, nhà giàu bậc nhất trong ba mươi sáu trang bên sông Mê Linh. Họ Đinh nuôi thú hạ trên một trăm tên đầu trâu mặt ngựa. Bọn này lúc nào cũng tay đao tay gậy hung hăng đi các làng thu lúa, thu nợ, hăm hiếp dân lành, có khi bắt con gái có sắc về cho chủ, có khi bôi mặt bắt đuốc cướp phá trang trại các hào mục kinh địch với họ Đinh. Bọn quan cai trị nhà Hán qua lại vùng này đều rẽ vào trang trại Đinh Công Dũng nghỉ ngơi, chèn chén.

Đinh Công Dũng đã có mười vợ nhưng mê sắc đẹp nàng Trần Nang và cậy quyền thế, y mượn người mỗi đến hỏi xin cưới nàng. Mỗi nói với ông bà Trần Hậu rằng nếu họ Đinh cưới được Trần Nang sẽ tôn nàng làm chính thất, giao cho cai quản cả dinh cơ, điền sản và sẽ hết lòng phụng dưỡng hai ông bà.

Cha mẹ Á Nang lựa lời chối khéo, nói là con gái mình còn thơ dại và lại nhà nghèo không dám sánh với nhà họ Đinh.

Vài ngày sau, họ Đinh thân đem trâu rượu, trầu cau đến hỏi. Cha mẹ Trần Nang cho con gái ra tiếp. Trần Nang cự tuyệt thẳng lời cầu hôn. Đinh Công Dũng nuốt giận ra về.

Quá mê nhan sắc Trần Nang, Đinh Công Dũng không thể bỏ qua nên lại sang nhà Trần Nang hết cầu khẩn lại dọa nạt. Trần Nang vẫn một mực chối từ. Đinh Công Dũng bước ra khỏi nhà Trần Nang tuốt kiếm chém vào cột cổng đe dọa sẽ có dịp rửa hờn. Mọi người đều lo sợ cho ông bà Trần Hậu. Cô gái Trần Nang thưa với cha mẹ: “Xin cha mẹ chớ quá lo nghĩ, con sẽ cùng với các tráng đinh nghiêm phòng thôn xóm, và lại con cũng biết đôi ba đường đao mũi kiếm, há sợ gì họ Đinh!”

Trần Nang lại nói với các bạn trai, bạn gái: “Đinh Công Dũng ngang tàng bạo ngược, mưu cướp tôi, nó sẽ phá trang Toàn Liệt. Chúng ta hãy cùng nhau tuần phòng nghiêm ngặt, sẵn sàng đánh lại bọn hung thần ác quỷ ấy”. Con trai, con gái cùng nói: “Không khi nào chúng tôi để cho tên Đinh Công Dũng cướp được Á Nang xinh đẹp”. Các cụ già cùng nói: “Không khi nào trang Toàn Liệt ta lại chịu mất Á Nang xinh đẹp”.

Thời bấy giờ tại bộ Thượng Hồng (thuộc Hải Hưng) có bộ chủ Hùng Trọng là người khoan hòa nhân hậu, trọng nghĩa khinh tài, được nhân dân mến phục, làm bạn với bà Vũ Đường. Quê của Hùng Trọng ở làng Thái Lai, bộ Vũ Tuyên, gần làng Toàn Liệt là quê Á Nang. Hùng Trọng và Trần Hậu là chỗ bạn thân, mỗi khi về thăm quê Hùng Trọng và Vũ Đường không quên sang chơi thăm ông bà Trần Hậu. Hai ông bà Hùng Trọng và Vũ Đường cũng gặp cảnh hiếm muộn, tuổi đã cao mới sinh được một trai, đặt tên cho là Hùng Bảo.

Năm Hùng Bảo mười chín tuổi, cha mất, Hùng Bảo được thế tập cầm quyền thay cha. Tuy còn trẻ tuổi nhưng được mẹ bảo ban, được các người thân cận và quan chức dưới quyền tin yêu hết lòng giúp đỡ. Hùng Bảo dần thông thạo công việc, xét đoán sáng suốt, lại nhân hậu và quý người, gặp các cụ già thì chào hỏi, gặp người tàn tật thì nâng đỡ. Dân chúng trong bộ hạt đều ca ngợi. Năm hai mươi hai tuổi, Hùng Bảo cùng mẹ về thăm quê quán ở trang Thái Lại. Về tới quê hôm trước thì hôm sau hai mẹ con Hùng Bảo sang thăm ông bà Trần Hậu. Năm ấy Á Nang cũng vào tuổi mười bảy đang thì con gái tươi đẹp. Ông bà Trần Hậu cũng cùng con gái sang chơi trang Thái Lại, ở chơi từ sáng đến chiều. Từ lúc Hùng Bảo gặp Trần Nang tự thấy không xa Nang được nữa, còn Trần Nang cũng thăm mến Hùng Bảo lễ độ khiêm cung, khôi ngô đẹp đẽ. Trong lúc mời trà, Trần Nang bọc trà vào khăn thêu trao cho Hùng Bảo, Hùng Bảo giữ lấy khăn không trả lại mà Trần Nang cũng không đòi. Hùng Bảo được biết truyện Trần Nang cự hôn Đinh Công Dững càng quý trọng nàng, mới thưa với mẹ cho được hỏi Trần Nang làm vợ. Ông bà Trần Hậu vui vẻ nhận lời mà Trần Nang cũng ưng thuận. Mùa xuân, tháng giêng làm lễ cưới. Trong buổi lễ đón dâu tại Toàn Liệt, đang lúc hai họ cổ bàn hát xướng, khách khứa ra vào tấp nập, chợt Đinh Công Dững đem lâu la đến để phá đám cưới và bắt cô dâu. Đinh Công Dững cưỡi ngựa cầm đao, hò hét Hùng Bảo mau mau cúi đầu đem nộp Trần Nang thì được tha mạng. Bọn lâu la đi theo cũng hoa chân múa tay kêu thét ầm ĩ. Hùng Bảo liền cầm đao lên ngựa cùng vài quân thủ túc ra khỏi trại, vừa nhìn thấy Đinh Công Dững liền múa đao xông tới đánh luôn. Đinh Công Dững giật mình vội lui ngựa lại quát thủ hạ tiếp cứu. Trần Nang sợ Hùng Bảo bị nguy cũng lên ngựa cầm kiếm ra đánh với Đinh Công Dững. Các tráng đinh Toàn Liệt gọi nhau mang giáo mác tiến ra các ngã.

Trần Nang đang giao chiến với họ Đinh thì Hùng Bảo quát ngựa lao tới thét to một tiếng, lưỡi đao vừa đưa lên, đầu họ Đinh đã rụng. Bọn lâu la tan tác chạy dài. Sau trận đánh thắng, đám cưới lại càng vui hơn trước. Ngày mồng một tháng tư, mùa hạ, vợ chồng Hùng Bảo, Trần Nang cùng nhau xuôi về Thượng Hồng.

Dư đảng họ Đinh tụ họp theo theo quân Hán những nhiều nhân dân. Chúng thừa cơ Trần Nang đã theo Hùng Bảo về xuôi, biết là trang Toàn Liệt không còn người trí dũng cầm đầu mới kéo nhau đến đánh phá tan hoang, giết chết cha nàng Trần Nang.

Trần Nang ở Thượng Hồng nhận được tin dữ, cấp tốc đem gia đình về Toàn Liệt thì sự đã rồi, chỉ còn biết than khóc kêu trời, rồi đem thi hài cha chôn cất ở Thái Lại. Nàng ở luôn lại đó trông nom phần mộ phòng mọi sự lãng nhục của dư đảng họ Đinh và phụng dưỡng mẹ già.

Hùng Bảo nhân dịp này cũng muốn trở về quê quán mưu sự lâu dài. Chàng vẫn nung nấu trong lòng nhiều nỗi bất bình trước những sự lấn lướt của bọn quân Hán. Chàng đã đôi ba lần chống lại những lệnh bạo ngược của kẻ thống trị dị tộc. Hùng công nói với các người thân tín rằng: “Làm kẻ trượng phu mà không gỡ được nạn nước, cứu được sinh dân khỏi cảnh cơ cực, khỏi kiếp ngựa trâu, lại còn vì chút danh lợi mà còng lưng cúi đầu chịu sự sai khiến của kẻ ngoại tộc, hỏi còn đáng sống ở đời này nữa không?”. Có bộ tướng người cùng quê là Lê Đức Hoàng nói rằng: “Ta về quê chẳng? Ở đó có thể tính chuyện lâu dài được”. Hùng Bảo bèn bỏ quan, về bản hương.

Một buổi, nàng Trần Nang nói với Hùng Bảo: “Thù cha canh cánh bên lòng, thiếp lẽ nào ngồi yên được. Xin chàng giúp đỡ cho thiếp rửa mối thù này”. Hùng Bảo khen rằng: “Nàng tuy là gái mà có chí khí của kẻ anh hùng”, lại nói: “Nàng chỉ nghĩ đến dư đảng Đinh Công Dững hay sao? Còn ta lại muốn tuốt thanh kiếm báu, quét sạch giặc Hán, rửa hờn cho cả trăm họ, nàng nghĩ thế nào?”. Trần Nang mừng mà rằng: “Nay cả nước đều trong cảnh đau thương sâu oán, dân chúng Giao Chỉ như đàn trâu gầy còng lưng kéo cày nuôi bọn thống trị nước ngoài, đổ mồ hôi, sôi máu cho chúng phè phỡn làm giàu. Các quan ta đều ngậm hờn nuốt giận mà nhìn sinh dân trong cảnh lầm than. Thiếp nghe hào kiệt các nơi cũng đã nhiều người đứng dậy rồi! Từ khi Đặng công Thi Sách bị bêu đầu ở cổng thành Luy Lâu thì đất Giao Chỉ ta đã thấm máu anh hùng mà chuyển động. Nếu chàng tuốt gươm chính nghĩa trừ kẻ bạo tàn, thiếp xin theo chàng làm một viên tì tướng sống chết cùng chủ soái”. Hùng Bảo vui lòng, lại hỏi: “Nếu chúng ta muốn tuốt gươm vùng dậy, nàng có kế sách gì hay thử nói ta nghe”. Trần Nang nói với chồng: “Nay Toàn Liệt đã bị dư đảng họ Đinh phá phách, chợ Toàn Liệt trên bến, dưới thuyền là nơi đông

vui, tứ xứ về đổi chác cũng bị mất rồi. Theo thiệp trước hết ta hãy cho người đi ba mươi sáu trang báo cho biết ta sẽ mở lại chợ, rồi mở hội bảy ngày. Đó chính là dịp tìm người vũ dũng đấy”. Hùng Bảo khen là kế hay. Hai vợ chồng cùng nhau bàn bạc thật là tâm đầu ý hợp. Mấy ngày sau, vợ chồng Hùng Bảo, Trần Nang đem chuyện mở chợ bàn với các cụ, các cụ đều vui vẻ hưởng ứng, liền cho người mang trâu cau báo cho các làng chạ trong vùng biết sẽ mở hội dựng lại chợ Toàn Liệt, và hội mở bảy ngày bắt đầu từ ngày rằm tháng chín. Tới ngày mở hội, dân chúng các làng nô nức kéo về Toàn Liệt. Thuyền đồ đầy bến, trai gái chen nhau, nơi này đánh đu, nơi kia đấu vật, có chỗ chạy cướp cờ, có nơi đứng kéo co. Ngày thì vui chơi, tối thì hát đúm. Cứ trời vừa bảng lảng bóng đêm về, ngôi sao hôm hiện ra long lanh trên bầu trời thu trong sáng là con trai, con gái lại tìm đến với nhau, hát suốt tới sáng.

Làng Thái Lai có cô gái một buổi sáng chạy ba lần chạy thi đều chiếm được cờ đỏ. Mọi người reo mừng. Trần Nang đích thân trao thưởng, người con gái chưa kịp nhận, chợt có tiếng nói to: “Chớ lấy giải vội, hãy thử sức với ta xem thế nào!”. Mọi người ngoảnh nhìn thì là một chàng nước da như sành, mình beo đù ỉ, đóng khố bỏ dải, chít khăn đầu rìu, đang giương mắt nhìn cô gái. Trần Nang cho hai người chạy song với nhau, bốn chân cùng phóng như sao băng gió thổi, vụt chốc đến bên ngọn cờ đỏ, hai cánh tay vươn ra, một cánh tay nâu thẫm gân guốc, một cánh tay trắng nõn nà như ngó sen, cùng giăng ngọn cờ. Trần Nang can ra rồi cho hai người chạy lại lần nữa. Lần này cô gái bị thua một bước chân, chịu nhổ ngọn cờ xanh đem về. Trần Nang trao thưởng cho cả hai người rồi nói với người con trai rằng: “Á Lúa sức không thua người đâu, chỉ là vì đã chạy luôn ba bốn lượt rồi. Lần thứ tư ả thi với người mới lần đầu chạy mà nàng đã giăng lá cờ đỏ, thế chẳng phải là tài giỏi đó sao?”. Người con trai chịu lời nói của Trần Nang là phải. Trần Nang hỏi họ tên, quê quán rồi cho mời tất cả các người đã giật được cờ đỏ, cờ xanh trong các lần thi chạy đến gặp Hùng Bảo.

Sau bảy ngày hội, Hùng Bảo – Trần Nang biết được trên ba mươi người đều là gái tài trai giỏi, bấy giờ mới cho người tìm gặp tận làng, đến thăm tận nhà, kết giao với họ. Trong số những người được Hùng Bảo để ý có một người tuổi vừa ba mươi tên là Trương Hoàn giữ giải vật không ai địch nổi. Hùng Bảo tiếp đãi ân cần, sau Trương Hoàn xin ở lại làm thủ hạ của Hùng Bảo.

Từ đó, vợ chồng Hùng Bảo chiêu mộ dân xiêu tán các nơi về, nói là để mở mang trại ấp, kỳ thực là nuôi binh, tích trữ lương thực. Trần Nang cũng họp các cô gái khỏe mạnh, nhanh nhẹn lập một đội nữ binh. Một năm sau, vợ chồng Hùng Bảo đã họp được vài trăm người, trong đó có bốn mươi hai người ở Thái Lai, Toàn Liệt là quân thủ túc cấp giáo đeo gươm theo bên chủ tướng. Tiếng tăm Hùng Bảo – Trần Nang từ đấy bắt đầu nổi lên, người các nơi theo về càng ngày càng thêm đông.

Trưng Trắc nghe biết Hùng Bảo – Trần Nang cũng mang theo thù sâu cùng Tô Định, lại có tài thao lược, có chí xoay chuyển thời thế, mới cử Trưng Nhị đem hịch đến vời. Hùng công và Trần phu nhân được tiếp hịch, vui mừng chính đốn quân mã. Hùng Bảo chọn tuyển hai trăm ba mươi dũng sĩ đặt làm quân nội thị đều là người trai bản quán, giao cho Lê Đức Hoàng quản lĩnh. Cử Trương Hoàn và Trần Mãng (là người chạy đua cùng nàng Lúa) làm tướng, chia tám trăm nghĩa binh làm bốn đội, còn đội nữ binh là quân riêng của Trần Nang, không thuộc quyền Hùng Bảo. Ngày mười một tháng tám, vợ chồng Hùng Bảo mở tiệc khao quân, ngày mười ba tháng tám cất quân lên đường, Trần Nang đội mắt long lanh, miệng cười hớn hở, cưỡi ngựa hồng, mang kiếm báu, áo trắng yếm đào, thắt dải xanh thêu chim én đùa mây, cổ đeo vòng bạc, tay đeo vòng ngọc, hai mươi tư cô gái xinh tươi khỏe mạnh cưỡi ngựa cầm giáo đi trước, theo sau có hai trăm năm mươi một nữ tốt hùng dũng oai phong. Trống gióng nhịp nhàng, cờ bay phấp phới, đạo nữ quân từ từ tiến theo quân của Hùng Bảo về hội với Trưng nữ chủ.

Tại thành Bạch Hạc, quân các đạo kéo về, khao quân lớn. Trưng nữ chủ tế các vua Hùng ở núi Thấu rồi họp binh ở bãi Trường Sa, phong Hùng Bảo làm tướng quân trưởng lĩnh quân cơ, phó tướng tiền quân theo Bát Nạn đại tướng quân đốc lĩnh tiền đạo, còn Trần Nang được cử làm trưởng lĩnh trung quân nữ tốt. Trưng nữ chủ lại sai Trần Nang đi chiêu dụ nghĩa quân trong

mười lăm ngày về bái mệnh. Trần Nang vâng lệnh chiêu dụ được vài trăm người chia làm hai đội. Sau đó, nghĩa quân đại hội ở Hát Môn.

Trung nữ chủ ra quân tiến đánh Luy Lô, Tô Định bỏ thành mà chạy. Nghĩa quân tới đâu, giặc tan tới đó. Chưa đầy một năm, Trung nữ chủ đã thu hồi sáu mươi lăm thành cõi Lĩnh Nam, đóng đô ở Mê Linh, dựng nền độc lập, xưng là Trung nữ vương. Hùng Bảo được phong Thiên Bảo Hộ quốc công, Trần Nang được phong là Hoàng công chúa. Từ đó, trăm họ được yên ổn làm ăn, hưởng cảnh thái bình, cùng nhau dựng xây đất nước. Người đời sau có thơ ca ngợi Trung nữ vương như sau:

“Nhất trận phá tan Tô giặc tướng,
Ưc niên hương hỏa nữ vương danh.
Anh hùng hào kiệt giai quy phục,
Thế thượng đồng xưng thủ nữ anh”.

(Tạm dịch nghĩa:

Một trận đánh tan tướng giặc họ Tô,
Danh tiếng nữ vương mãi mãi ngàn đời thờ phụng.
Anh hùng hào kiệt đều kính phục mà theo về,
Người đời một lời tôn xưng nữ vương là bậc quần thoa anh kiệt).

Trung vương cho Hùng Bảo lấy trang Thái Lai làm thực ấp và Trần Nang lấy trang Toàn Liệt làm thực ấp, khi sống là nơi nghỉ ngơi, khi chết là nơi thờ tự. Hùng Bảo, Trần Nang về trang xây dựng cung sở, giao cho Lê Đức Hoàng lập một trại ở bên sông, giao cho vợ chồng Trần Mãng - Á Lúa lập hai trại hai bên bảo vệ cho nơi quán sở. Từ đó vợ chồng Hùng công bàn cách làm ăn với dân trang, người cày ruộng người nuôi tằm, dân chúng được an cư lạc nghiệp.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược do Mã Viện cầm đầu, Hùng bảo được cử về đuổi giặc ở Thượng Hồng, còn Trần Nang cũng về Hải Dương xử cự giặc.

Ngày mồng một tháng mười, Hùng Báo cử tướng điểm quân rồi mở tiệc khao thưởng tướng sĩ, phụ lão và dân trang. Đang lúc tiệc vui, Hùng Báo nói với các phụ lão rằng: “Ta với dân trang tình sâu nghĩa nặng như cá với nước, dân trang với ta một dạ thủy chung, nay phải chia tay, ai chẳng thương nhớ. Nhưng nước nhà đang lúc nghiêng ngửa, giặc ngoài đã kéo vào đánh phá các nơi, ta là người tướng không thể ngồi nhìn. Nay vâng lệnh quân vương cầm quân đuổi giặc, ta coi cái chết nhẹ như lông hồng, coi nợ nước nặng như núi Thái. Các cung sở của vợ chồng ta xin giao lại cho phụ lão và dân trang giữ gìn trông nom. Nếu sau này vợ chồng ta không trở về nữa thì lấy đó làm nơi phụng tự lâu dài”. Các cụ đều vâng lời.

Từ ngày ấy, Hùng Báo và Trần Nang mỗi người cầm quân một nơi, cùng một lòng tận trung báo đền nợ nước. Cầm cự với giặc được ba tháng. Mùa đông, Trần Nang bị giặc dùng kỵ binh đánh úp. Lúc ấy là trống canh tư. Lửa cháy đỏ một góc trời, giặc hò hét điên cuồng xông vào phá trại Trần Nang. Trại lớn bị lửa bắn bốc cháy ngùn ngụt. Á Lúa cướp giáo, cướp khiên giặc mà che đỡ cho Trần Nang. Nàng nói: “Ta quân thiếu lương ít, cầm cự với giặc ba tháng rồi không có viện binh. Nghe tin các nơi quân ta đều bị thua. Lòng trời không tựa ta nữa hay sao?”. Lúa vừa đỡ đao gạt tên của giặc, vừa khuyên nhủ Trần Nang, hai người mở được một đường máu chạy khỏi vòng vây, ngoảnh lại quân không còn một ai nữa. Dừng ngựa nghỉ lại, Nang nói: “Chỉ còn hai chúng ta thôi! Ta làm tướng mà để quân thua, trại mất, còn mặt mũi nào gặp nhà vua nữa”. Lúc ấy giặc tìm được tới chỗ hai người. Trần Nang nói với Á Lúa: “Em hãy cùng ta giết quân chém tướng cho chúng biết đàn bà Giao Chỉ là như thế nào, dù ta có chết chẳng nữa cũng phải làm cho giặc khiếp sợ!”. Nói dứt lời, phi ngựa xông ra. Nang đánh một phía, Lúa đánh một phía, dữ tợn, mạnh mẽ như mãnh hổ, thấy giặc đổ ngổn ngang, tướng giặc xác nằm dưới

vó ngựa. Giặc chạy tan đi. Nang và Lúa chống đao nghỉ, máu ướt đầm mình. Lúc ấy, phương Đông mây đã ửng hồng.

Giặc lại ồ ạt kéo đến. Trời sáng rõ, chỉ có hai người con gái áo thắm đỏ máu. Chúng lại hò nhau vây đánh. Ngựa của Á Nang đã nằm xuống không dậy được nữa. Nang và Lúa đều đi đất, đầu lưng vào nhau mà đánh.

Lúa, tóc xổ tung trên lưng, áo quần đều rách, tay phải cầm đao đã bị chém xệ xuống, còn tay trái múa khiên che đỡ cho Nang. Giặc khiếp sợ, rã cả ra mà nhìn, không hiểu trước mắt là thần hay người. Một viên tướng giặc nói: “Ta theo Mã tướng quân đánh hàng trăm trận chưa hề gặp tướng nào vũ dũng như hai người con gái Giao Chỉ này, dù Phàn Khoái và Bạch Khởi có giáng sinh cũng không hơn được!”, bèn gọi hai nàng bảo đầu hàng sẽ được trọng đãi.

Tay trái Lúa nhắc thanh đao cắm bên chân phóng thẳng tới, viên tướng giặc lập tức ngã nhào xuống ngựa. Giặc lại hét nhau xông vào. Chợt sấm sét nổi lên vang đồng, mưa đổ như trút, Nang và Lúa cùng tuần tiết. Giặc rút hết.

Ba ngày sau, Hùng Bảo và Trương Hoàn cũng đều hy sinh tại trận. Trần Mãng và Lê Đức Hoàng cướp được xác hai người đem về chôn cất tại Toàn Liệt rồi rút quân về Thái Nguyên tiếp tục chống với Mã Viện⁽²¹⁾.

NÀNG QUỐC

TRUNG DŨNG ĐẠI TƯỞNG QUÂN

Trên núi Thiên Thai có một ngôi chùa nhỏ. Dân trang Đông Cửu dành cho chùa ba sào ruộng và vài thước vườn để nhà chùa nhang đăng cúng Phật, cầu Phật phù hộ cho làng dân khang vật thịnh, thóc lúa dồi dào. Các sư nữ cùng với các vải hái dâu cấy gặt, còn việc cày bừa nặng nhọc đã có làng lo liệu.

Tuy là chùa nhỏ nhưng Thiên Thai tự lại nổi tiếng trong châu quận. Hàng năm, cứ vào ngày rằm tháng giêng và mồng tám tháng tư, các vải và các cô gái ở các làng trong huyện Gia Bình lại nô nức đến chùa vãn cảnh và lễ Phật, thành ra chùa không mở hội mà hóa ra có hội. Con trai làng tuy không lễ Phật nhưng cũng rủ nhau quần áo mới đi chơi xuân, hát ví với các cô gái từ các làng xa đến.

Chùa Thiên Thai nổi tiếng không phải vì có một kiến trúc lớn lao tuyệt mỹ mà vì từ xưa tới nay ở đó chỉ toàn sư nữ trụ trì, nhiều ni cô trẻ tuổi xinh đẹp mà chùa vẫn không có điều tiếng gì. Các bậc sư cả thì đời nào cũng vậy, đều nổi tiếng là đạo cao đức trọng. Khi các ngài tịch đều được hỏa thiêu và xá lý được dựng vào bình đồng, đặt vào đảo tháp.

Ngôi chùa nhỏ còn nổi tiếng vì Thiên Thai là núi hoa đào. Những cây bích đào mỗi mùa xuân nở rộ, tòa núi nhìn xa như một đảo đào rực thắm lộng lẫy nắng xuân. Hội chùa dưới bóng hoa đào, già trẻ chen vai, tiếng hát tình tứ xen lẫn tiếng nam mô, ba trăm bụi đá từ chân núi lên tới cổng tam quan rắc kín hoa đào.

Chùa Thiên Thai có sư nữ họ Đào. Sư nữ họ Đào được sư thầy đặt tên cho là Tuyết Tĩnh. Ni cô Tuyết Tĩnh mặt như hoa bầu, cổ như cuống huệ, khoan thai, yếu điệu, đôi mày vòng cung xanh như sắc núi xuân.

Một buổi sớm xuân, trên núi Thiên Thai mơn mớn hoa đào thơm mát, hai sư nữ mở tam quan để quét hoa đại rơi trắng sân chùa, quét hoa đào rơi thắm cửa chùa. Bỗng nghe tiếng trẻ khóc oa oa. Các sư nữ vội quay vào thưa với sư thầy. Sư thầy khoan thai cùng các sư nữ bước ra ngoài tam quan. Trước mắt nhà chùa, một em bé sơ sinh cuộn trong bọc vải nằm dưới gốc đào và một cành đào còn nụ đặt ngang mình em bé.

Sư thầy niệm Phật rồi bảo các sư nữ bồng hài nhi vào chùa, lúc đó mọi người mới biết hài nhi là một em bé gái. Em bé gái được nhà chùa giao cho một bà vải đem về gia đình nuôi. Tới năm em bé lên năm, nhà chùa lại đón về để em nương nhờ bóng Phật. Em bé nhỏ đó ngày nay chính là sư nữ họ Đào.

Sư nữ họ Đào nổi tiếng vì sắc đẹp, điều đó lại làm cho sư thầy không vui lòng. Nhưng ai cũng phải mến sư nữ họ Đào vì tính tình Đào thùy mị, ai cũng phải kính trọng sư nữ vì tư thế đoan trang. Miệng nàng tươi như hoa mà lại ít cười, mắt trong như nước giếng mà lúc nào cũng nhìn thẳng. Chỉ có một lần sư nữ họ Đào bị sư thầy quở vì ngắt một cành đào còn ngồn ngộn hoa mẩn khai phô hết sắc đẹp, đem về buồng riêng mà cắm chơi. Sư thầy than rằng: “Duyên nợ phù sinh chưa dứt chặng? Sắc sắc không không, sao con không biết điều đó. Lòng con ham vẻ đẹp lộng lẫy của vật sắp tàn, ta lo cho con khó thoát trần ai tục lụy. Ta đặt tên cho con là Tuyết Tĩnh, con không hiểu ý ta sao?”. Từ đó, ni cô Tuyết Tĩnh càng nghiêm trang, chỉ quanh quẩn bên sư thầy, cầu kinh tiếng kệ, không mấy khi bước khỏi ba trăm bụi đá núi Thiên Thai.

Sư nữ sinh ra không có cha có mẹ, không có họ có tên, từ thuở lọt lòng, nằm dưới gốc đào, hoa đào phủ bọc cho nên sư thầy đặt họ cho là Đào. Tính sư thầy nghiêm khắc và thường nói ngay. Còn sư nữ họ Đào nét mặt lúc nào cũng phảng phất buồn và ít cười, ít nói.

Có một ngày nọ, sư thầy truyền bảo Tuyết Tĩnh và Diệu Hương đem bản kinh Pháp Hoa đến nhà một tín chủ ở làng bên nhờ tìm hộ thợ khắc mộc bản. Cả hai vâng lời ra đi. Trời hôm ấy oi bức, Tuyết Tĩnh bảo Diệu Hương nghỉ ở bên sông cùng tắm nơi mỏm đá chĩa ra như con rùa

ngoi khỏi mặt nước. Diêu Hương không tắm, Tuyết Tĩnh khóa chân vấy tay như một cành hoa nhài nổi ở nước. Chợt mây đen sập đến, mưa trút ào ào, một tiếng sét nổ như xé toang trời đất. Sóng sông vỗ mạnh. Diêu Hương ngất đi. Tuyết Tĩnh cũng bàng hoàng, cả người bập bênh đờ đẫn, mơ màng cảm động, nửa tỉnh nửa mê...

Tạnh mưa, Tuyết Tĩnh và Diêu Hương rảo bước về chùa, không ai nói với ai một lời. Tối hôm đó, Diêu Hương bạch với sư thầy mọi việc đã xảy đến với hai người ở bên sông.

Chùa núi Thiên Thai từ ấy vắng bóng sư nữ họ Đào. Sau hai tháng kể từ buổi chiều giông tố ở bên sông, Tuyết Tĩnh xin sư thầy cho được hoàn tục. Nàng tự thấy không còn có thể nương mình cửa Phật vì những nỗi lo của một người sắp làm mẹ đã đến với nàng.

Cất mình ra khỏi tam quan, Tuyết Tĩnh lưu luyến và hổ thẹn. Nàng thấy lạ lùng vì cảnh ngộ của mình. Sự bất ngờ tai ác đã làm đảo lộn cả cuộc đời nàng. Nàng tự thấy như có tội với Phật tổ, với nhà chùa. Nàng khóc ướt đầm mảnh áo nâu và thiết tha Phật tổ tha tội cho nàng.

Cô gái xinh đẹp bấy giờ đi lang thang trên đường, bụng mang dạ chửa vì nàng không có gia đình. Cô gái họ Đào vai mang một bọc nhỏ gói mấy chiếc áo đổi thay, đi làng này làng khác, để tóc rối bù và bôi lấm mặt đi vì nàng sợ mọi người nhận ra mình, và nhất là sợ sắc đẹp của mình lại làm cho mình khổ.

... Mùa xuân đến, núi Thiên Thai đỏ thắm sắc hoa đào. Những cánh đào mịn màng rơi rắc ba trăm bậc đá lên chùa. Hội chùa năm ấy không còn ai được gặp sư nữ họ Đào.

Cũng vào đúng ngày hội chùa Thiên Thai, tại trang Hạ Tốn có một bà cụ già từ sớm tinh mơ đã lần bước tới chùa làng chợt hết hoảng quay về gọi làng xóm láng giềng. lát sau dân làng đã đến vây quanh cây đào vạn thọ trước mái tam quan: Hoa đào rơi thắm trên thân thể một người mẹ trẻ xinh đẹp nằm thềm thiếp bên một trẻ sơ sinh.

Mười tám năm qua nhanh chóng, đứa trẻ sinh ra bên gốc đào làng Hạ Tốn nay đã là một cô gái xinh tươi. Cô gái ấy khoan thai yếu điệu, đôi mày vòng cung xanh như sắc núi xuân.

Tên cô là Quốc. Thực ra thì tên cúng cơm của cô là Nước. Mẹ cô và bà con dân làng vẫn gọi cô từ tấm bé là cái Nước. Mẹ cô ngâm mình dưới nước mà được cô nên đặt tên con như thế. Mẹ buồn không mấy khi cười. Nghĩ đến cảnh éo le của mình, đêm đêm mẹ thường trào nước mắt nhưng lòng mẹ cũng vui mừng vì thấy con mỗi ngày một lớn khôn. Bấy giờ, hai mẹ con ở với bà cụ đã gặp mẹ con năm dưới gốc đào từ buổi đầu tiên ấy. Có nơi nương tựa, mẹ làm lưng nuôi con, trút hết thương yêu và đặt cả hạnh phúc cuộc đời vào đứa con độc nhất của mình.

Người làng thường khuyên mẹ lấy chồng. Bà cụ cũng dỗ mẹ lấy chồng. Người đẹp như ngó sen nhưng mẹ cứ ở vậy nuôi con, nuôi cho con bây giờ đã lớn đã khôn biết suy nghĩ về tình nhà, vận nước.

Khi con lên năm tuổi, mẹ dắt con đến chùa làng, xin sư thầy cho được đặt một bát hương ở chùa, gửi con cho Phật, để Phật phù hộ cho con mẹ. Sư thầy khen ngợi bé Nước và đặt tên cho nó là Quốc. Từ đó, mọi người đều gọi bé Nước là Quốc.

Quốc mười tám tuổi không khác gì mẹ khi xưa. Tính tình hiền hậu, khoan hòa, nghiêm chỉnh, môi thắm như son mà ít cười, mắt trong như nước mà chỉ nhìn thẳng. Nhưng Quốc cũng có nhiều nét về tính tình không giống mẹ.

Mẹ xưa chỉ yên thân nương bóng Phật, không tò mò, không suy nghĩ về cuộc đời trần tục xung quanh, coi việc để ý tới cõi đời là một tội lỗi. Còn Quốc thấy cái gì cũng muốn biết, cũng hỏi mẹ. Quốc thân mật với mọi người, tuy ít nói nhưng cất lời lên ai cũng vui lòng nghe theo. Tuổi Quốc trẻ mà các bạn đều kính nể. Quốc ưa bơi lội, lặn nước như thường luồng, một mái chèo với một chiếc lưới, rồi việc đồng ruộng lại làm bạn với sông nước, đó là thú vui của Quốc.

Năm mười hai tuổi, có lần đang chèo thuyền ở bên sông, chợt Quốc thấy một đoàn người kéo một chiếc thuyền lớn ngược dòng. Trên thuyền có cờ, có tàn, có gươm, có giáo, có nhiều người

mặc những bộ quần áo lạ mắt. Quốc đếm cờ trên thuyền lớn, và khi những người kéo thuyền đi ngang qua mặt Quốc, Quốc cũng đếm xem bao nhiêu người. Mười hai người tất cả, trong đó có một người đàn bà và một cô gái chỉ khoảng mười ba tuổi. Quốc tò mò yên lặng nhìn ngắm những người kéo thuyền. Tất cả đều gầy gò và gương mặt họ, dáng điệu họ có một cái gì nặng nề, u uất làm cho Quốc phát sợ. Họ còng lưng xuống, đầu đưa về phía trước, vai lệch đi, mình nghiêng một bên kéo một sợi dây chèo dòn từ mũi thuyền lớn. Chiếc dây như buộc họ vào vào chiếc thuyền. Quần áo rách rưới, người nhóp nhúa bần thủ, bàn chân dẫm lên đất rệ sông. Họ cứ thế đi men bờ sông, qua bãi cát, nhảy qua các cửa ngòi, xéo lên cỏ sặc và né các bụi cây dại. Họ đi men sông, lưng còng xuống, đầu cúi xuống, mắt nhắm xuống, chỉ cần có một chỗ đặt chân.

Gió bắc hun hút thổi như dao cứa.

Người đàn bà mặc phong phanh một manh áo mỏng, da tái xanh, vú teo tóp, mắt và mũi đỏ lên có lẽ vì rét quá. Cô con gái đi gần mé cuối dây. Người tím ngắt nhưng chân tóc và quanh vành môi se lại lấm tấm mồ hôi. Tất cả mười hai người đi giữa ban ngày mà như những bóng ma hiện hình. Họ nặng nhọc kéo chiếc thuyền lớn như kéo một cái nợ truyền kiếp, kéo dài số phận nặng nề đè trĩu vai họ.

Quốc không nói được một lời nào tuy cô rất muốn hỏi họ từ đâu đến và chiếc thuyền họ kéo dây là thuyền gì. Sự kinh ngạc và sợ hãi làm cô gái nhỏ nghẹn lời. Và khi người đàn bà kéo thuyền đưa mắt nhìn cô, một cái nhìn buốt lạnh như kim châm, thì cô bỗng thấy xúc động và nước mắt trào ra, cô khóc tức tưởi và chạy về nhà hỏi mẹ.

Mẹ cho cô biết đó là thuyền quan châu úy đi tuần. Quan châu úy là người Hán tộc. Mẹ nói trên thuyền ấy hẳn có biết bao của cải vét được khi qua các địa phương. Trên thuyền ấy, mẹ biết còn có những người con gái xinh đẹp bị chúng bắt giữ làm nô tì phải làm cơm nước hầu hạ chúng, những tên giặc Hán. Có thể còn có một vài người khảng khái nào đã chống lại chúng và bị chúng bắt giữ trên thuyền. Khi về trụ sở châu, chúng sẽ đem ra trị tội với những hình phạt nặng nề, thảm khốc.

Cô gái mười hai tuổi nghe những chuyện ấy giận sôi lên và chỗ đó là điều khác nhau về tính tình giữa mẹ cô và cô.

Hình ảnh những con người khốn khổ còng lưng kéo chiếc thuyền lớn cứ ám ảnh mãi nàng Quốc.

Từ nhỏ tới năm mười tám tuổi, nàng Quốc đã làm cho bà mẹ đáng thương phải suy nghĩ rất nhiều trước những câu hỏi của con. Điều gì con cũng muốn hỏi. Những lời giảng giải đã làm cho con gái hiểu được mọi nỗi khổ cực mà dân chúng khắp nơi phải chịu, mọi nỗi khổ cực đè nặng lên lưng mọi người và lên cả mẹ con nàng.

Có lần nàng Quốc hỏi mẹ cả về tên mình. Tại sao mẹ lại đặt tên nàng là Nước, tại sao sư thầy lại đặt cho nàng tên là Quốc mà không là Thủy? Người mẹ lúng túng và đành nhờ sư thầy giảng hộ, còn cái tên nôm na là Nước mà mẹ đặt thì mẹ đành giấu kín cái tâm sự nặng nề ấy.

Cha con bé vì đói đã nhảy xuống nước mà chết cho thoát nợ đời. Đó, mọi người dân làng Hạ Tồn đã hiểu về cuộc đời của ni cô Tuyết Tĩnh là như thế. Và mẹ cũng nói như thế với con: đặt tên cho con là Nước để nhớ tới người đã sinh ra con phải chìm mình ở dưới nước.

Vì đói quá! Tại sao cha nàng đói đến nỗi phải tự tử? Phải bỏ mẹ con nàng? Nàng Quốc tự hỏi.

Nhờ sư thầy, nàng Quốc hiểu rõ thêm sâu sắc điều đã làm nàng suy nghĩ bao nhiêu lần. Đúng, “nước”, chữ là “thủy”. Nhưng còn có một “nước” khác nữa, nước đó là của tổ tiên xưa để lại, của các Vua Hùng để lại, nước này là xương máu bao đời cha ông khó nhọc xây dựng nên. Nước này đã mất rồi, hay là còn đây mà cũng hóa như mất.

Khói hương mơ hồ tỏa bay. Vài cánh hoa dại nhẹ rơi trên thềm chùa. Sư thầy ngồi lặng im, nếp áo nâu buông thẳng xuống, bất động, cùng với dáng ngồi nhập định không khác một pho tượng tạc bằng đá, mắt nhắm lại như thả hồn yên tĩnh về cõi Nát Bàn. Nàng Quốc quỳ xuống, kính cẩn nâng tà áo nhà chùa lên chùi nước mắt tràn trên má và lặng lẽ lui về. Nàng đã hiểu ý

nghĩa của tên nàng.

Giặc Hán ngày càng ngang ngược. Viên quan Hán thả quân cướp bóc các làng. Bọn chúng thấy con gái đẹp là mắt điều mắt qua. Có lần giặc về trang Hạ Tồn những nhiều. Chúng bắt gặp nàng Quốc bèn hò nhau vây bắt. Quốc chạy vượt lên. Giặc đuổi. Quốc nhảy tùm xuống sông lặn một hơi rồi lại tìm lên bờ, cách làng một quãng khá xa, ngồi nấp một chỗ kín. Khi Quốc trở về làng thấy con gái làng có người bị chúng làm nhục đã đâm đầu xuống giếng mà chết. Máu Quốc lại sôi lên. Trong khi làm tang lễ cho người con gái xấu số, người làng từ già chí trẻ ai cũng bầm gan tím ruột. Quốc đứng trước huyệt, kể tội giặc Hán, người già ai cũng khóc, còn bọn trẻ thì mím môi nghiêng răng. Lúc ấy, chợt mẹ nàng Quốc nói: “Bây giờ mẹ xin theo con, con bảo làm gì mẹ cũng làm để rửa nhục cho người con gái này!”. Câu nói đơn giản như lửa châm vào giàn củi khô. Người già người trẻ, con gái con trai đều háng há nói: “Chúng tôi xin theo nàng để rửa nhục!”.

Mẹ cùng con gái đi tìm người giỏi vật, giỏi múa đao, đánh gậy về dạy con trai, con gái ở làng. Các làng trong vùng dần về theo nàng Quốc. Đang lúc tình hình như lửa bắt đầu bốc thì mẹ nàng Quốc ốm nặng. Người mẹ đáng thương lúc hấp hối rất tỉnh. Bà xin sư thầy cho mình được mặc y phục nhà chùa, xin sư thầy làm lễ cầu cho mình được siêu sinh tịnh độ lên cõi Nát Bàn. Mọi người đến thăm bà mẹ không ai không ứa nước mắt. Chợt bà mẹ gắng gượng nói, tiếng nói nhỏ nhưng nghe rất rõ ràng: “Này các người, các người hãy vững lòng theo con tôi! Nàng Quốc chính là con của Giao Long giang thần đấy!”.

Bà mẹ nói xong thì tắt thở.

Có lẽ bà mẹ nói mê sáng hoặc cũng có thể bà mẹ đã được Giao Long giang thần ứng mộng? Nhưng dù thế nào thì mọi người cũng lại càng tin cậy nàng Quốc. Cũng từ đó, khắp vùng đều truyền đi câu chuyện về “Giao Long nữ” ra đời để cứu dân khỏi ách áp bức bóc lột của bọn quan lại Hán tộc. Người theo về với “Giao Long nữ” ngày càng đông.

“Giao Long nữ” chọn hai trăm tráng sĩ lập một đội thủy binh dùng bơi thuyền như bay trên mặt nước. Các tráng sĩ đều xăm hình Giao Long ở ngực để tỏ lòng tôn phục “Giao Long nữ”. Đội thủy binh tập bơi lặn, tập thủy trận, tập đánh bằng lao bằng lưới. Phép lấy “lưới làm binh khí” mà đánh địch ở thủy trận cũng là do “Giao Long nữ” nghĩ ra.

“Giao Long nữ” nghiêm trang mà dịu dàng, ai có công thì khen ngợi, ai có lỗi chỉ bảo ngay. Vì nàng ít nói cho nên nói câu nào cũng được mọi người lắng nghe.

Mùa đông, giặc Hán đến chinh phạt nghĩa quân của “Giao Long nữ”, bị nghĩa quân đánh một trận thủy chiến, giặc thua to. Từ đó, danh tiếng “Giao Long nữ” lại càng nổi như cồn.

Năm sau, có tin Lê Chân nổi lên ở vùng biển, Bát Nạn tụ nghĩa ở đồng bằng, Nàng Nội ở Bạch Hạc chém rụng đầu tướng quân của Tô Định. Nàng Quốc cho người đi các nơi để thăm dò tin tức, lại có tin bà Trưng Trắc đã truyền hịch khởi nghĩa, nàng Quốc vui mừng bèn cùng nghĩa quân thủy bộ vây gươm chỉ giáo quét các đồn trại quân Hán dọc sông Hồng rồi tiến về Mê Linh yết kiến Hai Bà Trưng.

Quét sạch giặc Hán ra khỏi bờ cõi, thu phục lại nước Nam, Trưng vương lên ngôi báu phong thưởng chức tước cho các tướng sĩ.

Bấy giờ, nàng Quốc tâu rằng: “Thần là một người con gái quê mùa, sinh ra không được biết mặt cha, nhờ mẹ của thần dạy dỗ mới nên người, thần đem chút tài hèn mà ứng nghĩa, may được bệ hạ thương mà cho theo, lập được chút công nhỏ. Thần không dám nhận phong chức tước, chỉ xin bệ hạ cho thần được trở về quê quán làm ăn, lập một ngôi đền nhỏ mà thờ mẹ, thế là thỏa cái chí của thần”. Trưng vương khen ngợi phong cho nàng Quốc làm Trung dũng đại tướng quân, ban cho vàng lụa, lại ban phong cho mẹ nàng là Hoa nương phu nhân, truyền chỉ đưa về trang Hạ Tồn cho nhân dân lập đền thờ tự.

Mã Viện đem quân chiếm lại nước Nam. Nàng Quốc lại cầm quân theo Trưng vương đánh giặc. Trận đánh ở Lăng Bạc, quân Nam không cự nổi Mã Viện. Nàng Quốc phò giá vua Trưng

xông xáo trong trận mở đường máu đưa vua Trung về Cẩm Khê.

Giặc đuổi tới Cẩm Khê. Trong trận Cẩm Khê quyết liệt và tuyệt vọng, Quốc một tay cầm mộc, một tay cầm đao, nhảy từ thuyền lên bờ tìm đón Trung vương rút theo đường thủy. Ba lần vào trận, ba lần nàng phải lui ra. Các dũng sĩ theo nàng chỉ còn hơn chục người đều liều chết mà đánh. Nàng Quốc ngã lăn xuống đất vì mệt. Các dũng sĩ của nàng vừa đánh vừa dìu nàng xuống thuyền. Lúc ấy nàng Quốc lại thấy hiện ra trước mắt con thuyền lớn với cờ xí và gươm giáo, với những bộ quần áo lạ mắt, và đoàn người khốn khổ còng lưng kéo con thuyền tàn bạo, con thuyền ngạo nghễ đề trên dòng sông quê hương mà lướt tới.

Máu lại sôi lên, nàng Quốc vùng đứng dậy, xông vào trận đánh. Lúc này giặc đã ập đến chặn kín cả mặt sông.

Quốc ngửa mặt lên trời. Trời cao thăm thẳm. Quốc nhìn ra sông. Một chiếc thuyền lớn đầy cờ xí và gươm giáo lừng lững đề trên sông: thủy quân của tướng Hán Lưu Long đang quét mặt sông rồi!

Một mình Quốc tả xung hữu đột, Nàng bước tới đâu giặc dạt tới đó. Quân Nam tan rồi nhưng Quốc không chịu nhục. Và Quốc đã chết cái chết của một anh hùng⁽²²⁾.

ĐẠM NƯƠNG, HỒNG NƯƠNG

THANH NƯƠNG TẢ ĐẠO TƯỞNG QUÂN

Tiếng trống hội làng rộn rã cất lên từ lúc gà gáy sớm. Mặt trời chưa thức giấc, nhà nào nhà nấy đã đổ lửa nấu cơm nước. Tiếng các cô gái ríu rít hỏi nhau, gọi nhau và tiếng trẻ khóc đòi đi hội.

Hội Quất Lưu năm nay mở đúng mười ngày vào dịp đầu xuân. Làng vui vào hội, và tiếng hội vật Quất Lưu đã vang khắp các vùng thu hút hàng ngàn con người. Hàng trăm hói vật đã tìm về Quất Lưu để thi tài, “vuốt giải”.

Hội vật Quất Lưu do ba chị em: Đạm nương, Hồng nương và Thanh nương đứng ra tổ chức với mục đích quan trọng: kết giao hào kiệt, lựa chọn người tài để cầm quân khởi nghĩa. Những người đến dự hội này mang nhiều mục đích khác nhau. Có người đến chỉ cốt nhìn mặt tam nương nổi danh hùng kiệt, con quan huyện lệnh họ Lê, trấn nhậm Tam Dương ân đức nhuần thấm tới trăm họ trong quận hạt. Cũng có người đến để nghe ngóng tình hình. Từ khi tam nương cầm quyền thay cha, đã đuổi hết các đồn Hán đóng trong xứ, cự tuyệt với phủ thái thú. Người em trai út là An Bình Lý ngày đêm luyện tập sĩ tốt, còn nàng cả Đạm nương trực tiếp nắm quân quyền, quản lý mọi việc trong châu quận. Trong số những người về dự hội cũng có nhiều tay tuấn kiệt muốn nhân dịp này ứng nghĩa với tam nương.

... Cờ đuôi nheo, cờ vuông múa lượn uốn éo theo chiều gió, chiêng trống vang vang. Các cô gái má đỏ hồng, môi ướt trầu tươi thắm, yếm đỏ yếm vàng, thắt lưng hoa lý, nguyệt bạch, cánh sen, bá vai nhau cười cười nói nói. Trai các làng lượn chỗ này chỗ khác, vui cười chào hỏi, cất lời cợt gheo các cô gái xinh tươi. Các cụ già chống gậy cày cưa, nhai trầu bồm bồm.

Ba hồi trống chiêng cất lên uy nghi đồng dục. Tam nương đã xuất hiện, ngồi nghiêm trang trên sập. Sập nhất, che tàn màu vàng đỏ là nàng cả Đạm nương, áo màu nguyệt bạch, khuôn mặt đều đặn, đôi mắt đen láy. Nàng hai Hồng nương và nàng ba Thanh nương cùng sánh vai ngồi sập thứ hai che tàn xanh. Nàng hai mặc áo hồng, nàng ba mặc áo xanh. Cả hai đều có nét mặt tươi tắn, da trắng nõn như trứng gà bóc, môi thắm như đóa hải đường. Hai bên sập có các cô gái cầm gương trần, giáo buộc ngư(23) đỏ, cầm hộp trầu đứng vây quanh.

Mọi người xô đẩy nhau để được xem mặt tam nương. Các võ sĩ cầm ngang gậy tre dẹp đám.

Tiếng loa hô vang nhắc nhở mọi người không được chen lấn và báo cho biết hội làng đã bắt đầu. Tam nương truyền các hói vật ai dự giải thì tiến vào trường đấu.

Trường đấu là một khoảng đất rộng có đóng gióng tre xung quanh, bốn góc cắm bốn lá cờ đuôi nheo, lối vào cắm cờ, kết lá. Các hói vật từ từ bước vào cửa đấu trường, đến ngồi xếp hàng bằng tròn trên mấy tấm chiếu cói trải trên nền cỏ, trên chiếu có mấy ấm nước sành, bát sành và vài đĩa trầu. Các hói vật trẻ có, đứng tuổi có, ai nấy đều cởi trần, đóng khố bỏ vật đằng trước bằng sồi, bằng nái nhuộm các màu đen, lục, đỏ, vàng. Các hói vật dự đấu ngồi nghiêm chỉnh, mắt nhìn thẳng phía trước. Một vài người nhặt miếng trầu. Ấm nước chè tươi nóng không ai đụng đến.

Lại một hồi trống cái cất lên. Những người vào dự đấu đứng cả dậy, quay mặt về phía tam nương vái ba vái. Một cụ chủ tế tiến đến trước nhang án, làm lễ xin âm dương rồi gõ liên hồi vào một chiếc keng con. Thế là trống chiêng lại nổi lên ồn ã, tiếng loa cũng cất lên, nhắc lại lời nàng Cả miễn lễ cho các hói vật, và nhắc còn ai dự đấu mời vào, cuộc đấu sắp bắt đầu. Bảy giờ có hai người khiêng một chiếc trống lớn vào bãi vật, đặt cạnh chỗ các hói vật ngồi, và một người trạc bốn mươi tuổi chít khăn xéo màu điều, áo len dài, thắt lưng quan lục, ngồi vào ghế cầm dùi gõ thừ mấy tiếng vào mặt trống. Đó là ông Hai Lý, gia tướng thân tín của Lê huyện lệnh, được giao cầm trống giữ trịch. Khi nào ông cầm trịch gõ “cắc, cắc, cắc”, ba tiếng mau là các hói vật dù hăng mấy cũng phải buông tay. Với những miếng vật hay, ông cầm trịch gõ thừ mấy tiếng trống. Trống cất ba tiếng đỉnh đặc là các hói được lệnh nghỉ, hết một hiệp

đấu. Hai tiếng trống mạnh kèm một tiếng cắc là báo hiệu kết thúc trận đấu, đã có người thắng, kẻ thua.

... Cả buổi sáng mới xong ba cặp vật. Người giữ giải sáng nay là một chàng tuổi mới ngoài đôi mươi, người cao và dẻo như một cây tấu, da ngăm đen, mắt to. Chàng đã dùng miếng “vỏ giả” để lừa đối thủ và đã thắng bằng một miếng hiểm: hất mông vào sườn đối phương mà quật ngửa ra! Tuy vậy, mọi người đều biết rằng những tay vật sừng sỏ còn chưa xuất đầu lộ diện. Họ còn nghe ngóng lẫn nhau và xem cuộc đấu diễn ra trước mắt như xem cuộc biểu diễn của đám học trò hăng hái.

Buổi chiều, tế lễ, chạy cờ.

Từ ngày thứ ba trở đi cuộc đấu đã sôi nổi, quyết liệt. Một dũng sĩ khoảng ba mươi tuổi, ngực xăm một chiếc đầu hổ nhe nanh dữ tợn, trong một buổi sáng hạ luôn năm đối thủ. Nhiều miếng vật của chàng đã được Hai Lý gõ trống tán thưởng. Đinh Quang – tên người dũng sĩ – giữ được giải tới chiều thì bị hạ. Chàng múa bài tổ rồi đi lại về kiêu căng, thách thức. Chính cái bộ dạng ấy đã làm cho một hói vật đứng tuổi thấy phải rá tay cho chàng kia một bài học.

Đó, Lê Đạt ở Ngoại Xá thương mà làng vật đều biết tiếng! Người bé nhỏ, mắt lờ lờ. Lê Đạt múa xong bài bài tổ bèn quay về phía tam nương vái chào một vái. Mọi người xem đều reo lên: “Đáng giải rồi, đáng giải rồi!”.

Lê Đạt và Đinh Quang vờn nhau rồi nhanh như cắt bốn cánh tay khóa lấy nhau. Hổ báo quần nhau cũng không dữ hơn, loan phượng vờn nhau cũng không đẹp hơn! Tới hiệp hai, Lê Đạt lừa miếng, bắt ngay chân Đinh Quang, quay mình một vòng, ném Đinh Quang ra ngoài gióng, rơi phịch ngay dưới chân mấy cô gái đứng đó. Cả ngày hôm đó, không ai địch nổi Lê Đạt.

Sáng hôm sau, nàng Cả truyền cho Lê Đạt đứng riêng vào đấu lọc cuối cùng. Buổi sáng có Phạm Lan ở Trung Xá giữ giải. Buổi chiều vừa vào cuộc đấu có Đỗ Khả ở Lũng Nội hạ Phạm Lan bằng một miếng độc thủ: bóp nang. Bàn tay như sắt của Đỗ Khả bóp miếng thịt sườn, dưới nách rồi vuốt ngược về phía bả vai địch thủ. Phạm Lan nếu không được thầy giỏi, thuốc hay sẽ suốt đời mang tật.

Phạm Lan ở Trung Xá lại là học trò yêu của Dương Đình người ở làng Sổ, ngay cạnh Quất Lưu. Từ ngày hội vật thứ hai trở đi, Dương Đình ở nhà đi cày. Buổi sáng ấy, Dương Đình đang cày, có người chạy đến báo Phạm Lan bị miếng bóp nang nằm chết ngất. Dương Đình nổi giận, bèn trối ngay bò lại, cõng trên vai rảo bước về nhà, thay quần áo, đóng khố đen đến hội vật.

Đỗ Khả là một hói vật nổi danh thường đã vượt giải là được. Chàng có thể nằm ngửa, xếp bốn cối đá lên bụng, vẫn hất dậy được. Vợ Đỗ Khả bị một viên đầu mục người Hán hãm hiếp, Đỗ Khả hai tay quật chết viên đầu mục rồi lẩn trốn nay đây mai đó, tới huyện Tam Dương thì ở lại. Nay nghe tam nương mở hội vật, Đỗ Khả đến dự đấu mong có dịp tiến thân, vừa đền nợ nước vừa rửa thù nhà.

Dương Đình đến, trừng mắt nhìn Đỗ Khả một lúc rồi vào nói với Hai Lý xin dự đấu. Hai Lý biết Dương Đình, nói rằng: “Đỗ Khả là người tài tuần lại có chí, ông chó vì học trò mà sát hại hần”. Dương Đình gật đầu vào đấu với Đỗ Khả.

Hai người đấu với nhau ba hiệp không phân thắng bại. Người nhanh như báo, kẻ vững như thành, lúc khóa chân lúc xốc nách, miếng khèo, miếng vét, miếng hực, miếng gồng, ngực chạm ngực như núi xô, tay khóa tay như rắn cuộn. Mọi người đều nín thở mà xem. Trong hiệp thứ ba, cuộc vật đang lúc quyết liệt, hai người đều có chí sống mái. Hai Lý gõ ba tiếng trống cho lệnh nghỉ rồi thưa với tam nương rằng: “Hai người này đều là tuấn kiệt ở đời, không nên để một người nào bị hại! Tôi xem Đỗ Khả khó địch nổi Dương Đình vì Dương Đình mang chí trả thù cho học trò yêu. Xin tam nương định liệu!”. Đạm nương bèn truyền gọi cả hai đến trước mặt, trao cho mỗi người một tấm lụa điều, cổ vũ cả hai, rồi cho đứng cùng hàng với Lê Đạt.

Bấy giờ có một người rẽ đám đông, xăm xăm bước thẳng tới trước sập tam nương nói to lên rằng: “Để lại ba tấm lụa điều ấy cho ta!”. Nói đoạn, người ấy vái tam nương một vái, tự xưng là

Ngô Hào ở xứ Thượng Hồng xin đấu, và nói rằng: “Học trò của Dương Đình bị đánh vào chỗ hiểm thành tật, nhưng tôi có thể chữa được. Chỉ xin đấu với Dương Đình cho biết tài cao thấp mà thôi!”. Lê Đạt xin ra đấu với Ngô Hào. Dương Đình cũng xin đấu. Đạm nương liền bảo Lê Đạt ra vật. Đấu nhau ba hiệp, Ngô Hào giật chân Lê Đạt. Lê Đạt ngã sấp xuống, bèn kéo Ngô Hào theo, cả hai lại ôm nhau mà lăn trên bãi, cùng khóa tay nhau không ai gỡ ra được. Hai Lý mãi xem quên cả trống, tay cầm dùi giơ cao mà không gõ một dùi nào. Ngô Hào vật được Lê Đạt nằm ngửa nhưng Lê Đạt nhanh như chớp chồm dậy lấy lưng hất Ngô Hào nằm ngửa ra, một tay giữ nách, một tay vỗ bụng Ngô Hào. Tiếng reo hò vang lên như sấm khắp cả bãi vật.

Mười ngày hội qua, Đạm nương biên thư cho chồng là Tuấn công hiện ở Mê Linh, mời về bàn việc khởi nghĩa. Tuấn công là em vợ của Trung lạc tướng ở Mê Linh, em Trung Trắc, Trung Nhi. Lúc ấy hai nàng Trung đã chuẩn bị khởi nghĩa, tình thế sôi sục. Được thư Đạm nương, Tuấn công không về Tam Dương được, mới viết trả lời Đạm nương dặn khởi nghĩa ngay.

Đạm nương bóc thư xem, thấy nói Thánh Thiên, Lê Chân, Bát Nạn đều đã dựng cờ, họp quân, Tô Định bận phát binh đánh dẹp, nhờ thế Tam Dương còn được yên, vậy phải gấp rút phát cao cờ nghĩa, hưởng ứng với các nơi sẵn sàng chống với quân Tô Định.

Đạm nương được tin, vào thưa với cha, xin ý kiến, rồi ra họp em và các tướng, tự nhận là soái, đóng đại quân doanh ở Quất Lưu, đắp lũy đào hào, phong cho Thanh nương giữ Tả quân doanh đóng ở Vị Xuyên, Hồng nương lĩnh ấn Hữu tướng quản quân, đóng hữu quân doanh ở Ngoại Trạch. Lại chia quân làm sáu trại, cắt đặt các đầu mục:

Trại nhất ở Trung Chính giao cho Lê Đạt.

Trại hai ở Đông Bái giao cho Nguyễn Phương.

Trại ba ở Khả Lũng giao cho Đỗ Khả.

Trại bốn ở Sơn Tiêu giao cho Dương Đình.

Trại năm ở Sơn Phổ giao cho Ngô Hào.

Trại sáu ở Xuân Mai giao cho Đình Quang.

Chủ soái truyền cho các doanh, các trại đào giếng lớn lấy nước ăn. Mỗi trại đào một giếng, lại truyền làm nỏ vót tên, mỗi chiến sĩ phải có một chiếc nỏ, hai trăm mũi tên và một lưới mác. Sỹ tốt buổi sáng cày ruộng, buổi chiều luyện tập. Các ngã đường vào Tam Dương đều có trạm canh phòng. Mỗi trại một trống báo truyền nhau. An Bình Lý đốc lĩnh quân cả sáu trại kiêm lĩnh ấn tiên phong. Cắt đặt xong đầu đầy, Đạm nương viết thư cho Tuấn công được biết. Tô Định hai lần cắt quân đánh Tam Dương đều bị thua.

Ngày mồng mười tháng giêng năm sau, Tuấn công từ Mê Linh về Tam Dương, đem hịch của Trưng nữ chủ phong cho Đạm nương làm Tả đạo tướng quân, mang quân theo Trưng nữ chủ đuổi giặc. Đạm nương lên đường cùng Tuấn công, có Hồng nương và Thanh nương làm phó tướng, An Bình Lý giữ huyện Tam Dương.

Tam nương cùng Trưng nữ chủ tiến đánh Luy Lâu. Sau hơn nửa tháng Luy Lâu tan vỡ, Tô Định phải bỏ cả ấn tín, cạo râu tóc mà chạy trốn.

Sau ngày đại phá Luy Lâu, ba chị em Đạm nương được phép trở về Tam Dương. Nhân dân nô nức dắt trâu lợn, mang rượu và gạo đi đón đoàn quân chiến thắng. Đạm nương cho lệnh mở hội mừng công, hội lớn mở năm ngày với nhiều trò vui, nào đu tiên, ném cầu, nào đánh vật kéo co, đêm đêm lửa đuốc như sao, ngày ngày trống chiêng dậy đất. Đạm nương lại cho mở cuộc thi làm bánh để thi tài khéo léo của các nữ binh. Bấy giờ, nữ binh tháo nỏ buông giáo, cầm lấy cái chày giã bột, cái rá vo gạo, họp nhau thi làm các thứ bánh bằng gạo nếp, tất cả mười bốn thứ, trong mỗi thứ lại chọn những chiếc ngon nhất làm lễ tế thần và trao thưởng cho người làm. Hội

bánh mừng công của tam nương được các nữ binh nô nức hưởng ứng, làm tất cả mười bốn thứ bánh như sau:

- Bánh chưng nhân đỗ xanh thịt lợn.
- Bánh chưng tày gói tròn hình ống.
- Bánh dày trắng.
- Bánh dày xoa đỗ xanh.
- Bánh dợm.
- Bánh ống, như bánh chưng tày trộn mật.
- Bánh mật, như bánh dợm trộn mật.
- Bánh mật, hình nhọn như sừng bò.
- Bánh nẳng trong như hồ phách màu vàng.
- Bánh phồng.
- Bánh rán mật.
- Bánh trôi.
- Bánh dùm.
- Bánh bột.

Bánh trôi do Đạm nương nghĩ ra; bánh dùm do Hồng nương làm ra; bánh bột do Thanh nương bày ra. Nhân dân cũng theo các nữ binh, làm đủ mười bốn thứ bánh để thi vui với nhau và ăn trong ngày hội. Gạo nếp chọn kĩ từng hạt, đổ vào thuyền thúng mà vo, giã gạo chày đôi vào cối đá; bắt bánh dày, đầu chày xoa mỡ, lót chiếu cối trên ván, mỗi ván hai người giã, hai người bắt bánh. Làm bánh chưng tày, các cô thi mịn và dẻo, thi lá giữ được màu xanh, gân sống lá dong đặt sao cho vạch thẳng một đường cắt đôi chiếc bánh. Bánh ống là do một nữ tùy tướng của Đạm nương nghĩ ra làm theo bánh chưng tày nhưng gạo có tấm mật. Các nữ binh và các gái làng thi tài khéo léo, vừa làm bánh vừa hát đối đáp với nhau. An Bình Lý lại cho nam binh đánh trống hát thi với nữ binh, treo giải bằng lụa, dân gọi là hát trống quân của quân tam nương, gọi tắt là "hát trống quân". Đạm nương rất vui, bảo các gái làng Quất Lưu bắt bún và kho cá đem đến thi. Đạm nương chấm và treo giải. Hội bánh từ đó thành tục lệ, cứ tới ngày mồng mười tháng giêng, Đạm nương lại cho mở hội, hội thế nào cũng phải có đấu vật và thi mười bốn thứ bánh.

... Quân Mã Viện hùng hổ tiến vào bờ cõi nước ta. Trưng vương truyền lệnh các tướng giữ vững thành trì rồi mang đại quân đón đánh Mã Viện ở Lăng Bạc. Hai quân chọi nhau, sát khí mờ trời đất. Đánh ba ngày, Trưng vương phải rút về Hát Môn. Tam nương vội đem quân ứng cứu, giao Tam Dương lại cho An Bình Lý.

Mã Viện chia quân đón đánh tam nương. Ba nàng cùng sáu vị đầu mục áo giáp đỏ máu giặc, tả xung hữu đột, gươm chém giáo đâm, đánh suốt một ngày, tìm chân quân Mã Viện để Trưng vương rút về Mê Linh.

Sau trận ấy, ba nàng trở lại Tam Dương chỉnh đốn quân mã, tháng mười lại đem đại quân tiến đánh Mã Viện một trận lớn bên sông Hồng để giải vây cho Cẩm Khê. Mã Viện đánh quân tam nương tan vỡ, năm vị đầu mục đã chết, giáo vẫn cầm trên tay. Còn lại Đỗ Khả bèn cởi trần, đi đất, quảng bảo đao, hai tay không xông vào vật tướng giặc, bóp chết một tướng, quật chết một tướng, chịu mười phát giáo đâm, chết còn mở mắt trừng trừng, giặc đều khiếp hãi không tên nào dám đến gần. Tam nương rút chạy về Quất Lưu. Phục Ba đuổi theo rất gấp. An Bình Lý đem hết dân binh ra cự nhau với giặc. Từ ngày mười tới ngày mười hai tháng mười một, các cụ

già và đàn bà, trẻ con cũng đều cầm mác và gậy tre mà đánh giặc. Ngày mười một, Hồng nương và Thanh nương đều tử tiết. Ngày mười hai, An Bình Lý bị thương, mất ngay trên lưng ngựa. Tối đêm, Đạm nương thấy quân dân tan tác, các em và các tướng đều đã mất cả, giặc vẫn vây kín và đổ thêm quân viện, biết việc lỡ rồi, ngựa cổ lên trời kêu to gọi Tuấn công ba lần, lại thăm khẩn Trung vương, vái mấy lần rồi tuốt kiếm tự sát⁽²⁴⁾.

QUÝ LAN

NỘI THỊ TƯỚNG QUÂN

Vào thời nhà Đông Hán đô hộ nước ta, ở huyện Chí Linh, bãi Lũng Động có hào trưởng Nguyên Hồ lấy vợ người cùng làng là Trần Thị Ý. Vợ chồng đều trung hậu, được mọi người quý mến. Nhà có cửa mà không có con, tuổi đã gần năm mươi hai vợ chồng vẫn không được vui vẻ. Chí Linh là nơi quan đô hộ thường quấy nhiễu, vợ vét, huyện lệnh tham tàn hống hách, nhân dân rất khổ cực ta thán không cùng. Vợ chồng Nguyên Hồ cũng không tránh khỏi bị giặc ức hiếp, gây phiền nhiễu, nay phải nộp tiền, mai dâng đồ quý, nên trong lòng bức bối. Một hôm, chồng bàn với vợ: “Đất Chí Linh người đông thóc nhiều, thật là nơi quý địa, nhưng cũng vì thế mà giặc càng ra tay vợ vét và hà hiếp dân lành. Chúng ta ở đây cũng không thoát được sự trói buộc của chúng. Chi bằng chúng ta lánh tìm nơi non xa núi thẳm mà ở, một gánh ra đi, chưa đa mang con bồng con bế nên cũng thật nhẹ nhàng. Hai vợ chồng ta tay làm hàm nhai đến đâu mà chẳng sống được”. Vợ gật đầu khen phải, bán rế ruộng vườn nhà cửa, làm lễ bái yết từ đường, chào biệt họ hàng làng xóm rồi cùng nhau cất bước. Hai vợ chồng ngày đi đêm nghỉ từ biển lên rừng, có khi ngắm trăng nơi điểm cổ, có khi hứng gió chồn đồng không, chiều hôm dừng đỉnh bến đò ngang, rạng sáng chon von góc núi, mắt được ngắm cảnh đẹp, non sông hùng vĩ thêm lòng phấn khích, lại được thấy bao nỗi lầm than của dân chúng, thêm dạ căm thù. Chẳng bao lâu, hai vợ chồng tới một nơi phong cảnh âm u, rừng lim xanh ngắt, khe nước quanh co, núi cao tiếp núi thấp, ruộng lượn chân gò, làng bản xa xa thấp thoáng, mới bàn nhau nơi đây hẳn là ở được. Hỏi thăm mới biết nơi đó là trang Tinh Luyện, hai vợ chồng xin với các cụ và dân trang cho cư ngụ rồi dựng nhà làm nương, từ đó ở lại với núi rừng.

Một đêm, Nguyên Hồ thiu thiu tựa án chợt thấy một cụ già râu tóc bạc phơ chống cây gậy trúc lững thững đi tới, vỗ vai Nguyên Hồ. Nguyên Hồ choàng dậy. Cụ già vuốt râu cười, rút trong ống tay áo ra một cành lan bạch điệp trắng muốt trao cho Nguyên Hồ rồi biến mất. Nguyên Hồ tỉnh ra biết là mộng, bàng hoàng vui sướng vội vào phòng trong thuật lại giấc mộng lạ cho vợ nghe. Bấy giờ trăng rọi qua song chiếu vào chiếc giường tre. Hai vợ chồng Nguyên Hồ vui vẻ chuyện trò, câu to câu nhỏ. Ít lâu sau, Trần Thị Ý sinh một con gái đặt tên là Quý Lan. Quý Lan lớn lên xinh đẹp khác thường, đoan trang hòa nhã, được cha mẹ chiều chuộng coi như viên ngọc trên tay. Quý Lan được theo học chữ nghĩa, học một biết mười, nét chữ bay bướm mềm mại, cũng đôi khi làm thơ vịnh phong cảnh và ngụ ý mình. Nguyên Hồ dạy con học thấy con sáng dạ nên rất vui lòng... nhưng ông nghĩ thời này gái cũng như trai, có văn tài không đủ mà còn phải biết binh thư võ nghệ mới có thể chống được cường quyền đô hộ. Nghĩ như vậy nên Hồ công lại đón thầy võ về chỉ bảo Quý Lan. Quý Lan đến tuổi trưởng thành văn võ toàn tài, nhan sắc đậm thắm, ông bà Nguyên Hồ vui sướng khôn cùng chỉ mong con sớm thành gia thất cho ông bà có chút cháu bế. Nhưng khi ông bà mang chuyện chồng con ra nói với con gái, Quý Lan chỉ cười, xin cha mẹ chớ vội vàng.

Họ Trưng ở Mê Linh cầu các bậc anh kiệt cùng hợp sức cứu nước, Quý Lan đến tìm hai Bà Trưng. Hai Bà Trưng gặp Quý Lan như gặp người tri kỷ, cùng nhau chuyện trò không biết mệt. Bà Trưng kết nghĩa chị em với Quý Lan, giao cho đi chiêu dụ các gái tài để xung vào quân nội thị gần cận xung quanh Hai Bà và tìm người trí dũng ra cầm quân. Quý Lan đi một thời gian, chiêu dụ được: một người ở thôn Ngạnh, huyện Từ Liêm, một người ở Mộ Chu, huyện Bạch Hạc, một người ở Vân Thụy, một người ở Nhật Chiêu. Họ đều mang quân bản hộ về với Hai Bà. Sau đó Quý Lan được giao đi vận động các quan lang, phụ đạo. Quý Lan được về thăm cha mẹ rồi tự hợp dân binh năm trang Tinh Luyện, Thần Sơn, Liên Sơn, Ngọc Sơn, Liên Hồ lập thành quân bản bộ được năm trăm người. Hai Bà Trưng có chín chi quân mã, hợp với quân các nơi được sáu vạn người, khí thế mạnh như nước triều dâng, mới định ngày tế cờ khởi nghĩa. Quý Lan được giao ấn Nội thị tướng quân, ngày đêm gần cận Trưng nữ chủ.

Đẹp song Tô Định, quét giặc khỏi bờ cõi, Bà Trưng lên ngôi vua, đóng đô ở Mê Linh, Quý Lan được phong là An Bình công chúa. Vua Trưng cho phép An Bình công chúa về thăm cha mẹ và

cho lập cung sở ở Thản Sơn.

Có ngày tiết xuân thư thả, vua Trưng cho vời An Bình công chúa vào triều cùng bàn việc nước rồi giữ An Bình nghỉ lại nơi nội cung hàng ngày trò chuyện. Một hôm vua Trưng nói với An Bình rằng: “Nay em đã lớn tuổi, nước được thanh bình, sao không nghĩ tới việc lập gia đình để nối dõi tông đường, báo hiếu cho cha mẹ?” An Bình công chúa mặt đỏ như gấc chín cúi đầu không biết nói sao. Vua Trưng gọi em là Bình Khôi công chúa bảo rằng: “Em có biết trang nam tử nào xứng đáng sánh đôi cùng An Bình công chúa hay không?”. Bình Khôi vui vẻ cười nói: “Kể ra thì cũng có nhiều trang hào kiệt đã cùng chúng ta vào sinh ra tử cứu nạn nước, lập công to nhưng cứ theo ý em, em xin làm mối cho An Bình một người này, chẳng biết em An Bình có ưng ý hay không?”. Sau đó Trưng vương đứng ra làm chủ hôn cho An Bình hợp duyên cùng tướng quân họ Định, quê trang Đào Khê bên sông Đà, nhà nối đời làm quan lang phụ đạo.

Mã Viện vâng lệnh Hán đế mang ba vạn quân sang xâm lược nước Nam. Được tin cấp báo, Quý Lan nương mang quân bản bộ ngày đêm đi gấp đến Mê Linh hội cùng Trưng vương. Mã Viện tiến quân qua cửa ải Lạng Sơn. Trưng vương chia quân các ngả chống đánh. Mã Viện vây vua Trưng ở Lãng Bạc. Vua Trưng rút quân về Cẩm Khê. Quý Lan ngày đêm theo sát Vua, giữ đội nữ vệ quân, đêm thường không ngủ. Giặc tiến đánh. Hai Bà đón đánh quân Mã viện ở ngã ba Bạch Hạc. Hai quân đánh nhau lớn một trận. Quý Lan nương hai tay hai kiếm, máu giặc nhuộm đỏ cả áo giáp quyết bảo vệ vua Trưng không cho giặc phạm đến. Giặc vây kín bốn mặt, quân Nam tan. Vua Trưng cùng Quý Lan chạy tới Gò Mai xuống ngựa ngồi nghỉ ở gốc cây, lắng nghe quân Mã Viện hò reo khắp các ngả. Biết việc lớn đã hỏng, vua cầm tay Quý Lan nương ứa nước mắt mà rằng: “Ta với em, nghĩa là vua tôi, tình là chị em, nay gặp lúc thế cùng việc ngặt nói sao cho xiết”. Hai chị em đang lúc bối rối, giặc đã ập đến. Vua Trưng nhìn Quý Lan mà cười rồi tắt thở. Lúc đó chỉ có Quý Lan nương và hai mươi nữ cấm quân ở bên cạnh Vua. Giặc xông vào cướp xác vua. Quý Lan đặt thi hài vua lên ngựa cùng các nữ cấm quân quyết chiến mở đường máu chạy về phía núi Hùng. Giặc hò hét rượt theo. Đang cơn nguy cấp, Quý Lan chợt thấy một đạo quân kéo đến, đi đầu là chồng mình. Định tướng quân nói với Quý Lan: “Ta cũng bị thương nặng khó sống nổi. Nay ta quyết chặn đứng địch lại đây. Nàng đưa vua về Hy Sơn an táng rồi tìm nơi sinh đẻ, nuôi con khôn lớn sẽ mưu việc lâu dài”. Quý Lan nương ứa nước mắt không nói được lời nào, thúc ngựa phóng nhanh. Tới Hy Sơn đắp mộ Vua, nương vừa rút khỏi Hy Sơn một quãng thì giặc ập đến. Quý Lan ngoảnh lại chỉ còn mười một nữ hào kiệt cầm quân, người nào quần áo cũng đầm máu với mồ hôi, dung nhan phờ phạc. Quý Lan bảo các tướng quân: “Nay ta cố đánh, em nào chạy được cứ tự tìm đường chạy, mưu việc về sau, nếu chạy không thoát chỉ có một cái chết, quyết không để giặc làm ô nhục!”. Các nữ hào kiệt đều không nói, vây quanh Quý Lan chờ giặc. Giáp chiến hồi lâu, Quý Lan bị thương nặng ở sườn, thai trong bụng chửa quậy, bụng đau như dùi đâm, tưởng đã ngã ngay tại trận tiền. Tướng giặc thấy Quý Lan xinh đẹp muốn bắt sống để lập công, hô quân chỉ vây bắt mà không được dùng đến cung tên. Nhờ giặc đặc chí trễ tràng, Quý Lan lia gươm thoát được vòng vây cùng các nữ binh vượt sông Lô rút về Thản Sơn.

Dân năm trang mừng rỡ đón An Bình công chúa. Công chúa cùng các cụ và dân trang chuyện trò hồi lâu rồi đi nghỉ. Vài hôm sau giặc dò biết đem quân đến vây trang. An Bình công chúa cười ngựa trắng, múa hai kiếm cùng dân đình ra trận. Đánh được hồi lâu, An Bình công chúa thấy bụng quặn đau bèn ngồi nghỉ dưới bóng một cây gạo lớn. Một lúc nàng đứng dậy nhìn xuống chỗ ngồi có máu, tự thấy trong người mệt mỏi khôn cùng. Nương nương biết là động thai, bèn hạ lệnh cho quân dồn giặc ra xa rồi cùng vài nữ binh thân tín tìm lối tránh vào núi.

Nghe tiếng quân giặc reo vang xa xa, biết thế đã hết lực đã tận, nghĩ tiếc Vua, thương chồng, xót hòn máu trong bụng không được làm người, Quý Lan thốn thức bồi hồi, truyền cho các nữ quân lui về. Quý Lan nương thả ngựa bên suối xuống suối tắm rửa rồi lên núi nghỉ, một lúc ngựa mặt kêu trời, quay kiếm tuần tiết, hồn bay tìm vua Trưng và Định tướng quân(25).

Sách gốc ghi Phạm Đình Hồ mất năm 1840, nhưng chúng tôi theo Trần Văn Giáp, trong Lược truyện các tác gia Việt Nam (tập 1) thì Phạm Đình Hồ mất năm 1839. (BT) Huyện này do phủ Bình Giang kiêm lý. Vua Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò. Ban Cố và Tư Mã Thiên là hai nhà làm sử đời Hán. Bính Thân (1896). Tiểu xuân là tháng Mười, thượng cán là thượng tuần. Tiếng xưng cha mình đối với người khác. (BT) Toàn bộ những chú thích có đề (BT) là của người biên tập Ông Nguyễn Hoàn. Chưa rõ tên. Ông trạng Vũ Duê. Đời nhà Chu bên Tàu, trong triều đặt ra hai chức Tả sử và Hữu sử; Tả sử chép việc vua làm, Hữu sử chép việc vua nói. Câu này ở thiên Lễ vận trong Kinh Lễ. Phần nhiều chuyện ghi rõ tên của một trong hai tác giả, nhưng thỉnh thoảng cũng có những chuyện bỏ trống, vậy xin cứ để khuyết nghi. Chợ này ở phía Tây Nam hồ Gươm bấy giờ. Nơi vua tạm trú (BT). Núi Thầy. Quân tử chỉ nhà Nho chân chính. Phủ Phụng Thiên bấy giờ lĩnh hai huyện Thọ Xương, Quảng Đức, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc vào trấn nào. Cũng như phủ Thừa Thiên ở Trung kỳ sau này thống hạt sáu huyện, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc tỉnh nào. Quảng Đức đến năm Gia Long thứ tư đổi là Vĩnh Thuận. Nguyễn Công Hãng (1679-1732) người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngạn, trấn Kinh Bắc, làm tể tướng về triều các vua Dụ Tông và Vĩnh Khánh, rồi bị chúa Trịnh Giang biếm chức và bắt phải tự tử từ năm Long Đức nguyên niên (1732). Ở đây phải là Nguyễn Hoàn (1731-1791), người làng Lan Khê, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đậu tiến sĩ năm 1743, đời Trịnh Sâm, làm đến chức Thái phó quốc lão phong tước Hoãn quận công chứ không phải Nguyễn Công Hãng. Niên hiệu của vua Hy Tông (1680-1705). Mỗi kỷ là 12 năm. Bấy giờ vua Hiến Tông trị vì năm thứ 46. Cái vạc để thờ ở trước miếu nhà vua. Vạc đổi là nói sự thay triều đổi họ, nhà Lê mất. Tây Sơn lên, tức năm 1788. Tức Trịnh Sâm (1767-1782) Quảng hàn là cung trăng. Quân thiên là khúc nhạc trên trời. Khải nghĩa như tàu. (BT) Thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Phủ tức là nhà ở của những ông quan to. (BT) Nghi việc quốc chính. Năm này Bắc Bình Vương đem quân ra Bắc diệt Trịnh (1786). Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Văn Giai người làng Phù Lưu trong huyện này. Con rể chúa. Chúa ở đây là Trịnh Tùng (1570-1623). Phó mẫu là người giữ việc trông nom dạy bảo quận chúa lúc nhỏ. Vì ông nghĩ cá không có đuôi, tức là không có hậu. Chỗ này có hai dòng hình như mất chữ nên thiếu nghĩa, tạm lược. Nay là làng Côi Tri. (BT) Tục gọi khăn mào gà. Lúc trước, bác nông phu còn đội cái khăn ma, nên không ai trông thấy; mất cái khăn, bác mới hiện chân hình. Mũ phốc đầu tức là mũ cánh chuồn. Hai cánh nguyên xưa là hai cánh đai buộc ở đằng sau, sau mới làm bằng sắt để giương ra như vậy. 1709-1729. (BT) Thuộc Lạng Sơn. Hặc cũng như bắt bẻ. (BT) Chỉ nhà Thanh. (BT) Tương truyền, nước giếng ở thành Cổ Loa mà đem rửa ngọc thì viên ngọc sáng ngời. (BT) Áo có miếng thêu dính vào đằng trước và đằng sau, gọi là bổ phục. Dùng các hình thêu chim muông để chia định văn võ và cao thấp. Đời Lê, giấy tờ của các quan đệ lên chúa Trịnh gọi là tờ khải; nói với chúa cũng gọi là khải. Ông tổ năm đời Trung Liệt công là người nước ta, theo quân Minh sang Trung Hoa, nối đời ở lại thành Ứng Sơn (Hồ Bắc). Trung Liệt công tên là Liễn, đỗ tiến sĩ nhà Minh, làm quan đến Tả đô ngự sử, vì hặc Ngụy Trung Hiền mà bị hại. Sau được truy phong và lập đền thờ. Nhà cũ hãy còn. Khi ông Công Hãng đi sứ, con cháu có đem những đạo số cũ ra cho xem. Xem chữ viết, đếm nét mà bói. (BT) Cấp lưu là dòng nước chảy xiết; dũng thoái là mạnh dần rút lui. Ý nói làm quan đương lúc đắc ý nên cáo về. Chữ cảnh trên có chữ nhật là mặt trời, dưới có chữ kinh là kinh đô. Chú sinh là việc sinh tử. (BT) Một kỷ là mười hai năm. Nhà riêng. (BT) Tức Trịnh Sâm (1767-1782). (BT) Tình hình gần đây. (BT) Là đất của chúa Nguyễn thời kỳ đó, nay là Quảng Nam và Thừa Thiên. Tức sông Gianh. (BT) Chàng Năm ở trong chuyện này là ông Đào Duy Từ. Tiềm đế: Ngôi nhà của vị vua lúc chưa lên làm vua. (BT) Chuyện Ngự phủ vào Đào nguyên. Tục gọi làng Gia, thuộc huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội bây giờ. Thông là làng Đoàn Tùng. Thượng Thông trở ông Đỗ Ưông, Thượng Nhữ trở ông Nhữ Công Tông. Đông Luân là làng ông Bùi Thế Vinh. Thuộc Sơn Tây, Hà Nội. Bích Cơ là tên một người đàn bà. Chưa rõ việc này là việc gì. Hồi lang: hành lang uốn khúc. (BT) Nơi được người ta thờ cúng đời đời. (BT) Phù lục: Bùa phép, bùa chú. (BT) Tinh biểu: ban khen, khen ngợi. (BT) Tỉnh nguyên là đỗ đầu tỉnh. (BT) Nghĩa là: Soi gương vẽ mây, một nét hóa thành hai nét. Song chữ điểm ở đây là tên bà Điểm, thành ra nghĩa là một bà Điểm hóa hai bà Điểm. Nghĩa là: Kề ao ngắm nguyệt, một vàng hóa thành hai vàng. Song chữ luân ở đây lại là tên ông Luân, thành ra nghĩa là một ông Luân thành hai ông Luân. Tức ngày giỗ. (BT) Tức Hà Nội ngày nay. (BT) Bà này không phải sinh mẫu vua Thái Tông, nhưng có

công nuôi dạy, nên vua cũng coi như mẹ. Hán Cao Tổ khi còn hàn vi, hay vào ẩn nấu ở núi Mang Đường; sách nói là khi ấy, thường có đám mây ngũ sắc che ở trên. Hán Cao Tổ bị quân Sở vây ở Tuy Thủy, nhờ có một trận gió bão tung cát mù mịt, mới được giải vây mà thoát nạn. Khi vua Quang Võ hết lương ở sông Hô Đà, có Phùng Di dâng cơm chiêm để vua xơi, lại khi vua bị đói ở Vu Lâm đình, Phùng Di dâng cháo đậu. Tôn kính sau khi đã chết. (BT) Chỉ cõi âm phủ. (BT) Tức Lê Trãi Công lao to lớn. (BT) Đòi xưa, cúng tế thường tết chó cỏ, nạn rồng đất để cúng, cúng xong thì vất đi. Vì thế, người ta thường lấy chó cỏ rồng đất để nói ví người hay vật, khi không được người ta cần dùng đến nữa. Người ta cũng thường dùng ví những công thần khi đã đánh dẹp cho nhà vua xong rồi, bị nhà vua rẻ bỏ. Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. (BT) Nghệ An. (BT) Tề chỉnh, ngay ngắn, nghiêm túc. (BT) Giường nghĩa là mối (tức quân, sự, phụ). (BT) Đào Khả là một vị danh tướng đời Tấn (265-420) ở Trung Quốc. Chuyện này nhiều chi tiết giống chuyện Mạnh Khương nữ. Nàng Mạnh Khương đời Tần Thủy Hoàng khóc đổ Trường Thành, chuyện có từ đời Đường. Tức tháng Sáu. (BT) Tháng chạp. (BT) Chữ sẵn trong Kinh dịch. (BT) Một danh mục về khoa cử, suýt soát với tú tài. Lấy tên làng gọi thay tên người tức ông Nguyễn Công Phong. (BT) Công dự tiếp ký là sách của Vũ Phương Đề, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương) đỗ tiến sĩ, làm quan đến Đông các học sĩ. (BT) Dài dòng, nhiều lời. (BT) Trạm đặt quan tài khi nghỉ ở dọc đường và bày lễ cúng tế. (BT) Gần Rú Thành (Nghệ An). Huyết thực là được người ta cúng tế. Vì cúng tế có giết trâu bò, nên gọi là huyết thực. Phan Huy Chú nói Tả Ao tiên sinh tên là Hoàng Chiêm. Có bản viết Quỷ miếu nham yêu sơn bất cải, nghĩa là miếu ma ở trên núi không thay đổi. Trong sách này, có hai chuyện về Nguyễn Văn Giai, chắc do hai tác giả viết về một người. Khấu Chuẩn là người đời Tống, đỗ tiến sĩ, làm đến Tể tướng đời Tống Chân Tông. Giặc Khiết Đan vào cướp, Tham tri chính sự là Vương Khâm Nhược khuyên vua chạy xuống Kim Lăng, nhưng Khấu Chuẩn khuyên vua lên bắc thân chinh cho vững lòng quân sĩ. Sau đó, vua Tống đánh lui được quân Khiết Đan, cùng nghi hòa ở Thiên Uyên, đất nước được yên ổn. Nhưng vua Tống lấy việc nghị hòa ấy làm xấu hổ, lại nhân Vương Khâm Nhược vốn thù ghét Khấu Chuẩn, hết sức đặt lời gièm pha, vì thế Khấu Chuẩn bị bãi chức Tể tướng lên trấn thủ miền Bắc. Khi sai ông đi, vua có nói: “Then khóa cửa bắc (bắc môn tỏa thước) phi Khấu Chuẩn không xong”. Đóng cửa bó tay chỉ việc Khâm Nhược giữ Thiên Uyên gặp quân giặc đến. Đạn tế trên đỉnh Thái Sơn là việc phong thiện do Khâm Nhược bày ra cho vua Chân Tông. 104. Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741). Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741). Nguyễn Hữu Cầu tục gọi là Quận He, người Hải Dương, tham gia cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Cừ, hoạt động ở vùng Đồ Sơn, Vân Đồn, từng đem quân đánh thành Kinh Bắc. Mất năm Tân Mùi (1751). Phạm Đình Trọng có mộ người tỉnh Hải Dương làm một đạo quân riêng. Đỗ Thế Giai lấy chuyện ấy nói gièm với Trịnh Doanh, vì thế mà hai người hiềm khích. Bảy khiếu là mắt, tai, mũi và miệng. (BT) Lễ đối với một vị thái tử sắp được nối ngôi vua. Nghĩa là niên hiệu Chính Lịch thứ hai tạo ra. Nhưng ở nước ta không có niên hiệu ấy. Chỉ có ở bên Tàu, về đời nhà Đường, Tung Lân là vua nước Bột Hải ở miền đông bắc nước Tàu, và ở bên Nhật đời Cao Thương Viên Thiên hoàng xưng niên hiệu này. Không hiểu cái khánh ấy từ đâu mà lại có niên hiệu như thế? Hay là hai chữ Chính Lịch, sách chép lầm chằng? Hiện giờ ở chùa Thiên Mục có cái khánh, nhưng không đúng như cái khánh chép ở đây. Uy Vương tức Trịnh Giang (1729-1740). (BT) Nghĩa là tám cảnh ở miền sông Tiêu Tương nước Tàu, do Tống Dịch đời Tống vẽ. Sông Tiêu Tương thuộc về đất Sở đời xưa. Khách Sở chỉ Khuất Nguyên. Ông là người tôi trung bị gièm rồi bị đui, phần uất tự trầm ở sông Mich La. Trong khúc Ly tao của ông có câu: “Hộ phục ngải dĩ doanh yêu hề, vị u lan kỳ bất bội”. Có ý than thở kẻ dở thì được tiến dụng mà người hay thì bị ghét bỏ. Nga Hoàng, Nữ Anh là hai vợ vua Ngu Thuấn. Tục truyền vua Thuấn băng ở đất Thương Ngô, hai bà này theo xuống đến sông Tương, khóc lóc thảm thiết, nước mắt vấy vào những khóm trúc thành ra vắn ngắn. Từ đấy vùng này riêng sinh ra một giống trúc có vắn. Trong bài Ngu phủ từ của Khuất Nguyên, có nói khi ông bị đui, chơi ở bến sông, gặp lão phùng chài, cùng nhau nói chuyện. Sau đó lão phùng chài vừa chở thuyền đi vừa hát: “Nước sông Thương Lương trong chừ, để rửa dải mũ ta. Nước sông Thương Lương đục chừ, để rửa bàn chân ta”. Vua Tống Thái Tổ đêm tuyết đến

nhà Tể tướng Triệu Phổ, gõ cửa vào chơi, hỏi ý kiến về việc nên đánh Bắc Hán hay không. Có thể tạm hiểu 2 câu này như sau: “Cửa ngoài gõ mấy tiếng, ngón tay truyền báo tờ chiếu chỉ không lời; Quy mơ rộng một trời, cổ họng thông tới nơi quan hà chưa đến”. Ý nói vua vào nhà tể tướng để bàn việc Bắc Hán (theo Trương Chính). Đêm hôm ấy Tống Tổ cùng Triệu Phổ uống rượu, bàn tính việc nước; non sông ngủ ngày bên cạnh trở nước Bắc Hán. Trong Kinh Thư gọi ông Nghiêu là Phóng Huân, gọi ông Thuấn là Trùng Hoa. Hai câu này nói đức của thánh Khổng, như hai vua Nghiêu Thuấn, chỉ khác Nghiêu Thuấn có ngôi làm vua mà ngài thì không ngôi; như giời đất, nhưng giời đất, mà giời im lặng không nói gì mà ngài thì lại nói ra mọi nhời để dạy bảo thiên hạ. Vua A Dục là vua nước Ấn Độ đời xưa, mới đây người ta dịch là Du Du Già, nghĩa là không lo lắng gì cả. Sau khi Phật Thích Già tịch diệt được một trăm năm (266 trước Tây lịch), vua lên trị vì xứ Trung Ấn Độ. Khi trước theo đạo Bà La Môn, làm nhiều sự tàn bạo, giết hại cả anh em. Sau khi lên ngôi vua, đổi thờ đạo Phật thi hành nhân chính, hết sức ủng hộ cho đạo Phật. Đạo Phật truyền rộng ra nước ngoài, phần nhiều nhờ sức nhà vua. Mất trước Tây lịch 3 năm. Phong nguyệt vô biên là chữ sẵn trong sách nghĩa là gió lặng rất nhiều không có bờ bến nào. Đây ông Cảo viết hai chữ 虫二, tức là chỉ viết phần ruột của hai chữ 風月, ý bảo phong nguyệt không có những nét ngoài biên, tức thành ra ý nghĩa bốn chữ phong nguyệt vô biên. Bốn công trình lớn là tượng Quỳnh Lâm, vạc Phổ Minh, chuông Quy Điền và tháp Báo Thiên. Kỷ thực: Ghi chép sự thực. (BT) Họ Nguyễn cũ tức là chúa Nguyễn ở phương Nam, tiên tổ của bản triều, gọi thế để phân biệt với họ Nguyễn mới là nhà Tây Sơn. Bá Di, Thúc Tề là người đời nhà Ân, nối đời chịu tước phong của nhà Ân. Nhà Ân mất, nhà Chu lên, hai ông lên ẩn ở trên đỉnh núi Thử Dương, ăn rau trừ bữa rồi chết đói chứ không chịu xuống ăn thóc nhà Chu. Triệu Phổ, Vương Chất là hai vị đại thần nhà Hậu Chu. Tống Thái Tổ chiếm ngôi nhà Hậu Chu, hai người trước còn trừ trừ, sau cũng sụp lạy ở dưới thềm rồi nhận quan chức. Ông Cơ Tử là bầy tôi nhà Ân, sau khi mất nước về thăm cố đô, trông thấy những dinh tòa cũ thành ra cánh đồng lúa, buồn rầu cảm động, có làm bài ca Mạch tú. Ông Văn Thiên Tường đời Tống, sau khi nước mất bị bắt giải lên miền bắc, lúc đi qua bể Linh Đỉnh, ông làm bài thơ trong có câu: 零丁洋裡嘆零丁 Linh đĩnh dương lý thán linh đĩnh, nghĩa là trong bể Linh Đỉnh than nỗi mình linh đĩnh. Nghĩa là vua tôi chân chính gặp gỡ nhau, nói Lưu Bị và Gia Cát Lượng. Hai vế đối nhau gọi là một liên. Bất trối. Ôn Kiên đời Tấn qua hòn Ngưu Chử đốt cái sừng tê soi xuống vực, thấy các hình yêu quái hiện ra. Về nhà, đêm mộng thấy người đến trách và ra vẻ thù oán. Nghĩa là cõi. Chỗ này nói thành lệ thế nào, dịch giả chưa hiểu. Theo sử và sách ngoài thì khoa này (Vĩnh Tộ, Quý Hối - 1623) vì việc giả mạo ấy tiết lộ ra, triều đình bãi kỳ thi đình. Sau lâu mới cho các người trúng cách cứ theo bảng hội về vinh quy, không được yết tên lên bảng vàng. Đền Voi Phục ở Thủ Lệ, Hà Nội bây giờ. Tức năm 1896. The expansion, approved by the National Assembly in late May, 2008, makes Hanoi the 17th largest capital in the world with a total area of more than 3,300 sq.km. The new capital also sees in its fold Vinh Phuc province's Me Linh district and four communes of Hoa Binh province's Luong Son district. Abraham Maslow's hierarchy of needs is a theory in psychology: Physiological (breathing, food, water, sleep, sex...); Safety (security of body, of employment, of health, of property...); Love/Belonging (friendship, family...); Esteem (achievement, respect of others or by others...); Self-actualization (morality, creativity, spontaneity...) Hunchbacked Liu was a famous character in Chinese history, under Qianlong Dynasty. He was hunchbacked and ugly but talented. A princess fell in love with him because of his intelligence. He was also appointed Prime Minister by King Qianlong. Hai Thuong Lan Ong was a talented physician working under King Le and Lord Trinh. Giao Chi: Former place name of a part of Vietnam, known since about 250 BC. According to legend, Lạc Long Quan and Au Co were the first ancestors of Vietnamese people. In Xuan Dieu's novel "Toa Nhi Kieu", the author named the two insipid female characters "Grain of Rice" Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Names of the famous pedagoguists Jan Amot Comenski: Pedagogics theorist that was called "The father of pedagogism of modern times" November 20th: National Teacher's Day Tức Ngô Thời Sĩ Kéo. (BT) Bắp đùi. (BT) Khoảng giữa thế kỷ. (BT) Trịnh Bồng là con cả Uy Nam vương, thuộc về ngành trưởng. Tướng của Nguyễn Hữu Chinh.

Trình Bồng. Chỗ mọi người đều nghe, thấy. (BT) Khóm. (BT) Dòng chữ viết nhỏ đề tên họ và ngày tháng ở trên các bức họa hay các bức đối xứng. (BT) Bàu rượu khi về nên gương uống. Tờ mây lúc rảnh chớ năng coi Bông hoa trong động còn tươi mãi, Dòng nước vòng trần luồng chảy xuôi! Bài này nguyên có tên là Tiên tử tổng Lưu Nguyễn xuất động. (BT) Trong động cát xanh trời đất lạ, Bên cây lá thắm, thánng ngày dài. Dưới hoa ước có ai ra đó, Để chó nhà tiên khỏi sủa người. Tiên tử tổng Lưu Nguyễn xuất động. (BT) Ở đây ý nhắc đến bài Lưu Nguyễn động trung ngộ tiên tử. (BT) Lấy vợ khác, sau khi vợ trước chết. Nhất. Nhị. Tháng thứ hai của mùa xuân. (BT) Tức “cửa thành bị cháy, tai họa lây cả cả”, ý nói tới những tai họa do bên ngoài đưa đến một cách oan uổng. (BT) Lòi ra, trời ra. (BT) Dịch: Tựa thuyền ngựa mặt trông trời rộng. Lạnh lẽo sao mờ ba bốn ngôi. Không ăn khớp, không hòa nhập. Ba năm đao hiệu đã đầy đủ. Một nghĩa vua tôi chữa hết nào. 1. dịch văn: Gào khóc trời khôn hỏi. Buồn thảm có còn chi? Sống thẹn cùng Học sĩ, Một chết chỉ như về. Ý nói bệnh nặng, sắp mất. Thuộc quản hạt. Tức Biển Đông. Theo truyền thuyết cổ phương Đông có cây dâu rồng lòng gọi là Phù Tang hay Khổng Tang, là nơi thần Mặt trời nghỉ ngơi trước khi cưỡi xe lửa du hành ngang qua bầu trời từ Đông sang Tây, do đó Phù Tang hàm nghĩa văn chương chỉ nơi Mặt trời mọc. Chính vì vậy Nhật Bản còn được gọi là Phù Tang. Ai Lao: Đất nước Lào ngày nay. Bồn Man: Còn gọi là Mường Bồn hay Muang Phuan, và sau là Trấn Ninh, là một quốc gia cổ, nay không còn, từng tồn tại trên bán đảo Đông Dương, tại vị trí ngày nay thuộc tỉnh Xiêng Khoảng, một phần các tỉnh Hủa Phăn đến Khăm Muộn, ở phía Đông nước Lào, và một phần các tỉnh miền Bắc Trung bộ Việt Nam (khoảng Nghệ An đến Quảng Bình). Có tài liệu chép là Lê Thì Hiến. Con gái Triệt Khanh công Nguyễn Đình Tư Nay thuộc Hà Nội. Tục gọi Bà Chúa Vàng. Mẫu vị tử quý. Trích Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Quyển 43 tr.29A. Trình Căn. Còn gọi là Quốc sư Quận công. Những địa danh thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Nội) ngày nay. Năm 1516, vua Lê Chiêu Tông đã cho dựng hành cung rồi sai đào sông, khai suối quanh núi để du ngoạn mỗi khi nhàn rỗi. Còn gọi là Lê Hiến Tông. Trừ Trình Doanh. Nguyễn Thị Ngọc Diễm. Tục gọi là Bà Chúa Đổ. Còn gọi là lễ Cầu đảo. Có tài liệu chép là Lê Duy Cận. Thái tử Lê Duy Vỹ. Trình Cương (1709 - 1729). Con Trình Bính. Chức võ quan cao cấp chỉ huy một đạo quân thời xưa. Tài liệu khác chép là Hoàng Công Chất, thủ lĩnh một cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng ngoài lớn vào giữa thế kỷ XVIII, chống lại triều đình vua Lê chúa Trịnh trong 30 năm. Đứng đầu Quốc Tử Giám là các chức quan Tế tửu (tương đương Hiệu trưởng đại học), Tư nghiệp (tương đương với Hiệu phó đại học) Tháng giữa mùa. Trích Khâm Định Việt sử thông giám cương mục, Quyển 43 tr.12. Giám đốc Quốc Tử Giám. Chức quan to nhất trong triều đình phong kiến thời Lê - Trịnh. Chức quan đại thần đứng hàng thứ 2 trong phủ chúa. 1. Trích Vũ trung tùy bút. Trâm hốt: Trâm cài và hốt cầm (một dụng cụ cài tóc của người xưa); Hoa bào (áo có thêu hoặc vẽ hoa văn trang trí). Con, cháu quan lại được cấp danh vị ấm sinh để thừa hưởng danh vọng của cha, ông. Con trai Lê Quý Đôn. Vợ Trình Doanh. Hoàng Ngũ Phúc (1713-1776) là danh tướng thời Lê Trung Hưng. Ông quê ở Yên Dũng (Bắc Giang). Hoàng Ngũ Phúc có công lớn trong việc đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng Ngoài và là tổng chỉ huy cuộc “Nam tiến” đánh Đảng Trong, mở mang đất đai Bắc Hà tới Quảng Nam. Có sách chép là Ái Vân quan. Còn có tên là núi Đá Bia, ngọn núi cao nhất trong khối núi Đại Lãnh thuộc dãy núi Đèo Cả, hiện ở xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, phía Nam tỉnh Phú Yên. Tương ứng với hai chữ “Đảng Trong” và khu vực của chúa Nguyễn. Về đời Lê, tỉnh Hà Tĩnh thuộc về đất Nghệ An. Thượng kinh ký sự của Hải Thượng Lãn Ông. Kẻ Chợ. Còn gọi là sông Hồng. Ngày mừng một và ngày rằm. Suy giảm. Ở vào địa phận hai làng Kim Liên và Trung Tự (Hà Nội) bây giờ. Trình Tùng. 500 người. Trích Vũ trung tùy bút. Nghĩa là phụng mệnh canh giữ. Ý ở đây là lấy để dâng lên chúa. Đem các nội giám phải ở luôn trong phủ như học sinh lưu trú ngày nay vậy. (từ cũ) những người cùng một lớp, ngang hàng. Giấu giếm một cách phi pháp. Trích Tang thương ngẫu lục. Thái phi Vũ Thị Ngọc Nguyên, còn gọi là bà Chúa Me, người Bình Giang (Hải Dương). Những cuộc họp mặt quan trọng giữa vua và bá quan văn võ, mỗi tháng hai lần vào mừng một và ngày rằm. Descriptive du ruyanme de Tonquin. Phiên ở phủ cũng như các bộ bên triều đường vua Lê. Bùi Sĩ Lâm người Quảng Xương (Thanh Hóa) là nhà chính trị quân sự đầu thế kỷ XVII. Ông đóng vai trò to lớn trong công cuộc phục hưng nhà Lê (Lê Trung Hưng). Ông cũng là người có công lớn đối với họ Trịnh, đặc biệt là chúa Trịnh Tùng Khâm định Việt sử thông giám cương mục chép là Nguyễn Quốc Trinh. Trích Đại Việt

sử ký toàn thư. Vương quốc Anh. Nghìn lẻ một đêm. Loại súng mỗi bằng lửa. Võ học Võ kinh. Tôn Võ đời Chiến Quốc. Văn là Hương thí. Lục Thao (Khương Thái công), Tam lược (Hoàng Thạch Công), Tư Mã pháp (Tư Mã Nương Thư), Tôn Tử binh pháp (Tôn Vũ), Ngô Tử (Ngô Khởi), Uy Liêu Tử (Uy Liêu), Đường Thái Tông Lý Vệ công vấn đối (Vệ Cảnh Vũ công Lý Tĩnh). Quận He: Tức Nguyễn Hữu Cầu, người huyện Thanh Hà (Hải Dương), trước vì nghèo nên đi làm cướp, sau theo Nguyễn Cừ khởi nghĩa. Khi Nguyễn Cừ bị bắt, Nguyễn Hữu Cầu đem thủ hạ về giữ núi Đờ Sơn và đất Vân Đồn. Năm 1743, Quận He giết được Thủy Đạo đốc binh là Trịnh Bảng, tự xưng làm Đông Đạo Thống Quốc Bảo Dân Đại Tướng Quân, thanh thế lừng lẫy. Quận Hẻo: Tức Nguyễn Danh Phương, người xã Tiên Sơn, huyện Yên Lạc nay là xã Tiên Sơn, phường Hội Hạp, thị xã Vĩnh Yên, trước làm thủ hạ của các thủ lĩnh Tế và Bồng khởi nghĩa ở Sơn Tây. .sup Chỉ Lê Duy Mật động. Là những đại công thần của chúa Nguyễn tại Đàng. Trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh. có công phò tá nhiều đời chúa. Nguyễn, đánh lui nhiều cuộc “Nam tiến” của chúa Trịnh, giữ vững lãnh thổ Đàng Trong, Tài năng ở mức trung bình. Hoàng Ngũ Phúc: Sđd Phạm Đình Trọng: Tướng thời Lê Mạt, có công dẹp khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài. Vì nhà Lê với nhà Hán bên Trung Hoa. Nguyễn Kiệm. Trỏ tổ tiên họ Nguyễn. Trích Đại Nam thực lục tiền biên. Hoàng Ngũ Phúc tuổi già, đã về hưu, vì việc này lại được ra làm quan. Trỏ Ngũ Phúc. Sau khi mưa tạnh nên đi chơi thuyền. Cây cỏ sợ không phải cây cỏ nhà Chu. Nghĩa bóng chỉ chúa Trịnh cướp quyền vua Lê. Trịnh Sâm. Trọng Tế đỗ tiến sĩ, trước đã làm quan, vì có tội bị bãi. Triều vi Việt khê nữ, mộ tác Ngô cung phi. Thượng quan tương sự (chỉ Nguyễn Hoàn vì ông được phong là Quốc sự) mà nàng tiên nga (Đặng Thị Huệ) khéo cắt. 公每得蓮茶即走馬上進盛王即命烹召宣妃同賞宣妃最好蓮蕊 Cửa nhỏ thông sang buồng hoặc nhà bên cạnh. Lao, phong, cổ, lại gọi là tứ chứng nan y. Hàng chấn song bao quanh bao lớn (phần nhô ra ngoài hiên có lan can). Nến trắng. Phần nhiều tài liệu khác chép là Điện Đô vương Trịnh Cán chỉ sống đến năm 6 tuổi. Còn gọi là “giấc Hoàng Lương” hoặc “giấc Hòe An”, ý nói công danh phú quý là hư ảo, đời người chẳng qua chỉ ngắn ngủi như một giấc mộng. Một thứ lễ nghi khi nhà vừa có tang, ở đây ý chỉ một buổi lễ sau khi Tĩnh Đô vương qua đời. Khi Tĩnh Đô vương mới mất, Dương Thái phi ngờ là sinh thời vương đã bị Tuyên phi bùa thuốc nên cho mở quan tài ra mà đối cả các đồ khâm liệm. Tức giỗ 2 năm 3 tháng sau ngày mất. Canh Tý. Phố Phan Bội Châu. Phố Hai Bà Trưng. Phố Lê Duẩn. Tác giả. Năm Cảnh Hưng 41, Canh Tý (1780). Chồng của vú em, tiếng Bắc gọi là bố Tuyên Phi Đặng Thị Huệ. Trẻ con đại tiểu tiện gọi là bĩnh. Để cho người khác gặp mặt hoặc tiếp xúc trực tiếp. Thiện phụ: Người đầu bếp. Chọc tức, chọc giận. Nén chịu, nín nhịn trong lòng. Ý nói sau khi mọi người đã ăn xong. Cướp ngôi. Âm thầm câu kết. Chức giữ việc viết lách sách vở. Hà Như Sơn là điển thư riêng cho Vương tử Khải. Lúc ấy Khải còn là Tông. Nghĩa như bất pháp Tức Huy Quân công. Thầy dạy học cho Vương tử Bạt của cha. Sau vì kiêng hai tên vua Tự Đức (Phúc Thì, Hồng Nhậm) nên gọi tránh là Ngô Thời Nhiệm Ý chỉ con người sống hai mặt. Thao thủ: Đức hạnh hằng ngày, cách xử thế lập thân ở đời. Những chức quan trong bộ máy nhà chúa. Tang vật làm chứng cho sự tham nhũng. Ý chỉ người cha. Tức là phủ chúa Trịnh. Tức là chúa Trịnh Sâm Tức là Đặng Thị Huệ, Bà chúa Chè. Sở Mục Vương và Tùy Dương Quảng đều giết bố để cướp ngôi. Sắp nguy đến nơi. Chử trong Tả truyện. Dịch tạm là: Áo cừu lung tung, một nhà ba ông, theo ai cho xong? Chỉ Hoàng Đình Bảo vì y là phò mã. Tục ngữ có câu: Tốt áo như ông phò mã. Chỉ Đặng Thị Huệ: Tuyên phi của Tĩnh Vương, mẹ đẻ ra Vương tử Cán. Về sau. Ra mắt Chúa thượng. Sau đổi là Nguyễn Khánh Ý chỉ Chúa thượng chết, giống như “băng hà”. Tự hợp làm điều bất chính. Thế tử Thương Thần nước Sở giết cha mà cướp ngôi. Tự nhiên, bỗng nhiên Đương làm quan mà cha mẹ chết, thôi làm quan về chịu tang, gọi là đình gian Tham tụng bấy giờ quyền như Tế tướng. Chỉ Dương Trọng Tế. Giường của vua, chúa. Thuật để mã, đặt hương nhà. Thường gọi làm là địa lý. Không là vua, không là bá mà quyền nghiêng thiên hạ. Hơn hai trăm năm rồi thì vạ xảy ra ngay bên cạnh vách. Đem ra tra tấn ở giữa triều đình. Lên mặt ta đây hơn người (BT). Khi đó Vương tử Tông đã bị truất xuống làm Quý tử và đổi tên là Khải. Tạ Danh Thùy dùng chữ trong Tả truyện: “Vô hữu phế giả, quân hà dĩ hưng?” Chữ sách vẫn có ảnh hưởng to làm cho lời nói có uy thanh hơn. Thứ tự vợ chúa trong cung: Chính phi hoặc nguyên phi, tần, tiệp dư, tu dung. Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh, em Trịnh Sâm, chú Trịnh Khải. Con gái Trịnh Doanh, vợ Hoàng Đình Bảo. Làng Hoàng Mai nằm trên đất Kẻ Mơ. Kẻ Mơ xưa bao gồm cả ba làng Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động ngày nay.

Người ta vẫn quen gọi làng Hoàng Mai là Mơ rượu - vì ở đây nấu được rượu ngon nổi tiếng, Mai Động là Mơ táo còn Tương Mai là Mơ xôi. Rượu Mơ đã đi vào phương ngôn, ca dao: “Rượu Kẻ Mơ, cờ Mộ Trạch”. Nghề nấu rượu ở Kẻ Mơ đến nay không còn nữa Equinoxe d’automne: Hôm ngày đêm đều nhau. Rục rịch tiến hành hoạt động. Khu vực trước cửa ga Hà Nội ngày nay. Ô Đồng Lầm nằm trên làng cổ Đồng Lầm nay là ngã tư Kim Liên - Đại Cồ Việt. Bạn cùng đọc sách. Bói bằng cỏ thi là một hình thức bói Dịch, lập quẻ bằng cách sắp các cọng cỏ thi theo một quy tắc riêng. Lòng giận của chúng nhân không thể xúc phạm được. Năm 1674 lính Tam phủ giết Tham tưng Nguyễn Quốc Trinh và phá nhà Phạm Công Trứ; năm 1741 họ lại phá nhà và chực giết Tham tưng Nguyễn Quý Cảnh. Lính Tam phủ nói câu ấy để dọa Nguyễn Trọng Viêm. Không thể dừng, cực chẳng đã. Nguyễn Hoãn, Tiến sĩ (1743), tước Hoàn Quận công Trinh Doanh Trinh Giang, anh ruột Doanh. Trường Albert Sarraut (tiếng Pháp: Lycée Albert Sarraut) là một trong những trường trung học nổi tiếng nhất ở Đông Dương, được thành lập từ năm 1919 tại Hà Nội, giải thể năm 1965. Bài thơ ấy, xin tạm dịch ra quốc âm: Khuya khoắt nghe tin đã sớn lòng, Mở thư đập án xiết kinh hoàng! Các ông đến thế, mong gì nữa! Thiên đạo ngày nay có nữa không? Sắc viết để trống tên để người được hưởng tha hồ muốn điền tên ai thì điền. Năm Bính Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47, lịch Tây 1786. Chúa Trịnh đối với những vị lão thần nhiều khi gọi là tiên sinh (đối với quan văn) hoặc công (đối với quan võ). Một dạng văn bản của chúa truyền tới các quan đầu trấn, phủ. Ấn riêng của chúa Trịnh, việc quan trọng lắm mới dùng đến. Nước nhà còn mất ở một trận này, ông gắng sức nhé. Hoạn quan hầu gần nhà chúa. Tức Trịnh Tùng. Trung thành, ngay thẳng, trong sạch. Tức là Tiến sĩ Nguyễn Thượng, người làng Vân Diêm, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc. Mất ngôi, mất chức. Lên ngôi trị vì. Mưu việc lanh lẹ, lo việc chu đáo, thật là khí tượng một vị lão thành. Tập khải tấu (báo cáo). Một loại mũ có gắn móng rồng. Xướng tên các ông Tiến sĩ. Thị là coi, sự là quân. Chăm chỉ, lanh lẹ. Bùi Huy Bích làm Hành tham tưng. Hy sinh vì tổ quốc. Khu Quảng Bá ngày nay. Tham quan ô lại. Người Mông Cổ đến năm Tân Mùi (năm 1271) niên hiệu Thiệu Long thứ 14 đời vua Trần Thánh Tông (1258-1278) thì đổi quốc hiệu làm Đại Nguyên. Còn Thát Đát vốn là tên gọi biệt bộ giống Mạt Hạt; sau bèn là tên gọi Mông Cổ (đời Trần ta, quân sĩ thích hai chữ “sát Thát” nghĩa là giết rợ Thát Đát). Đến khi nhà Nguyên mất (1367), tông giống Mông Cổ chạy về Mạc Bắc, bỏ quốc hiệu Nguyên, xưng là Thát Đát. Vì vậy, sách này tùy tiện, hoặc gọi Mông Cổ hoặc gọi Nguyên, đều là một cả. * Trần Thánh Tông (1258-1278): Đây là thời gian tại vị. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập. Thời gian tại vị. (BT) Tuy có mấy sách chép ngày sinh của ngài, nhưng thiết tưởng không đủ căn cứ. Cuốn Trần triều thế phả hành trạng (sách viết trường Bắc Cổ, số A 663, tờ 22a) chép ngài sinh ngày mồng mười, tháng chạp, năm Nhâm Tý, niên hiệu Nguyên Phong thứ hai. Thế tức là năm 1252. Nếu ngài sinh vào năm ấy, mà đến năm Đinh Tỵ (1257), Nguyên Phong thứ bảy, theo sử Toàn thư (quyển 5 tờ 22a) thì ngài đã làm Tiết chế, coi quản hết các tướng trong các quân thủy, bộ chống giữ biên giới, chẳng hóa ra bấy giờ ngài mới lên 5 tuổi mà đã làm Tiết chế như một vị Tổng Tư lệnh thủy lục quân ngày nay ư? Trong cuốn Hưng Đạo đại vương của Lam Sơn (xuất bản năm 1946) dựa tài liệu trong Đào Khê dã sử cũng chép ngài “sinh ngày 10 tháng chạp (không chép năm ta mà chỉ chua 1228) thọ 72 tuổi”. Nay xét ngày ngài sinh ấy nếu không có xuất xứ từ chính sử thì đều là do người sau ước đoán cả. Thời gian tại vị. (BT) Sau bà được truy tôn là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu. Sau bà được sắc phong là Trang chính từ thực nghi phạm trình thuận u nhân trình nhất. Một nhánh thuộc sông Thái Bình ở giáp giới hai tỉnh Kiến An và Thái Bình. Thời gian tại vị. (BT) Nay thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. * Một số địa danh phân định ranh giới hành chính (huyện, tỉnh...) được tác giả chú trong sách này nay đã đổi khác. Việc khảo cứu cho rõ ràng xin được hoàn thiện trong lần xuất bản sau. (BT) Xưa ta nói “thiên hạ” là theo nghĩa hẹp, tức cũng như nay nói “nước” hoặc “quốc gia”. Tướng của Hưng Đạo vương, ngoài mấy người có tên trong sử như Dã Tượng, Yết Kiêu và Nguyễn Địa Lô, còn có những tướng này mà chính sử không thấy chép: Cao Mang, Đại Hành, Hùng Thắng, Nghĩa Xuyên, Tào Bân, Huyền Du... (theo Trần triều thế phả hành trạng và Trần gia điển tích thống biên). Ngoại xâm. (BT) Thượng tướng cũng như Thủ tướng ngày nay. Nay là Kiếp Bạc ở Lục Đầu giang thuộc huyện Chí Linh, Hải Dương. Chỉ đức Trần Quốc Tuấn. Nguyên sử, An Nam chí lược và Toàn thư... đều in “mộc bằng chữ xuân” (椿). Có nhiều sách, báo quốc ngữ chép là Sài Thung,

vì “Xuân” (椿) và “Thung” (椿) mặt chữ gần giống nhau. Nay là huyện Phú Dục, tỉnh Thái Bình. Toàn thư, quyển 6, tờ 10b-11a chép là “hoàn khí” (環器), có lẽ sử thần muốn nói là cái chĩnh hay cái vại chằng? Sách Trần gia tự điển thống biên, tờ 84b chép là táng vào một thứ đồ bằng đồng. Ở phần rừng, ấp An Sinh, thuộc huyện Đông Triều, Hải Dương. Trong sử Toàn thư quyển 6, tờ 10b-11a chép là “thả yêu tốc hủ” (旦要速朽). Sử cũ giải thích về việc ngài di chúc ấy: “Chùng vì từ khi thống lĩnh quân đội phòng ngự ở Lạng Giang, giặc Nguyên hai lần sang xâm, đều bị đánh bại, nên ngài lo rằng sau này hoặc gia có nạn bị giặc khai quật mồ mả lên chằng”. Toàn thư quyển 6, tờ 10b-11a. Năm 1245 nhằm năm Ất Tỵ. Trong sách này, đôi chỗ tác giả có sự nhầm lẫn về niên can, niên chi, chúng tôi xin cước chú thêm. (BT) Năm 1247 nhằm năm Đinh Mùi. (BT) Các quân này đều là Túc vệ binh, gồm quân Thiên thuộc, quân Thánh dục và quân Thần sách. Số bốn (Tứ thiên, Tứ Thánh, Tứ thần), chắc là mỗi quân chia làm bốn vệ, nên mới gọi là “tứ” nhưng sử cũ không chép rõ. Thiên Trường (nay là phủ Xuân Trường, Nam Định) là quê nhà Trần, nên lấy binh Thiên Trường và các lộ xung quanh làm quân Túc vệ. Nguyên văn chữ Hán chép là: “Kỳ dư sung Cấm vệ, Cấm binh tam đẳng sung trao nhi đoàn đội” (其餘充禁衛禁兵三等充掉兒團隊). Nguyên văn trong An Nam chí lược chép là: “Hựu quyền tiếp tuần giả nhị, chương tập vũ nghệ” (又權捷俊者二掌習武藝). Nghĩa là bốn đô và một lang ấy đều có tả và hữu. Ví dụ: Tả Thánh dục đô, Hữu Thánh dục đô... 會稽舊事, 君須記; 驩, 演猶存十萬兵. Hoan, Diễn tức Hoan châu và Diễn châu nay là Nghệ An. Đinh Mùi. (BT) Chế độ này còn thi hành đến mãi năm Mậu Ngọ (1378) đời Trần Phế Đế (1377-1388). Đơn binh ở các lộ đời đời phải đi lính, không được làm quan (Toàn thư, quyển 8, tờ 2a-b; Cương mục, quyển 10, tờ 44b). * Trần Phế Đế (1377-1388): Đây là thời gian tại vị. (BT) Tức là đảo “De la table”, một hòn đảo hình dài, hướng đông bắc - tây nam, lớn và ở ngoài hơn hết đám quần đảo (gần Hòn Gai) trong vịnh Bắc Bộ. (Xem bản đồ ở cuối sách). Thứ nón đan bằng nan dương (thanh bì trúc), do làng Ma Lô ở Hồng Lộ (nay là Hải Dương) chế tạo, nên mới gọi theo tên làng ấy. Nhưng vì lâu ngày, tên riêng của nón đã chuyển thành tên chung, nên chữ “nón ma lô” không phải viết hoa. Hội Minh thuộc đổi làm huyện Chí Linh. Nay thuộc tỉnh Hải Dương. Nay thuộc Lạng Sơn. Đời Lê đổi làm huyện Phượng Nhân (hoặc Phượng Nhỡn), nay thuộc tỉnh Bắc Giang. Kho bạc nhà nước. (BT) Đời Trần đặt làng Túc Mặc (quê các vua Trần, nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định) làm làng Thiên Thuộc; phàm binh lính tuyển ở làng ấy thì gọi là “Thiên thuộc quân”. Nguyên văn trong Toàn thư, quyển 5, tờ 41a chép: “Khủng khí lực nãi dã” (恐氣力餒也) Nguyên văn trong Cương mục, quyển 7, tờ 23b chép: “Vũ dũng lực dã” (務勇力也) Biết sơ qua, không sâu. (BT) Nhà thiên xạ ở Trung Hoa xưa. Nhà thiên xạ ở Trung Hoa xưa. Xin coi toàn văn bài Hịch qua bản dịch ở chương chín. Căn cứ vào lời Đỗ Khắc Chung nói: “Do lòng trung phần, họ tự thích chữ đầy thôi”. (Toàn thư, quyển 5, tờ 46b). Giết rợ Thát Đát, tức là Mông Cổ. Bến Đông sông Cái nay là Hồng Hà ở địa phận huyện Thương Phúc (Hà Đông). Toàn thư, quyển 5, tờ 45b-46b; Cương mục, quyển 7, tờ 33a-34b. Tức là Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hoa, Hoàng Giang và Diễn Châu. Lộ ở đời Trần cũng như thừa tuyên ở đời Lê và tỉnh ở đời Nguyễn. Như Tân Bình, Nghệ An, Thái Nguyên và Lạng Giang. Như trại Quy Hóa, trại An Bang... Cương mục giải nghĩa “sách” là “thôn”, e chưa được đúng. Tưởng phải nên nói: “sách là làng mọi tức là những làng trình độ hãy còn chưa tiến hóa”. “Hoành” là hạng người phải tội đồ, bị liệt làm nô lệ. Ba xã này thuộc huyện Đông Triều, Hải Dương. Tên một trại, thuộc huyện Yên Hưng, Quảng Yên. Nay là Bàn Than thuộc huyện Quế Dương (giáp Lục Đầu) tỉnh Bắc Ninh. Nguyên văn: Giai viết: “Chiến!” Vạn nhân đồng từ, như xuất nhất khẩu (皆曰: “戰”萬人同許, 如出一口). Toàn thư chép là: “Mễ tam thăng trị tiền nhất cường”. Cương mục chép là: “Mễ nhất thăng trị tiền nhất cường”. Đây theo Toàn thư - Mỗi thăng là 316 tấc khối, ăn 10,354688 công thăng. Người trưởng họ trong tông thất. An Nam chí lược chỉ chép như thế, chứ không cắt nghĩa. Vậy nay tưởng nên giải thích cho rõ: Đó là một việc ngụ ý khuyến nông. Nhân tiết lập xuân, bắt đầu ấm áp, có thể khởi sự canh nông, cho nên quốc quân cử một người trong họ đứng thay má, dùng roi hổi trâu cày ruộng. Làm lễ xong thì dự tiệc ăn mừng. Năm 1244 nhằm năm Giáp Thìn. (BT) Nguyên văn chép là “tiến tân” (dâng của mới). Nguyên văn là “bộ liệt”. Người bị hình phạt giam cầm nhiều năm. (BT) Hạng nô lệ (hoành) phải làm ruộng “cảo điền”. Đơn vị đo lường ngày xưa. Nguyên văn là “thăng” (升). “Thăng” của Trung Hoa xưa: 10 hạp là 1 thăng. Mỗi thăng bằng 316 tấc khối, tức là

10,354688 công thăng. Theo An Nam chí lược thì lối đong lường của ta xưa cũng như của Trung Hoa, vậy có thể nói: “thưng” ta với “thăng” tàu là một. Câu này rất khó hiểu. Tra Từ nguyên thì “lương” có nghĩa là “thuế ruộng, thuế đất”; “thuế” theo Hán thư có nghĩa là thuê một phần mười về ruộng công và thuế do những hạng công (thợ), thương (buôn bán), ngu (quan coi nút và chằm), hành (quan coi rừng núi) góp vào. Vậy ý chừng câu trong An Nam chí lược ấy muốn nói: nông không phải đóng thuế ruộng, thương không phải góp thuế buôn bán. Có lẽ tức là thứ tiền “thần dịch” như An Nam chí lược đã chép. Năm 1248 nhằm năm Mậu Thân. (BT) Trần Phế Đế. (BT) Đòi Trần, mỗi quan 10 tiền, mỗi tiền 70 hoặc 69 đồng kẽm. Quyên góp để làm việc thiện. (BT) Có điều nên nhớ: đòi Trần tuy có công nghiệp sinh hoạt rồi, nhưng người thợ bấy giờ chỉ là hạng người làm việc thủ công theo lối công nghệ gia đình, chứ không giống như công nhân là hạng thợ thuyền bán sức lao động ngày nay. Bấy giờ gọi “mẫu” là “diện”; mỗi “diện” tức một “mẫu”. Phạm tội trộm, cướp. Nguyên văn: “nhất thường cứu phần” (一償九分). Nguyên văn “Cùng dân bất cấp giả hứa điển thực ư nhân” (窮民不給者許典贖於人). Phiêu bạt. (BT) Đòi Trần Thuận Tông mới đặt phép hạn chế ruộng, chỉ trừ đại vương và trưởng công chúa thì ruộng không phải hạn chế, còn thứ dân thì ruộng không được quá 10 mẫu. Thời gian tại vị. (BT) Đòi Lê gọi là đòi “khán xuân”. Theo lịch thì Hàn thực vào hai ngày trước tiết Thanh minh. Tục ta thường ăn tết Hàn thực vào ngày mồng ba tháng ba. Thụy Bà là chị vua Trần Thái và là cô đức Hưng Đạo. Trong An Nam chí lược, có chỗ cũng nói đến một công chúa hồi đầu Trần tên là Thụy Tư. Có lẽ cùng là một người mà mỗi sách in một khác, vì chữ “bà” (婆) và chữ “tư” (姿) gần giống nhau. Coi bài Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo. Coi phần “Phong tục” trong An Nam chí lược. Toàn thư, quyển 5, tờ 7a; Cương mục, quyển 6, tờ 11b. Nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 12a. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 11a. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 11a. Căn cứ vào lời của sử thần Ngô Sĩ Liên (người thế kỷ mười lăm) bàn ở sử Toàn thư, quyển 5, tờ 18a: “... Không với người khác họ mà với người cùng họ, kết hôn nhân: chỉ có nhà Trần làm thế...” (Dịch theo nguyên văn chữ Hán). Người huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương. Toàn thư, quyển 5, tờ 41 chép về việc này rằng: bấy giờ có cá sấu đến sông Lô. Vua (Trần Nhân Tông) sai Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên làm văn ném vào trong sông: cá sấu tự rời đi. Vua cho việc đó giống chuyện Hàn Dũ (đời Đường) bèn cho đổi họ làm họ Hàn. Thuyên lại giỏi phú thi quốc ngữ (nôm). Nước ta phú thi hay dùng quốc ngữ thực bắt đầu từ đây. Đến đời Trần Anh Tông (1293-1314) có Thiên chương Học sĩ Nguyễn Sĩ Cố cũng giỏi thơ phú nôm. * Trần Anh Tông (1293-1314): Đây là thời gian tại vị. (BT) Nguyên văn câu này: “... Hoặc dụng thổ ngữ vi thi phú, nhạc phả, tiện ư ca ngâm”. Đó vì tác giả An Nam chí lược, tuy là người Việt nhưng khi viết sách ấy, lại tự đứng vào địa vị như một người Mông Cổ mà viết, nên mới gọi tiếng ta là “thổ ngữ” (土語). Trong An Nam chí lược chép Trần Tấn “thường tác Việt chí” và “Lê Hưu” (không có chữ “văn” đệm giữa) “tu Việt chí”. Như vậy rất có thể là cùng một bộ Đại Việt sử ký mà Trần Tấn là người làm trước (tác), còn Lê Văn Hưu là người sửa lại (tu). Về vấn đề này, xin coi thêm bài Nước ta có sử từ đời nào của Hoa Bằng, đăng Tri Tân số 6, trang 2. Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo. (BT) Giáp thứ nhất, giáp thứ ba. Việc giáng này đến đời Trần Anh Tông vẫn cứ tiến hành. Sử chép: năm Hưng Long thứ 14 (1306), Nguyễn Sĩ Cố do chức Thiên chương Học sĩ làm việc giảng Ngũ kinh. Xưa dùng tiếng “tú tài” có nghĩa như là kẻ sĩ, tức là chỉ về hạng người nhỏ sĩ và thầy thuốc,... Nguyên văn có chép trong Nguyên sử, quyển 209. Sê dẫn và dịch ở chương năm. Xin đơn cử một việc như: tháng giêng, năm Mậu Thìn (1268), vua Trần Thánh Tông bảo các vương hầu trong họ tông thất, tan châu, vào trong điện nội và nhà Lan đình, cùng nhau ăn uống, có khi tối đến, không về được thì đặt gối dài, chăn rộng, liên giường ngủ chung để tỏ tình hữu ái. Đó là thực hành lời ngài thường nói cùng các anh em bà con trong họ: “... Chỗ đồng bào máu mủ, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui” (Toàn thư, quyển 5, tờ 31b). Tuy cũng có một vài tên phản quốc như Trần Ích Tắc và Trần Kiện, nhưng đó là con số rất nhỏ. Điều nhận thức được sau một quá trình. (BT) Giác ngộ người khác, tế độ người khác. Phần lớn sử liệu ghi 618-907. (BT) Có sách chép là A Loa Đài và chua là Agôtai. Có sách chép là: “Koubilai”. Triều Tiên. (BT) Nga. (BT) Tiếng Mông Cổ, có ý nghĩa là những kẻ “được nhờ ân sủng của Thiên tử”. Quân các vệ như năm vệ: Tả, Hữu, Trung, Tiền, Hậu và Đường Ngột vệ, Quý Xích vệ, Vũ vệ Tả hữu đô úy vệ... 2. Trần Bạch Đằng năm Mậu Tý (1288), ta bắt được nhiều tướng Mông Cổ trong có Vạn hộ, Thiên hộ, tức là hạng võ quan cao cấp cầm đầu quân

đội trong Vạn hộ phủ ở lộ hoặc trong Thiên hộ sở ở huyện bên Nguyên đấy. “Quân Mông Cổ” (danh từ quân sự) là quân trong bản tộc Mông Cổ, quân thám mã xích là quân trong các bộ tộc. Thám mã xích nghĩa là quân trấn thú. Sau khi diệt được Kim, Mông Cổ tuyển người bắc bộ Trung Quốc làm lính, gọi là Hán quân; sau khi diệt được Tống, lại tuyển những người nam bộ Trung Quốc làm lính, gọi là tân phụ quân. Tức là Ngột Lương Hợp Thai (Wouleangotai). Toàn thư, chép là “năm mươi vạn quân”. Theo Tân biên cao trung bản quốc sử, quyển giữa, trang 139. Cõi Les Mongots et la Papauté của Paul Pelliot, chương nhất, trang 4. Sẽ trình bày ở chương “Cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ nhất”. Tức năm Đinh Tỵ (1257). Hai sứ giả này đều bị ta giam giữ ở trong ngục, đến khi thả ra thì một người chết. Xưa dùng tiếng “tú tài” có nghĩa như là kẻ sĩ, tức chỉ những hạng nho sĩ, thầy thuốc,... nói trên. Tức là “Đạt lỗ Hoa xích”. Tiếng Mông Cổ, mà đời Thanh dịch lại, nghĩa là Quan trưởng Mông Cổ. Theo chế độ nhà Nguyên thì các cấp hành chính và quân sự, trên từ lộ, dưới đến huyện, ở các hành sảnh, đều dùng người Mông Cổ làm “Đạt lỗ Hoa xích” hoặc gọi “Đạt lỗ Cát tề”. Tháng một ở đây chỉ tháng 11 âm lịch. (BT) Chỉ triều đình Mông Cổ. Chỉ triều đình Mông Cổ. Tháng chạp, năm Canh Thân (1260), Mông Cổ đưa chiếu thư sang bảo ta: Đối với quan liêu, sĩ, thứ trong nước, phạm mũ áo, điển lễ, phong tục, nhất nhất cứ để y theo pháp chế có sẵn của Bản quốc. Tức năm Quý Hợi (1263) đời Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Chỉ viên đứng đầu Trung thư sảnh bên Mông Cổ. Chỉ nước Mông Cổ. Chỉ vua Mông Cổ. Có sách phiên âm lầm là Sài Thung. Tức là những khoản đòi Quốc vương phải sang châu và con em nhà vua phải sang làm con tin,... như trên đã nói. Chỉ vua Trần Thái Tôn. Bon Trịnh Quốc Toàn và một người họ Phạm tước Minh tự sang sứ Mông Cổ từ năm Kỷ Mão (1279). Có lẽ là sảnh Bình Chương như dinh thủ tướng ngày nay. Chỉ cuộc Mông Cổ sang xâm lần thứ nhất (Đinh Tỵ, 1257). Chỉ vua Trần Thái Tôn. Sẽ trình bày ở chương “Cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ hai”. Do Sứ bộ Trung lượng Đại phu Trần Đức Quân và Tán lang Trần Tự Tông đem quốc thư sang. Xem bản đồ số 1 ở cuối sách. Nay là huyện Ung Ninh, tỉnh Quảng Tây. Nay là huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây. Nay là tỉnh Hồ Bắc. Khúc sông Cái (nay gọi Hồng Hà) từ mạn Lào Cai xuống Ngã Ba Hạc gọi là sông Thao. Không rõ ở đâu bây giờ. Trong An Nam chí lược chép là Lê Tần. Có lẽ Tần là tên cũ, sau được vua Trần khen thưởng vì có công lớn trong cuộc kháng chiến Mông Cổ lần thứ nhất này, nên Tần được đổi tên là Phụ Trần, lấy nghĩa rằng họ Lê giúp nhà Trần chăng? Sử cũ chép là sông Phú Lương. Thế là nhận nhầm sông Hồng Hà làm sông Phú Lương, tức sông Cầu, ở địa phận huyện Phúc Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trong An Nam chí lược chỗ thì in là “Kỳ Trích”, chỗ thì in là “Cụ Trích”, vì chữ “kỳ” và chữ “cụ” gần giống nhau. Bến Đông (Đông Tân) sông Cái ở địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông). Cũng gọi Thiên Mạc, tức là khúc sông Cái bên bãi Màn Trù thuộc tỉnh Hưng Yên. Tức như chức Kinh doãn đời sau. Theo Nguyên sử, quyển 209, tờ 5b. Có lẽ trói bằng thứ thừng bện bằng lát tre? Cũng theo Nguyên sử. Nay thuộc Hưng Hóa, Phú Thọ. Xem bản đồ số 2 ở cuối sách. Nay thuộc làng Bàn Than, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh. Nay là Vân Hải thuộc tỉnh Quảng Yên, tức là hòn đảo “De La Table” (xem bản đồ). Một nhánh sông Thái Bình (xem bản đồ). Bến Đông (Đông Tân) sông Cái nay gọi là Hồng Hà thuộc địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông). Chẳng hạn các cửa ải ở miền Lạng Sơn và mạn Thanh, Nghệ... Bấy giờ được vua Mông Cổ phong làm Trấn Nam vương. Đây dựa tài liệu trong An Nam chí lược, nhưng chưa rõ là tên một người hay hai người. Đợi khảo sau. Thuộc Lạng Sơn (xem bản đồ). Trong An Nam chí lược chép là Cấp Lĩnh. Thế tức là Khưu Cấp Lĩnh mà sử Cương mục chưa là phố Kỳ Lừa thuộc Ôn Châu, tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Cũng đọc là Khả Li, có sách chép là Khả Ly, thuộc Lạng Sơn. Cũng thuộc Lạng Sơn, trong An Nam chí lược chép là “Anh Nhi”; còn Toàn thư, và Cương mục đều chép là “Nữ Nhi”. Thuộc Lạng Sơn. Việc cử Trần Quang Khải này vào ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (1285). Nguyên văn: “Phàm quốc nội quận huyện, giả hữu ngoại khẩu chí, đương tử chiến, hoặc lực bất địch, hứa ư sơn trạch đào toán, bất đắc nghinh hàng”. (Nguyên sử, quyển 209, tờ 5b). Đây theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 1b. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 44b chép: ngày 26 tháng chạp năm Giáp Thân (1284), giặc Nguyên xâm phạm các cửa ải Vĩnh Châu, Nội Bàng, Thiết Lược, Chi Lăng. Theo Nguyên sử, quyển 209, tờ 5. Thuộc miền Quảng Yên ngày nay. Tục gọi là bầu Chi Lăng. Nay thuộc tổng Chi Lăng gần ga Tuần Muội ở châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn. An Nam chí lược chép Chi Lăng tức là “Lão thứ quan” (nghĩa là cửa chuột già). Đền hồi Minh thuộc đời làm huyện Chí Linh. Nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đến đời Lê đổi làm huyện Phượng Nhãn (hoặc Nhỡn). Nay

thuộc tỉnh Bắc Giang. Đây theo An Nam chí lược. Nay không rõ Bài Than ở vào đâu. Nhưng có lẽ là Bình Than. Vì “Bài” và “Bình” âm gần nhau. Sử Toàn thư, chép là “dục thủy trận”. Nay đều thuộc tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 5-7 giờ sáng. Tức là Thiên Mạc ở bên sông Cái thuộc Hưng Yên. Trong An Nam chí lược chép là “ải Thiên Hán” và chỉ chép tước của Trần Bình Trọng là Bảo Nghĩa hầu chứ không chép tên. Nay là ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bồ Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình. Việc cử Trần Quang Khải này vào ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (1285), tức là sau khi Trần Bình Trọng đã tử quốc được bảy hôm, vậy mà cuốn Việt Nam sử lược, quyển thượng (in lần thứ hai, năm 1928, trang 121), tác giả Trần Trọng Kim chép: “... Sai Thượng tướng Trần Quang Khải đưa binh vào đóng mặt Nghệ An... và Trần Bình Trọng ở lại giữ Thiên Trường...”. Con của Tinh quốc Đại vương Trần Quốc Khang. Thuộc địa phận Thanh Hóa. Khúc sông Cái thuộc huyện Nam Xang tỉnh Hà Nam. Trong An Nam chí lược in là Trần Tú Tuấn. An Nam chí lược chép ngày ấy (mồng sáu tháng hai) Thanh Hóa và Nghệ An đều hàng. Đây theo An Nam chí lược. Còn trong Toàn thư, quyển 5, tờ 47a chép: “sai người (không nói rõ sai ai), đưa công chúa An Tư (em út của Trần Thánh Tông) cho Thoát Hoan để thư nghị nước”. Không rõ ngày nay ở đâu. Thuộc địa phận xã Đại Bàng, huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương. Thuộc xã Tam Trĩ châu Tiên Yên, tỉnh Quảng Yên. An Nam chí lược, quyển 4, tờ 2b in lầm là “Tam Thì”. Thuộc miền biển Thanh Hóa. Con thứ vua Trần Thái Tông, vẫn ngầm có ý muốn cướp ngôi nên đã từng viết thư bí mật gửi khách buôn ở Vân Đồn “rước” Mông Cổ đem quân sang xâm lược. Sau khi hàng giặc, Tắc được giặc phong An Nam quốc vương. Kịp khi Mông Cổ thua trận, Tắc xấu hổ, chết già ở bên Nguyên. Thuộc xã Chương Dương, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. Việc khắc phục kinh đô này, An Nam chí lược chép vào tháng tư, còn sử Toàn thư, và sử Cương mục đều đặt vào việc ở tháng năm, là vì mãi đến mồng mười tháng năm ấy hai vua Trần mới biết tin. Nay là Thuận Hóa, tức Huế. Xem bản đồ số 2. Đây là lời vua Trần Nhân Tông, vậy mà trong Việt Nam sử lược, quyển thượng (in lần thứ hai, 1928), tác giả Trần Trọng Kim lại chép là lời tâu của Hưng Đạo vương, và đoạn dưới dịch khác đi rằng: “... Vậy nay nên sai một tướng đem quân ra đón đường mà đánh thì chắc phá được” (trang 123). Khúc sông Cái thuộc huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên. An Nam chí lược, quyển 4, tờ 3a chép “Tướng Toa Đô là Lễ Cước Trương làm phản”. Có lẽ Lễ Cước Trương tức là Trương Hiến, mà “làm phản” là chỉ về việc đầu hàng bên ta. Trong trận này ta bắt được cả bọn Tế thần (như Thủ tướng ngày nay) Chiêm Thành là Ba Lậu Kê, Na Liên 30 người vì theo Toa Đô. Đến tháng sáu năm Ất Dậu (1285), ta sai người đưa chúng về nước. Tức là Ôn Châu, thuộc Lạng Sơn. (Xem bản đồ số 2). Theo Toàn thư, quyển 5, tờ 46b-47a; An Nam chí lược, quyển 19, tờ 3a-b. Xưa ở miền thượng du tỉnh Sơn Tây, nay thuộc Phú Thọ. Như chức Thổ tri châu. Không rõ bây giờ ở vào đâu. Theo Toàn thư, quyển 5 và An Nam chí lược quyển 4. Đây theo đúng nguyên văn in trong sử Toàn thư là bản ra trước hơn cả. Trong Hoàng Việt văn tuyển, quyển 2, tờ 2b, đặt bài thơ này của Trần Quang Khải vào dưới đầu đề là Tông giá hoàn kinh sư (theo ngữ giá về kinh đô), có in khác một chữ “đương” trong câu ba: “Thái bình đương trí lực”. Nếu cần phải dịch cả bài thơ này ra văn vần thì dịch thể này: Cướp giáo bến Chương Dương, Bắ Hồ cửa Hàm Tử. Thái bình, gắng sức lên! Non nước này muôn thuở.. Xem bản đồ số 3 ở cuối sách. Theo binh chế Mông Cổ, thì Mông Cổ quân là quân lính tuyển ở những người trong Mông Cổ tộc; Hán quân là quân lính tuyển ở những người tại Bắc bộ Trung Quốc, sau khi Mông Cổ đã diệt được Kim; Vân Nam binh là những quân lính tuyển ở tỉnh Vân Nam. Quân lính tuyển ở các đông mán như Lê Man động ở Quảng Đông gọi là Lê binh. Binh chế Mông Cổ có đặt 12 cánh (dục) Lê binh. Đều thuộc Quảng Đông. An Nam chí lược quyển 4, tờ 3a chép có mười vạn; sử Toàn thư, chép năm mươi vạn; sử Cương mục theo Nguyên sử chép ba mươi vạn. Là Khâm huyện thuộc tỉnh Quảng Đông. Vạn Ninh nay là Hải Ninh Móng Cái. Trần Da chắc là một tướng trong tông thất nhà Trần, đóng giữ mặt biển. Sử Toàn thư, và sử Khâm định không chép việc Trần Da này. Đây theo An Nam chí lược. Có lẽ là một núi ở gần miền Móng Cái ngày nay. Đây là chuyến vận lương thứ nhất bị ta đánh đắm. Còn chuyến thứ hai vào ngày 11 tháng giêng, năm Mậu Tý (1288) lương thuyền Trương Văn Hồ bị phó tướng Trần Khánh Dư đánh: đắm ở cửa Lục. An Nam chí lược chép là Trình Bằng; Cương mục chép là Trình Bằng Phi. Thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Sau đổi là Kinh Bắc, nay gồm Bắc Giang và Bắc Ninh. Thuộc tỉnh Quảng Tây. Thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Thuộc địa phận tỉnh Cao Bằng ngày nay. Trong An Nam chí lược, quyển 19, tờ 3b chép là Bình Giang.

Nay thuộc huyện Hưng Nhân tỉnh Thái Bình. Quan tài nhà vua làm bằng gỗ tử, gọi là “tử cung” (梓宮). Các tỉnh duyên hải bên Trung Quốc bấy giờ đều có tiểu thuyền để thao luyện thủy binh ra biển, đi tuần, bắt giặc cướp. Trong An Nam chí lược chép: “Trương Văn Hồ thoát tiên đặng phải quân ta ở cửa An Bang” (thuộc Quảng Yên). Ở phần biển gần Hòn Gai ngày nay. Hán văn trong Toàn thư, và Cương mục chép là “Lục thủy dương”. An Nam chí lược chép: “Thuyền lương bị hãm, Văn Hồ cuời một chiếc thuyền côi, chạy về Khâm Châu”. (Là Khâm huyện, thuộc tỉnh Quảng Đông). Đây theo Cương mục, quyển 8, tờ 4a-5b. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 54a-b chép Trương Văn Hồ bị bại vào trận Bạch Đằng, chứ không phải vào trận Vân Đồn: “... Kịp Văn Hồ đến, phụ binh ở hai bên bờ (sông Bạch Đằng) hăng hái đánh: Văn Hồ lại bị thua. Nước thủy triều rút xuống rất gấp. Thuyền lương Trương Văn Hồ mắc vào cọc, đắm chìm gần hết. Người Nguyên chết đuối rất nhiều...” (Quyển 5, tờ 54a-b). Theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 4b, thì nhờ có tả hữu can ngăn, Thoát Hoan mới thôi việc đốt thành; nhưng sử Toàn thư, chép Thượng hoàng Thánh Tôn phải ngự ở Thị vệ lang, là vì cung điện giặc đốt cả. Theo Trung Hoa thông sử, trang 125. Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Thuộc Lạng Sơn. Đây thuộc Lạng Sơn. Đây theo sử Cương mục, quyển 8, tờ 8a-b. Còn An Nam chí lược chép: Hữu thừa Trình Bằng bèn hỏi dò những bộ lão bị chúng bắt được và đang đem bắt ép phải dẫn chúng dò đường khác chạy trốn. Khi đại quân Mông Cổ ra khỏi ải Nội Bàng quân ta lại đánh chặn, cắt đứt toán sau của giặc. Vạn hộ Đáp Thích Xích và Lưu Thế Anh đánh lại: quân ta phải chạy... Thuộc Lạng Sơn. Trong An Nam chí lược chép là “Anh Nhi”. Xưa thuộc châu Tư Minh bên Trung Quốc. Đến năm 1426 mới thuộc về ta. Đời Lê, gộp cả Lộc Châu với châu Tây Bình, đặt làm châu Lộc Bình. Nay thuộc Lạng Sơn. (Xem bản đồ số 3). Đây theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 4b-5a; Cương mục, quyển 8, tờ 9a. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 54b chép Thoát Hoan và A Thai đem quân về Tư Minh, bị thổ quan Hoàng Nghệ bắt được, đem dâng vua Trần. Toàn thư, quyển 5, tờ 54a-b chép Nguyễn Khoái trong trận này, có bắt được Bình chương Mông Cổ Áo Lỗ Xích. Một tước phong đời Trần. Tên một tướng Mông Cổ. Nhiều sách báo quốc ngữ lầm làm hai người. Toàn thư, quyển 5, tờ 54b. Mộ vua Trần Thái Tông, ở phủ Long Hưng (nay ở làng Thái Dương thuộc huyện Hưng Nhân, Thái Bình, còn mộ vua Trần và đền thờ những bậc vĩ nhân đời Trần). Toàn thư, quyển 5, tờ 54b. Hán Cao Tổ (206-195 TCN) bị Hạng Vũ vây, gấp quá, Tán bèn giả là Hán Cao, thay ra hàng Sở: vì thế, Hán Cao trốn thoát còn Tán bị Hạng Vũ thiêu chết. Sách Tả truyện chép Sở Chiêu vương bị giặc lấy giáo đâm, Do Vu chìa lưng mình ra che đỡ cho Sở Chiêu. Dự Nguỵ người nước Tấn, đời Chiến Quốc (481-221 TCN); thờ Trí Bá. Khi Triệu Tương Tử và Hàn Ngụy diệt Trí Bá, Nguỵ bèn sơn mình như quý, nuốt than làm câm, mưu giết Tương Tử để báo thù cho Trí Bá; nhưng hai lần cùng bị Tương Tử bắt được. Lần trước, được Tương Tử thả ra; lần sau, Nguỵ đòi xin cái áo của Tương Tử mà đánh để tỏ ý trả thù cho Trí Bá rồi tự sát. Đường Thái Tông (627-649) tên là Lý Thế Dân, khi còn làm Tàn vương, có đánh nhau với Vương Thế Sung, bị Thế Sung vây khốn, nhờ có Kính Đức cứu giúp mới thoát được vòng vây. * Đường Thái Tông (627-649): Đây là thời gian tại vị. (BT) Đời Đường Huyền Tôn (713-755), An Lộc Sơn nổi loạn, Kiêu Khanh giữ lòng trung nghĩa, không chịu theo giặc. * Đường Huyền Tôn (713-755): Đây là thời gian tại vị. (BT) Người đời Tống. Hoặc Nguyễn Sơn Lập. Tức là thành Hợp Châu, vì thành này ở núi Điều Ngự, nên mới đặt tên như thế. Nay thuộc phủ Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa. Khi Mông Kha bên Nguyên xâm nhà Tống, vây thành này, viên Tri châu thành Điều Ngự bên Tống là Vương Kiên (Nguyên sử chép là Vương Kiên, không có chữ đệm là “Công”), cố sức chống giữ được hàng năm tháng, khiến quân địch không hạ nổi thành. Quân Nguyên phải giải vây, rút về. Tức Mông Ké, vua Mông Cổ, miếu hiệu là Hiến Tôn, anh Hốt Tất Liệt. Tức Wouleangotai mà Nguyên sử chép là Ngột Lương Hợp Thai (hoặc Ngột Lương Cáp Thai). Thông giám tập lãm chép là Ô Đặc Lý Cáp Đạt. Toàn thư, và Cương mục đều chép là Cân Tu Tư, còn Hoàng Việt văn tuyển in là Xích Tu Tư vì “Cân”(斤) và “Xích”(斤) mặt chữ gần giống nhau. Sau là Đại Lễ, hoặc Đại Lý, nay là Vân Nam. Tức Mông Cổ. Tức Nguyên Thế Tổ. Sau khi lấy được Đại Lý (nay là Vân Nam) Nguyên Thế Tổ bèn phong cho con là Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương để cai trị. Theo Cương mục có hai chữ “bất năng”, Toàn thư, không có. Theo Toàn thư, chép là “thường” (嘗). Còn Cương mục và Hoàng Việt văn tuyển đều in là “đương” (當). Đây theo Toàn thư, quyển 6, tờ 11b-14a chép là “trung quốc”, nên dịch là “nước trung ương”. Chừng đức Trần Hưng Đạo, tác giả bài hịch, bấy giờ, muốn nâng cao địa vị quốc gia lên để

khích lệ tướng sĩ, nên mới nói nước mình là “trung quốc”, mà mặt sát Mông Cổ là di địch (gọi trùm Mông Cổ là “di tù”). Bùi Tồn Am, khi soạn bộ Hoàng Việt văn tuyển có lẽ không thấu rõ cái thâm ý ấy của đức Trần Hưng Đạo, nên tưởng sử cũ in lầm bèn dám tự tiện đổi hai chữ “trung quốc” làm “bang quốc”. (Xem Hoàng Việt văn tuyển, quyển 7, tờ 1b-4b). Theo Từ nguyên, thì “thái thường” chỉ có hai nghĩa: cờ thái thường và chức quan đời Hán giữ lễ nghi nơi tôn miếu. Đây nói “nhạc thái thường” có lẽ là một thứ nhạc thờ đời Trần dùng để tế tự nơi tông miếu chăng? Đời phong kiến, phàm đất mà khanh, đại phu được phong để thu lấy thuế má làm bổng lộc, gọi là “thái ấp” hoặc “thực ấp”. Lối xưa, khi ai đã chết, sắp đem chôn, thì người ta xét theo đức tính bình sinh của nấy mà đặt cho tên hiệu để thay cho tên húy. Sau theo chế độ phong kiến, xã hội chia nhiều giai cấp: vua quan mới được gọi là “tên thụy” người thường gọi là “tên hiệu”. Tên thụy xấu như “U vương” (vua Tối tăm) và “Lệ vương” (vua Hung dữ) đời Chu. Nguyên văn là “thổ hỏa tích tân”, chữ trong Hán thư, đem lửa để ở dưới chỗ chứa củi mà nằm lên trên; thấy lửa chưa kịp bốc cháy, đã vội gọi là yên ổn. Ý nói phải lo cái vạ ngấm ngấm. Nguyên văn là “trùng canh suy tê”, chữ trong Sở từ. Ý nói phải kiêng răn quá lắm. Đều là những thiện xạ bên Trung Quốc xưa. Đều là những thiện xạ bên Trung Quốc xưa. Đời Tống, chỗ nhà để cho mách mọi ở. Khi họ vào triều cần gọi là “cảo nhai”. Do điển trong Thế thuyết (Vương Tử Kính đêm nằm trong nhà, có bọn trộm vào nhà, vợ vét hết cả đồ đạc. Vương thủng thủng bảo: “Chiếc chiếu xanh là đồ lâu đời của nhà ta, các anh phải bớt lại đấy”.) Xưa dùng huyết con sinh để cúng tế, nên gọi sự được hưởng cúng tế là “huyết thực”. Theo lời chua trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, thì triều Lý có đào sông Bình Lỗ để tiện đi lại ở miền Thái Nguyên. Vậy thành Bình Lỗ chắc ở địa phận Thái Nguyên Chỉ đức Trần Hưng Đạo. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Cửu cung qui thân là: Thái nhất, Nhiếp đề, Quyền chủ, Chiêu đao, Thiên phù, Thanh long, Hàm trì, Thái âm và Thiên nhất. Nếu tính theo phép lịch, thì Cửu cung gồm chín vì sao này: Thiên bình, Thiên nhuế, Thiên hành, Thiên phụ, Thiên cầm, Thiên tâm, Thiên trụ, Thiên nhâm và Thiên anh. Giết chết. Phương hướng thuận lợi. Sao lạnh. Thần dữ. Ông tướng hung ác. Ba điều lành. Năm điều dữ. Nguyên văn: “Cử quốc nghênh địch” (舉國迎敵). Nguyên văn: “Cử quốc cự địch” (舉國拒敵). Dọn sạch đồng nội, không để thóc lúa cho quân địch được lợi. Ở Hòn Gai bây giờ. An Nam chí lược, quyển 13, tờ 4a chép: “Quan quân (chỉ quân Mông Cổ) dục chiến bất đắc”. Chẳng hạn: trận Tây Kết có nhiều đạo quân như quân Trần Nhật Duật, quân Trần Quang Khải, quân Trần Quốc Toản, quân Nguyễn Khoái và quân hai vua Trần cùng đến dự chiến. Làm trước để chế trị người. Theo tài liệu trong An Nam chí lược như trong chương tám đã thuật. Nặng nóng. (BT) Xem thêm “Bảng kê những tên phản quốc, hàng giặc Nguyên” ở cuối sách. Về điểm địa lý này, tác giả Trần Trọng Kim có viết ở Việt Nam văn học sử, quyển thượng (in lần thứ hai, năm 1928) trang 140 rằng: “... Triệu Võ Vương đóng đô ở Phiên Ngung, tức là gần thành Quảng Châu bây giờ, mà châu Khâm, châu Liêm thì ở giáp giới nước ta. Lẽ nào đi đánh Trường Sa ở tỉnh Hồ Nam mà lại quay trở lại châu Khâm, châu Liêm... Có lẽ rằng Hưng Đạo vương lúc nói chuyện đó tưởng rằng kinh đô của Triệu Võ Vương ở đâu bên nước ta bây giờ, cho nên mới nói như thế chẳng”. Cũng như ngày nay gọi là “quốc tế”. (德威遠暢) nghĩa là “công đức và oai danh truyền rộng ra trận nơi xa”. Hưng Đạo đại vương. Theo báo Kiến quốc, số 1, ngày 11, tháng 10, năm 1949. Câu đối ấy thế này: “Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí – Lục Đầu vô thủy bất thu thanh”. Với tất cả mọi sự dè dặt, kẻ viết chỉ xin thuật bài thơ của nhà báo Nhật này theo như ông Lam Sơn đã kể lại trong cuốn Hưng Đạo đại vương, trang 11. Lại theo ông Lam Sơn, thì dưới bài thơ này, nhà báo Nhật ấy có viết thêm mấy câu, đại ý: “Cũng hồi thế kỷ mười hai (có lẽ in lầm hoặc nhớ lầm; thực ra bây giờ là thế kỷ mười ba, chứ không phải mười hai), hơn hai mươi vạn quân Mông Cổ cũng dầm dộ (rầm rộ) chực kéo sang đánh chiếm nước Nhật, nhưng chưa tới nơi đã bị trận sóng gió gớm ghê, dao (bao) nhiêu chiến thuyền đều bị chìm đắm, quân địch chết đuối gần hết, sống sót trở về không còn được vạn người...” (Về việc nước Nhật gặp cái may này mà thoát vạ Mông Cổ xâm lược, nhiều bộ sử ta và sử Trung Hoa cũng đã nói đến). 1. Ruộng ở nơi đầm lầy, dưới là bùn loãng, nước ở mặt trên cùng cỏ dại mọc thành tầng, thành lớp. Ruộng rộc thường rất sâu, đến thắt lưng thậm chí còn đến ngực người. Do đó, canh tác trên đất ruộng loại này thường khó khăn vì không thể cày bừa dễ dàng như ruộng bậc thang hay ruộng nước ở đồng bằng. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập. 2. Thánh Thiên không những là một đại công thần khai quốc mà còn là một tướng

lĩnh cao cấp đã được Hai Bà Trưng giao phó những trọng trách trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mã Viện. Truyền thuyết dân gian cho biết chính Thánh Thiên đã đánh tan quân Mã Viện ở Hợp Phố và sau đó đã dự trận Lãng Bạc với Hai Bà Trưng. Cũng có truyền thuyết nói Thánh Thiên đã chặn đánh quân Mã Viện ngay ở Quỷ Môn Quan (Lạng Sơn) khiến Mã Viện phải lui lại và tìm đường khác vào Âu Lạc. Nhân dân thời xưa đã dựng đền Nghè ở An Biên (Hải Phòng) để mãi mãi tưởng nhớ Lê Chân, người nữ anh hùng. Truyền trên soạn theo thần tích miếu thờ Thục nương ở xã Phương Lâu, huyện Phù Ninh, Vĩnh Phú. Thục nương được thờ ở Tiên La (Thái Bình), ở Phương Lâu và ở Đức Bác (tức Liệp Trang, huyện Lập Thạch). Ngày sinh thần là ngày mười lăm tháng tám năm Tân Sửu, ngày khánh hạ vào mồng mười tháng ba và ngày hóa thần là ngày mười tám tháng ba. Theo thần tích thời hậu Lê do Hàn Lâm Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn, và bản sao của dân Phương Lâu, có phụ lục các triều vua bao phong cho Thục nương thì Thục nương được phong thần lần lượt như sau: Thời Trưng vương, sắc phong: Bát Nạn đại tướng quân Trinh Thục công chúa. Thời vua Lê Thánh Tông, sắc phong: Ý đức đoan trang Trinh Thục công chúa. Thời Minh Mạng nhà Nguyễn, sắc phong: Dục bảo trung hưng linh phù chi thần. Thời Khải Định nhà Nguyễn, sắc phong: Dục bảo trung hưng linh phù Thượng đẳng thần. Vào thời trước, trong các ngày lễ tưởng nhớ Thục nương tức Bát Nạn công chúa, ở Vĩnh Phú có bơi chải, hát Xoan, tức hát đúm, cỗ đều bày trên mâm đan lót lá. Biển âm của Sư. Việc nặng nhọc mà người dân phải làm trong thời phong kiến, thực dân. (BT) Nàng Nội và cha mẹ đều được thờ ở xã Minh Nông và xã Minh Phương, huyện Hạc Trì nay là thành phố Việt Trì. Ở đây còn có một cánh đồng có tên là Đồng Cô, nhân dân nói rằng đó là ruộng của Nàng Nội giao cho dân làng để thu hoa lợi thờ cúng cha mẹ nàng. Lê Thị Hoa người đạo Sơn Nam, huyện Thiên Bản (thuộc tỉnh Nam Hà), cha là Lê Thái và mẹ là Dương Thị Tạo. Nàng nổi lên chống giặc trả thù chồng ở quê mình. Sau khi thất bại, nàng không hề nản chí, lánh vào quận Cửu Chân, huyện Nga Sơn (Thanh Hóa) kiên trì xây dựng căn cứ, tập hợp lực lượng trong bảy năm để tiến theo Hai Bà Trưng đánh đổ ách thống trị ngoại tộc ngót hai trăm năm đè nặng lên dân Việt. Theo tài liệu Ty Văn hóa Thanh Hóa thì nơi mà Lê Thị Hoa tìm đến để khai khẩn đất hoang, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa ở Thanh Hóa là làng An Hội. Sau khi nhân dân ta giành lại được độc lập dân tộc và bà Trưng Trắc lên ngôi vua, bà Lê Thị Hoa cùng bốn con trở lại Nga Sơn để xây dựng vùng này thành một nơi dân cư đông đúc, trù phú và bà mất vào mùa xuân năm sau, ngày 25 tháng hai âm lịch. “Thiên Sứ” nói trong truyền trên thuộc tỉnh Thái Nguyên. Hồ Đè và Hồ Hác đều được thờ ở đền Nhà Bà và đình thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú Nơi Xuân nương gieo mình, theo truyền thuyết, hôm sau mỗi đùn lên thành gò, nhân dân gọi đấy là mộ Xuân nương. Năm ngày sau khi Xuân nương tử tiết, ngày hai mươi tháng hai, đồn trại Hương Nha bị giặc phá, các thần quan đều tử tiết. Châu Đại Man gồm các miền rừng núi đồng bãi thuộc các huyện Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Cẩm Khê. Dọc đường quốc lộ từ bến đò Ngọc Tháp (Phú Thọ) tới bến Trung Hà, các xã Hương Nha, Vực Trường, Thanh Uyên, Tam Cường, Cổ Tiết, Hương Nộn đều có thờ Xuân nương. Theo các cu ở địa phương thì các đền miếu này xây dựng trên dấu máu những nơi nàng Xuân đánh với Mã Viện trong trận cuối cùng của đời nàng. Chùa ở Hương Nộn nói trong truyền thuyết trên là chùa Khánh Long tự dựng ở mỏm cao bên sông Thao gọi là Phác Sơn, thuộc xã Hương Nộn trước gọi là hương Tuế Phong, cũng gọi là Kẻ Xoan. Các xã Thanh Uyên (gồm Tiền Áo, Giá Áo, Nam Cường), Tam Cường và Hương Nha là khu vực chiến trường Xuân nương và Thi Bằng đánh với quân Hán. Miếu thờ Xuân nương ở Hương Nha có hai đôi câu đối như sau: 1 - “Yếu điệu phù Trưng trung quán nhật Quạt cường cự Hán tiết lãng sương” (Đại ý: Người yếu điệu phù vua Trưng, lòng trung tranh sáng với mặt trời. Quạt cường cự với giặc Hán, khí tiết thẳng cả thời gian). 2 - “Anh kiệt vô song, vạn cổ thanh danh lưu nữ sử Quân thần câu hóa, nhất không trung nghĩa tối thanh thiên” (Đại ý: Anh kiệt không hai, danh tiếng ngàn đời lưu vào sử sách những người con gái. Vua tôi cùng mất, lòng trung nghĩa làm trời xanh vàng vặc cũng không bằng). Nói riêng về tục lệ cầu tế ở xã Hương Nha: mọi lễ dâng Xuân nương đều làm cỗ chay, có bánh dày, mật mía và củ mài. Các lễ tế mười vị thần quan và quân sĩ đều mổ trâu, nồi da nấu thịt, cỗ bày trên mâm tre đan lót lá chuối, lá ngổa, lá ngô đồng. Ngày tiệc, mở hội ở bến Lão Châu tức bến Đông, có trò trình nghề (rước các nghề nghiệp), cày bừa, té nước vào nhau (diễn xướng lễ nghi nông nghiệp) hái dâu, bán kén, chọi gà, đánh vật, kéo quân, trai gái hát đối đáp. Xã

Quang Húc ở đầu con sông Bứa (còn có tên là sông Mỹ Giang) có miếu Cây Quân thờ nàng Quỳnh và miếu Cây Sấu thờ nàng Quế. Núi Bứa trong truyền thuyết trên, nay có tên là núi Nàng hời Nàng hời, có thuyết cho rằng vì hai nàng mất trên núi nên núi có tên như vậy, với ý nghĩa là nhân dân than khóc hai nàng. Nguyệt Điện Đàm Ngọc Nga là người con gái bất khuất của sông Đà đã cùng với nhân dân khởi nghĩa ở hữu ngạn sông vùng huyện Thanh Thủy và một phần Thanh Sơn (thuộc tỉnh Vĩnh Phú) mà nơi căn cứ là các xã Tu Vũ, Yên Mao (Thanh Thủy) và Yên Sơn, Yên Lương (Thanh Sơn). Các hang động nói trong chuyện kể trên nay là Hang Pheo ở Yên Sơn chứa được hàng trăm người và các hang Tôm, hang Cá, hang Lợn, hang Gà, hang Trâu... ở xã Yên Lương. Nơi Nguyệt Điện xây dựng đồn trại ở đầu sông Cháy theo lệnh Hai Bà Trưng thuộc xã Tây Cốc và xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng (Vĩnh Phú) và xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa (Vĩnh Phú), ở những nơi này còn dấu vết đồn trại bằng đá tương truyền của Nguyệt Điện xây dựng. Ở Tây Cốc có mồ Nguyệt Điện thuộc xóm Ca Đình đắp bằng đá. Ở nơi đồn trại này hiện còn dấu tích của những giếng đá mà theo truyền thuyết là của quân bà Nguyệt Điện đào để lấy nước ăn. Trên sườn núi Đầu thuộc Ca Đình (Tây Cốc) giáp Ngọc Quan bây giờ còn một nền đất và các tảng đá kê, tục truyền là vọng gác của khu đồn trại. Đình làng Cả Đình được xây dựng ngay trên mảnh đất mà các cụ truyền rằng đó là nơi Nguyệt Điện đặt trung dinh. Thần tích cho biết vua Trưng phong Đàm Ngọc Nga là: “Nguyệt Điện Tế thể công chúa”, vậy Nguyệt Điện là tước hiệu của Đàm Ngọc Nga. Thời Trần Nhân Tông, Nguyệt Điện được phong “Nguyệt Điện Tiên Nga công chúa, Huệ hòa gia hạnh uyển mị phu nhân”. Vua Lê Thái Tổ phong: “Nguyệt Điện Nga hoàng công chúa, Anh linh sắc chỉ trinh nhất từ đường phu nhân”. Ngày sinh: tháng hai ngày mười lăm. Ngày hóa: tháng năm ngày mồng năm. Trang Song Quan trong truyện Thiệu Hoa này là xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, Vĩnh Phú, có đền và miếu thờ Thiệu Hoa và chùa Phúc Khánh là chùa làng cũng có thờ. Miếu Thiệu Hoa dựng ngay bên bờ sông, theo truyền thuyết là nơi thuở chẵn trâu, Thiệu Hoa thường ngồi vá quần áo. Trong miếu, trên bàn thờ có bày một cái mũng sơn son thếp vàng trong có vài mụn giẻ rách tượng trưng cho thời niên thiếu khổ cực của Thiệu Hoa. Hàng năm, trong các ngày hội làng kỉ niệm Thiệu Hoa, dân đều tổ chức đánh phết, diễu quân để tưởng nhớ vị nữ anh hùng. Nhật Chiêu nơi Khâu Ni tu hành và khởi nghĩa nay là thôn Cựu Ấp, xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, thời Hậu Lê tên là Nhật Chiêu trang, thời Nguyễn đổi là Nhật Chiêu. Ở đây có đền thờ Khâu Ni công chúa, còn đạo sắc phong từ thời Đinh Tiên Hoàng. Tục truyền rằng khi Đinh Tiên Hoàng đi đánh sứ quân Kiều Công Hãn ở Phong Châu - Bạch Hạc, có nghỉ ở Huyền cổ tự, mộng thấy Khâu Ni hiện đến, xin âm phù và tự xưng là “Chuyển phàm tử Khâu Ni”. Sau khi dẹp xong các sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Tiên Hoàng phong cho Khâu Ni làm Thượng đẳng phúc thần, giao cho trang Nhật Chiêu làm hộ nhi giữ việc cúng tế. Lê Đại Hành năm Thiên Phúc phong “Công chúa Huệ gia trinh phục phu nhân”. Lê Thái Tổ cũng có sắc phong, cho kiêng bốn chữ “A nương Khâu Ni”. Khi vua Trần Thái Tông đánh giặc Nguyên ở sông Lô, nói là được Khâu Ni báo mộng âm phù nên sau cũng phong cho Khâu Ni. Cầu sinh ngày mười lăm tháng hai, bàn trên cỗ chay. Cầu hóa ngày mười tháng chạp, bàn trên cỗ chay. Kiêng mặc quần áo màu vàng đỏ khi hành lễ vì khi ra quân Khâu Ni mặc y phục vàng đỏ. Các ngày cầu tế nói trên có tiệc trâu thui cả con, dân làng và người qua đường không phân già trẻ, lớn bé, mỗi người một dao xẻo thịt ăn ngay tại chỗ. Ngày mồng sáu tháng giêng có tục cướp cầu, cướp cò, bơi trải. Vĩnh Hoa công chúa được thờ ở đình Nghênh Tiên, xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc. Tiên Nha trang nói trong truyền thuyết trên chính là Nghênh Tiên, có thể gồm thêm một số thôn lân cận. Vua Lê Đại Hành phong là “Vĩnh Hoa nương linh hiển nữ quốc công chúa”, lại phong là “Hằng Nga uyển mị trinh thực phu nhân tôn thần”. Lê Thái Tổ (Lê Lợi) phong là “Đức hạnh đoan trang trinh tiết phu nhân”. Trang Lũng Ngòi, Gò May và Đàm Luân thuộc xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phú, có thể thời Lê Ngọc Trinh căn cứ Đàm Luân còn gồm cả xã Bồ Sao. Khu căn cứ này nằm ở gần cầu Việt Trì, ngã ba Bạch Hạc, mé Hà Nội về và đường quốc lộ 2 chạy qua xã ngày nay. Nhân dân địa phương thờ Lê Ngọc Trinh với lòng tưởng nhớ anh hùng ở miếu Lũng Ngòi, đình Lũng Ngòi và đình Hòa Loan. Trong các ngày cầu tế có tục hú đáo, kéo co mang tính chất kỷ niệm dựa theo truyền thuyết. Hú đáo thôn Lũng Ngòi (hay Lũng Ngoại): trai gái lấy đá ném vào một cái cọc chôn cách mười bước chân, cứ trúng cọc là được. Kéo co, trai gái chia làm hai phe thi nhau kéo co bằng một chiếc dây song. Các cụ nói rằng hú đáo và kéo co ở đây không phải là trò chơi hội làng mà là để nhắc lại

kỳ tích anh hùng của Ngọc Trinh nương, khi nương bị vây hãm lấy dải yếm bọc đá để đánh giặc. Sau hòn đá rơi về địa phận Lũng Ngòi nên Lũng Ngòi hú đáo còn dải yếm bay về địa phận Hòa Loan nên Hòa Loan kéo co. Thiết lĩnh (鐵領) là một binh khí cổ truyền, thuộc loại binh khí cán dài, phơi thai từ dụng cụ nông nghiệp để đập lúa. Đó là loại côn nhị khúc đặc thù của người Việt, có một khúc dài và một khúc ngắn nối liền nhau bằng dây thừng hoặc xích sắt. (BT) Thần tích xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa, Vĩnh Phú chép rằng sau trận hạ thành Luy Lâu, hai chị em Lê Thị Lan, Lê Anh Tuấn được phong ấp ở Đường Lâm và có trở lại trang Văn Lang rồi cả hai đều mất ở đó vào ngày hai mươi lăm tháng tám âm lịch. Núi non địa thế miêu tả trong trận trên, được kể lại theo truyền thuyết địa phương. Dãy núi này là nơi ba huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê, Yên Lập tiếp giáp nhau, và ngọn núi cao nhất có Ao Giời sau này được đặt tên là núi An. Theo lời các cụ, nàng Lê Thị Lan đã mất ở đó. Các địa hình và địa danh Ao Giời, Tiên mẹ Tiên con, khe Nước chồi, Đồng thóc, Đồng phì nhiều đều là có thật. Ở đây chúng tôi ngờ rằng, chữ “Phật” (佛) trong tên “Phật Nguyệt” được ghép từ bộ “Nhân đứng” (亻) trong chữ “Đình” (亻) họ của ông và chữ “Phất” (弗) trong chữ “Phí” (費) (?) họ của bà. (BT) Phật Nguyệt công chúa là một người con gái anh hùng của sông Thao, vì bất bình trước cảnh lầm than của nhân dân mà tuốt gươm đứng dậy, kiên trì mưu trí, thu phục được hào kiệt, tuổi trẻ gánh việc lớn, làm nên được công nghiệp hiển hách, nêu cao chủ nghĩa anh hùng của dân tộc ta hồi đầu Công nguyên. Phật Nguyệt được thờ ở các xã Thanh Vân, Phương Lĩnh thuộc huyện Thanh Ba, Vĩnh Phú. Đền thờ Phật Nguyệt ở Phương Lĩnh có đôi câu đối: “Tích trù Động Đình uy trấn Hán Phương lưu thanh sử lực phù Trưng”. Nghĩa: “Sự tích hiển hách còn lưu ở Động Đình, uy trấn nhà Hán. Danh thơm lưu truyền sử xanh, sức mạnh phù vua Trưng”. Viết theo tài liệu của Vũ Tuấn Sán. Vũ Tuấn Sán có dịch thơ cổ và câu đối để vinh Phương Dung, Đào Kỳ, xin được giới thiệu như sau: “Sinh vi tướng, tử vi thần Vạn cổ cương thường hệ tử thân Loa địa song đôi thu nguyệt ảnh Anh hùng liệt nữ tướng quân phần”. Dịch: “Sống làm tướng giỏi, chết làm thần Muôn thuở cương thường nặng tấm thân Đôi nắm thành Loa trăng chiếu sáng Hào kiệt anh thư mộ tướng quân”. Câu đối: “Vì lý Phục Ba thi, loan giá lâm lưu không ảm hận. Bất li Tiên Trấn giáp, Loa thành quy mã thương trì thanh”. Dịch: “Chưa bọc xác Phục Ba, sống cảnh xa loan còn vang uất hận. Chẳng rời giáp Tiên Trấn, ngựa về thành Ốc vẫn vọng âm thanh”. Đôi vợ chồng anh hùng Hùng Bảo – Trần Nang được các triều đại trước kia phong là “thượng đẳng thần”, được thờ ở Toàn Liệt (xã Tự Lập, huyện Yên Lãng, Vĩnh Phú), và ở Thái Lai (xã Tiến Thịnh, Yên Lãng). Thái Lai còn thờ cả ông Trần Hậu là cha nàng Trần Nang vì đây là nơi Trần Hậu được chôn cất tại Vườn Quàn. Theo thần tích nàng Quốc ở đình Hoàng Xá, xã Kiều Kỳ, huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội) thì mẹ nàng Quốc họ Đào, quê ở Kiệt Đặc, Chí Linh, Hải Hưng, tu ở núi Thiên Thai, trang Đông Cửu, huyện Gia Bình (huyện Gia Hưng, Hà Bắc). Cũng thần tích này nói rằng nàng Quốc sinh ra dưới một gốc đào khu Hoàng Xá, trang Hạ Tốn (thuộc xã Kiều Kỳ). Vật trang sức hình cái nắp có đính những tua màu đẹp hoặc chòm lông dài. (BT) Tam nương, Tuấn công và An Bình Lý đều được thờ ở đình Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phú, các vị đầu mục cũng được thờ ở hạ ban. Đình Quất Lưu có câu đối ghi lại công đức các anh hùng như sau: “Hộ quốc tiêm cừ, tam noãn linh thần tam tác tướng. Xả sinh thủ nghĩa, lục trùng dũng sĩ lục thành nhân” (Giúp nước rửa thù, ba vị linh thần cùng sinh làm tướng. Quên mình giữ nghĩa, sáu trang tráng sĩ nay đã nên danh). Trên thượng ban có đôi câu đối: “Trương Vương tả quân tướng – Lê gia thứ phúc thần”. Hội đình Quất Lưu được tổ chức vào ngày mười tháng giêng, lễ có đánh vật và thi mười bốn thứ bánh nếp; ngày mười hai tháng mười một tiệc kỵ nhật, tục hèm có bún và cá kho. Theo các cụ, huyện Tam Dương trong truyện Tam nương gồm huyện Bình Xuyên và một phần đất đai các huyện Vĩnh Tường và Yên Lạc (Vĩnh Phú). Quý Lan được thờ phụng hương khói với lòng tưởng nhớ anh hùng ở xã Liên Sơn, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phú. Đó chính là trang Tinh Luyện, nơi nàng đã sinh ra và đã hy sinh oanh liệt. Quý Lan được thờ ở các miếu Khuôn, Đáp, Cầu, đỉnh Thán Sơn. Nơi Quý Lan tắm trước khi lên núi, theo các cụ, là con suối Mả Mèo. Ngọn núi mà Quý Lan tử tiết sau được đặt tên là núi Nái, cũng gọi là núi Mồ. Quý Lan cũng còn được nhân dân địa phương gọi là Nái Sơn công chúa. Theo thần tích, Quý Lan sinh ngày mồng mười tháng hai âm lịch và mất ngày mười bốn tháng bảy âm lịch. Ở xã Hương Nộn, ngày cầu Xuân nương, các phường xoan Kim Đức và An Thái (Phù Ninh) sang hát chầu theo tục lệ, hát từ chập tối tới gà gáy sáng và liền trong ba ngày. Trong các buổi hát thờ ấy, trước bàn thờ

Xuân nương có sáu người con gái xinh đẹp chưa chồng, mặc quần áo xanh đỏ, chít khăn chéo hai bên sườn, cầm kiếm và hộp trà, đứng nghiêm suốt buổi lễ. Miếu Hương Nộn cho tới kháng chiến chống Pháp còn một bức tranh thờ vẽ Xuân nương ngồi giữa, sau lưng có sáu nữ tốt cầm kiếm đứng hầu, xung quanh là cây cảnh và các nam binh nữ tốt. Tranh ấy nay đã mất. Dân địa phương kiêng tiếng Xuân, tiếng ả, tiếng nương, và các tiếng Hiền, Hoa là tên mẹ Xuân nương, tiếng Sát là tên cha Xuân nương. Theo thần tích ở Hương Nha, khi quan thái thú Lê Thiện là tướng của vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) đem quân đánh giặc Minh có qua đây, đêm mộng thấy Xuân nương hiện lên cho biết sẽ âm phù cho nghĩa quân thắng giặc. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ có sắc phong cho Xuân nương là “Đệ bát vị Đông cung công chúa Xuân nương”, phong các thập bộ thần quan là đại vương, giao cho dân sở tại tu sửa đền miếu hương khói đời đời. Phong Xuân nương là “Đệ bát vị” vì nàng là con thứ tám. Niên hiệu Thiệu Bảo. Các năm trong ngoặc đơn của sách này chỉ thời gian tại vị của các vị vua. Cuốn sách biên chép nhiều tư liệu lịch sử, tham khảo ở các nguồn khác nhau, nên có một số điểm chưa đồng nhất. Người biên tập sử dụng Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Quốc Sử Quán), Lịch triều hiến chương loại chí (Phan Huy Chú), Việt Nam sử lược (Trần Trọng Kim)... làm tư liệu đối chiếu. Về bản chữ Hán, do chất lượng bản gốc không thực sự tốt, chúng tôi đã hết sức cố gắng đảm bảo độ chính xác nhất có thể và có tham khảo đối chiếu với nhiều tài liệu khác. Tài sơ học lậu, khó tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa. Chú thích trong sách này là của người biên tập, ngoại trừ một vài chú thích có dấu (*) là của sách gốc. Thô kệch. Sách gốc chép là “Nam di”, đối chiếu với bản chữ Hán thì là “Man di”. Nghe phong phanh, nghe đồn. Sách gốc chép là “Vũ thị”, nhưng ở đây đang nói về Cù thị. Đối chiếu với bản chữ Hán thì chữ ở đây đúng là “Cù thị”. Sách gốc chép là “Triệu Khuông Dân”. Giao phó trọng trách quân sự. Vốn, vẫn. Nhậm chức. Bảo vệ. Đầu đuôi của sự việc. Hay Phạm Cự Lượng Sách gốc chép là “Lý Nhược Khuết”, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là “Lý Nhược”. Trao trả. Sách gốc chép là 1018-1225 Sách gốc chép là 1034-1078. Sách gốc chép là 1068-1078. Sách gốc chép là Lưu Gi. Người xem xét việc công tại địa phương, thời xưa. Sách gốc chép là 1048. Sách gốc chép 1133-1175. Sách gốc chép là “Tổng Hiến Tông”. Trong sử sách Tàu, đời nhà Tống không có miếu hiệu Tống Hiến Tông, trước đó có nói đến năm Giáp Thân (1164) thì phù hợp với đời Tống Hiếu Tông (1162-1189). Sách gốc chép là 1040-1225. Sách gốc chép là Ngột Lường Hợp Thai (Vouleangotai). Hốt Tất Liệt Sách gốc chép là “Bách lạc thiên”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Bạch lạc thiên”. Sách gốc chép là “Giáng châu long”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Giang châu long”. Ách tắc. Sách gốc chép là “Nguyễn Hạnh Thông”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Mạnh Thông”. Sách gốc chép là “Nguyễn Đại Pháp”. Sách gốc chép là 1364. Sách gốc chép là Hồ Hán Thương. Sách gốc chép là “Lê Canh Tuấn”, đối chiếu bản chữ Hán và một số tài liệu khác thì là “Lê Cảnh Tuấn”. Sách gốc chép là Thân Báo Tư. Sách gốc chép là Trần Khoang, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là Trần Khang. Sách gốc chép là “Yến Kinh”. Ở đây chính xác gọi là “Yên Kinh” là một tên phổ biến khác không chính thức của Bắc Kinh, Trung Quốc. Về tên thật của Trần Thiêm Bình, sử sách đề cập khác nhau. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Thiêm Bình có tên là Nguyễn Khang, Khâm định Việt sử thông giám cương mục thì ghi Thiêm Bình vốn có tên là Trần Khang. Sách gốc chép là “Lê Trân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Vận”. Sách gốc chép là Lương Như Hốt. Dung. Năm Ất Ty (1425) vua Minh Nhân Tông mất. (*) Quý thị là quan đại phu nước Lỗ đời Xuân thu. Chuyên Du là một nước phụ thuộc của nước Lỗ. Câu này là mượn lời của đức Khổng Tử, ý nói triều đình nhà Minh cứ để ý vào việc viễn chinh không lo nội trị, khéo mà họa biến lại xảy ra ngay bên kề vách như là việc Cao Hư làm phản cũng chưa biết chừng. (*) Sử ký: Vương Thông lấy chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, hủy đi để đúc súng đạn, lại đắp cao thêm lũy thành Đông Quan, đào hào, đóng cọc. (*) Đinh Mùi. Ai Nam quan, nay là Hữu Nghị Quan. Thất phu. Minh Thái Tổ lúc mới khởi binh, dựng nước là nước Ngô. (*) Bấy giờ hậu chúa nhà Nguyên còn giữ ở phía Bắc, đặt niên hiệu là Thiên Nguyên. (*) Lưu Bị Chiêu Liệt đế nhà Thục Hán. Khi ấy vua Lê Lợi tạm lập Trần Cảo lên ngôi, tự xưng là con cháu nhà Trần. (*) Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú nói có một người vàng. (*) Sách gốc chép là Chinh lược. Nước Lào. Bằng nhãn. Kỷ Mùi. Cầu mưa. Bản chữ Hán chép là 9 lạng. Bản chữ Hán chép là một đôi hạc bằng bạc. Sách gốc chép là 1570-1620. Sách gốc chép là Nguyễn Nhân Thiêm. Sách gốc chép là “Triều Khánh thuộc Quảng Tây”. Ở đây có sự nhầm lẫn về địa danh. Theo sử sách Tàu, năm

1644, quân Thanh tiến vào quan nội, triều thần nhà Minh dời xuống phía Nam. Minh Đế Vương Chu Do Lang cháu Minh Thần Tông xưng đế tại đất Triệu Khánh, Quảng Đông, lấy niên hiệu là Vĩnh Lịch, tại vị 16 năm (1646-1662). Sau này, nhà Thanh truy đuổi gắt gao, ông chạy sang Miến Điện, nhưng rồi vẫn bị Ngô Tam Quế bắt được và xử tử tại Côn Minh. Sách gốc chép là “Trịnh Trang”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Trịnh Tráng”. Sách gốc chép là 1781-1788. Sách gốc chép là 1662-1622. Loại vải trắng mịn, khổ rộng. Hiện có nhiều tài liệu ghi chép khác nhau về thời gian vua Quang Trung lên ngôi. Theo Đại Nam chính biên liệt truyện là ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (1788); Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô Gia Văn Phái) là ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788). Sách gốc chép là “Kiền Long”. Trong cuốn sách này sử dụng song song cả hai tên gọi Kiền Long và Càn Long, để thuận tiện cho tra cứu chúng tôi mạn phép được đổi thống nhất là “Càn Long”. Có thể là Trịnh Bồng. Vua Lê Hiến Tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm Bính Ngọ (1786). (*) Chuốc. Hay Ngô Văn Sở, một danh tướng nhà Tây Sơn. Sách gốc chép là “Hắc Thiệu Tông”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Hách Thiệu Tông”. Nguyên văn chép là sông Phú Lương. (*) Ra lệnh, răn đe. Quá quắt. Vùng biên giới. Bản gốc chép là “Đặng Văn Chân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Đặng Văn Chân”. Voi đực. Nguyên nhân, lý do. (Hay khúc nôi, khúc nhôi) nổi niềm khó nói, đầu đuôi sự việc. Gần gũi. Sách gốc chép là “Vũ Văn Dung”. Có tài liệu chép là Chương Chấn võ quân. Sách gốc chép là “Hồ xá”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Hộ xá”, nghĩa là nơi tiếp rước, hộ tống. Sách gốc chép là “Lê Thân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Tuấn”. Sách gốc chép là “Nguyễn Tử Giản”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Tư Giản”. Có tài liệu chép là “Bùi Ân Niên”, tức Bùi Văn Di (1833-1895), còn gọi là Bùi Di, tự Ân Niên. Jules Patenôtre - Sứ thần Cộng hòa Pháp. Tài liệu khác chép là Trình Tuyên. (1) Nam Đế: lẽ ra phải dịch là “hoàng đế nước Nam” nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là Vua Nam. Lý Thường Kiệt viết Nam đế là để khẳng định Nam đế đường đường sánh với Bắc đế (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ vua để chỉ cả đế lẫn vương, nhưng theo cách viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì đế và vương khác nhau. Đế là ngôi cao nhất (thiên tử) và vương là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử). (2) Nam Đế: lẽ ra phải dịch là “hoàng đế nước Nam” nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là Vua Nam. Lý Thường Kiệt viết Nam đế là để khẳng định Nam đế đường đường sánh với Bắc đế (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ vua để chỉ cả đế lẫn vương, nhưng theo cách viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì đế và vương khác nhau. Đế là ngôi cao nhất (thiên tử) và vương là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử). 1. Là ăn cây trái, giống như cây xoài ở phía Nam nhưng trái nhỏ, khi chín thì chua hơn. 1. Thuyết nhà Phật gọi xá li là tinh túy do tinh khí tụ lại khi đốt xác, lửa không đốt cháy được nên gọi là bảo. Tương truyền người nào học Phật thành thì thân hóa như thế. (1) Lời sấm truyền bao giờ cũng chứa đầy sự bí hiểm, vì thế mà rất khó dịch, thậm chí, rất khó mà hiểu nổi. Trên đây chỉ là lời dịch đại để về ý mà thôi. (1) : Hòa – đao – mộc ghép lại, có âm Hán Việt là lê, đây chỉ họ Lê, chỉ ngôi vua của Lê Long Đĩnh. Rụng là rụng xuống, ý nói sẽ mất đi. (2) : Thập – bát – tử ghép lại có âm Hán Việt là lý, chỉ họ Lý. Chữ thành ngụ ý được dựng lên. Cả câu nói triều Lý sẽ được dựng lên. (3) : Đông – a ghép lại có âm Hán Việt là trần, chỉ họ Trần. Họ vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc nên mới có hai chữ nhập địa. (4) : Cây lạ sẽ tái sinh ngụ ý rằng, sau cũng có triều Lê, song đó lại là một họ Lê hoàn toàn khác. (5) : Ý chỉ rằng sẽ có Thiên Tử. Xưa, người ta vẫn coi Thanh Hóa là Tây còn Thăng Long là Đông. (6) Xin vui lòng đọc thêm tập 51 giai thoại thời Lý (tập thứ hai của bộ Việt sử giai thoại) để rõ thêm những tích này. Bất cộng đởi thiên: không đội trời chung. Ý nói đấm cho vãi cú đấm. Ý nói muốn chém đầu. Người hải tặc: (Những) người sống ven biển. Tương Dực Đế làm vua từ 1510 đến 1516, ngang đời Võ Tôn nhà Minh. Niên hiệu Hồng Thuận thứ 5, tây lịch 1514. Chữ Pháp. Binh khí xưa, mũi dài, cán nhọn, dùng để đâm. Một loại vũ khí trong thập bát ban võ nghệ. Giản theo như gốc tích ban đầu là một cây roi bằng tre hoặc cành gỗ, có chiều dài khoảng 60-70 cm. Về sau thì người ta còn dùng giản làm bằng kim loại. Bản gốc dùng ngôn ngữ biểu đạt phần nhiều khác với văn phạm hiện nay, người biên tập mạn phép thống nhất từ ngữ cho gần gũi với bạn đọc hiện nay. Rất mong nhận được ý kiến tích cực của bạn đọc gần xa. Búa, rìu to dùng để phá núi hoặc sử dụng như một loại binh khí cổ. Dứt lời. Cú vọ. Xào xạc. Lá cọ. Người đứng đầu vùng dân tộc Mường thời trước. Quay, xoay Suy yếu trước tác động bên ngoài. (từ cũ) người làm ruộng thuê. Dao quắm hình lưỡi liềm, lắp vào cán dài, dùng để cắt những vật

trên cao hoặc chữa cháy. Đồ dùng kim loại, nhọn đầu, xiên vào lòng vật gì để thăm dò. Vật có đầu nhọn hình cung phía trên bằng sắt hoặc tre, cắm vào một tấm gỗ để đánh bầy. Rên rầm. Nhà thờ, bái đường. Dồn vào thế bắt buộc, ép buộc. Cách nhau. Chồm dậy trên hai chân với một sức hăng đột ngột do quá hoảng sợ. Gặp, đối diện. Vũ khí cổ, cán dài, đầu nhọn và cong như con rắn. Lạnh lẽ. Mỗi một Độc giả, bạn đọc. Có tài liệu chép bà sinh tại miền núi Quan Yên (hay Quan Yên), quận Cửu Chân (nay thuộc làng Quan Yên hay còn gọi là Yên Thôn, xã Đình Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Lịch sử vua Trưng ở truyện Hai bà đánh giặc. (chú thích gốc) Bản gốc chép là "Sơn Tây", ở đây có một sự nhầm lẫn, vùng nước Lô khi xưa nay thuộc tỉnh Sơn Đông Trung Quốc. Nay là huyện Thương Ngô tỉnh Quảng Tây Trung Quốc. Có tài liệu chép là Vu Dương. (từ cũ) Tài giỏi hơn người. Trần trọc. Phòng bên cạnh. Nén, sáp nến. Cất lên tiếng nhạc. Lớn. Lễ hai vợ chồng uống chung một chén rượu trong đêm tân hôn, theo phong tục thời trước. Loài cá mực, trong có thứ nước đen, dùng thứ ấy viết thành chữ, chỉ để lâu thời phai hết - cổ nhân gọi là "Ô tặc mực". Chạm đến, cảm động đến. Câu này vốn ở trong Kinh Thi, nghĩa là: Lòng tôi chẳng phải chiếu, cuốn lại được nào? Lòng tôi chẳng phải đá, chuyển đi được nào? Cái danh, cái đỉnh. Giọt nước của đồng hồ thời xưa. Đời Xuân Thu, Sở Tương vương đến núi Vu sơn du ngoạn. Một hôm nằm mơ gặp một thiếu nữ tuyệt sắc, rồi cùng chung chăn gối. Sau khi cùng giai nhân thoả tình ân ái, nhà vua hỏi thì nàng ấy thưa rằng: - Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn, qua chơi đất Cao Đường, vốn cùng nhà vua có tiền duyên, nay được gặp gỡ thật thoả lòng mong ước. Thiếp có nhiệm vụ buổi mai làm mây, chiều làm mưa ở Dương Đài. Nói xong đoạn biến mất. Ngoảnh lại. Rốt cuộc. Tên đầy đủ là Sở Văn Vương, vua thứ 21 nước Sở, chư hầu của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ngây ngất. Âm khác của an ủi. Quan làm việc dưới quyền một quan lớn thời phong kiến. Tên khác của chim hồng hoàng. Biểu thị sự quý trọng. Hầu hạ và ngủ cùng. Kiệt kiệt, tài giỏi hơn người. Công lao. Giám sát, chỉ huy. Đánh đuổi, xua đuổi. Tên tự của Tào Tháo. Đề phòng, ngăn chặn sự tranh giành. Hay Tào A Man, tên hồi nhỏ của Tào Tháo. Bản đồ một vùng, một nước. Âm khác của soái, tướng chỉ huy quân đội thời phong kiến. (hay xảy) chột, bồng. Bằng lòng như thế. Có quan hệ mật thiết. Giả sử như. Đối lại. Một trong những kế trong Tam thập lục kế, được hiểu nôm na là ra tay trước để chiếm ưu thế, để đoạt lợi, để giành lấy chiến thắng trước khi đối phương kịp hành động. Đặt điều nói xấu. Rửa sạch mọi giận lớn. Phần mặt phẳng nhô ra ngoài hiên, xung quanh có lan can. Âm khác là bao lơn. Áo giáp có một miếng cứng đệm ngực. Tự hợp lại làm điều bất chính, nhưng ở đây là từ mang nghĩa tốt. Nhân chỗ trống, thừa lúc sơ hở. Duy trì cái cũ. Chẳng biết phải làm sao. Trần trọc. Nhánh quân. Quân do thám. Năm 201 sau Kỷ nguyên, tra lịch pháp thì nhằm năm Tân Ty, năm 210 mới là năm Canh Dần. Lòng chim trả. Ngà voi. Lệ chi là quả vải. Người cha đã khuất. Lời tuyên thệ. Viên chức sơ cấp thời phong kiến. Đơn vị hành chính thời trước. Tính kế lâu dài. Cũng nói giở giời, bày vẽ thêm. Công thần khai quốc nhà Hán trong lịch sử Trung Quốc. Chiếu theo sự thương lượng, bàn bạc. Âm Hán Việt, ý nói kết thúc. Lời khuyên bảo. Nằm sóng sượt. Xuất xứ: kẻ sĩ ra làm quan hoặc lui về ở ẩn. Thăng tiến nhanh. Đề bạt, cất nhắc. Chứng cứ thực. Nơi giam hãm, ý ở đây là dùng kế để giam lỏng, giám sát. Hay dầm dờ (một dạng kết cấu trong xây dựng). Dụng cụ làm bằng ống tre nhỏ, đeo nhọn hai đầu để xóc lúa, rơm. (từ cũ) Cha mẹ. Chim cùng họ sáo, lông đen mượt, hai tai có vệt trắng, sau mắt có hai mẩu thịt vàng, bắt chước được tiếng người. Đồ đựng bằng sành, hình trụ, thân hơi phình, đáy lõm. Dụng cụ thời cũ dùng để đo lường chất hạt rời, phần mười của đấu, khoảng bằng một lít. Cách nói tắt, ý nói con cá sấu. (hay giày) giẫm đi giẫm lại. Đắm. Ký thác, gửi gắm. (từ cũ) biểu thị ý nghi ngờ. Dòm ngó, nghe trộm. Thời kỳ xa xưa nhất trong lịch sử loài người. Từng đồng. Cẩn nhắc, dẫn đo. Thông báo. Khuyên. Ý nói đảng thuộc địa phương đứng ra khởi binh. Vậy nên. Lợi dụng việc công để mưu lợi. Người đầy tớ già. Nắm thật chặt, không buông. Cởi. Hai thích khách nổi tiếng bậc nhất thời Xuân Thu Chiến Quốc. Chặt bằng vật có lưỡi sắc. Hiệp. Vươn dài để với. Lấy nhàn để đối phó với mỗi một. Ngay thẳng, đứng đắn. Vật trước áo. Lầm bầm. Hưởng ứng. Hay ro ró, ru rú. Cờ xí. Nói rõ quyết định, ý nghĩa của việc cần làm. Mưu sâu lo xa. Tự tập đông đảo. Quay lại. Có thù với nhau. Để lại, lưu lại lâu. Gậy lớn, hai đầu bằng nhau dùng làm khí giới. Nhô ra, thò ra. Dao quắm. Nơi canh gác đầu làng. Cây cùng họ dâu tằm, lá có răng cưa, cứng và sắc, thường trồng làm hàng rào. Phương ngữ, ý nói kếm. Thiêu cháy đen thui. Người ở. Một loại vũ khí, dùng để bắn tên, gần giống nỏ. Nhẫn nhụi. Ôi! Hiền thê! ...Hiền thê hay ác phụ?! Ý nói quyên góp, ủng

hộ. Trận pháp trong binh pháp cổ đại Trung Quốc, còn có tên gọi là Ngũ hành trận. Nó dựa theo thể trận biến hóa của Ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Trận pháp dùng để tu luyện Bộ Liên Hoa. Chia làm hai loại lớn nhỏ. Tiểu Liên Hoa trận do 16 mộc nhân tạo thành, đại Liên Hoa Trận có 64 cái, sắp xếp theo bố cục bát quái. Cởi. Âm khác của trình. Dân binh miền núi. Thu nhận, nạp dụng. Chuyển giao lương thực. (từ cũ) người phụ nữ có tài. Đường dẫn nước hẹp và nông hoặc chỗ sâu nhất của dòng sông. Rúc vào. Cầu treo. Bình đựng rượu bằng sành, thân phình to, cổ dài. Đi chơi không có mục đích. Tức mộc khiên. Cầu phao. Tin báo thắng trận. Quân tuần tra để giữ gìn an ninh. Âm khác của bao vây. Đi một cách nhanh chóng. Dùng, sử dụng. Vua Bà Lệ Hải. Tức Mê Linh. Đem gông cổ rồi áp giải đi. Ý là nên dùng mưu, không thể dùng sức. Khởi hành ngay trong ngày. Sấm nhanh không kịp bịt tai, xuất kỳ bất ý, hành động bất ngờ khiến đối phương không kịp trở tay. Quản Trọng, Nhạc Phi hai nhà quân sự nổi tiếng Trung Quốc. Lượm lúa nhỏ được buộc gọn lại. Con đỏ. Chết do giặc giết. Lấy yếu thắng mạnh, lấy nhu khắc cương, thật thật giả giả. Đi theo, theo về. Đường lui. Rầy rà, phiền phức. Lo lắng. Chặn đánh. Chạy trốn tìm đường thoát chết. Do dự, chưa quyết định dứt khoát. Đánh chặn ngang. Nay là làng Phú Điền, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa

Table of Contents

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[Lời nói đầu](#)

[THÀNH THIÊN NỮ TƯỚNG ANH HÙNG](#)

[LÊ CHÂN TƯỚNG QUÂN MIỀN BIỂN](#)

[BÁT NAN ĐẠI TƯỚNG](#)

[NÀNG NỘI TƯỚNG VÙNG BẠCH HẠT](#)

[LÊ THỊ HOA NỮ TƯỚNG](#)

[HỒ ĐỀ PHÓ NGUYỄN SOÀI](#)

[XUÂN NƯƠNG TRƯỞNG QUẢN QUÂN CƠ](#)

[NÀNG QUỲNH, NÀNG QUÊ TIÊN PHONG PHÓ TƯỚNG](#)

[ĐÀM NGỌC NGA TIÊN ĐẠO TẢ TƯỚNG](#)

[THIỆU HOA TIÊN PHONG HỮU TƯỚNG](#)

[QUÁCH A TIÊN PHONG TẢ TƯỚNG](#)

[VĨNH HOA NỘI THỊ TƯỚNG QUÂN](#)

[LÊ NGỌC TRINH ĐẠI TƯỚNG](#)

[LÊ THỊ LAN TƯỚNG QUÂN](#)

[PHẬT NGUYỆT TẢ TƯỚNG THỦY QUÂN](#)

[PHƯƠNG DUNG NỮ TƯỚNG](#)

[TRẦN NANG TRƯỞNG LÍNH TRUNG QUÂN](#)

[NÀNG QUỐC TRUNG DŨNG ĐẠI TƯỚNG QUÂN](#)

[ĐÀM NƯƠNG, HỒNG NƯƠNG THANH NƯƠNG TẢ ĐẠO TƯỚNG QUÂN](#)

[QUỲ LAN NỘI THỊ TƯỚNG QUÂN](#)